

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN DƯ

**ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V
LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC
TỈNH NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN
(1949 – 1961)**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số : 922 90 15**

Hà Nội – 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN DƯ

**ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V
LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC
TỈNH NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN
(1949 – 1961)**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số : 922 90 15**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. TRẦN TRỌNG THƠ
TS. LƯƠNG VIỆT SANG



Hà Nội – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nghiên cứu của luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận trong luận án chưa từng được ai công bố ở bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

A handwritten signature in dark ink, appearing to read 'Trần Văn Dư', is written over a horizontal line.

Trần Văn Dư

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	11
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	11
1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến luận án và những nội dung luận án tập trung nghiên cứu.....	29
Chương 2: CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1949 - 1954).....	37
2.1. Những yếu tố tác động và chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1949 - 1954).....	37
2.2. Sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1949 – 1954)	53
Chương 3: SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI VỚI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1954 - 1961)	88
3.1. Tình hình, nhiệm vụ mới và chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1954-1961).....	88
3.2. Sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1954-1961).....	102
Chương 4: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	138
4.1. Một số nhận xét.....	138
4.2. Một số kinh nghiệm	170
KẾT LUẬN	188
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	192
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	193
PHỤ LỤC	201

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BCHTW	Ban Chấp hành Trung ương
CTQG	Chính trị quốc gia
ĐTCT	Đấu tranh chính trị
ĐTQS	Đấu tranh quân sự
HN	Hà Nội
KCCP	Kháng chiến chống Pháp
KCCMCN	Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước
LLCT	Lực lượng chính trị
LLVT	Lực lượng vũ trang
LKV	Liên khu V
NTB&TN	Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
NXB	Nhà xuất bản

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Trong 30 năm dân tộc Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) và Tây Nguyên (Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng) là địa bàn có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với phong trào cách mạng ở Nam Trung Bộ và cả nước. Đây là vùng rừng núi và cao nguyên có địa thế hiểm trở, đa dạng về thành phần dân cư, tộc người, là vùng đất có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng kiên cường; vừa là chiến trường ác liệt, vừa có hậu phương tại chỗ; vừa có vùng tạm bị chiếm, vừa có vùng căn cứ, nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Với địa thế và vị trí địa lý nằm ở trung tâm bán đảo Đông Dương, án ngữ giữa miền Bắc và Nam Bộ, khống chế các trục giao thông Đông - Tây, là khu vực nối liền giữa đồng bằng ven biển với Tây Nguyên, tiếp giáp với Hạ Lào, Campuchia. Địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có vị trí chiến lược đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V, với sự nghiệp đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam, đồng thời có vai trò quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương.

Nhận thức sâu sắc vị trí chiến lược của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, ngay từ khi tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiếp sau, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm lãnh đạo phát huy vị thế và tiềm năng của địa bàn chiến lược nhằm phục vụ nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia. Sự lãnh đạo của Đảng càng được tăng cường khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Đảng bộ Liên Khu V vào năm 1949. Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ khi thành lập cho đến khi kết thúc nhiệm

vụ vào năm 1961, Đảng bộ Liên khu V đã tập trung lãnh đạo xây dựng và phát huy vai trò phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, những tiềm năng, thế mạnh của phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được phát huy trong tác chiến, tấn công địch, xây dựng hậu phương tại chỗ (thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp); xây dựng, củng cố căn cứ cách mạng, xây dựng, bảo vệ lực lượng cách mạng, cơ quan lãnh đạo kháng chiến, đấu tranh chống các chính sách bình định của địch (trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước), góp phần vào những thắng lợi của phong trào cách mạng ở Liên khu V và cả nước.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, giữ vững cơ sở cách mạng, xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cách mạng miền Nam. Bên cạnh những ưu điểm và thành tựu, trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ Liên khu V cũng có những hạn chế, khuyết điểm. Quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến 1961 rất phong phú, sinh động, thể hiện năng lực vận dụng đường lối cách mạng của Đảng vào điều kiện cụ thể của một địa bàn chiến lược, phức tạp và giàu tính đặc thù, để lại nhiều bài học có thể phát huy trong hoạch định chủ trương và tổ chức khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa bàn này trong bối cảnh hiện nay.

Đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về vấn đề này còn phân tán, chủ yếu đề cập từng địa phương hoặc từng giai đoạn riêng lẻ; chưa có công

trình nghiên cứu chuyên sâu, dưới góc độ khoa học Lịch sử Đảng về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong giai đoạn 1949–1961. Do đó, việc phản ánh về mặt lịch sử, về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, đóng góp của các cấp bộ Đảng và nhân dân ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên chưa được toàn diện và sâu sắc. Mặt khác, đến nay, cũng chưa có công trình nào đúc kết bài học, kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong giai đoạn 1949 - 1961 có thể vận dụng hiện nay.

Vì vậy, nghiên cứu quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 để làm sáng tỏ chủ trương và chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào cách mạng ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; qua đó, đúc kết những kinh nghiệm có thể vận dụng, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, tổ chức thực hiện vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Với những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài “***Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1949 – 1961)***” làm luận án Tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích

Luận án nghiên cứu nhằm làm sáng rõ quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961; đúc kết những kinh nghiệm có thể vận dụng vào việc lãnh đạo, phát huy tiềm năng, thế mạnh của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961.
- Tái hiện, luận giải quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961.
- Đánh giá những ưu điểm, hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của Đảng bộ Liên khu V trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961.
- đúc kết một số kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có thể vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1949 - 1961.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu:

Nội hàm sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1949 - 1961 có nhiều góc độ tiếp cận, phân tích. Luận án tiếp cận theo góc độ *nội dung lãnh đạo* của Đảng bộ Liên khu V là chủ yếu; đồng thời, kết hợp sử dụng cách tiếp cận theo quy trình lãnh đạo và phương thức lãnh

đạo của Đảng bộ Liên khu V ở mức độ cần thiết nhằm làm rõ sự hình thành chủ trương, chỉ đạo các nhiệm vụ chính trị mà Đảng bộ Liên khu V đề ra đối với khu vực này.

Theo đó, phạm vi nội dung luận án tập trung nghiên cứu là chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trên 2 phương diện: *Xây dựng và bảo vệ thực lực kháng chiến và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược đối với Liên khu V và cả nước.*

- Về không gian nghiên cứu:

Luận án không hướng tới nghiên cứu toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V trên tất cả các địa bàn miền núi phía Tây của các tỉnh thuộc phạm vi lãnh đạo qua các thời kỳ, mà tập trung nghiên cứu địa bàn các huyện, xã thuộc miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ (gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) và các tỉnh Tây Nguyên (gồm: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng).

Từ năm 1955, Quảng Trị (phía nam sông Bến Hải) và Thừa Thiên được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, song, hai địa bàn này không thuộc phạm vi khảo cứu của luận án.

Việc giới hạn phạm vi nghiên cứu, xuất phát từ mục tiêu làm rõ sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên – một không gian chiến lược thống nhất, một khu vực có những đặc điểm địa lý, vị trí chiến lược và phương thức hoạt động kháng chiến tương đối thống nhất trong giai đoạn 1949 - 1961.

Tên gọi và phạm vi lãnh thổ của các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên mà luận án sử dụng nghiên cứu là các đơn vị hành chính do Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa thiết lập. Trong quá trình kháng chiến,

từ năm 1949 đến năm 1961, tên gọi, địa giới hành chính ở cấp tỉnh, huyện, xã có sự thay đổi; luận án thể hiện tên gọi theo những giai đoạn lịch sử cụ thể.

- *Về thời gian nghiên cứu:*

Từ năm 1949 (khi Đảng bộ Liên khu V thành lập) đến năm 1961 (khi Đảng bộ Liên khu V kết thúc nhiệm vụ). Trong quá trình thực hiện, luận án có mở rộng khung thời gian trước năm 1949, sau năm 1961 để thuận lợi cho việc luận giải những nội dung của luận án.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh cách mạng, về xây dựng lực lượng, căn cứ địa cách mạng, về công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, cơ sở cách mạng, vận động quần chúng nhân dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Luận án sử dụng kết hợp *phương pháp lịch sử và phương pháp logic*: Đây là hai phương pháp chủ đạo được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu đề tài. Phương pháp lịch sử nhằm tái hiện một cách khách quan quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 theo trình tự thời gian, gắn với bối cảnh lịch sử cụ thể của từng giai đoạn. Phương pháp logic được sử dụng để phân tích, khái quát, làm rõ tính chất, đặc điểm, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V; từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá và kinh nghiệm lịch sử.

- Luận án đồng thời kết hợp sử dụng các phương pháp khác:

+ *Phương pháp phân tích và tổng hợp*: Phương pháp phân tích được sử dụng để nghiên cứu các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng bộ Liên khu V; phân tích tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong từng thời kỳ. Trên cơ sở đó, phương pháp tổng hợp giúp hệ thống hóa các sự kiện, chủ trương và

kết quả lãnh đạo phong trào kháng chiến nhằm hình thành những luận điểm khoa học phục vụ mục tiêu nghiên cứu của đề tài.

+ *Phương pháp thống kê, so sánh*: Phương pháp thống kê dùng để tập hợp tư liệu, số liệu lịch sử liên quan đến phong trào kháng chiến, lực lượng cách mạng, các cuộc đấu tranh tiêu biểu ở khu vực nghiên cứu. Phương pháp so sánh được vận dụng nhằm đối chiếu chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V qua các thời kỳ, giữa các địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, qua đó làm rõ tính linh hoạt, sáng tạo trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến.

+ *Phương pháp phê phán sử liệu*: Sử dụng để khai thác và thẩm định các nguồn tư liệu gồm: văn kiện của Đảng, tài liệu lưu trữ, sách chuyên khảo, công trình nghiên cứu khoa học, hồi ký, lịch sử Đảng bộ địa phương và các tài liệu liên quan đến phong trào kháng chiến ở Liên khu V, trong đó, lấy các văn bản gốc là nghị quyết, chỉ thị, báo cáo... của Đảng bộ Liên khu V làm cơ sở để phân tích và đối chiếu. Việc nghiên cứu, đối chiếu và thẩm định nguồn tư liệu được thực hiện nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu,

+ Luận án còn vận dụng phương pháp tiếp cận liên ngành như chính trị học, quân sự học và xã hội học... nhằm làm rõ những tác động của điều kiện tự nhiên, dân cư, địa bàn chiến lược và bối cảnh chính trị – xã hội đối với quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến của Đảng bộ Liên khu V.

Thông qua việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu trên, đề tài hướng tới tái hiện khách quan, toàn diện quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 1949 - 1961, rút ra những kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn.

4.3. Nguồn tư liệu

Đề tài sử dụng các nguồn tư liệu sau đây:

- Các văn kiện Đảng liên quan đến Đảng bộ Liên khu V và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây

Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 đã được công bố trong Văn kiện Đảng toàn tập.

- Các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng bộ Liên khu V; các báo cáo, văn bản của Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ thời kỳ cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng; Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Viện Lịch sử Đảng, Viện chiến lược Lịch sử và Quốc phòng Việt Nam, Phòng tư liệu Quân khu V và phòng lưu trữ thuộc văn phòng tỉnh ủy các tỉnh thuộc địa bàn Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trước đây.

- Các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài luận án (sách, các bài tạp chí, kỷ yếu hội thảo của các tác giả trong nước, nước ngoài,... nhất là các công trình Lịch sử Đảng bộ Quân khu V; Lịch sử Đảng bộ các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng...)

- Một số hồi ký của những nhân chứng lịch sử có liên quan đến đề tài luận án đã hoặc chưa được công bố.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Về tư liệu

- Thu thập, sưu tầm, hệ thống hoá nguồn sử liệu liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961.

- Cung cấp thêm những tư liệu mới, góp phần làm phong phú nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu lịch sử Đảng và lịch sử kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

5.2. Về nội dung

- Về mặt khoa học

- + Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu

vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 1949 - 1961; làm rõ sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ Liên khu, của các cấp bộ Đảng và nhân dân các dân tộc ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong vận dụng đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng vào thực tiễn phong trào kháng chiến tại địa bàn; góp phần làm sáng rõ thêm đặc điểm, vai trò của Liên khu V trong tổng thể cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

- Về mặt thực tiễn

+ Luận án đúc kết, cung cấp những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V trong vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh, xây dựng căn cứ địa, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, kết hợp lực lượng tại chỗ với chi viện từ bên ngoài... để tổ chức và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trong khu vực. Những kinh nghiệm này có giá trị tham khảo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế – xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hiện nay.

+ Kết quả khoa học của luận án góp phần phục vụ công tác giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao nhận thức lịch sử cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần phát triển nhận thức lý luận về đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng; góp phần phát triển lý luận về tổ chức phong trào cách mạng, về công tác dân tộc, công tác vận động quần chúng, phát huy tiềm năng, thế mạnh của một không gian liên vùng có vị thế chiến lược, có nhiều đặc thù về điều kiện tự nhiên, lãnh thổ và dân cư.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có thể vận dụng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Cung cấp luận cứ khoa học có thể tham khảo, vận dụng vào hoạch định chính sách phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh ở khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ trong bối cảnh mới. Đây còn là tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy lịch sử Đảng, lịch sử địa phương và giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án bố cục làm 4 chương, 8 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu được công bố có nội dung liên quan đến đề tài Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trong những năm 1949 - 1961, ở những mức độ, chiều cạnh khác nhau. Tiếp cận theo mức độ phản ánh, có thể phân thành hai nhóm công trình chính sau:

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về vai trò lãnh đạo của Đảng, về phong trào kháng chiến trên phạm vi cả nước có đề cập đến Đảng bộ Liên khu V.

Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng, về phong trào kháng chiến trên phạm vi cả nước có đề cập đến Đảng bộ Liên khu V, đến phong trào kháng chiến ở Liên khu V. Có thể kể đến những tác phẩm sau đây:

Cuốn sách “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tập I, Quyển 2 (1945 - 1954)* [184] đã phản ánh một số nội dung về bối cảnh, tình hình kháng chiến ở Liên khu V những năm 1949 - 1954, trong đó có đề cập đến chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến khu vực Nam Trung Bộ. Cuốn sách cũng phản ánh những kết quả và hạn chế, sai lầm của Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo giải quyết những vấn đề cụ thể, như: Vụ Sơn Hà (1950); trong huy động sức dân quá mức (những năm 1950-1951). Cuốn sách viết: “Vụ Sơn Hà” “đã cho ta bài học kinh nghiệm về công tác dân vận, về vận động đồng bào dân tộc thiểu số” (184, tr.279]. Do phản ánh lịch sử toàn Đảng, những nội dung đề cập cụ thể đến phong trào kháng chiến ở Liên khu V, bao gồm khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, chủ yếu đề cập một số nội dung, sự kiện tiêu biểu.

Cuốn sách “*Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*”, Tập 2, (1954 - 1975) [244] đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến hoạt động của Đảng bộ Liên khu V, của một số Đảng bộ thuộc Đảng bộ Liên khu V trong chỉ đạo đấu tranh giữ gìn lực lượng, chống "tố cộng, diệt cộng", củng cố tổ chức Đảng... Cuốn sách cho biết: “Ở Liên khu V, từ tháng 02 đến tháng 04-1959, nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định) nổi dậy diệt ác, phá kìm (...) tháng 01- 1959, nhân dân huyện Bắc Ái nổi dậy phá tan khu tập trung Bà Râu và Tầm Ngân, trở về làng cũ...” [244, tr. 107].

Cuốn sách “*Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*” [245], đã phản ánh một số nội dung liên quan đến tình hình phong trào kháng chiến ở Liên khu V, đến sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với Đảng bộ Liên khu V về phương hướng nhiệm vụ, về công tác tổ chức và điều hành phong trào kháng chiến,... trong những năm 1954 đến 1961. Công trình cho biết: “Ngày 18-8-1954, trong bức điện gửi các đồng chí lãnh đạo của Nam Bộ và Liên khu V, Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ rõ cách thức tổ chức của hệ thống các cơ quan Trung ương Đảng ở vùng địch tạm đóng quân (...) Bộ máy và biên chế các cấp tổ chức theo nguyên tắc nhẹ nhàng, đơn giản, trọng chất lượng, thuận lợi cho việc giữ bí mật” [245, tr.52]. Do trọng tâm nghiên cứu là hoạt động của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam, những nội dung về lãnh đạo hoạt động phong trào kháng chiến của Đảng bộ Liên khu V được phản ánh ở mức độ nêu sự kiện.

Cuốn “*Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2000)*” [239] trình bày khái quát và có hệ thống về công tác tổ chức của Đảng từ năm 1930 đến năm 2000, trong đó, có đề cập đến quá trình hoạt động của hệ thống tổ chức đảng trên địa bàn Liên khu V trong những năm 1949 đến 1961; Cuốn sách “*Lịch sử công tác xây dựng Đảng (1930 – 2011)*” [229], trình bày hệ thống lịch sử công tác xây dựng Đảng từ khi Đảng được thành lập đến năm 2011 trên phạm vi cả nước, trong đó có công tác xây dựng Đảng đề cập đến Đảng bộ Liên khu V.

Công trình: “*Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị trong kháng chiến*

chống Pháp và chống Mỹ 1945-1975” [252], đề cập đến công tác Đảng, công tác chính trị và công tác giáo dục chính trị của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, có một số nội dung liên quan đến công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng của Đảng bộ Liên khu V. Đồng thời, công trình đã nghiên cứu, đề cập đến các phương diện về công tác xây dựng Đảng trong hai cuộc kháng chiến, trong đó có những sự kiện liên quan đến nội dung công tác củng cố, xây dựng của Đảng bộ Liên khu V tại miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Các công trình, như: *“Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới”* [138]; *“50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam”* [80]; *“80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử”* [240]..., trong nội dung nghiên cứu đường lối chiến tranh nhân dân, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược những năm từ 1949 đến 1961 trên phạm vi cả nước, có đề cập đến Liên khu V. Nhìn chung, các công trình trên đều khẳng định tính đúng đắn, chủ động của các đảng bộ địa phương, trong đó có Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo phong trào kháng chiến; khẳng định vị trí, tầm quan trọng của phong trào kháng chiến ở Liên khu V, trong đó có miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Công trình: *“Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học”* [76] đưa ra những đánh giá cơ bản, toàn diện và những bài học lịch sử về sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, có gợi mở nhiều vấn đề trong nghiên cứu lãnh đạo phong trào kháng chiến của Đảng bộ Liên khu V từ năm 1949 đến năm 1954. Cuốn sách viết: *“Trên các chiến trường Liên khu IV, Liên Khu V và Nam Bộ, các căn cứ địa tuy phạm vi rộng hẹp có khác nhau, song, đều được hình thành, giữ vững”* [76, tr.355]; *“do hiểu sai chủ trương tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công, trong những năm 1950 - 1951, ở vùng tự do Liên khu IV, Liên khu V đã tiến*

hành tổng động viên vượt quá khả năng của nhân dân. Khuyết điểm đó đã được Trung ương Đảng uốn nắn và được các cấp lãnh đạo địa phương sửa chữa kịp thời” [76, tr.346].

Cuốn sách *“Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học”* [77], đã tổng kết về sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó, tập trung làm rõ đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; những bài học kinh nghiệm được đúc kết trong quá trình tiến hành cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuốn sách đã đề cập đến phong trào kháng chiến ở miền Nam nói chung, Liên khu V nói riêng, đặc biệt là về các vấn đề: đặc điểm phong trào kháng chiến, quá trình xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ địa hậu phương tại chỗ....

Cuốn sách *“Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) - Thắng lợi và bài học”* [78] đã tổng kết sự lãnh đạo của Đảng trong 30 năm chiến tranh cách mạng, đánh giá đặc điểm, vai trò và bài học về xây dựng và phát huy vai trò căn cứ địa trong quá trình kháng chiến, trong đó, có những nội dung liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở Nam Trung Bộ nói chung và khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng.

Công trình: *“Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954),* gồm 7 tập, trong đó, tập III *“Triển khai kháng chiến toàn diện”* [105]; Tập IV *“Bước ngoặt của cuộc kháng chiến”* [106]; Tập V *“Triển khai thế tiến công chiến lược”* [107]; Tập VI *“Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, kháng chiến kết thúc thắng lợi”* [108]; Tập VII *“Tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học kinh nghiệm”* [109] phản ánh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh của quân dân cả nước chống thực dân Pháp xâm lược, trong đó, có những nội dung liên quan đến phong trào kháng chiến ở Liên khu V từ năm 1949 đến năm 1954. Nhận định về vai trò của Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo phong trào kháng chiến, công trình viết: “Ở miền Nam Trung Bộ, dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy V, quân và dân

các tỉnh vùng tự do Liên khu V đã đạt được những thành tựu vững chắc” [109, tr.183].

Công trình “*Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*” gồm 9 tập, trong đó, tập I “*Nguyên nhân của chiến tranh*” [112]; tập II “*Chuyển chiến lược*” [113]; tập IV “*Cuộc đọ đầu lịch sử*” [114]; tập IX “*Tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học lịch sử*” [115], ... đã phản ánh có hệ thống về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó, đề cập đến xây dựng và bảo vệ hậu phương tại chỗ ở Liên khu V. Tác phẩm viết: “Từ giữa năm 1958 (...) các “làng chiến đấu”, “làng thoát ly” “làng độc lập”, “túi tản cư”, các “khu bất hợp pháp”, “trại bí mật” ở vùng rừng núi Liên khu V được tổ chức, xây dựng lại thành các căn cứ chiến đấu, căn cứ địa cách mạng” [115. tr.340]

Công trình “*Về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*” [143] đã tập trung làm rõ những nội dung về đường lối chiến lược, sách lược, về xây dựng Đảng và tổ chức lực lượng, về phương pháp đấu tranh giải phóng miền Nam, về ý nghĩa thắng lợi và bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng, trong đó, có đề cập đến nội dung thực hiện đường lối kháng chiến, về tổ chức lực lượng, về phương pháp đấu tranh, ... ở một số khu vực thuộc địa bàn rừng núi ở Liên khu V.

Các công trình: “*Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*” gồm 2 tập [221]; “*Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*” [129]; “*Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*” [141] đã phản ánh về phong trào kháng chiến trên cả nước, trong đó có miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trên các phương diện quân sự, kinh tế, văn hóa,.... Các công trình này đều bàn về vai trò của căn cứ địa, những kinh nghiệm về xây dựng căn cứ địa, lựa chọn địa bàn xây dựng căn cứ địa. Những nghiên cứu trên đã cung cấp nhiều dữ liệu về hoàn cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến, các hoạt động quân sự, những kết quả kháng chiến trên một số địa bàn, trong đó có Liên khu V; đồng thời đúc rút một số kinh nghiệm của chiến tranh nhân dân Việt Nam, trong đó, có kinh nghiệm về phát huy vai trò của những địa bàn chiến lược.

Công trình “*Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945 - 1975)*” [246] nghiên cứu có tính chất hệ thống về vai trò của các căn cứ địa cách mạng với tư cách là hậu phương tại chỗ ở miền Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Công trình viết: “Việc xây dựng hậu phương tại chỗ vững chắc có thể chuyển hóa thế trận từ yếu sang mạnh, hoặc từ mạnh sang yếu, điều này phụ thuộc vào các yếu tố (...) nhưng trên tất cả là ở lòng dân” [246, tr.7]. Công trình đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong việc xây dựng căn cứ địa – hậu phương vững mạnh: nói đến căn cứ địa – hậu phương là nói đến vai trò của nhân dân, căn cứ địa – hậu phương vững chắc trước hết và chủ yếu là ở lòng dân mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Liên khu ủy và các cấp ủy địa phương đã lãnh đạo, phát huy sức mạnh to lớn này trong kháng chiến.

Các công trình: “*Bàn về nghệ thuật chiến dịch quân sự*” [173], “*Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam 1945 - 1975*” [250]; “*Mấy vấn đề chỉ đạo chiến lược trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*” [253] nghiên cứu về đường lối kháng chiến, nghệ thuật quân sự, thắng lợi quân sự, những kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh,... của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã đề cập đến phong trào kháng chiến ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961.

Công trình “*Tìm hiểu phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam*” [196] phản ánh về phong trào Đồng Khởi nổ ra khắp các tỉnh miền Nam chống chế độ Mỹ - Diệm trong những năm 1959 - 1960. Công trình đã phân tích khái quát những vấn đề của cách mạng miền Nam Việt Nam những năm từ 1954 - 1959; các chính sách đàn áp của Mỹ - Diệm đối với nông dân miền Nam Việt Nam; quá trình phát triển của phong trào Đồng Khởi; phong trào cách mạng ở nông thôn miền Nam trong những năm 1954 - 1959; diễn biến của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên toàn miền Nam; phân tích khái quát những ngọn cờ Đồng Khởi tiêu biểu ở miền Nam như: cuộc

khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi,...; ý nghĩa, tác động và một số bài học kinh nghiệm trong phong trào Đồng Khởi ở miền Nam nói chung và Nam Trung Bộ những năm 1959 – 1960 nói riêng.

- Luận án Tiến sĩ lịch sử: *“Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960)”* [236], trong khi phản ánh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới khởi nghĩa, đánh giá những đặc điểm, vai trò, hạn chế và những bài học trong lãnh đạo xây dựng và củng cố phong trào kháng chiến của quân và dân Nam Bộ,... đã đề cập đến tình hình khu vực Nam Trung Bộ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng giai đoạn 1954 - 1960.

Công trình: *“Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)”* gồm 4 tập, trong đó, tập 1 (1954 - 1960) đã tập trung phản ánh âm mưu, thủ đoạn của Đế quốc Mỹ và tay sai trong áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam; phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, trong đó bao gồm phong trào đấu tranh ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong chống phá kế hoạch "Tổ Cộng", kế hoạch dồn dân lập "khu Dinh điền" và "khu Trù mật" của địch giai đoạn 1954 – 1960. Công trình cũng đã đề cập đến việc tiến công giữa quân sự và nổi dậy của quần chúng luôn có quan hệ điều kiện, gắn bó, thúc đẩy lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống phá bình định của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam [251].

- Các công trình nghiên cứu về lịch sử dân tộc, có thể kể đến, như: *“Lịch sử Việt Nam”, tập 10 (1945 - 1950)* [137]; *“Lịch sử Việt Nam”, tập 11 (1951 - 1954)* [216]; *“Lịch sử Việt Nam”, tập 12 (1954 - 1965)* [138]; *“Lịch sử Việt Nam 1954 - 1965”* [196]; *“Lịch sử Việt Nam”, tập IV* [174]; *“Lịch sử kinh tế Việt Nam (1945 - 2000)”*, gồm 3 tập, trong đó, tập I (1945 - 1954), tập II (1955 - 1975) [228], đã phản ánh đời sống kinh tế, xã hội... của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế

quốc Mỹ xâm lược, trong đó đề cập đến những nội dung liên quan tới vấn đề kinh tế, xã hội ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Cuốn sách: *“Chung một bóng cờ”* [130], là công trình tập hợp nhiều bài viết của các tác giả là những nhà lãnh đạo và nhân sĩ trí thức tiêu biểu, phản ánh những thông tin về cuộc chiến đấu của các lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận, trên các mặt trận chính trị, quân sự,... trên các địa bàn chiến lược từ nông thôn đồng bằng, miền núi đến các đô thị ở miền Nam, trong đó có địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Công trình *“Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam”*, quyển I (1930 - 1954), quyển II (1954 - 1975) [145], đã phản ánh, phân tích vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trên cả nước nói chung và ở Liên khu V nói riêng trong việc tập hợp sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân, trở thành một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Việc thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chính là biện pháp cụ thể để các cấp ủy Đảng tập hợp, đoàn kết các lực lượng đấu tranh vì mục tiêu của cách mạng.

Một số công trình nghiên cứu về thân thế, sự nghiệp của các lãnh đạo chủ chốt của cách mạng Việt Nam cũng đề cập đến các hoạt động liên quan phong trào kháng chiến ở Liên khu V trong thời gian từ năm 1949 đến 1961. Có thể kể đến tác phẩm: *“Nguyễn Duy Trinh, tiểu sử”* [242]; *“Võ Chí Công, tiểu sử”* [135]; *“Đồng chí Nguyễn Duy Trinh – Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam”* [243].... Các công trình trên đã phản ánh một số chủ trương và hoạt động lãnh đạo của Liên khu ủy V, cũng như phân tích, làm rõ thân thế, sự nghiệp, phẩm chất kiên cường, bất khuất, tấm gương về đạo đức cách mạng; công lao và những đóng góp to lớn của các nhà lãnh đạo đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc ta và khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược từ 1949 – 1961.

Một số công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài về “chiến tranh ở

Việt Nam”, “chiến tranh Đông Dương” đã phản ánh những sự kiện, đưa ra những đánh giá về tình hình, diễn biến của chiến trường, về sức đấu tranh của quân và dân Việt Nam,... trong đó, có những vấn đề có liên quan đến phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 1949 - 1961.

Cuốn sách: “*Việt Nam - một thiên lịch sử*” của tác giả Stanley Karnow [217], đã phân tích tình hình các chiến trường ở miền Trung Việt Nam, đề cập đến hoạt động của lực lượng cách mạng ở nông thôn miền Nam.... Qua những thông tin từ cuốn sách, có thể thấy sự kiên cường, nỗ lực vượt bậc của nhân dân miền Nam, bao gồm nhân dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cuốn sách: “*Giải phẫu một cuộc chiến tranh – Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại*” của tác giả Kolko [133], cung cấp những thông tin sự vận hành của chính quyền Sài Gòn ở cơ sở, về quan hệ giữa chính quyền Sài Gòn với các vùng nông thôn và miền núi. Những nội dung mà cuốn sách phản ánh, có thể thấy âm mưu, sự kìm kẹp của Mỹ và chế độ Sài Gòn đối với nhân dân miền Nam, trong đó có nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Cuốn sách “*Cuộc chiến tranh dài ngày của nước Mỹ và Việt Nam (1950 - 1975)*” của George C. Herring [132], đề cập những vấn đề liên quan đến Nam Trung Bộ như: chính sách tổ cộng, diệt cộng và ảnh hưởng của chúng đối với các vùng nông thôn; sự phục hồi và phát triển của phong trào cách mạng ở các khu vực nông thôn miền Nam cuối những năm năm mươi của thế kỷ XX; những khó khăn của chính quyền Sài Gòn trong việc kiểm soát các khu vực miền núi và ven biển... Qua cuốn sách, có thể thấy âm mưu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đối với miền Nam, những thử thách đặt ra đối với Đảng bộ Liên khu V, đối với nhân dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam

Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Các công trình của các học giả nước ngoài cung cấp một góc nhìn về bối cảnh tình hình, những thông tin về âm mưu của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tay sai trong việc đàn áp phong trào kháng chiến, kìm kẹp nhân dân; đồng thời, cho thấy sự lo sợ, bất lực của lực lượng xâm lược trước sức mạnh đấu tranh của nhân dân Việt Nam, trong đó có nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong cuộc đấu tranh giải phóng.

Nhìn chung, các công trình trên đây chủ yếu nghiên cứu về lịch sử toàn Đảng, lịch sử phong trào kháng chiến, về bối cảnh tình hình Việt Nam, những biến đổi trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam trong khung thời gian từ năm 1945 đến năm 1975,...; những nội dung đề cập đến phong trào kháng chiến ở Liên khu V, đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong thời gian 1949 - 1961,... dừng lại ở phản ánh một số nội dung và sự kiện cơ bản; đặt trong những nội dung chung, những sự kiện chung của cách mạng cả nước.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về Đảng bộ Liên khu V và phong trào kháng chiến ở Liên khu V

Đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu về sự ra đời và hoạt động của Đảng bộ Liên khu V, về phong trào kháng chiến ở Liên khu, trong đó phản ánh trực tiếp một số nội dung về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Cuốn sách “*Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*” [185] đã trình bày quá trình kháng chiến của các Đảng bộ và nhân dân trên địa bàn Nam Trung Bộ từ năm 1945 đến năm 1975, trong đó cung cấp nhiều thông tin về vị trí chiến lược của vùng miền núi Liên khu V, phản ánh nhiều sự kiện về hoạt

động lãnh đạo phong trào kháng chiến của Liên khu ủy V và các Đảng bộ trực thuộc; công tác xây dựng thực lực kháng chiến, cơ sở cách mạng, căn cứ địa hậu phương và việc củng cố tổ chức Đảng tại Liên khu V, cũng như khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961. Về vị trí chiến lược của miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, cuốn sách viết: Miền núi Nam Trung Bộ gồm các tỉnh Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đồng bằng từ vĩ tuyến 17 (miền tây Quảng Trị) đến giáp vùng rừng Đông Nam Bộ, có chung biên giới với hai nước Lào và Campuchia. “là một địa bàn chiến lược rất quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, không chỉ cho Nam Trung Bộ mà còn cho cả nước và Nam Đông Dương” [185, tr.265]. Về ưu điểm trong lãnh đạo kháng chiến, cuốn sách cho rằng: “Khu V có ưu điểm nổi bật là từ ngày đầu kháng chiến chống Pháp đã kiên quyết đánh địch giữ vững vùng tự do và xây dựng thành hậu phương vững chắc về nhiều mặt (...) Đến kháng chiến chống Mỹ, càng về sau, vùng căn cứ hậu phương trực tiếp càng mở rộng ra nhiều bao gồm căn cứ địa rộng lớn ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ven biển (...). Dựa trên phong trào đấu tranh chính trị và phong trào chiến tranh du kích mạnh mẽ của nhân dân, căn cứ địa Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh vừa có thể phòng thủ vững chắc, vừa có thể tấn công mạnh mẽ ra toàn miền” [185, tr. 520-521]

Công trình: *“Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng”* tập I, *“Kháng chiến chống thực dân Pháp”* [119]; tập II *“Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (thời kỳ 1954 - 1968)”* [120], đã phản ánh quá trình Liên khu ủy V và các cấp bộ Đảng trực thuộc quán triệt đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng, chỉ đạo lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân trên địa bàn Liên khu nói chung và khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng tiến hành kháng chiến, kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, giữa tác chiến với xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ hậu phương tại chỗ,...

Công trình: *“Lịch sử Khu 6 (cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên) kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)”* [237], đã phản ánh, phân tích quá trình chiến

đấu kiên cường của quân và dân Khu VI, đề cập đến việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào kháng chiến của Đảng bộ Liên khu V và các cấp bộ Đảng từ 1954 - 1961. Cuốn sách đã phân tích vai trò của khu vực miền núi các tỉnh cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên) kháng chiến chống Mỹ trong xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng, đấu tranh giành lại quyền làm chủ....

Công trình *“Chiến tranh nhân dân địa phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)”* [111], trong đó, có chuyên đề: *Chống phá bình định giành dân và giữ dân trên địa bàn Khu V* đã phản ánh phong trào đấu tranh của quân, dân ở khu vực miền núi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên chống lại âm mưu càn quét, lấn chiếm, dồn dân lập khu dinh điền, khu trù mật, áp chiến lược của Mỹ - Diệm. Công trình cho thấy, lúc đầu phong trào có tính chất tự phát, sau đó có sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, Khu ủy V và Đảng bộ các địa phương, nên phong trào đã phát triển mạnh mẽ, quyết liệt, có tác động đến các địa bàn trọng điểm của Khu V.

Công trình: *“Tổng kết chiến tranh địa phương”*, trong đó, các chuyên đề: *“Xây dựng và bảo vệ hệ thống căn cứ địa các địa phương trên chiến trường Khu 5 trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975)”* [116], *“Kết hợp đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược tại chiến trường Khu 5 (1954 - 1975)”* [117] đã đề cập đến công tác xây dựng căn cứ hậu phương tại chỗ, đến đặc điểm tình hình và quá trình hình thành, phát triển của phong trào đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công ở khu vực miền núi các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trong những năm 1954 - 1961. Công trình cũng đã phân tích những bài học kinh nghiệm lãnh đạo và tổ chức phong trào kháng chiến ở Liên khu V, ở khu vực miền núi các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng, như: xây dựng hệ thống căn cứ liên hoàn cả ở rừng núi và đồng bằng đảm bảo cho yêu cầu phát triển của từng giai đoạn kháng chiến; từ những căn cứ địa nhỏ lẻ, phát triển thành hệ thống căn cứ địa liên hoàn, hình thành hậu phương tại chỗ; xây dựng đi đôi với bảo vệ căn cứ địa; căn cứ địa - hậu phương tại chỗ phải đáp ứng yêu cầu chiến đấu và xây dựng của từng thời điểm chiến tranh.

Các công trình: “*Quân khu 5 - Thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ*”, tập I [231], tập II [232] đã phân tích những đặc điểm và vị trí chiến lược của chiến trường Quân khu 5, phản ánh những bước phát triển của chiến tranh nhân dân trên địa bàn Quân khu 5; phân tích những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang ở chiến trường Quân khu 5 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cuốn sách dành một dung lượng nhất định đề cập đến công tác chỉ đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ.

Công trình: “*Một số kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*” [249] là công trình đã khái quát về đặc điểm tình hình và những bước phát triển của chiến tranh nhân dân, phân tích những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo chiến tranh nhân dân trên địa bàn Liên khu V, trong đó có khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đánh giá quá trình xây dựng căn cứ địa cách mạng trên chiến trường miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, công trình nhận định, đây là “vấn đề chiến lược cơ bản trong chỉ đạo chiến tranh”; “căn cứ địa là những vùng ta đã giải phóng và đã được xây dựng toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Dựa trên thực tiễn chiến đấu ở chiến trường Khu V, công trình đưa ra một số kiến giải về điều kiện để xây dựng căn cứ địa, đó là: có cơ sở chính trị vững chắc, có lực lượng vũ trang mạnh, có địa hình thuận lợi để tiến công và phòng thủ, có khả năng tối thiểu về đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật. Đối với Khu V, địa bàn để xây dựng các căn cứ địa là Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ.

Cuốn sách: “*Quá trình xây dựng và truyền thống của Ban Tổ chức Liên Khu ủy V (1945-1975)*” [79], đã đi sâu làm rõ một số nội dung liên quan đến hoạt động xây dựng căn cứ địa bao gồm: chuẩn hóa địa điểm đóng cơ quan của Liên khu V, Khu ủy V trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; phong trào xây dựng làng chiến đấu; hoạt động sản xuất và huy động sự đóng góp của nhân dân Liên khu V nói chung, nhân dân khu vực miền Tây

các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng, đối với cuộc hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

Cùng với các sách, công trình khoa học, đến nay, có một số luận án Tiến sĩ lịch sử đã chọn Khu V, trong đó có khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên làm địa bàn nghiên cứu như các vấn đề xây dựng căn cứ cách mạng, đấu tranh chống xâm lược, có thể kể đến các luận án:

Luận án Phó Tiến sĩ khoa học lịch sử: *“Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng các vùng tự do lớn trong thời kỳ kháng chiến (1946 – 1954)”* [125], đã phản ánh bối cảnh lịch sử, quá trình xây dựng các vùng tự do lớn của Đảng sau ngày toàn quốc kháng chiến 1946 đến kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1954; đánh giá thành tựu, hạn chế, ý nghĩa lịch sử và tổng kết một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các vùng tự do của Đảng, trong đó có vùng tự do Liên khu V trong chống Pháp.

Luận án Tiến sĩ lịch sử: *“Vùng tự do Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)”* [144], đã phân tích quá trình xây dựng thực lực về mọi mặt: kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục, tình hình công tác xây dựng Đảng ở Vùng tự do Liên khu V trong chống Pháp, trong đó có khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1949 - 1954.

Luận án Phó Tiến sĩ lịch sử: *“Đảng lãnh đạo khởi nghĩa ở miền Tây các tỉnh đồng bằng khu V (1959 - 1960)”* [192], đã phục dựng quá trình lãnh đạo phong trào khởi nghĩa ở miền Tây các tỉnh ven biển của Liên khu V; khẳng định vai trò lãnh đạo của Liên khu ủy, những đóng góp của các Đảng bộ, quân và dân miền Tây các tỉnh ven biển dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với sự nghiệp kháng chiến, góp phần làm nên khởi nghĩa ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1959 - 1960.

Luận án Tiến sĩ lịch sử: *“Căn cứ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở cực Nam Trung Bộ (1954 - 1975)”* [191], đã đề cập đến quá trình xây dựng, bảo vệ và phát huy vai trò căn cứ địa ở cực Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, trong đó tập trung chủ yếu là các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Công trình

cho rằng căn cứ địa là hậu phương tại chỗ, trực tiếp bảo đảm sức người, sức của cho chiến trường; sở dĩ căn cứ địa ở cực Nam Trung Bộ tồn tại được là do Đảng bộ, quân và dân nơi đây đã biết kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng, bảo vệ và phát huy vai trò của căn cứ địa...

Luận án Tiến sĩ lịch sử: *“Căn cứ địa ở Nam Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)”* [233], đã phản ánh một cách toàn diện và có hệ thống về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của các căn cứ địa tại khu vực Nam Tây Nguyên trong suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ; khẳng định vai trò chiến lược của hệ thống căn cứ này đối với cục diện chiến trường miền Nam; Đánh giá những đặc điểm và rút ra những kinh nghiệm về xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và bảo vệ vùng đất chiến lược này.

Luận án Tiến sĩ lịch sử: *“Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Liên khu V từ năm 1949 đến năm 1961”* [181], đã phản ánh tình hình hoạt động của Đảng bộ Liên khu V sau khi được thành lập (1949); chủ trương, kết quả và một số đánh giá về công tác xây dựng Đảng trên các mặt về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Đảng bộ Liên khu V; từ đó, rút ra những kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo công tác xây dựng Đảng những năm 1949 - 1961.

Ngoài ra, còn nhiều bài nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, công bố trong các kỷ yếu hội thảo phản ánh những nội dung có liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Có thể kể đến bài viết: *“Mấy suy nghĩ về sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu V, thời kỳ 1954 - 1960”* của Trần Quốc Long, đăng trên Tạp chí Lịch sử Đảng số 2 năm 1994 [193]; Bài viết *“Tìm hiểu quá trình hình thành căn cứ địa miền núi Khu V trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”* của Trần Hữu Đính, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 3-1986; Bài *“Về công tác xây dựng Đảng và đấu tranh giữ gìn lực lượng tại Liên khu V (1954 - 1960)”* của tác giả Nguyễn Bình đăng trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 4-2008 [92]; Bài viết: *“Đấu tranh chính trị của Phụ nữ Liên khu V trong những năm 1954 - 1960”* của tác giả Vũ Thị Hương, đăng tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 12-2016 [190]; Bài viết *“Đảng lãnh đạo kết*

hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trong cách mạng miền Nam”, của Nguyễn Tiến Duẩn, đăng tạp chí Lịch sử Đảng số tháng 11-2004 [142] Nhìn chung, các bài viết đã phản ánh về những đặc điểm, tình hình, khó khăn, thuận lợi của Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo xây dựng và tổ chức lực lượng, tổ chức phong trào kháng chiến ở Liên khu trong đó có khu vực miền núi Liên khu V; nhấn mạnh vai trò lãnh đạo chủ động, sáng tạo, linh hoạt của Đảng và chính quyền địa phương các cấp đối với vấn đề lãnh đạo phong trào đấu tranh; cung cấp một số kinh nghiệm lãnh đạo kháng chiến của các Đảng bộ địa phương trên địa bàn khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên...

Bên cạnh nhóm công trình nghiên cứu về Đảng bộ Liên khu V, về phong trào kháng chiến ở Liên khu V như đã đề cập, còn có những công trình nghiên cứu về Lịch sử Đảng bộ Quân khu, lịch sử các Đảng bộ địa phương, lịch sử phong trào kháng chiến ở các tỉnh Nam Trung Bộ, đã phản ánh sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng bộ trong và ngoài quân đội trực thuộc Liên khu ủy V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1949 - 1961.

Đó là các công trình: “*Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5 (1946 - 2010)*”, tập 1 thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954) [146]; tập 2 thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) [147]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*” [65]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1930 - 1975)*” [61]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1945 - 1954)*” tập II, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược [63]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954 - 1975)*”, tập III, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước [64]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên (1945 - 1954)*” [66]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (1930 - 1975)*” [69]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1930 - 1975)*” [70]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận*” tập 1 (1930 - 1954); tập 2 (1954 - 1975) [71]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai (1945 - 2005)*, [62]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum*” tập I (1930 - 1975) [68]; “*Lịch sử*

Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930-2020)” [73]; “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng 1930-1975*”, tập 1 [72].

Cùng với lịch sử Đảng bộ cấp tỉnh, đến trước ngày 01-7-2025, hầu hết các huyện ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã biên soạn Lịch sử Đảng bộ cấp huyện, trong đó, phản ánh sinh động vai trò lãnh đạo của các cấp ủy trong lãnh đạo phong trào kháng chiến.

Các công trình trên đều cho thấy, sự lãnh đạo, chỉ đạo liên tục, chặt chẽ của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trên các mặt xây dựng lực lượng, tổ chức đấu tranh chống địch, hoạt động của các phong trào, trong những năm 1949 - 1961. Do đối tượng và phạm vi nghiên cứu khá rộng, nên nội dung liên quan đến lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng chỉ được đề cập một cách khái lược. Mặt khác, kết quả nghiên cứu chủ yếu dựa vào nguồn tư liệu của chính quyền cách mạng mà chưa có sự khai thác tài liệu của chính quyền Sài Gòn để có sự so sánh, đối chiếu, kiểm chứng, nhằm phân tích một cách khách quan, khoa học về âm mưu, thủ đoạn đánh phá của địch đối với phong trào kháng chiến, nhất là khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Các công trình trên cung cấp những tư liệu, sự kiện về thực tiễn sinh động, những đánh giá có giá trị tin cậy cao đối với tác giả trong quá trình thực hiện luận án.

Đồng thời với những công trình lịch sử Đảng bộ, nhiều công trình nghiên cứu về phong trào kháng chiến ở địa phương tại Liên khu V được nghiên cứu, xuất bản, đã phản ánh phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và đế quốc Mỹ trên địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đó là những công trình: “*Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*” [93]; “*Bình Định - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*” [95]; “*Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*” [67]; “*Phong trào chiến tranh du kích trên địa bàn tỉnh Kon Tum (1945 - 1975)*” [100]; “*Gia Lai - 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1954)*” [167]; “*Đắk Lắk - 30 năm chiến tranh giải phóng*”, tập I: *Cuộc kháng*

chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) [96]; tập II: Kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) [97]; “Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng”, tập 1: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) [169]; tập 2: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) [170]; “Hậu cần Quân khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)” [136].... Các công trình trên đã nêu được vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đã đặc biệt chú trọng xây dựng nòng cốt, phát động quần chúng đối với vùng yếu, vùng trắng, dùng phương thức vũ trang công tác để mở rộng phong trào...

Một số luận án tiến sĩ lịch sử, luận văn thạc sĩ, một số bài viết đăng tải trên các tạp chí nghiên cứu về phong trào kháng chiến tại các địa phương ở Liên khu V, có đề cập đến phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Luận án tiến sĩ lịch sử: *“Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)” [187]*, đã phản ánh những phương cách đấu tranh sáng tạo và độc đáo của quân và dân ở Khánh Hòa trong chống Pháp; những kết quả đạt được và hạn chế trong lãnh đạo cuộc kháng chiến, góp phần để xây dựng phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Bài viết: *“Tinh sáng tạo và tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi - Từ khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi tháng 03 - 1975”* của tác giả Nguyễn Văn Nhật, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 8 (339) 2004 [216], đã luận giải bối cảnh ra đời và vai trò của các căn cứ địa cách mạng ở miền núi Khu V đối với cuộc Đồng Khởi (1959 - 1960). Bài viết cũng phân tích tác động của cuộc khởi nghĩa từng phần của nhân dân miền núi Khu V, mà đỉnh cao là khởi nghĩa Trà Bồng đối với việc bảo vệ và phát triển căn cứ địa cách mạng ở miền núi.

Nhìn chung, những công trình trên đây đã nghiên cứu về phong trào kháng chiến ở Nam Trung Bộ; về vai trò và sự lãnh đạo cũng như những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, của các cấp bộ Đảng trực thuộc

đối với phong trào kháng chiến Liên khu, trong đó, phản ánh nhiều nội dung về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tuy nhiên, đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1949 - 1961 như một đề tài độc lập; sự phản ánh về quá trình lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn tản mạn, chưa có tính hệ thống.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG NỘI DUNG LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến luận án

Về nội dung:

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu, có thể thấy các công trình khoa học công bố với nhiều góc độ và đạt được những kết quả ở những mức độ khác nhau về những nội dung liên quan đến đề tài luận án.

Một là, nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến những nhân tố tác động đến Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961, trên các phương diện bối cảnh lịch sử, tình hình và yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh giải phóng; những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, truyền thống yêu nước của nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.... Đặc điểm tự nhiên và xã hội vừa có những điều kiện thuận lợi, đồng thời có những khó khăn đối với Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961.

Hai là, nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích một số nội dung trong đường lối, chủ trương của Đảng về lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng Đảng bộ Liên khu V, về tổ chức phong trào kháng chiến ở Liên khu V... trong những năm 1949 - 1961. Các nghiên cứu đã cho rằng: đường lối, chủ trương của Đảng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của phong trào kháng chiến. Đây là những cơ sở quan trọng để luận án có thể kế thừa, nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961.

Ba là, một số công trình nghiên cứu đã phản ánh và phân tích những nội dung về chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong thời gian từ năm 1949 đến năm 1961. Các nghiên cứu đều chỉ ra chủ trương của Đảng bộ Liên khu V được hình thành trên cơ sở vận dụng, cụ thể hóa chủ trương của Đảng vào thực tiễn Liên khu V, nhất là trong các lĩnh vực quân sự, kinh tế, chính trị, Nhìn chung, những chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được các nghiên cứu, phản ánh chung trong chủ trương của Đảng bộ đối với toàn bộ phong trào kháng chiến trên địa bàn toàn Liên khu V.

Bốn là, một số công trình nghiên cứu đã phản ánh những nội dung về sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 và kết quả của sự chỉ đạo đó. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, từ chủ trương đề ra, Đảng bộ Liên khu V đã tích cực chỉ đạo phong trào kháng chiến hết sức linh hoạt, sáng tạo trong từng khu vực, địa bàn. Tuy nhiên, việc phản ánh sự chỉ đạo của Đảng bộ và phong trào kháng chiến ở miền Tây các

tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được thể hiện chung trên một số lĩnh vực chủ yếu về xây dựng lực lượng, đấu tranh quân sự....

Năm là: Một số công trình đã đưa ra những đánh giá về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961. Các kết quả nghiên cứu nhìn chung đều khẳng định Đảng bộ Liên khu V đã nghiêm túc trong vận dụng chủ trương của Đảng, tích cực trong hoạch định chủ trương, trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có vai trò, tác động đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V và cả nước từ năm 1949 đến năm 1961. Một số công trình cũng nêu lên những hạn chế trong lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào cách mạng ở khu vực này từ năm 1949 đến năm 1961, như vấn đề huy động sức dân những năm 1949 - 1950 không phù hợp, vấn đề phát triển đảng không chú trọng chất lượng , ... Một số công trình đã rút những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung bộ và Tây Nguyên, từ năm 1949 đến năm 1961. Tuy nhiên, việc đánh giá về sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, những kinh nghiệm được rút ra, đều nhìn nhận trên góc độ phạm vi toàn Liên khu V

Tóm lại, đến nay, có nhiều công trình từ những góc độ tiếp cận khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp, đã phản ánh, đề cập ở những mức độ khác nhau về sự lãnh đạo của Đảng Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961. Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, đến nay, trong những công trình được tổng quan chưa có công trình nào nghiên cứu sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 như một đề tài độc lập; chưa có trình nào phản ánh một cách có hệ thống, mà chủ yếu đề cập rất khái quát hoặc lồng ghép, hoặc phản ánh từng công tác, từng lĩnh vực cụ thể mang tính tách biệt; cũng

như chưa đưa ra đánh giá về ưu điểm và hạn chế, những bài học rút ra từ sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961. Đây là một “khoảng trống” cần phải nghiên cứu để làm sáng rõ và toàn diện hơn vai trò lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh cách mạng. Những kết quả nghiên cứu được tổng quan trên đây cũng cập những thông tin quan trọng về bối cảnh lịch sử, yêu cầu cách mạng; về tình hình Liên khu V, về một số sự kiện liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng bộ, về phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961... là những cứ liệu quan trọng để nghiên cứu sinh tham khảo, thực hiện luận án.

Về mặt phương pháp nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu liên quan thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, nhưng đều dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và các phương pháp nghiên cứu khác, trong đó có phương pháp nghiên cứu chuyên ngành của khoa học lịch sử là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp phân kỳ và một số phương pháp phổ biến trong nghiên cứu khoa học xã hội... Những công trình nghiên cứu được tổng quan, nhất là những công trình khoa học lịch sử, lịch sử Đảng, có giá trị tham khảo quan trọng đối với luận án về cách thức vận dụng các phương pháp lịch sử, logic, phê phán sử liệu, đối chiếu văn kiện, chỉ thị gốc với sự kiện lịch sử... để làm rõ và tái hiện quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Về mặt tư liệu

Các công trình nghiên cứu liên quan đã sử dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau: tư liệu văn kiện Đảng đã công bố; tư liệu là những công bố khoa học; tư liệu hồi ký của các nhân chứng lịch sử; tư liệu hiện đang lưu trữ tại các kho lưu

trữ của Đảng và Nhà nước, các viện nghiên cứu; ... Những tài liệu được các công trình nghiên cứu sử dụng rất có ý nghĩa gợi mở đối với nghiên cứu sinh trong việc khai thác, phê phán sử liệu để thực hiện luận án. Đồng thời, các công trình cũng cung cấp nhiều tư liệu về vị thế chiến lược, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, đặc điểm dân cư, truyền thống đấu tranh, các lĩnh vực hoạt động... của Đảng bộ và nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là những nguồn tư liệu có giá trị tham khảo, đối chiếu đối với đề tài luận án.

Tác giả luận án “***Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1949 – 1961)***” tham khảo, kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố, nhưng không trùng lặp với công trình nào trong số đó.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã được tổng quan, luận án tập trung nghiên cứu một số vấn đề sau:

Một là, phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961. Đó là những điều kiện và yếu tố về đặc điểm kinh tế, xã hội, bối cảnh lịch sử, những chuyển biến của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, những chủ trương, đường lối và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng,... tác động, chi phối quá trình lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V trong hai giai đoạn: 1949 - 1954 và 1954 - 1961.

Hai là, Phân tích có hệ thống những chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961, qua hai giai đoạn: từ khi Đảng bộ Liên khu V thành lập (năm 1949) đến khi Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp (năm 1954); từ khi Đảng bộ chuyển hướng, lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Mỹ và

tay sai (năm 1954) đến khi kết thúc cơ cấu tổ chức và hoạt động (năm 1961). Những chủ trương của Đảng bộ được phân tích bao gồm những chủ trương cho toàn bộ Liên khu V, trong đó, có khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Ba là, Tái hiện quá trình Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên qua hai giai đoạn: 1949 - 1954 và 1954 - 1961; trên 2 phương diện, cũng là hai nhiệm vụ chính trị đặt ra trong công tác chỉ đạo: Chỉ đạo xây dựng lực lượng và tiềm lực kháng chiến; Chỉ đạo đấu tranh chống địch, bảo vệ và phát huy vai trò của khu vực.

Bốn là, Nhận xét về những ưu điểm, hạn chế và phân tích nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế trong quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961; trên cơ sở đó, đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo có thể vận dụng vào bảo đảm sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V và các cấp bộ Đảng địa phương đối với các địa bàn chiến lược trong cách mạng Việt Nam là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nghiên cứu thuộc nhiều ngành khoa học khác nhau nhằm làm sáng tỏ, toàn diện và đầy đủ hơn về lịch sử Đảng, đúc rút những kinh nghiệm, cung cấp những luận cứ khoa học có thể vận dụng, phát huy trong bối cảnh hiện nay. Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập, nghiên cứu ở những góc độ tiếp cận, mức độ và cấp độ khác nhau về Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 đến 1961.

Các nghiên cứu đã đề cập và phân tích đến những yếu tố về tự nhiên, xã hội, về bối cảnh tình hình và yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, cũng như những chủ trương của Đảng... tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 đến 1961; đã phản ánh ở những mức độ khác nhau về những chủ trương của Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào kháng chiến ở Liên khu V, trong đó, có khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong năm 1949 - 1961 trên một số lĩnh vực: xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ địa kháng chiến và vùng giải phóng, đấu tranh quân sự, công tác xây dựng Đảng và vai trò của các đảng bộ địa phương, đưa ra một số nhận định, đánh giá và bài học kinh nghiệm. Tuy nhiên, đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 đến 1961 là một đề tài độc lập, chưa có tính hệ thống; những nội dung về chủ trương, về chỉ đạo của Đảng bộ chủ yếu mang tính điểm xuyết, nêu sự kiện chính, lồng trong các nội dung phản ánh về phong trào kháng chiến ở Nam Trung Bộ.

Những kết quả nghiên cứu, những phương pháp, tư liệu mà các nghiên cứu đã đạt được và đã sử dụng có giá trị tham khảo, gợi mở để tác giả kế thừa, vận dụng thực hiện luận án.

Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài, luận án tập trung nghiên cứu những nội dung chính: phân tích những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961; phân tích có hệ thống về quá trình Đảng bộ Liên khu V hoạch định những chủ trương kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961; Tái hiện quá trình Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo phong trào kháng chiến ở khu vực này; Nhận xét về những ưu điểm, hạn chế và phân tích nguyên nhân trong quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven

biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961; đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo có thể vận dụng hiện nay.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI VỚI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1949 - 1954)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI VỚI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

2.1.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, truyền thống yêu nước và tình hình phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trước năm 1949

- Điều kiện tự nhiên

Trong những năm 1949 - 1961, miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ (gồm các huyện miền núi phía Tây các tỉnh ven biển: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận); Tây Nguyên (gồm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng) là hai địa bàn tiếp giáp nhau, có nhiều đặc điểm chung về tự nhiên, kinh tế, xã hội và hợp thành một vùng lãnh thổ có vị thế chiến lược quan trọng.

Khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có diện tích khoảng 59.000 km², chiếm trên $\frac{3}{4}$ đất đai trong Liên khu V; có địa giới chung với tỉnh Trị Thiên ở phía Bắc, với các tỉnh Đông Nam Bộ ở phía Nam và Tây Nam, tiếp giáp với vùng đồng bằng ven biển ở phía đông Đông, có biên giới chung với 2 nước Lào và Campuchia ở phía Tây (307 km với Hạ Lào và 409 km với Đông Bắc Campuchia). Đây là vùng có địa thế hiểm trở, nhiều ngọn núi cao trên 2.000 mét; địa hình bị chia cắt bởi nhiều sông suối nhỏ và vừa, phần lớn chảy từ Tây sang Đông, gây khó khăn cho việc đi lại,

vận chuyển, nhất là vào mùa mưa. Là vùng núi rừng trùng điệp, nhưng khu vực này lại có tài nguyên lâm sản và khoáng sản phong phú, có cao nguyên rộng lớn với hàng triệu ha đất đỏ ba dan màu mỡ.

Địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có mạng lưới giao thông khá phát triển, nối liền vùng đồng bằng ven biển với Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Hệ thống đường ngang là các Quốc lộ 14 từ Đà Nẵng lên Kon Tum nối liền với đường 18 qua Hạ Lào, đến Xtung Treng của Đông Bắc Campuchia. Mạng lưới đường giao thông đó, có ý nghĩa quan trọng về mặt kinh tế, có tác dụng rất lớn đối với các hoạt động quân sự, chính trị. Đặc điểm của các đường giao thông là có nhiều cầu (trung bình có 0,2 đến 0,4 cầu, nơi cao nhất có đến 4 cầu trên 1 km đường).

Những đặc điểm về vị trí, địa lý và địa hình trên, khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có ý nghĩa rất quan trọng về mặt quân sự, có thể xây dựng các căn cứ đứng chân, thuận lợi trong tạo lập thế trận phòng thủ, đồng thời, là bàn đạp tấn công ra nhiều hướng ở chiến trường Liên khu V, cũng như chiến trường Nam Đông Dương.

Về kinh tế - xã hội

Miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là khu vực có nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp tự cung, tự cấp, kết hợp với khai thác lâm sản và trao đổi hàng hóa quy mô nhỏ. Nhân dân trên địa bàn chủ yếu canh tác nương rẫy theo phương thức truyền thống, trồng lúa rẫy, ngô, sắn, cùng một số cây ăn quả; đồng thời chăn nuôi trâu, bò, voi, ngựa, một số nghề phụ của hộ gia đình và khai thác các sản vật rừng như gỗ quý, tre nứa, song mây, nhựa cây, dược liệu.... Hoạt động trao đổi kinh tế diễn ra thông qua các chợ vùng cao nguyên và mạng lưới giao thương với đồng bằng ven biển, để mua bán, trao đổi lâm sản, gia súc và nông sản, muối, vải vóc, công cụ sản xuất....

Miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng là nơi tụ cư của 23 dân tộc: Kinh, Cơ Tu, Co, Xơ Đăng, Gié Triêng, Brâu, Ba Na, Hrê, Chăm, Gia Rai, Ê Đê, Ra Glai, Mơ Nông, Mạ, Cơ Ho, Chu Ru, Xơ

Tiêng... Từ thế kỷ XIV, người Việt từ phía Bắc di cư vào khai hoang, lập ấp. Công cuộc di dân, khai khẩn đất hoang càng đẩy mạnh thì người di cư đến càng đông liên kết với cư dân tại chỗ, hình thành cộng đồng nhiều dân tộc sinh sống. Đồng thời, nơi đây cũng là địa bàn có nhiều tôn giáo sinh hoạt, trong đó có các tôn giáo chính là Phật giáo, Đạo Thiên chúa và Cao Đài... Suốt quá trình nhiều thế kỷ, cộng đồng các dân tộc, tôn giáo đã cùng hòa hợp, đoàn kết chống chọi với thiên tai, địch họa, xây đắp nên những phẩm chất tốt đẹp về tinh thần cần cù, dũng cảm, trung thực, nghĩa tình.

Với đặc điểm về trình độ phát triển kinh tế còn thấp, hạ tầng giao thông hạn chế, sự đa dạng của thành phần tộc người có gây ra những khó khăn nhất định cho xây dựng và huy động các nguồn lực phục vụ kháng chiến. Nhìn về tổng thể, nguồn nông sản và tự nhiên tại chỗ cùng với sự liên kết kinh tế giữa miền núi và đồng bằng cũng như địa bàn rộng lớn, cộng đồng dân cư đã bảo đảm nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân các dân tộc, đồng thời, có khả năng tạo ra và bảo đảm nguồn hậu cần cho các căn cứ kháng chiến.

- Truyền thống yêu nước và cách mạng

Khi đất nước đối đầu với họa xâm lăng của thực dân Pháp, nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã anh dũng đứng lên chống quân xâm lược. Sau khi triều Nguyễn ký hàng ước, vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết ban chiếu Cần Vương năm 1885, nhân dân miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ đã nhanh chóng đứng lên hưởng ứng phong trào kháng chiến. Tại Quảng Nam, phong trào Nghĩa hội do Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến, Trần Đình, Nguyễn Thành, Nguyễn Hanh, Ông Ích Thiệu lãnh đạo, dựa vào thung lũng Trung Lộc (Quế Sơn), nơi có núi cao bao bọc để xây dựng căn cứ đánh Pháp. Ở Quảng Ngãi nổi lên phong trào chống Pháp của đồng bào các dân tộc Hrê, Cadong, Cor ở các huyện miền núi Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng, dưới sự chỉ huy của Đinh Đoàn, Đinh Đầu, Đinh Tăm, Đinh Mẫn, Đinh Tôm, Đinh Boóc,... Ở Bình Định, các ông Đào Doãn Định, Mai Xuân Thưởng, Tăng Bạt Hổ lập căn cứ kháng chiến tại vùng núi Lộc Đồng (phía Tây tổng Phú Phong) để chống Pháp. Những năm

1902 – 1908, đồng bào Ba Na, Hrê, Chăm ở các huyện Vĩnh Thạnh, An Lão, Vân Canh, dưới sự lãnh đạo của Trương Các, Nguyễn Thiện, Ứng Văn Lê, Ứng Văn Diện, Hoàng Văn Chùy, Nguyễn Văn Tính, Võ Trứ nổi dậy chống sưu cao thuế nặng, chống bắt lính, chống thực dân Pháp lên vùng rừng núi chiếm đất. Ở Phú Yên, cử nhân Lê Thành Phương và các nhà yêu nước Nguyễn Hào Sứ, Nguyễn Thị Vân Đương, Lê Thành Bính, Đặng Đức Vĩ, Tán Trương, Tán Lý, Tán Thiều lập căn cứ ở núi Một, núi Chóp Vung, núi Hòn Đồn, núi La Hiên, núi Sầm để tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp. Dựa vào vùng rừng núi phía Tây của tỉnh, nghĩa quân xây dựng các căn cứ địa Vân Hòa, Hà Đang – Thồ Lồ trở thành những căn cứ sơn phòng làm nơi rút lui, bảo toàn lực lượng, các căn cứ sơn phòng ở miền Tây đã trở thành hậu cứ vững chắc cho phong trào Cần Vương ở Phú Yên. Năm 1900, Võ Trứ và Trần Cao Vân dựa vào núi La Hiên (Phú Yên) xây dựng căn cứ chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa của hai ông thu hút được sự tham gia của hàng ngàn đồng bào Kinh – Thượng thuộc các huyện Đồng Xuân, Sơn Hòa, Tuy An. Ở Ninh Thuận, hưởng ứng phong trào chống Pháp, lúc bấy giờ có nghĩa quân của Mai Xuân Thưởng từ Phú Yên vào É Lâm Hạ (sau này là căn cứ Bắc Ái của tỉnh Ninh Thuận), lập căn cứ kháng chiến.

Ở Tây Nguyên cùng thời gian trên, nhân dân các dân tộc nổi dậy chống Pháp, giữ quyền làm chủ “không chịu hàng Tây”. Nhân dân Xơ-đăng, Ba-na, Gia-rai, Ê-đê, Mơ-nông, Ko'ho, Mạ... liên tục chặn đánh các cuộc hành binh của thực dân Pháp. Vùng tây Bắc Kon Tum liên minh với nghĩa quân Lào vùng Bô-lô-vên, nổi dậy ở Đắc-psi, Kon-ktu, Đắc-tô, Đak-hà,... Các dân tộc Nam Tây Nguyên nổi dậy chống Pháp ở từng vùng, liên vùng, liên kết nhiều dân tộc do các tù trưởng có uy tín lãnh đạo như A-ma Shao, N'trang Gưh, Oih'mai... Nổi tiếng là cuộc khởi nghĩa của liên minh các dân tộc Mơ-nông, Ê-đê, Mạ, Xơ-tiêng, K'ho do N'trang Long lãnh đạo.

Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã cùng nhân dân Nam Trung Bộ đoàn kết đấu tranh, tiến hành các phong trào cách mạng, góp phần

vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Truyền thống yêu nước, yêu quê hương, tinh thần đấu tranh cách mạng bất khuất của nhân dân các dân tộc miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là điều kiện mang tính nền tảng, rất quan trọng để tổ chức và lãnh đạo phong trào kháng chiến trên địa bàn giành thắng lợi.

- Tình hình phong trào kháng chiến trước năm 1949

Quay trở lại xâm lược 3 nước Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng, thực dân Pháp coi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị và quân sự. Nhằm sử dụng làm bàn đạp để chia cắt chiến trường Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với cả nước, ngăn chặn sự liên kết giữa phong trào kháng chiến ở đồng bằng ven biển và phong trào kháng chiến ở miền núi, cao nguyên, khống chế các hành lang giao thông và hậu cần, cô lập các căn cứ kháng chiến và tạo điều kiện tiến công, bình định vùng duyên hải, sau khi tái chiếm các đô thị và trung tâm hành chính ở Tây Nguyên, trong các năm 1946 - 1947, thực dân Pháp từng bước xây dựng hệ thống cứ điểm quân sự, mở rộng kiểm soát các trục giao thông và khu vực trọng yếu, thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, ra sức bình định, càn quét nhằm phá vỡ căn cứ kháng chiến và cô lập lực lượng cách mạng. Với chính sách "chia để trị", từ tháng 4 đến tháng 7-1948, thực dân Pháp dựng lên một loạt các xứ tự trị thuộc các dân tộc thiểu số ở miền rừng núi Tây Nguyên, giương chiêu bài "chống cộng" để lôi kéo các tôn giáo và sử dụng lực lượng vũ trang giáo phái (Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo...) chống lại phong trào kháng chiến. Thực dân Pháp ráo riết phát triển nguy quân, đẩy mạnh càn quét, lập hệ thống tháp canh Đờ Latua (De Latour), thi hành chiến thuật "cứ điểm nhỏ và đội ứng chiến nhỏ", thực hiện khẩu hiệu: "*đốt sạch, cướp sạch, giết sạch*". Cũng như với Tây Nguyên, thực dân Pháp ra sức đánh chiếm các tỉnh cực Nam Trung Bộ, áp dụng chiến thuật "*khóa then cửa*" để bao vây, thông qua hệ thống đồn bốt kết hợp với càn quét, lùng sục, tuần tra..., cắt liên lạc giữa phong trào kháng chiến ở cực Nam Trung Bộ với vùng tự do.

“Những âm mưu và hành động xâm lược của thực dân Pháp đã gây ra nhiều khó khăn cho phong trào, có nơi bị tổn thất lớn” [119, tr.150-151].

Tuy nhiên, thực dân Pháp không thể làm chủ hoàn toàn địa bàn Tây Nguyên và vùng phụ cận; nhiều vùng rừng núi rộng lớn Tây Nguyên, vùng núi phía tây của ba tỉnh cực Nam Trung Bộ (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) vẫn thuộc quyền kiểm soát của lực lượng kháng chiến, là địa bàn căn cứ kháng chiến. Tình hình trên tạo ra những khó khăn, thử thách cho phong trào kháng chiến trên địa bàn cũng như vùng tự do Nam Trung Bộ, vừa là cơ hội để các cấp bộ Đảng lãnh đạo phong trào kháng chiến giam chân, tiêu hao sinh lực địch, phối hợp và góp phần vào cuộc kháng chiến trên cả nước.

Khi thực dân Pháp tấn công và thiết lập bộ máy cai trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, sự điều hành của Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân trên địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã thực hiện "vườn không nhà trống", đào hào đắp ụ, xây dựng công sự, phá hoại cầu, đường để ngăn địch; chiến đấu chống các cuộc càn quét, tiêu diệt địch, tiến hành các hoạt động kháng chiến ở địch hậu, bất hợp tác với địch, gây cơ sở, phá kế hoạch củng cố của địch... Các căn cứ kháng chiến hình thành là nơi tổ chức lực lượng, huấn luyện bộ đội, dân quân du kích và dân quân tự vệ, tăng gia sản xuất, xây dựng đời sống mới...

Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị mở rộng (15-01-1948) về “phát triển chiến tranh du kích khắp nơi”, “biến hậu phương địch thành tiền phương ta”, quân và dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã tiến hành một cuộc đấu tranh rộng lớn ở vùng sau lưng địch. Để gây dựng lại phong trào, hàng nghìn cán bộ, đảng viên, du kích đã quay trở về bám đất, bám dân, bộ đội chủ lực tiến vào vùng địch chiếm, phân tán hoạt động dưới các hình thức đại đội độc lập, đội vũ trang tuyên truyền, đội xung phong công tác. Tùy tình hình từng lúc, từng nơi, phương thức khác nhau, nhưng phổ biến là phân tán thành tổ nhỏ len lỏi hoạt động của các lực lượng nói trên có sự vận dụng linh hoạt vào vùng địch,

bám đất, bám dân, cùng ăn, cùng ở, cùng làm, kiên trì giác ngộ từng người dân, gây cơ sở, tổ chức hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

Ngày 03-7-1948, Hội nghị quân sự toàn miền Nam Trung Bộ đã họp, dưới sự chủ trì của Phạm Văn Đồng, Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ miền Nam Trung Bộ đã đề ra nhiệm vụ chiến lược là "Đẩy mạnh chiến tranh sang giai đoạn thứ hai. Tích cực hoạt động phá kế hoạch của địch, củng cố bình định vùng bị chiếm, tập trung quân tấn công vùng tự do". Với phương châm chiến lược: "Phát triển du kích chiến để đi đến vận động chiến". Sau Hội nghị, đến tháng 9 năm 1948, các tỉnh trong khu vực lần lượt mở hội nghị bàn kế hoạch củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích, phát động du kích chiến tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã không ngừng diễn ra gay gắt bằng chiến tranh du kích; xây dựng và củng cố vùng căn cứ vững chắc; góp phần phối hợp với cách mạng 2 nước Lào và Campuchia, xây dựng thế trận đánh địch ở khu vực biên giới 3 nước Đông Dương [146, tr. 107,110].

Nhìn chung, đến năm 1949, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp các cấp ủy địa phương, quân, dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã giữ vững và phát triển mạnh mẽ phong trào kháng chiến, tạo những tiền đề quan trọng để Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp trên địa bàn chiến lược này đi đến thắng lợi. Những đặc điểm địa bàn và tình hình phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tuy có những khó khăn nhất định, nhưng về cơ bản là những tiền đề, điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V sau ngày thành lập đối với phong trào kháng chiến ở địa bàn chiến lược này.

1.1.1.2. Chủ trương đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến và sự chỉ đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V.

Đến năm 1949, sau 4 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam đã thu được những thắng lợi to lớn, tiến tới giành quyền chủ động chiến lược. Để thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến đi tới thắng lợi, Trung ương Đảng đề ra những chủ trương và chỉ đạo mới đối với các cấp bộ Đảng, quân và dân trên cả nước.

Tháng 01-1949, Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị cán bộ lần thứ sáu, Hội nghị đã đánh giá so sánh lực lượng thay đổi ngày càng có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, và đề ra quan điểm chỉ đạo cụ thể: "nỗ lực chuẩn bị, sẵn sàng đón lấy dịp tốt, tuyệt đối không nên bỏ lỡ cơ hội chiến lược"; "động viên mọi lực lượng tinh thần, vật chất của toàn dân vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc, giành kỳ được độc lập và dân chủ thật sự". Hội nghị đề ra phương châm: du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ, sớm đẩy vận động chiến lên ngang hàng với du kích. "Giành chủ động trong từng chiến dịch và chiến đấu để thực hiện chiến lược toàn thể ở giai đoạn tổng phản công [150, tr. 50]. Hội nghị cũng chủ trương: "mở rộng mặt trận Lào, Miên; vì Lào, Miên là hậu phương rộng rãi của địch, chúng ta cần phân tán lực lượng của địch và giúp Lào, Miên giải phóng, không độc lập thì nền độc lập của Việt Nam khó đảm bảo" [150, tr. 74]. Những chủ trương của Trung ương Đảng đã giúp các cấp bộ Đảng và nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đẩy mạnh phong trào kháng chiến.

Từ ngày 21-01 đến 03-02-1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng đã tiến hành họp và xác định:

Chiến trường chính hiện nay là Bắc Việt Nam. Nhưng việc tập trung lực lượng vào chiến trường chính phải đi đôi với tăng cường đúng mức cho chiến trường miền Nam, để sự phối hợp có hiệu lực và lợi dụng triệt để những điều kiện thuận lợi của ta ở miền Nam... Chú trọng xây dựng căn cứ địa chính cho Lào, Campuchia và mở rộng cơ sở quần chúng, gắn liền các căn cứ địa với nhau [151, tr. 206].

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đẩy mạnh kháng chiến tiến lên giành thắng lợi lớn, Trung ương Đảng và Chính phủ đã chủ trương tiến hành tổng

động viên. Ngày 12-02-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh quyết định tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân để phục vụ cho nhu cầu kháng chiến.

Tháng 02-1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra 2 nhiệm vụ chính của Đảng là “Đưa kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn” và “Tổ chức lại Đảng Lao động Việt Nam”. Đại hội quyết định: “tập trung mọi lực lượng để kháng chiến, đảng hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc” [152, tr.76], đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang và các tổ chức quần chúng, đẩy mạnh thi đua yêu nước, thi hành chính sách ruộng đất ở vùng tự do, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, thành lập Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào; tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành 3 đảng, ở Việt Nam, Đảng ra công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) chỉ rõ mục đích, phương châm và nhiệm vụ lúc bấy giờ là các cấp ủy phải nhảy bén, bám sát quần chúng, thống nhất chỉ đạo, tổ chức của Đảng phải chặt chẽ, bí mật, gọn gàng.

Đến tháng 04-1952, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ ba (khóa II), phê phán tư tưởng nôn nóng, ỷ lại và khẳng định một lần nữa quan điểm trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh và đề ra ba nhiệm vụ lớn là: tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích; phá chính sách "*dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*" của địch; bồi dưỡng lực lượng nhân dân, phục vụ phong trào kháng chiến.

Tháng 01-1953, Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, chủ trương: Tăng cường sự chỉ đạo chiến tranh của Đảng; đẩy mạnh công tác vùng sau lưng địch, tiếp tục tăng cường chiến tranh du kích, chống phá càn quét, mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích, phá âm mưu địch xây dựng nguy quân, nguy quyền....

Tháng 9-1953, trên cơ sở những thắng lợi đạt được, căn cứ vào tình hình trong nước và quốc tế, Bộ Chính trị họp bàn về nhiệm vụ quân sự, xác định chủ trương tác chiến trong Đông Xuân 1953 - 1954 là: “Sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở, đồng thời tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; trong lúc đó, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch và tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích để cho chủ lực rảnh tay làm nhiệm vụ” [76, tr. 192]. Bộ Chính trị cũng xác định phương châm, nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và chỉ đạo tác chiến, trong đó, chủ trương: giữ vững chủ động, kiên quyết buộc quân Pháp phải phân tán lực lượng. Nghị quyết cuộc họp Bộ Chính trị (9-1953) là mốc đánh dấu Đảng phát động và lãnh đạo cuộc tiến công chiến lược, nhằm đánh bại những nỗ lực chiến tranh xâm lược cao nhất của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Ngày 06-12-1953, trong khi quân Pháp ráo riết tăng cường lực lượng và hình thành tập đoàn cứ điểm Điện Biên phủ, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh họp và thông qua phương án tác chiến mùa xuân năm 1954 do Tổng Quân ủy báo cáo và quyết định mở “chiến dịch Điện Biên Phủ” [184, tr. 440]. Trong quá trình chỉ đạo chuẩn bị, tiến hành Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo đẩy mạnh tấn công địch trên các chiến trường, trong đó Tây Nguyên là một trong 5 mũi tấn công chiến lược để phân tán lực lượng địch, phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 22 - 02 -1954, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị “Ra sức phá tan mưu mô đẩy mạnh chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp - Mỹ”, Ngày 09 - 03 - 1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “Về việc chống địch bắt lính”; Ngày 26 - 03 -1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị: “Nhân đà thắng lợi của ta, ra sức đẩy mạnh công tác ở vùng tạm bị chiếm”; Ngày 19 - 4 - 1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết “Về việc tiếp tục thâu

triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, đề cao quyết tâm tích cực giành thắng lợi cho chiến dịch Điện Biên Phủ” và Nghị quyết: “Các chiến trường toàn quốc phải tiếp tục quán triệt phương châm "đánh nhỏ ăn chắc" và liên tục hoạt động trong một thời gian dài để phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Điện Biên Phủ”. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp bộ Đảng, đảng viên, toàn dân và toàn quân “đem toàn lực chi viện chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch” [155, tr.88].

Có thể thấy, những chủ trương và chỉ đạo của Đảng trên đây là nhân tố quyết định thúc đẩy cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đưa đến chiến thắng vĩ đại của chiến dịch Điện Biên Phủ: là căn cứ để các cấp bộ Đảng vận dụng, xây dựng chủ trương và chỉ đạo phong trào kháng chiến trên địa bàn được phân công phụ trách. Đồng thời, với những chủ trương và chỉ đạo đối với toàn Đảng như trên, trong suốt quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến, nhất là từ năm 1949, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn quan tâm tăng cường chỉ đạo phong trào kháng chiến đối với các cấp bộ Đảng nói chung, ở Liên khu V nói riêng, trong đó miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

2.1.2. Chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

2.1.2.1. Đảng bộ Liên khu V được thành lập

Từ tháng 10-1945, đề lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Trung ương Đảng và Chính phủ đã chỉ đạo thành lập Chiến khu 5 (gồm các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum) và Chiến khu 6 (gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng). Tháng 11-1946, Trung ương Đảng và Chính phủ cử Phạm Văn Đồng làm đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở Nam Trung Bộ; thành lập Ủy ban quân sự chỉ đạo trực tiếp cuộc kháng chiến ở các tỉnh Khu 5 và Khu 6. Sau khi phát động cuộc “Toàn

quốc kháng chiến”, để phù hợp với nhiệm vụ quân sự, tháng 4 -1947, Trung ương quyết định thành lập Phân khu 15 (gồm tỉnh Kon Tum, phần bắc tỉnh Gia Lai và miền tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi). Đến tháng 9 -1947, Trung ương có quyết định tách các tỉnh Tây Nguyên thành lập Khu 15 (gồm: Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng).

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, vào tháng 01-1948, Trung ương Đảng, Chính phủ quyết định tổ chức lại bộ máy Đảng, chính quyền ở địa phương, hợp nhất các Khu thành Liên khu. Tháng 8-1948, Hội nghị cán bộ lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định: “Ba khu Nam Trung Bộ khu 5, khu 6 và khu 15 thống nhất thành một Liên khu như Bắc Bộ (Ban Chấp ủy miền Nam của ba khu này đổi thành Liên khu ủy)” [149, tr. 293]. Thực hiện chủ trương đó, ngày 20-10-1948, các Khu 5, Khu 6 và Khu 15 sát nhập thành Liên khu V.

Để tăng cường và thống nhất sự lãnh đạo của Đảng, dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, công tác chuẩn bị thành lập Đảng bộ Liên khu V được xúc tiến khẩn trương. Ban Chấp ủy Hội miền Nam Trung Bộ đổi thành Liên khu ủy và tiến hành kiện toàn về cơ cấu tổ chức, bộ máy, thống nhất về tổ chức Đảng trong toàn Liên khu*. Sau một thời gian khẩn trương chuẩn bị, tháng 03-1949, tại huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên Khu V lần thứ nhất được tiến hành, đánh dấu Đảng bộ Liên khu V chính thức thành lập.

Đảng bộ Liên khu V ra đời đáp ứng yêu cầu về tăng cường, tập trung sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến ở Nam Trung Bộ nói chung và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam bước sang giai đoạn phát triển mới.

* Tuy đổi thành Liên khu ủy, nhưng, trong quá trình kiện toàn về tổ chức, bộ máy phù hợp với vai trò mới, trong một số văn bản chỉ đạo thời gian này, vẫn lấy danh nghĩa Ban Chấp ủy Hội miền Nam Trung Bộ.

2.1.2.2. Chủ trương của Đảng bộ Liên khu V

Từ cuối năm 1948, trong quá trình chuẩn bị thành lập Đảng bộ, đồng thời với việc kiện toàn về cơ cấu tổ chức, nhân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, tháng 01-1949, Liên khu uỷ và Chính uỷ Liên khu triệu tập Hội nghị Chính trị viên toàn Liên khu lần thứ nhất. Hội nghị đã nhận định tình hình và đề ra những nhiệm vụ của Liên khu V theo tinh thần chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng - đại diện Chính phủ ở Nam Trung Bộ: “Phát động chiến tranh du kích rộng rãi, đánh sâu vào vùng địch, nhất là Tây Nguyên, tích cực phối hợp với cách mạng Lào và Campuchia, đẩy mạnh đánh địch ở Hạ Lào và đông bắc Campuchia. Dồn hẹp phạm vi an toàn và chiếm đóng của địch. Xây dựng lực lượng mạnh” [185, tr. 127].

Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên Khu V lần thứ I (3-1949), cùng với việc hoàn thành việc thống nhất tổ chức của Đảng bộ, đề ra những nhiệm vụ của Liên khu V trong bối cảnh mới. Đại hội chủ trương: (1) tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào kháng chiến; (1) đẩy mạnh lãnh đạo công tác xây dựng và lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể quần chúng, củng cố Hội đồng nhân dân, bầu lại Hội đồng nhân dân tỉnh và xã, nơi nào chưa có điều kiện thì cải tổ lại, đưa các phần tử mới, tích cực trong dân chúng vào, tỷ lệ đảng viên trong Hội đồng nhân dân không quá 1/2 tổng số hội viên, “tập trung vào vùng bị chiếm, phá nguy quyền, củng cố chính quyền của ta, các tỉnh tự do nhận đỡ đầu các tỉnh bị chiếm”; (3) đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng bị địch tạm chiếm, nhất là khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với khẩu hiệu “tất cả cho vùng bị chiếm”, “giành lại từng phần Tây Nguyên”; (4) xác định: “chiến trường Tây Nguyên là chuyển chiến thuật du kích chiến lên du kích vận động, phải xây dựng, củng cố, mở rộng các căn cứ du kích, xây dựng các cơ sở kháng chiến ở Tây Nguyên” [4, tr.1-2].

Sau Đại hội, ngày 06 - 4 - 1949, Đảng bộ Liên khu tổ chức Hội nghị Đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất tại huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Hội nghị đề ra nhiệm vụ lãnh đạo phong trào kháng chiến trong Liên khu V, trong đó, chú trọng khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là

phải bảo tồn, củng cố lực lượng, tiêu hao địch, giữ một vùng đất tự do rộng rãi... “biến hậu phương địch thành tiền phương ta”, tích cực bồi dưỡng và tăng cường lực lượng, xây dựng cơ sở cách mạng, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển phong trào nhân dân, ... chuẩn bị điều kiện tổng phản công.

Từ ngày 08 đến 16-7-1950, Đảng bộ Liên khu V họp dưới sự chủ trì của Bí thư Liên khu ủy Nguyễn Duy Trinh, Hội nghị đã đánh giá tình hình Đảng bộ sau hơn một năm lãnh đạo. Căn cứ vào tình hình vùng tạm chiếm thiếu ổn định, Hội nghị chủ trương “tiếp tục gây cơ sở đảng ở các vùng địch hậu” [18]. Tiếp theo, từ ngày 29-12-1950 đến ngày 02-01-1951, Đảng bộ Liên khu họp Hội nghị mở rộng và đề ra các nhiệm vụ: đẩy mạnh xây dựng thực lực, tiếp tục phát triển du kích chiến tranh đến cao độ; tăng cường bảo vệ và xây dựng căn cứ địa - hậu phương và phát động đấu tranh, tăng cường hoạt động tác chiến tại khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Từ ngày 16 - 7 đến ngày 02 - 8 - 1951, tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần II được tiến hành. Đại hội chủ trương tiếp tục phát triển du kích chiến tranh đến cao độ trong vùng sau lưng địch, đồng thời, tập trung binh lực mở những chiến dịch lớn và liên tục, tạo một chuyển biến trong tương quan lực lượng giữa ta và địch. Đại hội đề ra 6 nhiệm vụ bao quát, trong đó nhấn mạnh: “Ra sức xây dựng, bảo vệ căn cứ địa (kể cả căn cứ địa vùng tự do và vùng bị chiếm); đồng thời, tổng động viên nhân tài, vật lực phục vụ tiền tuyến. Phát triển kinh tế, chú trọng sản xuất và bảo vệ sản xuất lương thực, đồng thời nắm vững chính sách tài chính để đảm bảo cung cấp cho kháng chiến và cải thiện dân sinh. Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh, thuần khiết, gắn chặt với quần chúng” [28].

Đặc biệt, Đại hội đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đại hội ghi rõ: "Nhiệm vụ quan trọng số một là vấn đề mở rộng và xây dựng cơ sở địch hậu, phá chính sách "bình định", phá âm mưu củng cố Tây Nguyên của địch" [28]. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Đảng bộ quyết định: “Phải củng cố lại miền Tây, xây dựng cơ sở bắc Tây Nguyên vững chắc để giữ vững lưng

dựa của vùng tự do; đồng thời, ra sức xây dựng làng chiến đấu để bảo vệ căn cứ địa vùng tự do” [28]. Đại hội cũng chủ trương: “Mở rộng căn cứ địa Tây Nguyên; tích cực giúp đỡ, củng cố và phát triển cơ sở kháng chiến của khu Hạ Lào. Mở rộng chiến trường sang miền Đông; tích cực phát triển phong trào dân quân. Tích cực phát triển du kích chiến tranh vùng địch kiểm soát, nhất là Tây Nguyên; xây dựng, bồi dưỡng lực lượng, chống càn quét trong vùng tạm chiếm; động viên toàn dân, giữ vững đoàn kết, giữ vững mặt trận thống nhất; cùng với toàn quốc thực hiện khẩu hiệu chính trị “Tất cả để chiến thắng” [28]. Nghị quyết Đại hội được nhanh chóng các Đảng bộ trực thuộc quán triệt và triển khai thực hiện tại địa phương.

Cũng trong năm 1951, Đảng bộ Liên khu đã ban hành nhiều Chỉ thị về công tác dân vận ở Liên khu, trong đó có những chỉ đạo riêng cho khu vực Tây Nguyên. Ngày 16-3-1951, Đảng bộ Liên khu V ban hành Chỉ thị về công tác dân vận ở Tây Nguyên. Sau khi phân tích những âm mưu và thủ đoạn của địch về phá cuộc chiến tranh nhân dân, chia rẽ nhân dân, những khiếm khuyết trong công tác tuyên truyền vận động quần chúng ở Tây Nguyên, Liên khu ủy V nhấn mạnh: nhiệm vụ chính ở Tây Nguyên là vận động nhân dân tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân; hướng dẫn dân lánh địch, phát triển làng chiến đấu, giữ làng, rẫy; đào tạo cán bộ địa phương, giáo dục nhân dân...

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu lần thứ II, ngày 20-11-1952, Thường vụ Liên khu ủy V họp và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong Đông Xuân 1952 - 1953 là:

Chọn chiến trường trọng điểm tác chiến của chủ lực là An Khê. Mục đích đợt hoạt động là tiêu diệt địch, bồi dưỡng lực lượng ta, phá âm mưu chia rẽ dân tộc (bọn Goum, tề, gián điệp) tạo đà cho phát triển cơ sở chính trị và du kích ở địa phương, phối hợp với chiến trường toàn quốc” với phương châm là “đánh điểm diệt viện”. Đồng thời “giáo dục bộ đội chấp hành chính sách thượng du của Đảng, chính phủ, đặc biệt chính sách vận động nguy binh thượng du, phá Goum, tề, gián điệp [146, tr.212-213].

Từ ngày 12 đến ngày 19-5-1953, Hội nghị lần thứ tư Liên khu ủy V họp và đã đề ra các mặt công tác để lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Liên khu, nhất là khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phối hợp với chiến trường cả nước. Trên cơ sở đánh giá, nhận định tình hình, Đảng bộ Liên khu V đã xác định nhiệm vụ trong thời gian trước mắt là:

Đẩy mạnh chiến tranh du kích tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta; động viên toàn quân tham gia chuẩn bị phát động quần chúng; Nắm vững sách lược của Đảng ở nông thôn; tiếp tục giáo dục phương châm, chinh đốn các lệch lạc xuống tận cơ sở; Thực hiện chính sách dân tộc thiểu số kết hợp với công tác vùng sau lưng địch; Tiếp tục tăng cường về mọi mặt; Phát triển chiến tranh du kích, chống và phá càn quét để củng cố và mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích... [38].

Ngày 02-12-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng gửi mật điện chỉ đạo Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến cuộc Đông Xuân 1953 – 1954 là: Tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên và Hạ Lào (trước hết là Tây Nguyên), tiếp tục củng cố vùng tự do hiện nay. Phát triển lên Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, nhiệm vụ củng cố vùng tự do là quan trọng thứ hai, nắm vững phát triển là chính, nhưng không xao lãng củng cố vùng tự do, đề phòng những lệch lạc có thể xảy ra. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, giữa tháng 12 năm 1953, Thường vụ Liên khu ủy V họp và chủ trương động viên toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân nỗ lực phấn đấu giành thắng lợi lớn nhất. “Tập trung toàn bộ bộ đội chủ lực tiến công địch ở Tây Nguyên, đồng thời tập trung lực lượng vũ trang địa phương kiên quyết đánh địch, bảo vệ vùng tự do. Là hai nhiệm vụ quan trọng song song, xác định tiến công lên Tây Nguyên tiêu diệt địch ở đây là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất” [146, tr.19].

Trước âm mưu địch mở rộng chiếm đóng vùng tự do Liên khu V, củng cố miền Nam, căn cứ các Chỉ thị của Trung ương, Liên khu ủy V triệu tập Hội nghị lần thứ năm từ ngày 20 đến ngày 24 - 03 - 1954, chủ trương “ra sức đánh

giặc và chuẩn bị đánh giặc, phải tập trung mọi lực lượng thực hiện cho được nhiệm đó”. Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể:

- Ra sức củng cố, phát triển lực lượng cách mạng, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích, thu hẹp vùng tạm bị chiếm;
- Tích cực xây dựng, bảo vệ và mở rộng căn cứ địa cách mạng;
- Ra sức bồi dưỡng lực lượng nhân dân, xây dựng thực lực kháng chiến để có điều kiện duy trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến lâu dài;
- Chính đôn tổ chức và lễ lới làm việc thích hợp với hoàn cảnh và nhiệm vụ mới. Kiện toàn cơ quan chỉ đạo các cấp từ Liên khu đến cấp xã, thôn [43, tr. 19].

Tóm lại, trong thời gian từ năm 1949 đến năm 1954, những chủ trương của Đảng bộ Liên khu V về lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vừa nằm trong chủ trương chung đối với phong trào kháng chiến toàn Liên khu, vừa có những chủ trương cụ thể đối với khu vực.

Những chủ trương đó của Đảng bộ, vừa là sự quán triệt, vận dụng và tuân thủ chủ trương kháng chiến và những chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, vừa căn cứ vào thực tiễn tình hình cụ thể của khu vực; tập trung vào hai nhiệm vụ chính là xây dựng, củng cố lực lượng và tiềm lực, đồng thời, phát huy vai trò của địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong tiến công địch, trong phục vụ kháng chiến. Những chủ trương của Đảng bộ là căn cứ để Liên khu ủy, các cấp ủy Đảng trực thuộc chỉ đạo, đưa phong trào kháng chiến ở khu vực này phát triển giành thắng lợi, góp phần cùng cả nước đánh thắng âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

2.2. ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V CHỈ ĐẠO PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

2.2.1. Chỉ đạo xây dựng lực lượng và tiềm lực kháng chiến

2.2.1.1. Chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ kháng chiến.

Trên cơ sở chủ trương đã đề ra, Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng thực lực kháng chiến trong Liên khu, tăng cường công tác xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa kháng chiến trên địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong những năm 1949 - 1951, triển khai thực hiện nhiệm vụ của Trung ương và Nghị quyết Đại hội lần thứ I, lần thứ II của Đảng bộ, Liên khu ủy V, các Đảng bộ địa phương ở Nam Trung Bộ đã chỉ đạo khẩn trương xây dựng lực lượng theo phương châm giao nhiệm vụ cho các lực lượng, bộ phận về các vùng gây dựng, củng cố, phát triển lực lượng quần chúng, tổ chức cho nhân dân rào làng, xây dựng căn cứ kháng chiến, bố phòng, bắt hợp tác với địch...; làm bàn đạp để các lực lượng tiến sang hỗ trợ phát triển phong trào kháng chiến Tây Nguyên.

Tại Quảng Nam, từ cuối năm 1949, Đảng bộ khẩn trương củng cố và phát triển phong trào kháng chiến ở các huyện miền núi. Tháng 3-1950, Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai “xây dựng miền núi của tỉnh thành căn cứ địa để bảo vệ vùng tự do và làm bàn đạp cho cả tỉnh” [65, tr.125-126]. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các huyện miền Tây, Tỉnh ủy thành lập Đảng bộ huyện Trà My (tháng 10-1949), Đảng bộ huyện Bến Giằng (tháng 6-1949) và Đảng bộ huyện Bến Hiên (tháng 10-1950). Tháng 7-1951, Tỉnh ủy Quảng Nam đã tổ chức Hội nghị nhằm chủ trương xây dựng căn cứ địa. Hội nghị nhấn mạnh “việc xây dựng căn cứ địa là vấn đề chiến lược quan trọng trong giai đoạn chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công”. Trong đó, không những giữ vững vùng căn cứ địa sẵn có mà còn mở rộng và phát triển, lập các khu căn cứ mới, tạo thành thế kết nối, liên hoàn, kể cả việc hình thành các khu căn cứ du kích ở vùng sau lưng địch. Hội nghị đã chỉ đạo “ở vùng tạm chiếm phải tiếp tục củng cố, xây dựng cơ sở, tổ chức du kích mật, đào tạo cán bộ tại chỗ, phát triển du kích chiến tranh, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị, bảo vệ căn cứ địa và đường liên lạc vào Đà Nẵng” [65, tr. 301-302]. Đảng

bộ tỉnh đã chỉ đạo xây dựng huyện miền núi Phước Sơn (giáp Lào) thành một căn cứ vững chắc. Đây là nơi đặt xưởng công binh quân giới đoàn kết sản xuất lựu đạn, mìn cung cấp cho lực lượng vũ trang của tỉnh, của Liên khu và chi viện cho chiến trường Hạ Lào [65, tr. 282-283].

Tại Quảng Ngãi, Ban phụ trách miền Tây Quảng Ngãi được thành lập và tăng cường hoạt động. Tỉnh ủy đề ra các nhiệm vụ, trong đó xác định: “xây dựng cơ sở miền núi, bảo vệ và phát triển các vùng căn cứ địa miền Tây Quảng Ngãi, phòng chống máy bay địch oanh tạc, nhảy dù, làm tốt công tác phòng gian bảo mật” [61, tr.132]. Đảng bộ chỉ đạo lực lượng dân quân du kích và bộ đội địa phương ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi “phải sát cánh cùng bộ đội chủ lực chiến đấu rất anh dũng, bảo vệ căn cứ địa, chăm sóc, cứu chữa thương binh, tăng gia sản xuất, xây dựng cơ sở, ổn định tình hình” [61, tr. 243-244].

Tại Bình Định, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, đến cuối năm 1949, trong các huyện, xã ở miền Tây tỉnh, lực lượng dân quân phát triển mạnh lên đến 1.924 dân quân (161 bạch đầu quân, 134 nữ dân quân, 1.628 nam); đặc biệt, lực lượng bạch đầu quân và nữ dân quân ở miền núi được tổ chức. Tháng 03-1950, Tỉnh ủy Bình Định chủ trương: “Phải huy động mọi tiềm năng về vật chất và tinh thần của địa phương để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tiền tuyến, đồng thời khẩn trương và tích cực xây dựng tỉnh nhà thành hậu phương vững mạnh về mọi mặt của chiến trường Liên khu V”.

Tại Ninh Thuận, Tỉnh ủy xác định: phải khẩn trương xây dựng căn cứ miền núi, nhất là Bác Ái; phân công cán bộ, du kích về các khu dồn dân để bám dân vận động quần chúng, diệt tề, trừ gian... Ở xã Thuận Dân, cán bộ về bám trụ ở Bầu Gạch, đào hầm trú ẩn ở các thôn La Chử, Phú Vĩnh và Mộng Đức. Đến cuối năm 1949, phong trào cách mạng trong vùng địch kiểm soát từng chỗ, từng nơi được khôi phục lại” [70, tr.176]. Tháng 10-1950, thành lập huyện căn cứ Bác Ái, đơn vị bộ đội địa phương đầu tiên của huyện được thành lập có 25 chiến sĩ; đến năm 1951, toàn huyện có 500 du kích,....

Trên cơ sở xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ tại địa bàn các huyện, xã miền Tây, thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V, các Đảng bộ ở

Nam Trung Bộ đã phân công các đội vũ trang công tác, vũ trang tuyên truyền lên Tây Nguyên hỗ trợ xây dựng và phát triển phong trào kháng chiến. Đồng thời, với xây dựng lực lượng, các căn cứ kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ, Đảng bộ Liên khu V đã tăng cường chỉ đạo các cấp bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể ở Tây Nguyên chống lại các âm mưu và thủ đoạn của địch tại địa bàn chiến lược này. Đảng bộ Liên khu cũng chỉ đạo các Đảng bộ, quân và dân toàn Liên khu hỗ trợ xây dựng lực lượng kháng chiến ở Tây nguyên.

Trước Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ, ngày 10-02-1949, Liên khu ủy V đã quyết định thành lập một Ban lãnh đạo chung cho các tỉnh cực Nam Tây Nguyên; đồng thời, xác định phương châm hoạt động ở vùng địa bàn là “bí mật gây cơ sở chính trị trong nhân dân, giữ thế sơ khoán, bám chặt quần chúng, phát triển tự vệ nhân dân, xây dựng du kích địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ căn cứ, tạo thuận lợi cho đấu tranh chính trị..., nắm vững nguyên tắc “bí mật” và quán triệt phương châm “kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn, làm chắc, ăn chắc, không chắc không làm, tránh liều lĩnh hoặc manh động” nhằm bảo tồn lực lượng cách mạng lâu dài, luôn luôn tồn tại và lớn lên” [3, tr.5-6].

Từ giữa năm 1949, đứng trước tình hình địch dồn dân, rào làng, đẩy lực lượng kháng chiến xa dân, từng bước tiêu diệt, xóa bỏ cơ sở cách mạng ở vùng tạm bị chiếm ở Tây Nguyên, thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Liên khu lần thứ nhất, tháng 5-1949, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo thực hiện chủ trương “tiến về làng”, gây cơ sở, phát động quần chúng đấu tranh diệt tề và chống địch dồn dân rào làng.... Cũng trong tháng 5-1949, Liên khu ủy và Bộ tư lệnh Liên khu V quyết định thành lập trung đoàn chủ lực đầu tiên của Liên khu. Sự ra đời của Trung đoàn có tác động tích cực để công tác xây dựng lực lượng và đấu tranh chống địch ở Liên khu cũng như ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tháng 11-1949, Đảng bộ Liên khu V tổ chức Hội nghị bàn về công tác địch hậu, trọng tâm là gây cơ sở địch hậu, lấy vận động chính trị, tranh thủ

nhân dân, tổ chức và hướng dẫn nhân dân đánh giặc, cứu nước làm trọng tâm; thống nhất chỉ đạo quân, dân, chính ở mỗi địa phương thành một tổ chức dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy địa phương. Để đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương “giành lại Tây Nguyên”, Hội nghị đã đề ra các nội dung cần phải quán triệt trong quá trình chỉ đạo phong trào:

Phải nắm vững mục đích công tác gây cơ sở địch hậu là vận động chính trị, tranh thủ nhân dân, tổ chức và hướng dẫn nhân dân đánh giặc cứu nước. Vì vậy, phải lấy việc giáo dục giác ngộ nhân dân làm cho nhân dân tự giác đứng lên đánh địch là điều quan trọng nhất... Lấy việc vận động giác ngộ chính trị và cải thiện đời sống làm chính. Hoạt động quân sự chỉ là hỗ trợ và có phương thức thích hợp [119, tr. 125-126]

Thực hiện chủ trương đề ra, tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong công tác Tây Nguyên, cuối năm 1949, Đảng bộ Liên khu quyết định củng cố lại Tỉnh ủy và Ban cán sự một số tỉnh Tây Nguyên; đồng thời, chỉ đạo đưa các đội vũ trang công tác, vũ trang tuyên truyền chia thành từng tổ, từng cán bộ, chiến sĩ, đi sâu vào buôn rẫy, lặn lội tìm tòi bắt liên lạc với từng người dân. Thực hiện chỉ đạo của Liên khu ủy, của các cấp bộ Đảng, các cán bộ, chiến sĩ người Kinh tự động cày rẫy, cấy tằm, phơi mình ngoài nắng cho da đen để hòa mình trong dân chúng... Do đó, cơ sở cách mạng được mở rộng ra nhiều vùng ở Đắk Tô (Kon Tum), Bản Đôn, Đắk Mil (Đắk Lắk), ở các đồn điền dọc đường 21; các đội vũ trang tuyên truyền đã vượt qua tuyến đường 14, đưa hoạt động cách mạng phát triển sang khu vực phía tây Tây Nguyên.

Tại Đắk Lắk, cán bộ chiến sĩ đã khắc phục được một bước bệnh hình thức, rập khuôn và có tiến bộ trong việc vận dụng nguyên tắc bí mật trong gây cơ sở chính trị, tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng, phát triển dân quân du kích, lồng chính quyền vào với mặt trận, dân quân với thanh niên, phụ nữ với hội mẹ chiến sĩ, chú trọng xây dựng nòng cốt bí mật trong các tổ chức nói trên. Ở những buôn, xã cơ sở còn yếu thì dùng chính quyền hai mặt để che mắt địch. Đến cuối năm 1949, cơ sở chính trị được mở rộng, giác ngộ,

chính trị được nâng cao nên quần chúng đã sáng tạo ra nhiều hình thức đấu tranh chống lại địch càn quét khủng bố.

Đặc biệt, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V, khu vực các xã miền núi như Đá Mai, Bầu Bàng, Suối Trai, Cà Lúi, Hòn Nhọn,... thuộc miền Tây hai huyện Đồng Xuân và Sơn Hòa (tỉnh Phú Yên), khu vực huyện Cheo Reo (của tỉnh Gia Lai chuyển giao cho tỉnh Đắk Lắk quản lý theo Nghị định số 203-CP của Đặc phái viên chính phủ tại miền Nam Trung Bộ)* và huyện M'Đrăk (tỉnh Đắk Lắk) hình thành một căn cứ liên hoàn; thành hậu cứ, nơi nhiều cơ quan, đơn vị công tác, lực lượng vũ trang của Đắk Lắk đứng chân; nơi các hoạt động kinh tế, văn hóa kháng chiến của tỉnh Đắk Lắk diễn ra sôi động; là căn cứ bàn đạp để phát triển lên Tây Nguyên.

Tháng 3-1951, Ban cán sự miền Tây Liên khu V đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng miền Tây tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam thành căn cứ địa của Liên khu liên kết với các tỉnh Bắc Tây Nguyên. Tại Gia Lai, Liên khu ủy V chỉ đạo xây dựng nhiều vùng du kích và căn cứ du kích mạnh, tiêu biểu là khu du kích bắc đường 19 (An Khê) gồm 6 làng, nòng cốt là làng Sơ-Tor, nơi ba năm liền bị địch bao vây không cho mua muối, vải, nông cụ, nhân dân phải đốt cỏ tranh lấy tro ăn thay muối, dùng vỏ cây làm khô; liên lạc với cách mạng bị gián đoạn. Xã Gia Hội có 21 làng, 2.000 đồng bào Ba Na ở Nam đường 19, tiếp giáp vùng núi phía Tây tỉnh Bình Định, là một địa bàn quan trọng nối liền miền Tây tỉnh Bình Định với đông tỉnh Gia Lai. Nhân dân toàn xã rào làng, cắm chông, gài bẫy, làm trại bí mật trong rừng cất giấu lương thực, bảo vệ vững chắc căn cứ của huyện và của tỉnh. Phong trào đánh Pháp của Gia Hội lan ra các xã trong vùng, hình thành một căn cứ du kích mạnh. Vùng du kích Xo-áp (tỉnh Kon Tum) là một cụm làng chiến đấu với nhiều lớp chông, bẫy dày đặc. Đứng đầu là làng Xo-áp dùi, nhân dân hoàn toàn bất hợp

* Huyện Cheo Reo về mặt quân sự địch là một chi khu thuộc phân khu PLâycu, lúc này từ huyện lỵ trở xuống đã có 3 cứ điểm: Cheo Reo, Ai Nu và M'Lăh...

tác với địch, đốt rẫy cỏ tranh ăn thay muối, mặc vỏ cây thay vải trong nhiều năm, địch không vào làng được, không lập được tề [185, tr.135,138].

Sau cuộc vận động “rèn cán chỉnh quân” và “chỉnh đốn tổ chức”, phong trào xây dựng làng chiến đấu được đẩy mạnh ở các vùng căn cứ bàn đạp. Bộ đội địa phương và du kích vùng sau lưng địch ở miền Tây các tỉnh Quảng Nam, Bình Thuận và một số nơi của các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận dựa vào làng chiến đấu đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của địch, chủ động tấn công diệt nhiều đồn bốt, thu vũ khí, giữ vững phong trào kháng chiến địa phương.

Tại Đồng Nai Thượng, Lâm Viên, được sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, công tác xây dựng cơ sở có tiến bộ, 95 buôn ở Đồng Nai Thượng có cơ sở, một số xã hai huyện Di Linh, Đại Ninh thành lập chính quyền cách mạng, các đội vũ trang tuyên truyền đi sâu giáo dục nhân dân vùng Mạ, phổ biến, báo "tin Đồng Nai Thượng" của ban cán sự tỉnh đến các xã.

Ở Lâm Viên, cơ sở cách mạng phát triển dọc đường 11 từ Đơ-răng đến Krông-pha, trong công nhân xe lửa trên đường Tháp Chàm - Đà Lạt, Ủy ban Việt Minh thành lập ở nhiều xã. Thị xã Đà Lạt có hàng trăm cơ sở ở Nha Địa dư, nhà máy dăm Đà Lạt, chợ Đà Lạt,...; vùng La-ba (tây Đà Lạt) bắt đầu xây dựng thành căn cứ lồi...

Từ năm 1952, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu và các cấp bộ Đảng việc xây dựng lực lượng kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được đẩy mạnh. Tháng 02 năm 1952, Đảng bộ Liên khu V họp Hội nghị lần thứ hai. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, Hội nghị chỉ đạo:

Xây dựng lực lượng phải từ cơ sở chính trị lên, luôn luôn hòa trong cơ sở chính trị “trong vùng tạm bị chiếm ở thôn quê, tổ chức bán vũ trang là du kích bí mật”, “trong vùng du kích, tổ chức bán vũ trang là dân quân du kích và bộ đội địa phương”. Tránh tình trạng tách rời lực lượng bán vũ trang, thoát ly sinh hoạt các đoàn thể quần chúng, khiến cho họ không còn là nòng cốt trong cơ sở chính trị nữa [35].

Hội nghị nhấn mạnh vị trí chiến lược của Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, là “phát triển các vùng du kích và căn cứ du kích mạnh, phấn đấu đưa vùng đông đường 14 lên thành vùng du kích và căn cứ du kích mạnh, vùng Tây đường 14 thành vùng du kích” [185, tr.5-6].

Thực hiện chủ trương của Hội nghị, chỉ trong một thời gian ngắn, cơ sở cách mạng được củng cố và phát triển. Các tiểu tổ du kích bí mật ở nhiều địa phương được tăng cường, trở thành tiểu đội, trung đội du kích. Ở một số nơi, phong trào dân quân phát triển khá rộng. Các tầng lớp nhân dân, các lứa tuổi đều hăng hái vào dân quân du kích. Nhiều nơi còn tổ chức các đội “bach đầu quân”, “nông dân kháng địch”, “thanh niên kháng địch”,... Với lực lượng chính trị và vũ trang được tổ chức lại, phong trào kháng chiến chống “bình định”, “chiêu an” diễn ra sôi nổi, quyết liệt. Tại tỉnh Bình Định, Tỉnh ủy cũng chủ trương “thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tăng thành phần chiến đấu mà không tăng quân số, xây dựng lực lượng phù hợp với thực tế chiến trường, khả năng trang bị và cấp dưỡng của tỉnh”. Với các biện pháp kiện toàn trên, “chất lượng các lực lượng vũ trang tỉnh có bước tiến bộ đáng kể, nhất là quán triệt nhiệm vụ cơ bản của lực lượng vũ trang tỉnh, là nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân địa phương” [63, tr. 132]. Từ năm 1952, lực lượng vũ trang ở huyện căn cứ Bác Ái (Ninh Thuận) phát triển mạnh với 2 trung đội bộ đội địa phương, 752 du kích, đến năm 1953 tăng lên 900 du kích. Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Bình Thuận triển khai củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan dân, chính Đảng, tăng cường lực lượng bám cơ sở, điều động cán bộ tham gia xây dựng căn cứ địa kháng chiến... Với bước phát triển đó, quân và dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã “tạo ra cho mình một thế đứng vững chắc, những điều kiện thuận lợi để tiếp tục phát triển thế và lực, tiếp tục xây dựng và nâng cao tiềm lực mọi mặt của chiến trường” [119, tr. 166-168].

Tháng 10-1952, Hội nghị Liên khu ủy V lần thứ ba họp, đề ra nhiệm vụ “đưa cuộc kháng chiến ở Nam Trung Bộ tiến lên mạnh hơn nữa, phối hợp với chiến trường toàn quốc; xây dựng du kích xã, xây dựng căn cứ địa cho Liên

khu và Tỉnh...; xây dựng quân đội về chính trị và tổ chức, trọng tâm là chính trị...” [36, tr. 22-23]. Công tác xây dựng các khu căn cứ ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ đi liền với công tác bảo vệ, chống địch xâm nhập, phá hoại. Đặc biệt, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo đấu tranh đập tắt hoạt động của bọn phiến loạn Chí Xứng ở Sơn Hà (Quảng Ngãi). Hội nghị thông qua chủ trương mở hoạt động Đông Xuân 1952 – 1953, trong toàn khu nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta, đẩy mạnh hơn nữa phong trào chiến tranh du kích. Trọng điểm tác chiến của bộ đội chủ lực là An Khê.

Tháng 5-1953, Hội nghị Liên khu ủy V lần thứ tư đã họp và đánh giá: “Nhận rõ được sự quan hệ giữa nhiệm vụ phản đế và phản phong, nhận rõ lực lượng căn bản của cách mạng Việt Nam là lực lượng công - nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, thông suốt về các đặc điểm của cuộc kháng chiến, quan hệ giữa tự lực cánh sinh và ngoại viện, sự quan trọng của hậu phương và vấn đề tăng cường lực lượng dự bị hậu phương” [38, tr. 12]. Trên cơ sở đánh giá chung, Hội nghị xác định nhiệm vụ cụ thể: “chú trọng giáo dục các chính sách lớn của Đảng, động viên nhân dân góp phần xây dựng bộ đội và du kích, tích cực chú trọng chống càn và phá càn; rút kinh nghiệm để phổ biến” [38, tr.23].

Đầu tháng 12-1953, Thường vụ Liên khu ủy V tổ chức họp và quyết định: “Khẩn trương xây dựng lực lượng, xây dựng làng chiến đấu, nghiên cứu phương án tác chiến cho từng vùng..”. Địch đánh đến địa phương nào, địa phương đó tự đối phó, tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận địch, kìm chân không cho chúng nhanh chóng mở rộng phạm vi kiểm soát, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra. Địa phương nào địch chưa đánh đến, phải tích cực động viên nhân dân phục vụ tiền tuyến; đẩy mạnh công tác binh vận, phá kế hoạch xây dựng nguy quân của địch....

Trong Đông Xuân 1953 - 1954, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tổng Tư lệnh: “Chiến trường Tây Nguyên không những là một chiến trường có nhiệm vụ xây dựng cơ sở, phát động chiến tranh du kích mà còn là hướng hoạt động tốt cho chủ lực” [185, tr.23], các căn cứ du kích, các vùng du kích, các căn cứ địch hậu đã được củng cố, tạo nên thế liên hoàn vững chắc ở miền Tây các

tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát huy vai trò trong xây dựng lực lượng, bàn đạp tấn công địch; biến hậu phương địch thành tiền phương của ta; góp phần vào thắng lợi của phong trào kháng chiến ở Liên khu V.

Cuối tháng 4-1954, Thường vụ Liên khu ủy V họp, quyết định: “tiếp tục động viên sức người, sức của của nhân dân với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Được sự hưởng ứng của nhân dân, trong vòng 1 tháng các đơn vị chủ lực được bổ sung đầy đủ, ngoài ra còn hàng ngàn tân binh đang huấn luyện, chuẩn bị cho các đợt bổ sung tiếp. Bộ đội địa phương, du kích được củng cố và phát triển.

Có thể thấy, hoạt động chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V trong xây dựng, củng cố lực lượng, căn cứ kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã diễn ra liên tục, trọng tâm là xây dựng cơ sở chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ kháng chiến,... Những kết quả trong xây dựng lực lượng là một nhân tố nền tảng quan trọng để Đảng bộ Liên khu lãnh đạo phát huy vai trò của địa bàn chiến lược này đối với phong trào kháng chiến trong Liên khu cũng như đối với cả nước và làm nghĩa vụ quốc tế.

2.2.1.2. Chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và đời sống kinh tế, văn hóa kháng chiến

Cùng với việc củng cố, phát triển lực lượng và xây dựng căn cứ kháng chiến, Đảng bộ Liên khu V quan tâm chỉ đạo xây dựng củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng (tháng 02-1949) về chương trình thi đua xây dựng Đảng, “làm cho Đảng trở thành một đảng quần chúng mạnh mẽ”, đảm bảo giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, kịp thời chỉ đạo kháng chiến phù hợp với tình hình mới” [150, tr. 190]. Ngày 10-02-1949, Đảng bộ Liên khu V quyết định thành lập một Ban lãnh đạo chung cho các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Tháng 03-1949, Đảng bộ Liên khu ra Nghị quyết “Đẩy mạnh đà phát triển để xây dựng Đảng thành một đảng quần chúng mạnh mẽ”, nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo toàn diện của cuộc kháng chiến. Đồng

thời, Liên khu ủy cũng đã ra chủ trương và chỉ đạo xây dựng “chi bộ tự động”. “Thống nhất Liên Việt – Việt Minh và thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp” [5].

Căn cứ tình hình và đặc điểm từng vùng, Đảng bộ Liên khu V đã có những chỉ đạo cụ thể xây dựng và phát triển tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đã ban hành nhiều chủ trương xây dựng Đảng theo phương châm: “tránh nạn phát triển bừa bãi; củng cố chi bộ và tăng mạnh số chi bộ tự động công tác; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính; ra sức đào tạo cán bộ; cải tiến phương thức lãnh đạo và lối làm việc” [13]. Đồng thời, tập trung chỉ đạo “kiện toàn các cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh; ở khu vực các tỉnh Tây Nguyên thì tổ chức các Ban Cán sự Đảng” [16]. Công tác phát triển đảng được đẩy mạnh theo hướng “Nặng về củng cố, nhẹ về phát triển, chất lượng trọng hơn số lượng”; ở Tây Nguyên công tác gây cơ sở địch hậu, phải đi đôi với phong trào chiến tranh nhân dân....

Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V, các cấp bộ Đảng trực thuộc, nhất là các tổ chức tại chỗ ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên gấp rút tổ chức khôi phục, củng cố các tổ chức Đảng theo phương châm xây dựng “chi bộ tự động công tác”; “xây dựng thành một Đảng quần chúng mạnh mẽ”; phát triển đi đôi với củng cố. Đến cuối năm 1949 và đầu năm 1950, hầu hết các xã ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, các cơ quan, các đại đội đều có chi bộ. Ở tỉnh Quảng Nam, nhiều huyện ở miền Tây của tỉnh đã thành lập được Đảng bộ, như: Đảng bộ huyện Bến Giằng (tháng 6-1949), Đảng bộ Trà My (tháng 10-1949) và Đảng bộ huyện Bến Hiên (tháng 10-1950),... để trực tiếp lãnh đạo phong trào kháng chiến. Ở các huyện, xã miền Tây tỉnh Quảng Ngãi, các cấp bộ Đảng tiếp tục được xây dựng, kiện toàn. Ở Tây Nguyên, không tính số lượng đảng viên trong bộ đội, tổng số đảng viên của 3 tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum là 320 đồng chí [10, tr. 27]...

Do hoàn cảnh kháng chiến, trong quá trình xây dựng và phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, trong tình hình chung của toàn Liên khu, công tác xây dựng Đảng ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bộc lộ một số khuyết điểm, hạn chế. Việc xây dựng chi bộ tự động công tác có nơi còn hình thức, chưa xác định được nội dung công tác cụ thể, dẫn đến nhiều nơi sự chỉ đạo thiếu sâu sát, kết quả phong trào kháng chiến chưa cao; phát triển đảng chất lượng không đi cùng với số lượng... Trước tình hình đó, Liên khu ủy V đã chỉ đạo Đảng bộ các tỉnh trực thuộc nhanh chóng khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong chỉ đạo, lãnh đạo phong trào kháng chiến.

Tháng 01-1950, Hội nghị Liên khu ủy lần thứ hai chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể, cấp bách là: “tránh nạn phát triển bừa bãi; củng cố chi bộ và tăng mạnh số chi bộ tự động công tác; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính; ra sức đào tạo cán bộ; cải tiến phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc” [13]. Từ ngày 8 đến ngày 16-7-1950, Liên khu ủy họp và chỉ đạo: khắc phục tình trạng phát triển đảng chạy theo số lượng, các cấp ủy phải đi sát cấp dưới hướng dẫn việc kết nạp đảng viên, kiểm tra chặt chẽ những nơi phát triển đảng mạnh và nơi có lối bừa bãi, đặt kế hoạch sửa chữa ngay. Bỏ lối thi đua phát triển quá đông,... Đối với những nơi phong trào quần chúng quá kém trong việc giảm tô, giảm tức, tổng động viên, v.v... có thể tạm thời ngừng kết nạp đảng viên mới để xúc tiến việc củng cố Đảng. Việc kết nạp đảng viên phải đi đôi với phong trào tổng động viên, giảm tô, giảm tức; trong bộ đội thì đi đôi với các chiến dịch, chiến đấu. Liên khu ủy nhấn mạnh: “Thi hành kỷ luật đối với những đồng chí giới thiệu bừa bãi, nếu cần thì kỷ luật đối với những chi bộ kết nạp đảng viên bừa bãi” [18]. Liên khu ủy xác định phương hướng phát triển Đảng trong thời gian tới là “Nặng về củng cố, nhẹ về phát triển, chất lượng trọng hơn số lượng; đào tạo, giáo dục đảng viên, là nhiệm vụ chính trong việc xây dựng Đảng; đề cao học tập lý luận, lấy việc học tập cá nhân làm

chính; tổ chức các nhóm học tập trong mỗi cơ quan để làm động cơ thúc đẩy việc học tập cá nhân; chấn chỉnh các việc kiểm thảo, làm cho đảng viên nhận thức rằng muốn thực hiện được “Cần, Kiệm, Liêm, Chính”, rèn luyện quan điểm quần chúng, ý thức giai cấp, đảng tính, tinh thần quốc tế và tinh thần chuyển mạnh sang tổng phản công [18]. Công tác kết nạp Đảng phải “*nắm vững đường lối kết nạp đảng viên*”, kết nạp đảng viên phải nắm đúng tiêu chuẩn, thành phần căn bản của Đảng phải là công nhân, bần, cô nông; người vào Đảng phải chiến đấu trên lập trường của giai cấp công nông; Thủ tục kết nạp đảng viên phải được tiến hành đúng theo Điều lệ; Vấn đề phát triển đảng ở Tây Nguyên phải đi đôi với công tác gây cơ sở địch hậu, đi đôi với phong trào chiến tranh nhân dân. Tháng 02-1952, Đảng bộ Liên khu tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chấn chỉnh những lệch lạc trong nhận thức về Đảng, trong công tác tổ chức và lãnh đạo. Cán bộ, đảng viên kiên trì vận động bám đất, bám dân, đi sát quần chúng để tuyên truyền giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng. Tình trạng lúng túng trong việc lãnh đạo của chi ủy và xu hướng thiên lệch, xem nhẹ vai trò của chi bộ Đảng trong các vùng căn cứ du kích được chấn chỉnh....

Thực hiện những chỉ đạo, uốn nắn của Đảng bộ Liên khu, các cấp bộ Đảng trong Liên khu đã tiến hành chỉ đạo chấn chỉnh công tác xây dựng Đảng trên toàn Liên khu cũng như ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tại Quảng Nam, Tỉnh ủy đã chỉ đạo uốn nắn những sai lầm về nhận thức “xây dựng chi bộ tự động công tác” trong toàn tỉnh cũng như tại các huyện miền Tây là Phước Sơn, Hiệp Đức, Trà My, Tiên Phước, Bến Giằng, Quế Sơn. Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện kết hợp xây dựng tổ chức Đảng với xây dựng chính quyền, đoàn thể và xây dựng xã kiểu mẫu, “phải xây dựng tất cả mọi mặt quân, dân, chính, Đảng song song với nhau”; mở “Trại tháng Tám” để đảng viên học đường lối của Đảng. Tại Bình Định, Tỉnh ủy chỉ đạo phải “củng cố nội bộ Đảng thật sự vững chắc và tiếp tục phát

triển Đảng mạnh mẽ, đúng hướng” [63, tr.108-109]. Tỉnh ủy Bình Thuận triển khai củng cố tổ chức bộ máy các cơ quan dân, chính Đảng, tăng cường lực lượng bám cơ sở, điều động cán bộ tham gia xây dựng căn cứ địa kháng chiến ở các huyện miền Tây là Tánh Linh, Đức Linh. Các tổ chức chi bộ được củng cố, hoạt động có chất lượng hơn. Qua thực tế rèn luyện và học tập bồi dưỡng, đa số cán bộ, đảng viên được nâng cao một bước về nhận thức, quan điểm và lập trường cũng như phương pháp công tác cách mạng. Phong trào từ chỗ cơ sở bị vỡ lở nhiều, đến nay phần lớn đã được khôi phục lại, một số nơi có phát triển thêm, chất lượng chính trị qua sàng lọc có vững vàng hơn.

Tháng 5-1953, Hội nghị Liên khu ủy V lần thứ tư đã đánh giá về kết quả và hạn chế của việc học tập các lớp chính Đảng, đồng thời chỉ đạo:

Cần thiết phải đả phá bệnh quan liêu, phải đi đúng đường lối quần chúng. Phải tiến hành công tác chỉnh đốn Đảng, chỉnh đốn Nông hội, chính quyền và Mặt trận; ... Kết hợp với công tác phát động quần chúng để chỉnh đốn chi bộ xã, tiếp tục chỉnh huấn cán bộ trong và ngoài Đảng. Phải chấn chỉnh tư tưởng, tổ chức, tác phong của Đảng để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và công tác quan trọng kể trên [38].

Thực hiện chủ trương trên, đến cuối năm 1953, tất cả cán bộ cốt cán trong các huyện vùng miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đều được học qua các lớp chính Đảng. Việc được xây dựng, củng cố về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, các tổ chức Đảng ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã phát huy vai trò, lãnh đạo nhân dân trên địa bàn hoàn thành những nhiệm vụ kháng chiến mà Đảng bộ Liên khu giao phó.

Gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Liên khu ủy V chỉ đạo các tỉnh ủy trực thuộc quan tâm xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên, giải quyết nhiều vấn đề gay cấp, đặc biệt là vụ Sơn Hà (Quảng Ngãi) theo tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi Liên khu ủy V (tháng 01-1950): “Cán bộ phải dùng phê bình và tự phê bình từ trên xuống dưới, từ dưới lên, kiên quyết sửa

chữa cho kỳ sạch những khuyết điểm đó” [202, tr.475]. Tháng 9-1950, thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Nam, các huyện miền núi phía Tây của tỉnh tổ chức phong trào "Rèn cán, chỉnh cơ" nhằm xây dựng nội quy, sắp xếp sửa đổi lề lối làm việc trong các cơ quan, đoàn thể. Tại Quảng Ngãi, Hội đồng nhân dân các xã miền núi phía Tây được củng cố, chỉnh đốn lề lối làm việc, đề ra các chương trình công tác cụ thể, tích cực nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ... Tháng 03-1950, Đảng bộ tỉnh Bình Định chủ trương kiện toàn chính quyền các cấp, nhất là cấp xã và miền núi, phối hợp có hiệu quả hoạt động của các ngành quân – dân – chính. Tháng 6-1952, Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk mở hội nghị thảo luận quyết định “nhiệm vụ, quy định tổ chức; sắp xếp cán bộ: xây dựng bộ máy làm việc mới theo nguyên tắc thống nhất quân - dân - chính đảng gọn nhẹ, nhanh nhạy, có hiệu lực” [73, tr.133].

Cùng với công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng và chính quyền, việc mở rộng củng cố Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể quần chúng ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng được Đảng bộ Liên khu và các cấp ủy trực thuộc chú trọng. Để tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và hiệu lực của chính quyền nhân dân, các tỉnh ủy đã triển khai việc mở rộng và củng cố Mặt trận, trong đó lấy củng cố Hội nông dân cứu quốc làm trung tâm; đồng thời, đặc biệt là chú ý vận động đồng bào có đạo và dân tộc thiểu số, kiên quyết đập tan âm mưu chia rẽ của địch.

Tại các huyện miền núi phía Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, các tổ chức của Mặt trận Việt Minh, của Hội Liên Việt (từ tháng 03-1951, hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt) đã tập hợp, huy động được hầu hết các lực lượng yêu nước đứng vào hàng ngũ kháng chiến phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ. Tháng 03-1950, Đảng bộ tỉnh Bình Định chỉ đạo triển khai tích cực mở rộng đi đôi với củng cố Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể quần chúng, đặc biệt chú ý vận động đồng bào có đạo và miền núi, kiên quyết đập tan âm mưu chia

rẽ của địch. Tỉnh ủy chủ trương: phải mở rộng và củng cố Mặt trận, trong đó lấy củng cố Hội nông dân cứu quốc làm trung tâm. ...

Trong Đông Xuân 1953 - 1954, Đảng bộ Liên khu và các cấp bộ Đảng trực thuộc đã đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong toàn Liên khu nói chung, cũng như trong khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, để tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm là đẩy mạnh tác chiến đánh địch, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ. Tại Hội nghị lần thứ năm (từ ngày 20 đến ngày 24-3-1954), Đảng bộ Liên khu V yêu cầu các cấp bộ đảng cần chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc thích hợp với hoàn cảnh và nhiệm vụ mới; Kiện toàn cơ quan chỉ đạo các cấp về chất lượng, đặc biệt chú trọng các cấp ủy Đảng, Ban cán sự tổ và các cơ quan Công an, Quân sự; Kiên quyết và có kế hoạch chỉnh đốn biên chế để tăng cường chất lượng; Tiếp tục có kế hoạch chỉnh Đảng, chỉnh đốn chi bộ cơ quan; Đối với các đoàn thể quần chúng thì chú ý chia nhỏ các tiểu tổ quần chúng quá đông. Kiện toàn các cấp ủy đoàn thể từ xã trở lên, xây dựng, củng cố, tăng cường cán bộ các Ban cán sự phân hội, cán sự tổ. Có biện pháp, hình thức tuyên truyền, giáo dục tinh thần đoàn kết trong mọi thành phần dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân, trong các cơ quan, đoàn thể và rút ra nhiều kinh nghiệm bổ ích về công tác Mặt trận. Liên khu ủy yêu cầu:

Nắm vững và triệt để chấp hành chính sách Mặt trận: Đối với nông dân thì phải tuyên truyền giáo dục chính sách ruộng đất và luật cải cách ruộng đất của Đảng và Chính phủ; Đối với giai cấp địa chủ thì phải triệt để phân hóa, có thái độ khác nhau đối với từng loại, từng tên,...; Đối với thanh niên thì phải giáo dục ý thức giai cấp cho thanh niên, công nông là chính, nhất là lý tưởng cách mạng; Đối với phụ nữ thì động viên tham gia đánh giặc, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, vận động ngụy binh,...”; Nói chung cán bộ dân vận phải “tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, các cấp phải nhận rõ đó là một công tác hết sức quan trọng, nhất là cấp tỉnh và các cấp cơ sở. [43, tr. 15-16]

Với những chủ trương và biện pháp tích cực trên, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã đẩy mạnh công tác vận động quần chúng tích cực tham gia, góp phần vào thắng lợi của phong trào kháng chiến ở Liên khu.

Đồng thời với xây dựng Đảng, bộ máy chính quyền, đoàn thể quần chúng, trong điều kiện có nhiều khó khăn, các cấp bộ Đảng còn quan tâm xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tại nhiều huyện, xã miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ, cán bộ, đảng viên, chính quyền và đoàn thể đã động viên nhân dân tăng gia sản xuất; chỉ đạo bộ đội, du kích phối hợp với nhân dân bảo vệ mùa màng, lương thực, thực phẩm để phục vụ đời sống và phục vụ kháng chiến. Từ năm 1949, tại huyện Ba Tơ, phong trào sản xuất nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Đồng bào trồng lúa, hoa màu khắp nơi theo câu ca "lúa khoai ta gắng trồng, từ sườn non đến bờ sông" với tinh thần ý thức cao. Cùng với việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phong trào "bớt mía trồng bông", "áo ta chưa ấm lòng thay mía ta trồng bông", trồng dâu nuôi tằm, dệt vải, làm giấy, làm phân, đào ao, vét giếng, khai mương, đắp đập giữ nước được chú ý hơn trước. Tại Bình Định, dưới sự vận động, tổ chức của Đảng bộ và các cấp chính quyền, đoàn thể, nhân dân 3 huyện miền núi của tỉnh phát triển hoa màu để khắc phục nạn đói giáp hạt, việc tiếp tế gạo kịp thời của Ban Kinh - Thượng, đã giúp nhân dân vượt qua nạn đói giáp hạt năm 1951. Trên địa bàn Bắc Ái miền Tây tỉnh Ninh Thuận (đến năm 1950 thì thành lập huyện căn cứ Bắc Ái) đã phát triển được 779 mẫu trồng cây lương thực; đến mùa sản xuất năm 1950, quân và dân Bắc Ái thực hiện "chiến dịch mùa màng" do Tỉnh ủy phát động, tích cực sản xuất, tăng diện tích trồng cây lương thực lên 1.055 mẫu, và đến năm 1952, sản xuất lương thực tăng hai đến ba lần so với năm 1951. Từ năm 1951, các khu dân sinh được xây dựng, củng cố về tổ chức và đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi; góp phần giải quyết được một phần khó khăn về lương thực và thực phẩm cho kháng chiến. Trong "chiến dịch mùa màng", nhân dân huyện căn cứ Bắc Ái, đã đóng góp 1.436 đồng Đông Dương; trong Đông

Xuân 1950 - 1951, nhân dân Bắc Ái đã đóng góp 55.520 đồng tiền Việt Nam, tham gia 3.500 ngày công phục vụ chiến đấu. Ở những địa bàn giáp ranh, khu du kích, bên cạnh ý thức sản xuất tự túc, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và Mặt trận, nhân dân đã tích cực đấu tranh chống địch bao vây, phong tỏa về kinh tế của địch; một số nơi, đồng bào “xuống núi” để lấy gạo, vải, cá khô của địch để phục vụ sinh hoạt và cung cấp cho bộ đội. Tại một số địa phương còn kết hợp đấu tranh với thực hiện chính sách ruộng đất. Năm 1950, cùng với việc đấu tranh chống phản động nổi loạn ở các xã giáp huyện Sơn Hà (Quảng Ngãi), huyện ủy, chính quyền huyện Ba Tơ đã tịch thu toàn bộ tài sản, ruộng đất của chúng chia cho nhân dân, tạm cấp 913 mẫu cho 323 người, mỗi người được 2 sào chín thước...

Trong điều kiện kháng chiến, ở nhiều khu căn cứ du kích thuộc miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, việc chăm lo đời sống văn hóa, nâng cao dân trí cho nhân dân cũng được cấp ủy quan tâm. Tại Ba Tơ (Quảng Ngãi), Bắc Ái (Ninh Thuận)..., các lớp bình dân học vụ được mở vào ban đêm, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Ngoài học chữ, nhân dân còn được học và hướng dẫn cách trồng trọt, chăn nuôi, thực hiện tiết kiệm trong các dịp lễ, ăn ở hợp vệ sinh, dùng thuốc khi đau ốm... Cán bộ, đảng viên còn được phân công về các địa phương, cùng ăn, cùng ở, cùng lao động sản xuất với đồng bào; cùng tổ chức các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ nhân các ngày lễ hoặc ăn mừng chiến thắng... Qua các hoạt động đó, các cấp ủy, chính quyền, gắn kết nhân dân với Đảng, cổ vũ, động viên đồng bào tham gia kháng chiến.

Việc chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và đời sống kinh tế, văn hóa kháng chiến cùng với các kết quả đạt được đã đóng vai trò quan trọng để khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thực hiện nhiệm vụ của căn cứ kháng chiến; đồng thời là chiến trường đánh địch, góp phần cùng quân và dân Liên khu V, cũng như trên cả nước phát triển thế chủ động phản công, tấn công, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thắng lợi.

2.2.2. Chỉ đạo đẩy mạnh và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn đối với Liên khu V và cả nước

2.2.2.1. Chỉ đạo đẩy mạnh đấu tranh bằng nhiều hình thức, phối hợp với chiến trường Liên khu và cả nước.

Sau thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp buộc phải từ bỏ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh chuyển sang chiến lược đánh kéo dài, thực hiện chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Từ mở rộng vùng chiếm đóng chúng chuyển sang củng cố vùng chiếm đóng. Chúng thay thế những cuộc hành quân lớn bằng những cuộc hành quân nhỏ không nhằm trực tiếp tiêu diệt chủ lực ta mà nhằm phá hoại cơ sở kinh tế, cơ sở chính trị. Chúng coi miền Nam là nơi cung cấp lực lượng dự trữ chủ yếu cho cuộc chiến tranh. Đến năm 1949, Chính phủ Pháp cử tướng Rơ ve, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp sang Đông Dương. Tại đây, Rơ ve đề ra kế hoạch nhằm tăng cường quân Âu - Phi, mở rộng chiếm đóng vùng đồng bằng, trung du và ra sức dồn quân, bắt lính. Tại Khu V, quân Pháp ra sức củng cố, đẩy mạnh “bình định chiêu an” trên địa bàn Tây Nguyên, mở các cuộc tấn công vào vùng tự do Liên khu V, vào các căn cứ kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ.

Tháng 01-1949, Liên khu ủy và Chính ủy Liên khu V triệu tập Hội nghị chính trị viên toàn Liên khu lần thứ nhất. Hội nghị đã đánh giá, tình hình Nam Trung Bộ lúc này, tuy vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, nhưng cũng đã đạt được thành tích khả quan: phối hợp được với chiến trường toàn quốc; đánh bại một bước âm mưu “bình định” vùng tạm chiếm của địch; chiến tranh du kích vùng sau lưng địch đã được phát động. Hội nghị đã tập trung phân tích những khuyết điểm và nhược điểm đang tồn tại, trong đó nổi bật là: chiến tranh du kích vẫn chưa phát triển sâu rộng trong vùng địch, chưa đều giữa các địa phương, nhất là ở địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Sau khi phân tích sâu

sắc tình hình chung cả nước và tình hình Liên khu, Hội nghị đã nêu rõ nhiệm vụ quân sự của Đảng bộ Liên khu trong năm 1949 là:

Phát động chiến tranh du kích rộng rãi, đánh sâu vào vùng địch, nhất là Tây Nguyên và miền Tây, tích cực phối hợp với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, đẩy mạnh đánh địch ở Hạ Lào và Đông bắc Campuchia. Dồn hẹp phạm vi an toàn và chiếm đóng của địch. Ra sức phá hoại kinh tế và chính trị của địch, đẩy mạnh công tác vận động nguy binh; Để hoàn thành nhiệm vụ đó, cần phải giải thích sâu rộng nhiệm vụ, phương châm chiến lược, chiến thuật cho cán bộ và chiến sĩ, phải thúc đẩy cán bộ tiến về chiến thuật, bộ đội tiến về kỹ thuật [119, tr. 150-151].

Sau Đại hội Đảng bộ Liên khu V lần thứ nhất, thực hiện chủ trương đã đề ra về đẩy mạnh nhiệm vụ kháng chiến, tấn công địch, Đảng bộ Liên khu đã có nhiều chỉ đạo về tác chiến đánh địch. Cuối tháng 01-1950, Hội nghị cán bộ Đảng toàn Liên khu lần thứ hai tiến hành họp để phân tích tình hình địch, ta trên chiến trường, trên cơ sở đó, Đảng bộ đã chỉ đạo “tiếp tục phát triển du kích chiến tranh đến cao độ ở trong vùng sau lưng địch, đồng thời tập trung binh lực mở những chiến dịch lớn và liên tục tạo một chuyển biến trong tương quan lực lượng giữa địch và ta”, “giành chủ động hoàn toàn về chiến dịch, đi đến chủ động chiến lược bộ phận tiến tới chủ động hoàn toàn...” ([13].

Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy, từ Liên khu ủy đến các cấp ủy địa phương, đầu năm 1949, lực lượng địa phương và dân quân đã phối hợp với bộ đội chủ lực mở nhiều đợt hoạt động phát triển phong trào chiến tranh du kích ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên lên một bước.

Tại Quảng Nam, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ I họp vào ngày 06-01-1949 để triển khai nhiệm vụ và “đẩy mạnh các mặt hoạt động vào vùng địch chiếm; Phát động du kích chiến tranh, phòng gian bảo mật, cất giấu tài sản, sẵn sàng đối phó với địch trong mọi tình huống. Đảng bộ đã chủ trương nhằm đẩy mạnh phong trào kháng chiến đi vào chiều sâu, nâng cao năng lực làm chủ vùng du kích, ...” [65, tr. 263-264]. Thực hiện chủ trương

của Tỉnh ủy, quân và dân các huyện miền Tây đã phối hợp với chiến dịch tấn công địch ở tây bắc Hoà Vang, ở đèo Hải Vân (3-1949); tiến hành rào làng chiến đấu, xây dựng vùng du kích, đào hầm bí mật, đánh địch đi càn... Góp phần vào thành tích đánh địch của quân và dân Quảng Nam, được Liên Khu V tuyên dương và tặng cờ “Vững tiến” [65, tr. 266, 269] .

Tại tỉnh Bình Định, từ cuối năm 1949, địch tổ chức nhiều đợt tấn công, càn quét vào khu vực miền Tây ở Vĩnh Thạnh và Tam Bình, lập ổ vũ trang (GOUM) ở Kon Plo và Giá Mây (xã Vĩnh Tường), khống chế xã Vĩnh Hảo, thả bom làng Kon Plo (xã Vĩnh Châu),... Tỉnh ủy Bình Định chỉ đạo tổ chức quân và dân các huyện, xã miền Tây chống càn, bảo vệ cơ sở và các căn cứ cách mạng.

Tại miền Tây các tỉnh cực Nam Trung Bộ, lực lượng vũ trang tiếp tục đánh phá mạnh giao thông địch, đánh quân càn quét. Tỉnh ủy Ninh Thuận đã chỉ đạo “phát động căm thù địch tàn sát nhân dân ở 3 thôn Ấp Nam, Thạnh Đức, Mỹ Thạnh, mở đầu đợt hoạt động phá tề, xây dựng cơ sở ở nhiều làng; đặc biệt, phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ ở Bắc Ái” [70, tr. 208-209]. Đến “cuối năm 1951, các khu căn cứ, khu dân sinh đều được tổ chức lực lượng vũ trang. Từ đó, việc bố phòng được đẩy mạnh bảo đảm an toàn cho nhân dân khu căn cứ, làm hậu cứ vững chắc cho cuộc kháng chiến trong toàn tỉnh.

Ở Tây Nguyên, trước tình hình thực dân Pháp một mặt tập trung lực lượng đánh phá quyết liệt hòng đẩy lùi các đội vũ trang cơ sở của ta, mặt khác, ráo riết tổ chức mạng tề điệp chìm ở các buôn làng, cho bọn gián điệp giả danh lái buôn hoặc truyền đạo đi sâu vào các buôn làng dò la tình hình, móc nối với những tên tù trưởng phản động, tổ chức các ổ vũ trang phản động,... Liên khu ủy V chỉ đạo “các lực lượng hoạt động ở Tây Nguyên bám chắc địa bàn, thực hiện “cùng ăn, cùng làm, cùng ở” với nhân dân, ngày đêm

đi sâu phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh đấu tranh chống địch càn quét” [119, tr.157-158].

Sau khi Trung đoàn chủ lực đầu tiên của Liên khu thành lập (5-1949), phong trào du kích ngày càng phát triển mạnh mẽ ở Tây Nguyên. Làng chiến đấu được xây dựng, phát huy vai trò chiến đấu ngay trong lòng địch, buộc địch phải rút bỏ một số đồn bót, co hẹp phạm vi chiếm đóng. Tháng 8-1949, Đảng bộ Liên khu quyết định mở chiến dịch Hè Thu ở Tây Nguyên, Khánh Hoà và bắc Quảng Nam Đà Nẵng; chiến dịch Đông Xuân 1949 - 1950 ở Quảng Nam - Đà Nẵng. Lực lượng vũ trang và nhân dân ở Tây Nguyên đã đóng góp quan trọng trong những chiến dịch đó. Mùa Hè năm 1950, quân chủ lực Liên khu tiến hành đợt hoạt động với chiến dịch Nguyễn Huệ trên chiến trường Nam Tây Nguyên, đã tạo ra được một bước chuyển biến mạnh mẽ. Chiến tranh du kích phát triển lên một bước mới, nhất là ở khu tam giác M’Đrăk, Cheo Reo, Buôn Hồ, nhiều vùng lồm cồm cũng đã hình thành trong lòng địch, từ chỗ đánh du kích lẻ tẻ, đã tiến lên đánh tập trung, từ chỗ đánh phục kích, địa lôi, giao thông, đã tiến lên phối hợp đánh đồn, diệt viện, gây cho địch những tổn thất đáng kể [73, tr. 141]. Đến cuối năm 1950, công tác "tiến về làng" tuy còn những khó khăn, song có nhiều tiến bộ hơn trước, phần lớn số thôn, ấp trong vùng tạm chiếm đã khôi phục được cơ sở, phát triển được cốt cán, đảng viên, địa bàn cán bộ bám trụ hoạt động được mở rộng thêm, công tác vận động tề, ngụy có kết quả bước đầu.

Từ nửa sau năm 1951, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên: “Phải nhanh chóng nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu suất chiến đấu, phát động cho được một cao trào du kích chiến tranh, liên tục tiến công địch khắp các vùng bị địch tạm chiếm”;... “phải liên hệ chặt chẽ việc bảo vệ hậu phương với mở rộng cơ sở” [28], các

cấp bộ Đảng đã đẩy mạnh công tác chỉ đạo tấn công địch trên toàn Liên khu cũng như ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tháng 8-1951, Liên khu ủy V mở đợt hoạt động quân sự ở bắc Kon Tum nhằm phá âm mưu củng cố Tây Nguyên của địch, hỗ trợ phong trào quần chúng phá “ổ vũ trang”, củng cố và mở rộng căn cứ địa miền Tây, qua chiến đấu thử nghiệm chiến thuật đánh đồn kiên cố, kiểm tra kết quả rèn cán, chỉnh quân.

Các cấp bộ Đảng ở Quảng Nam chỉ đạo tiếp tục củng cố, xây dựng cơ sở, tổ chức du kích mật, phát triển du kích chiến tranh, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị, bảo vệ căn cứ địa; bám sát dân, tích cực hoạt động phá tề, trừ gian. Tại Đại hội lần thứ III, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (tháng 3-1952), đã quyết định những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn trước mắt là: “Phải lấy du kích chiến là chính, học tập đánh vận động trong điều kiện thuận lợi. Vùng tạm bị chiếm và vùng du kích phải kết hợp chặt chẽ công tác dân vận, nguy vận, phát triển du kích chiến tranh, lấy dân vận làm căn bản. Vùng du kích, chiến tranh du kích là hình thức đấu tranh chính trị để thúc đẩy toàn bộ các mặt đấu tranh...”. [70, tr.302-303]. Các Đảng bộ Quảng Nam, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Ban cán sự Cục Nam đề ra nhiều biện pháp đồng bộ về chính trị, quân sự, kinh tế để chỉ đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang, các ngành, các giới tập trung đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của địch. Năm 1952, nhân dân phía Tây huyện Ninh Hòa (Khánh Hòa) nổi dậy xóa sạch tề. Nhân dân nhiều nơi khác bị địch dồn vào khu “chiêu an” đã đấu tranh đòi tự do đi lại làm ăn, hoặc tự động bỏ về làng cũ [119, tr.130-131].

Dưới sự chỉ đạo của các cấp bộ Đảng, phong trào đấu tranh của nhân dân vùng miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra ngày càng quyết liệt. Du kích, bộ đội địa phương bám dân, bám địa bàn, diệt tề, trừ gian; bao vây, quấy rối các đồn bót: phục kích các toán quân lùng sục, tuần tiễu, buộc địch phải co lại, tạo thế cho nhân dân vùng dậy phá các khu “chiêu an”. Bộ đội chủ lực của Liên khu V cũng phân tán từng tiểu đoàn phối hợp với bộ đội địa phương đánh địch. Việc kết hợp chặt chẽ giữa ba thứ quân,

giữa tác chiến của bộ đội và đấu tranh của nhân dân đã tạo ra thế đánh địch liên tục, đều khắp ngày càng mạnh mẽ. Hàng loạt lô cốt, tháp canh, cứ điểm nhỏ của địch bị quân ta tiêu diệt. Chiến thuật "cứ điểm nhỏ" và "đội ứng chiến nhỏ" - biện pháp cơ bản để bình định, chiêu an của địch bị đánh bại. Hệ thống kìm kẹp của địch lần lượt bị phá vỡ, nhân dân vùng lên như nước vỡ bờ phá vỡ từng mảng các khu đồn dân của địch. Cơ sở kháng chiến lan rộng đến nhiều vùng sâu của Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa... Làng chiến đấu hình thành và anh dũng đánh trả các cuộc càn quét, cướp phá của địch. Các khu du kích cũ: Tam Giác (Bình Thuận); Bác Ái (Ninh Thuận); Đá Bản (Khánh Hòa)... , sau một thời gian bị địch o ép, hoặc lần chiếm một phần, lại được hồi phục và mở rộng. Các hình thức chiến đấu phong phú của du kích: đánh mìn, đánh độn thờ, cải trang, phát triển rộng rãi khắp các địa phương. Nhiều lần chỉ với vũ khí thô sơ hoặc tay không, du kích đã táo bạo, mưu trí giết giặc cướp súng. Để đối phó thắng lợi với các cuộc tập kích, biệt kích thường xuyên và những cuộc hành quân càn quét, thọc sâu đánh phá của địch; công cuộc bố phòng và sẵn sàng chiến đấu của quân và dân ta không ngừng được bổ sung hoàn thiện.

Công tác chỉ đạo đấu tranh trên lĩnh vực binh vận, địch vận cũng được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả. Sau khi ban hành Nghị quyết về "*Tình hình chung và nhiệm vụ chung của Liên khu*", Đảng bộ Liên khu tổ chức Hội nghị binh, địch vận toàn Liên khu năm 1952 để quán triệt Nghị quyết binh, địch vận của Trung ương; chú trọng công tác binh, địch vận, gắn binh vận với đẩy mạnh đấu tranh chống bắt lính. Các cấp ủy Đảng trực tiếp chỉ đạo công tác binh, địch vận, phân công cấp ủy viên chuyên trách hoặc phụ trách binh vận, các cấp, các ngành và các đoàn thể quần chúng tích cực tham gia binh vận, địch vận; kết hợp việc vận động binh lính với sĩ quan, vận động binh lính với nhân viên chính quyền, vận động binh lính Việt với binh lính Âu Phi, vận động binh lính với phong trào chống bắt lính của nhân dân, nhất là của thanh niên. Công tác binh vận, địch vận được tiến hành thông qua những hình thức

thể thao, thể dục, văn nghệ, học tập, tương tế để tập hợp tuyên truyền giáo dục cho binh lính người Việt về tinh thần hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ một cách nhẹ nhàng, tổ chức cơ sở nội tuyến bí mật trong các đơn vị. Các cấp ủy còn chú trọng vận động gia đình ngụy binh và lính giải ngũ làm công tác binh vận; đưa người của địa phương vào các lực lượng bán võ trang do Pháp lập ra như: bảo an, hương dũng, xã đoàn v.v... để thực hiện công tác binh vận. Phong trào quần chúng làm binh vận chuyển biến tốt, cơ sở của ta trong hàng ngũ địch tăng lên.

Đến cuối năm 1952, đầu năm 1953, phần lớn vùng rừng núi bao la và hiểm trở của miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vẫn nằm ngoài phạm vi kiểm soát của thực dân Pháp và tay sai. Để đẩy mạnh thế chủ động tiến công, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo tiến hành nhiều hoạt động quân sự qui mô ở Tây Nguyên. Cuối tháng 03-1953, Liên khu V, mở chiến dịch hoạt động ở Đăk Lăk, Trung đoàn chủ lực 803 chuyển vào hoạt động ở khu vực Cheo Reo. Phong trào kháng chiến ở khu vực Tây và Đông Cheo Reo phát triển, cơ sở chính trị, lực lượng du kích các xã Đất Bằng, Kà Lúi, sông Ba, Chư Drăng, Dleiya, Pleiku phát triển mạnh và nắm được dân toàn làng. Tháng 4-1953, phối hợp với chiến dịch Thượng Lào, Đảng bộ Liên khu và Bộ Tư lệnh Liên khu V quyết định mở đợt hoạt động tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh. Với đợt hoạt động này, ta đập tan cứ điểm An Khê, tiêu diệt và bức rút nhiều đồn bốt địch ở bắc Kon Tum và Đăk Lăk.... Từ ngày 12 đến 19-5-1953, Đảng bộ Liên khu V đã họp và ra quyết định: “phải tích cực đẩy mạnh đánh địch để phối hợp với hướng chiến trường chính, cầm chân địch không cho chúng rút lực lượng đi nơi khác và tranh thủ sơ hở diệt địch tại chỗ, mở rộng vùng du kích, vùng giải phóng”, “Tập trung toàn bộ lực lượng chủ lực cho nhiệm vụ tiến công lên Tây Nguyên” [38]. ...

Đồng thời, với tác chiến chặn đánh các cuộc càn quét của địch ở các huyện, xã... ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ; đánh địch mở rộng

vùng chiếm đóng, tấn công các đồn bót địch ở Tây Nguyên, đẩy mạnh binh vận,..., Đảng bộ Liên khu V cùng các cấp ủy địa phương đã lãnh đạo dẹp bạo loạn, bảo vệ căn cứ kháng chiến, điển hình là cuộc đấu tranh dẹp bạo loạn ở các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long (Quảng Ngãi) những năm 1950 - 1952.

Cuộc bạo loạn ban đầu nổ ra ngày 25-01-1950 tại huyện căn cứ Sơn Hà, do bọn phản động ở địa phương cầm đầu. Lợi dụng một số khuyết điểm trong chỉ đạo của Quảng Ngãi về việc vận động thực hiện đời sống mới, “giải phóng nông nô”, cũng như những khuyết điểm của một bộ phận cán bộ chưa thấm nhuần quan điểm quần chúng, vi phạm chính sách dân tộc, tại huyện Sơn Hà, bọn phản động đã cấu kết với một bộ phận tù trưởng bất mãn kích động đồng bào các dân tộc thiểu số nổi loạn, đốt nhà cửa, các trại tăng gia, lùng bắt, chém giết đồng bào miền xuôi và cán bộ.... Quân Pháp đóng ở Kon Tum nhân cơ hội đó một mặt móc nối, cung cấp vũ khí, một mặt, tiến hành các hoạt động quân sự hỗ trợ bọn phản động. Cuộc nổi loạn đã gây ra những tổn thất lớn về người và của; làm suy yếu nghiêm trọng bộ máy chính quyền địa phương, tác động rất tiêu cực đối với vùng căn cứ kháng chiến ở miền Tây Quảng Ngãi...

Sau khi cuộc bạo loạn diễn ra, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Ngãi và của Bộ Tư lệnh Liên khu V, bộ đội địa phương cùng lực lượng vũ trang Liên khu tiến hành trấn áp, trừng trị bọn phản động, chặn đánh các cuộc hành quân của Pháp, lập lại chính quyền cấp xã, lập Ban đại diện quân, dân, chính Quảng Ngãi tại Sơn Hà. Tuy nhiên, do chủ yếu nặng về giải pháp quân sự, chưa sử dụng đúng mức công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, dân quân tại chỗ không được củng cố,..., nên khi bộ đội chủ lực rút đi, các phần tử phản động quay lại, tiếp tục gây bạo loạn ở Sơn Hà, và sau đó được quân Pháp tiếp tế, cung cấp vũ khí đã mở rộng hoạt động sang các huyện Ba Tơ, Minh Long,... Trước tình hình đó, tháng 8-1950, Liên khu ủy V đề ra chủ trương giải quyết cuộc bạo loạn theo phương châm chính trị là căn

bản, quân sự là một biện pháp giúp chính trị tiến tới; đồng thời, báo cáo Trung ương Đảng. Do thực hiện phương châm đấu tranh đề ra chưa triệt để, dẫn đến việc tình hình diễn biến phức tạp. Từ cuối năm 1950, đầu năm 1951, thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở kiểm thảo công tác, Liên khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã sử dụng biện pháp chính trị là chính, kiên trì tuyên truyền, giáo dục, tổ chức quần chúng, kêu gọi vận động những người dân bị bọn phản động lôi kéo trở về...; đồng thời, kết hợp với các biện pháp quân sự, trấn áp, trừng trị các phần tử ngoan cố, phản động, phá tan các lực lượng nổi loạn có vũ trang, thực hiện “đẹp loạn an dân”... qua đó, dần dần ổn định lại tình hình. Đến cuối năm 1951, đầu năm 1952 chính quyền cơ sở được xây dựng lại và củng cố; đến cuối 1952, tình hình đi vào ổn định. Việc dẹp bạo loạn ở Sơn Hà có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ và phát huy vai trò của căn cứ kháng chiến ở miền Tây Quảng Ngãi nói riêng và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ nói chung.

Trong Đông Xuân 1953 - 1954, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy “Tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên, trước hết là ở phía bắc (...) phát triển lên Tây Nguyên phải coi là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất” [154, tr. 584]. Tháng 12-1953, Liên khu ủy và Đảng ủy Bộ Tư lệnh Liên khu V họp để quán triệt và xác định quyết tâm thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong Liên khu tin tưởng, quyết tâm phấn đấu, giành thắng lợi to lớn nhất, góp phần phá Kế hoạch Nava; đồng thời phối hợp chuẩn bị chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 01-1954, thực hiện kế hoạch Nava, quân Pháp mở cuộc hành binh Átlăng nhằm đánh chiếm toàn bộ vùng tự do Liên khu V. Chúng chia thành 3 mũi đánh chiếm Phú Yên, trong đó có một mũi từ Đắc Lắc xuống. Thực hiện nguyên tắc tác chiến của Bộ Chính trị, trên cơ sở phong trào vùng bị chiếm ở bắc Tây Nguyên đã phát triển mạnh, dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy, sự hỗ trợ

của nhân dân cho hoạt động tác chiến của bộ đội, lực lượng vũ trang Liên Khu V đã tấn công địch và giải phóng toàn tỉnh Kon Tum; buộc địch phải rút về Nam Tây Nguyên, điều động quân từ Bình Trị Thiên và Nam Bộ lên lập hai cứ điểm ở An Khê và Plâycu để đối phó. Tây Nguyên trở thành một trong 5 địa bàn tập trung binh lực của quân Pháp trên chiến trường Đông Dương. Cùng với tấn công địch ở Bắc Tây Nguyên, quân và dân các huyện, xã miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ đã chiến đấu góp phần làm thất bại cuộc hành binh Átlăng của địch. Từ đầu năm 1954 đến đầu tháng 3-1954, quân và dân Bình Định đã đẩy lùi hàng chục trận đột kích, cản quyết của địch ở vùng giáp ranh phía Tây của tỉnh [63, tr.156-157]. Tại các tỉnh Cực Nam Trung Bộ, nhân dân các huyện miền Tây của tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận đã hỗ trợ lực lượng vũ trang tỉnh tấn công địch ở vùng tạm bị chiếm, buộc địch phải co cụm về các trung tâm đô thị.

Tháng 3-1954, Đảng bộ Liên khu V tiến hành họp Hội nghị lần thứ năm để xác định nhiệm vụ lãnh đạo quân và dân Liên khu V tập trung toàn bộ lực lượng bộ đội chủ lực tiến công địch ở Tây Nguyên; đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá giao thông, thọc sâu đánh vào hậu cứ địch kết hợp đẩy mạnh công tác binh vận, phá kế hoạch tăng cường quân nguy của địch. Hội nghị chủ trương: “khẩn trương xây dựng lực lượng, xây dựng làng chiến đấu, nghiên cứu phương án tác chiến cho từng vùng”. Địch đánh đến địa phương nào, địa phương đó tự đối phó, tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận địch, kìm chân không cho chúng nhanh chóng mở rộng phạm vi kiểm soát, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra. Địa phương nào địch chưa đánh đến, phải tích cực động viên nhân dân phục vụ tiền tuyến.... Hội nghị chủ trương mở đợt tiến công mới của chủ lực vào hai hướng: “đường 19 và ngã ba đường 7 – đường 14, nhằm vừa kìm giữ không cho địch rút lực lượng đánh chiếm

nơi khác, vừa mở hướng tiến công mới vào Nam Tây Nguyên, cửa mở vào Nam Bộ”. Đảng bộ Liên khu chỉ đạo:

Liên tiếp tấn công địch, phá kế hoạch mở rộng chiếm đóng của địch, phát triển thắng lợi Xuân 1954, phối hợp với chiến trường toàn quốc. Bộ đội chủ lực tiếp tục thực hiện kế hoạch tác chiến đã định nhằm phối hợp với chiến trường toàn quốc, tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch địch đánh rộng ra vùng tự do duyên hải của Liên khu V [43].

Thực hiện chủ trương của Hội nghị, phối hợp chặt chẽ với chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng bộ đội ở Tây Nguyên hoạt động mạnh trên đường số 14 và số 19; tiêu diệt binh đoàn Âu - Phi số 100 tại Đắk Pơ (25-6-1954), giải phóng toàn huyện An Khê và phần lớn tỉnh Gia Lai, bao vây thị xã Plâycu... Những thắng lợi ở Tây Nguyên đã góp phần đề quân và dân Liên khu V đẩy lùi cuộc tiến công Át-lăng của địch; đồng thời, là một chiến trường phối hợp quan trọng, góp phần thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Có thể thấy, thực hiện chủ trương đề ra, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo hoạt động đấu tranh quân sự liên tục và ngày càng mạnh mẽ ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Do đó, tuy ở những mức độ và quy mô khác nhau ở mỗi địa bàn cụ thể, song, trong một không gian chiến lược chung rộng lớn, đấu tranh vũ tranh ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên không chỉ đóng một vai trò trong phong trào kháng chiến tại chỗ, mà còn tạo ra tác động đối với thế trận chiến tranh nhân dân ở Liên khu và cả nước, nhất là bảo vệ vùng tự do Liên Khu V, góp phần vào thắng lợi của chiến trường cả nước, đặc biệt là thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

2.2.2.2 Chỉ đạo huy động sức người, sức của phục vụ sự nghiệp kháng chiến

Cùng với chỉ đạo phát huy vai trò của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên về mặt quân sự, tấn công địch phối hợp với các chiến trường, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo phát huy vai trò căn cứ kháng chiến của địa bàn này, nhất là ở các huyện, xã miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ. Tại khu vực này, Đảng bộ Liên khu V và cấp ủy Đảng các tỉnh đã chỉ đạo, xây dựng thành địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan lãnh đạo, chỉ huy của Liên khu, của các Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến - hành chính các tỉnh; nơi đặt công xưởng, kho bãi... phục vụ kháng chiến. Việc đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu, của các tỉnh đã làm cho khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ phát huy được vai trò là một vùng căn cứ, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo liên tục của Đảng bộ đối với phong trào kháng chiến của Liên khu V; tạo điều kiện duy trì sự kết nối chặt chẽ chiến trường Nam Trung Bộ và chiến trường Tây Nguyên. Đồng thời, Đảng bộ Liên khu V còn căn cứ vào điều kiện cụ thể, đề ra nhiều biện pháp chỉ đạo phù hợp huy động sức người, sức của ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phục vụ kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về đẩy mạnh kháng chiến, xây dựng hậu phương và chuẩn bị các điều kiện cho tổng phản công, Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ Liên khu V ngày 06-4-1949 và Hội nghị cán bộ Đảng bộ Liên khu lần thứ nhất xác định nhiệm vụ trọng tâm ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là tiêu hao địch, giữ một vùng đất tự do, “biến hậu phương địch thành tiền phương ta”, tích cực xây dựng cơ sở, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển phong trào kháng chiến,... chuẩn bị điều kiện tổng phản công. Dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, các cấp ủy tiến hành công tác huy động nhân lực, vật lực ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phục vụ sự nghiệp kháng chiến trong Liên khu.

Tuy điều kiện kinh tế khó khăn, song, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh thuộc vùng tự do Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, vùng cực Nam Trung Bộ tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận đã tổ chức quyên góp tiền, gạo, thuốc men,... ủng hộ kháng chiến. Cuối năm 1949, Ban Công vận Quảng Nam đã lập ra xưởng công binh quân giới đoàn kết đóng tại Phước Sơn sản xuất lựu đạn, mìn cung cấp cho lực lượng vũ trang cách mạng và chi viện cho chiến trường Hạ Lào [65, tr.282-283]. Trong thời gian Đảng bộ Liên khu chỉ đạo lực lượng vũ trang mở chiến dịch Đông Xuân 1949 - 1950 ở Quảng Nam, chỉ trong một tuần đồng bào miền núi làm xong con đường Phước Sơn đi Hạ Lào; và trong 10 ngày đã làm thông đường hành lang từ Bến Giằng đến Ôcòrum, góp phần quan trọng vào những thắng lợi của chiến dịch [65, tr. 266, 271]. Tháng 3-1950, Đảng bộ tỉnh Bình Định chỉ đạo Tổng động viên mạnh mẽ nhân tài, vật lực cho tiền tuyến và giúp đỡ Tây Nguyên; Tỉnh ủy phát động phong trào huy động mọi tiềm năng về vật chất và tinh thần của địa phương để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tiền tuyến, thực hiện tổng động viên nhân tài vật lực và tinh thần của toàn dân theo khẩu hiệu “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!*” [63, tr.105, 111]. Tại Ninh Thuận, do các huyện ven biển là vùng tạm bị chiếm, cuộc động viên chủ yếu diễn ra ở các huyện miền núi. Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo xây dựng căn cứ Bác Ái; các khu dân sinh được củng cố cả về tổ chức và đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi, góp phần giải quyết được một phần khó khăn về lương thực và thực phẩm cho kháng chiến. Đồng thời Tỉnh ủy cũng chỉ đạo “sẵn sàng và chủ động chiến đấu có hiệu quả, bảo vệ sản xuất, bảo vệ đồng bào; vận động đồng bào vùng căn cứ ủng hộ lương thực để giải quyết một phần khó khăn cho cơ quan, bộ đội và một số đội công tác” [70, tr. 204-205].

Thực hiện chủ trương của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (tháng 01-1953), căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương, cùng với chủ trương “Mở rộng và xây dựng cơ sở địch hậu, phá chính sách “bình định”,

phá âm mưu củng cố Tây Nguyên của địch”, Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện chính sách ruộng đất, bồi dưỡng và huy động sức dân trong vùng tự do và vùng căn cứ. Chấp hành chỉ đạo của Đảng bộ, các tỉnh ủy đã tăng cường công tác củng cố, đẩy mạnh phong trào kháng chiến, bồi dưỡng đi đôi với huy động sức đóng góp của nhân dân tại khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tại tỉnh Quảng Ngãi, tháng 4 - 1953, Tỉnh ủy tổ chức phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện chính sách ruộng đất, đồng thời, động viên mạnh mẽ, các tầng lớp nhân dân đã tích cực hưởng ứng, thi đua, đem hết sức người, sức của đóng góp cho kháng chiến. Từ tháng 5-1953, dưới sự chỉ đạo của tỉnh ủy Ninh Thuận, nhân dân khu căn cứ Bác Ái, đã nỗ lực sản xuất, sản lượng lương thực tăng 2,3 lần so với năm 1951, nhờ đó đủ ăn và có lương thực cung cấp cho kháng chiến và hỗ trợ một phần cho bà con bị đói ở vùng bị tạm chiếm. [70, tr. 223-224]. Đảng bộ các tỉnh Nam Trung Bộ đã chỉ đạo thành lập nhiều khu, trại tăng gia tập trung để sản xuất lương thực, thực phẩm phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và góp phần cung cấp hậu cần cho bộ máy kháng chiến và lực lượng vũ trang Liên khu V.

Trong Đông Xuân 1953 - 1954, thực hiện chủ trương của Đảng bộ Liên khu V, các cấp bộ Đảng địa phương đã tích cực chỉ đạo phục vụ nhiệm vụ tiến công địch ở Tây Nguyên. Trong những tháng cuối năm 1953, tỉnh Phú Yên huy động hơn 15.000 dân công và hàng trăm ngựa, trong đó có bộ phận nhân dân ở các huyện, xã miền Tây tham gia vận tải phục vụ chiến trường Đắc Lắc. Nhân dân miền Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định đã đóng góp gần 247.000 lượt dân công cùng phục vụ chiến trường Bắc Tây Nguyên. Đầu tháng 01-1954, Tỉnh ủy Bình Định họp, quyết định: “Huy động mọi nỗ lực cao nhất của Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh khẩn trương chuẩn bị và ra sức chiến đấu bảo vệ vùng tự do, đồng thời tích cực phục vụ đắc lực cho chiến dịch Bắc Tây Nguyên giành thắng lợi lớn”. Đầu năm 1954, Tỉnh ủy Quảng Nam đã chỉ đạo huy động sự đóng góp nhu yếu phẩm của nhân dân, từng lon

gạo, từng hũ mắm được quyên góp cho bộ đội ăn no đánh giặc. Nhân dân các huyện miền Tây tỉnh Quảng Nam đã tham gia vào lực lượng hàng vạn dân công trong phục vụ chiến trường Bắc Kon Tum...

Có thể thấy, Đảng bộ Liên Khu đã chỉ đạo phát huy vai trò của khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên về phương diện quân sự, thực hiện nhiệm vụ của một chiến trường quan trọng; về phương diện căn cứ kháng chiến, nơi đứng chân của nhiều cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu và của các tỉnh, đồng thời, góp phần cung cấp sức người, sức của phục vụ nhiệm vụ kháng chiến của Liên Khu V.

Tiểu kết chương 2

Sau gần sáu năm từ năm 1949 đến năm 1954, Đảng bộ Liên khu V đã phát huy vai trò lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ đã quán triệt, vận dụng chủ trương, đường lối kháng chiến - kiến quốc của Đảng; xác định và đề ra các nhiệm vụ chính trị, trong đó, tập trung hai nhiệm vụ chiến lược chính là: xây dựng, củng cố và phát triển thực lực, tiềm năng kháng chiến; phát huy vai trò chiến lược của địa bàn đối với sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong xây dựng thực lực kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ Liên khu V đã tập trung lãnh đạo, tổ chức, xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương, phát triển các đội du kích, bộ đội chủ lực, qua đó tạo ra một lực lượng chiến đấu mạnh mẽ, gắn kết với nhân dân trong khu vực. Đồng thời, tiến hành huy động sức mạnh toàn dân, không chỉ lãnh đạo quân đội mà còn khơi dậy tinh thần đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân. Các cuộc vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến phát triển mạnh mẽ. Cùng với đó, Đảng bộ đã xây dựng, củng cố được hệ thống tổ chức các cấp, đều khắp trong vùng tạm bị chiếm; phát triển được đội ngũ đảng viên, xây dựng được một đội ngũ cán bộ các cấp, đảm đương được vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến trên địa bàn.

Trong lãnh đạo phát huy vai trò của phong trào kháng chiến và vị trí chiến lược của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo các lực lượng vũ trang đấu tranh chống càn quét, bảo vệ căn cứ, ngăn chặn địch mở rộng địa bàn chiếm đóng, tiến hành tác chiến, tổ chức các cuộc tấn công, làm thất bại các kế hoạch quân sự của địch, phối hợp với chiến trường toàn quốc,..

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã vượt qua những thử thách, khó khăn và đạt được những bước phát triển mạnh mẽ. Tại khu vực, các lực lượng vũ trang và nhân dân đã kiên quyết bám trụ, gây dựng cơ sở chính trị, củng cố căn cứ địa và thực hiện tác chiến đạt được những thắng lợi quan trọng, góp phần vào chiến thắng chung của toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Thực tiễn cho thấy, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng Bộ đã phát huy được vị thế chiến lược của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cả về quân sự và chính trị, trên trên cả phương diện xây dựng thực và tiến hành các hoạt động kháng chiến, tác chiến đánh địch, xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết nhân dân các dân tộc vào sự nghiệp kháng chiến.

Bên cạnh những ưu điểm và thành tựu, sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng bộc lộ một số hạn chế, nhất là trên lĩnh vực xây dựng thực lực kháng chiến. Việc xây dựng, củng cố địa bàn miền Tây có lúc chưa được quan tâm đúng mức và chưa chỉ đạo sâu sát. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức phạm khuyết điểm vừa phát triển "bừa bãi", phát triển theo lối thi đua, chạy theo thành tích, vừa buông lỏng, thực hiện các quy định, thủ tục kết nạp không chặt chẽ, kết nạp hàng loạt, làm cho thành phần đảng viên phức tạp, cá biệt một số nơi cấp ủy Đảng không giữ được tổ chức và vai trò lãnh đạo, để cho các phần tử phản động chui vào tổ chức... dẫn đến tình trạng “Đảng đông mà không mạnh”. Công tác huy động, bồi dưỡng sức dân, việc nắm bắt âm mưu

địch và đấu tranh chống phản động có khuyết điểm, để xảy ra vụ bạo loạn Sơn Hà....

Nhìn về tổng thể, trong giai đoạn từ năm 1949 đến năm 1954, Đảng bộ Liên khu V đã nhìn nhận đúng tầm quan trọng của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đã lãnh đạo nhân dân trong khu vực phát huy các nguồn lực, góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến ở Liên khu, đóng góp vào chiến thắng chung của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương 3

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI VỚI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1954 - 1961)

3.1. TÌNH HÌNH, NHIỆM VỤ MỚI VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI VỚI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1954 - 1961)

3.1.1. Tình hình, nhiệm vụ mới và chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng

3.1.1.1. *Tình hình và nhiệm vụ mới.*

Chiến thắng của quân và dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ và các chiến trường phối hợp, đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ (1954), chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trong bối cảnh chiến tranh lạnh đang gay gắt, lo sợ sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới, bất chấp Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ từng bước thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm để nhằm biến miền Nam Việt Nam thành tiền đồn, chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á. Dưới sự đạo diễn và hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã thực hiện chính sách chống cộng tàn bạo, đặt phong trào kháng chiến miền Nam trước nhiều khó khăn, thách thức.

Theo Hiệp định Giơnevơ, từ vĩ tuyến 17 trở vào, trong đó có khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nằm trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát. Sau khi lực lượng quân sự, bộ máy chính quyền, các cơ quan, đoàn thể nhân dân rút đi, chính quyền Sài Gòn đã nhanh chóng tiếp quản vùng tự do và các căn cứ du kích của Liên khu V. Đến cuối năm 1955, ở Nam Trung Bộ nói chung, miền Tây các tỉnh ven biển Nam

Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng, chính quyền Sài Gòn đã lập bộ máy chính quyền cấp quận, huyện và khoảng 2/3 số xã trong vùng tạm bị chiếm cũ.

Biết rõ khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ vốn là căn cứ cách mạng, nơi có phong trào kháng chiến, phong trào du kích phát triển mạnh của Việt Nam trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nên Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã tập trung đánh phá bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc, dã man và tàn bạo. Sau khi các lực lượng vũ trang cách mạng, người yêu nước kháng chiến tập kết chuyển quân ra miền Bắc, chính quyền Sài Gòn đã trắng trợn tước đoạt mọi quyền lợi nhân dân giành được trong kháng chiến. Các cuộc khủng bố, tàn sát nhân dân diễn ra khắp các địa phương của Liên khu V, nhất là vùng căn cứ kháng chiến cũ ở Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận... Chỉ trong mấy tháng “cuối năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tàn sát hàng trăm đồng bào yêu nước” [164, tr. 39].

Đối với Tây Nguyên, Chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách “quốc gia hóa”, lập các khu “dinh điền”, khuyến khích mở đồn điền cao su, cà phê, chè... chủ yếu phục vụ giới chủ và tư bản nước ngoài; đẩy mạnh xóa bỏ những thành quả về kinh tế, văn hóa, xã hội,..., mà nhân dân nơi đây giành được trong thời kỳ chống thực dân Pháp, làm cho đời sống đồng bào ở Tây Nguyên gặp nhiều khó khăn gay gắt.

Tháng 02-1955, Ngô Đình Diệm phát động chiến dịch “tổ cộng” giai đoạn I nhằm ngăn chặn cuộc đấu tranh hòa bình, thống nhất đất nước của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo. Mục tiêu của chính quyền Sài Gòn là “làm cho người cộng sản hoặc bị tiêu diệt hoặc chịu thuận phục quốc gia, làm cho quần chúng hoặc chết hoặc trở thành người dân quốc gia” [185, tr.235]. Phương thức “tổ cộng” là đánh trên diện rộng lúc đầu, sau đó, đánh vào chiều sâu; đánh cả nông thôn và thành thị, tập trung nơi có phong trào mạnh. Chính quyền Sài Gòn thành lập “Ban tổ cộng” xuống đến cấp xã, lấy lực lượng cảnh sát, mật vụ, tình báo, chiến tranh tâm lý làm nòng cốt, huy động các cơ quan hành chính, lực lượng bảo an, dân vệ và quân cộng hòa cùng tham gia với đầy đủ phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện tuyên truyền và tiền bạc. Ở

mỗi tỉnh, huyện, chúng tập trung đánh phá từng vùng, chia ra nhiều bước, làm xong bước một chuyển sang bước hai, ba, đánh xong vùng này chuyển qua vùng khác. Các đoàn lưu động của quận về cắm ở xã, có quyền lập nhà giam, bắt giết người.

Cuối năm 1955 đầu năm 1956, chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch “tổ cộng” đợt II (chiến dịch Trịnh Minh Thế) ở Liên khu V để đánh phá phong trào, tiêu diệt các cơ sở cách mạng. Khẩu hiệu “đạp lên oán thù, thù giết lầm còn hơn bỏ sót” được nêu thành phương châm hành động cho tất cả các chiến dịch càn quét, tổ cộng. Chính quyền Sài Gòn sau đó còn thực hiện Luật 10/59, vừa bắn giết những người yêu nước và cách mạng, vừa mua chuộc, chiêu hàng những phần tử dao động, phản bội với khẩu hiệu “dĩ đảng trị đảng”, “dĩ dân trị dân”.

Chiến dịch "tổ cộng" và các hoạt động đánh phá khác của chính quyền Sài Gòn đã làm cho phong trào kháng chiến ở Liên khu V nói chung, miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng bị tổn thất nghiêm trọng. Địa bàn trở thành vùng tạm bị đối phương kiểm soát đã gây nên nhiều diễn biến phức tạp trong tâm tư, tình cảm của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân. Một mặt, cán bộ, đảng viên và nhân dân vui mừng vì hoà bình được lập lại, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, của Hồ Chủ tịch, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng; nhưng mặt khác, lo lắng vì đất nước còn bị chia cắt; đặc biệt, đối phương thi hành chính sách phát xít, trong khi, Đảng chủ trương đấu tranh bằng phương pháp hoà bình, phong trào cách mạng bị tổn thất. Tình hình trên đã dẫn đến “tư tưởng phổ biến của cán bộ, đảng viên là bi quan dao động thiếu tin tưởng cuộc đấu tranh chính trị thống nhất nước nhà (...) “Tư tưởng sốt ruột nôn nóng, muốn vũ trang cũng có ở một số địa phương”; “Hiện tượng đầu hàng, xuất thủ nghiêm trọng” [81, tr.8].

Trong bối cảnh, tình hình mới, địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tiếp tục giữ vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là địa bàn khống chế các hành lang chiến lược giữa Bắc và Nam, giữa duyên hải miền Trung với Nam Bộ; đồng thời, là cửa ngõ kết nối với Lào và

Campuchia. Với đặc điểm địa hình rộng lớn, Tây Nguyên vừa là chiến trường trọng điểm, vừa là địa bàn triển khai các thế tiến công chiến lược, vừa có thể xây dựng căn cứ và bảo đảm hậu cần cho các hoạt động quân sự. Việc giữ vững phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có ý nghĩa quan trọng đối với khả năng tiến công, phòng ngự và phát triển thế chiến lược của lực lượng vũ trang cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Tình hình trên đây, đặt ra nhiều khó khăn, thử thách rất to lớn đối với phong trào kháng chiến; đặt ra những nhiệm vụ mới rất nặng nề, đòi hỏi Đảng bộ Liên khu V phát huy kinh nghiệm, tinh thần dũng cảm, kiên trung của đội ngũ đảng viên, năng lực của các cấp ủy để chuyển hướng công tác, bảo vệ, xây dựng và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

3.1.1.2. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V

Trước những thay đổi của tình hình, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa II) diễn ra trong tháng 7-1954, đã phân tích âm mưu, hành động của đế quốc Mỹ, tình hình cách mạng và phong trào kháng chiến ở miền Nam. Hội nghị nhận định rằng: “Đối với kháng chiến của ta thì Mỹ và Pháp hình như là thống nhất, nhưng sự thật thì Mỹ muốn nắm bù nhìn để hắt cẳng Pháp; Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm là tay sai đắc lực của Mỹ lên nắm chính quyền bù nhìn” [155, tr.163]. Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, và nó đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ” [155, tr. 172]; Nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân là: "Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc. Tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh thích hợp với yêu cầu của tình hình mới. Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng; ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà” [155, tr. 176-177].

Ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi sau khi Hội nghị Giơnevơ kết thúc: "Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng". Người khẳng định: "Chúng ta phải ra sức khôi phục và xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng của ta về mọi mặt, để thực hiện quyền độc lập hoàn toàn của nước ta" [155, tr.229-230].

Tiếp đó, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị yêu cầu Đảng bộ miền Nam "Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện hòa bình (...) sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng, bảo đảm vừa che giấu được lực lượng, vừa lợi dụng được những khả năng thuận lợi mới mà hoạt động để thực hiện chủ trương, chính sách và khẩu hiệu mới của Đảng" [155, tr.274]. Trên cơ sở đó, tháng 9 - 1954, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp và chỉ rõ một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Đảng bộ miền Nam là "lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ,... Đồng thời, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng, chống những hành động tiến công của địch, nguy, giữ lấy quyền lợi quần chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta" [155, tr. 308].

Ngày 02-11-1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ thị cho Liên khu ủy V, yêu cầu "củng cố và phát triển phong trào, giữ gìn lực lượng, giữ vững tổ chức của Đảng trong quá trình cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và phức tạp" [156, tr. 669]. Ban Bí thư cũng đề ra những nhiệm vụ cụ thể là: "tập hợp mọi lực lượng quần chúng trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo phong trào quần chúng thích hợp với tình hình hiện tại, chống "chiến dịch tố cộng" phải phát động thành một phong trào, có kế hoạch từng thời gian. Phải hết sức tránh chủ quan khinh địch và phải thấy hết khó khăn của ta. Trong quá trình đấu tranh, chú ý theo dõi diễn biến tư tưởng trong đảng viên và quần chúng để kịp thời uốn nắn và rút kinh nghiệm lãnh đạo để phổ biến. Giữ gìn và củng cố cơ sở tổ chức của Đảng, nhất là chi bộ, tích cực bảo vệ cán bộ". Chỉ thị nêu

rõ: “việc bảo vệ và củng cố tổ chức của Đảng vô cùng quan trọng vì có làm được việc đó mới có thể đưa cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp đến thắng lợi” [156, tr. 684].

Trước tình hình địch khủng bố ngày càng dữ dội, nhiều nơi ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên xuất hiện những đợt đấu tranh liên tiếp với hình thức cao; có nơi quần chúng tự động đấu tranh hoặc đấu tranh đột xuất, ngày 08-3-1956, Trung ương gửi điện cho Đảng bộ Liên khu V, một lần nữa khẳng định: “do tính chất và nhiệm vụ của cuộc đấu tranh chính trị hiện nay, miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cần nắm vững phương châm bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng trường kỳ tồn tại, triệt để lợi dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp mà khéo công tác, khéo che giấu lực lượng (...). Cần nhận thức rõ: đối với phong trào miền Nam, giữ vững là căn bản, có giữ vững mới phát triển được, chỉ phát triển mà không giữ vững thì phong trào dễ đi đến chỗ tan rã” [157, tr. 76].

Tháng 6-1956, Bộ Chính trị họp và nhận định: do chính sách phá hoại Hiệp định Giơnevơ và hành động đàn áp, khủng bố của Mỹ - Diệm, thời gian qua, cơ sở cách mạng ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bị tổn thất tương đối nặng. Bộ Chính trị nhấn mạnh: “... Cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết” [157, tr. 225, 228]. Vì vậy, nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang chống Mỹ - Diệm cần phải được đặt ra lúc bấy giờ. Bộ Chính trị cũng đã chỉ đạo chuyển hướng phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nhằm duy trì và bảo vệ lực lượng cách mạng, bảo vệ tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng.

Tháng 10-1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá: “phong trào ở miền Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói chung đã

giữ vững được, nhưng cơ sở của Đảng ở nhiều địa phương bị tổn thất, chính sách mặt trận rộng rãi chưa thực hiện được” [157, tr. 423]. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3 năm 1957), đã chỉ đạo các cấp uỷ Đảng ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên sắp xếp, bố trí lực lượng ở lại, cất giấu vũ khí, đồng thời cử những cán bộ có kinh nghiệm, am hiểu chiến trường về miền Nam lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

Cuối năm 1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị về nhiệm vụ cách mạng ở Tây Nguyên và xác định nhiệm vụ: “Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng của ta ở miền Nam; phá âm mưu xây dựng trung tâm căn cứ quân sự Mỹ - Diệm, tạo điều kiện đón thời cơ, tranh thủ chủ động trong mọi tình thế” [164, tr. 101].

Đến năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15, đã xác định: Miền Nam, bao gồm cả miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên “đã trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ... Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, chế độ thực dân và nửa phong kiến... là một chế độ phản động, tàn bạo và đen tối” [160, tr. 71]. Hội nghị chỉ rõ: con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là: “Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân” [160, tr. 82]. Hội nghị nhấn mạnh: “... do nhu cầu của phong trào kháng chiến ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết. Tuy nhiên, khi sử dụng lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền cần phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị, và phục tùng lợi ích đấu tranh chính trị, phải làm cho cán bộ và nhân dân nắm vững khẩu hiệu chính trị, nắm

vững công tác động viên và tổ chức lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản." [160, tr.84].

Để đảm bảo cho việc lãnh đạo phong trào kháng chiến giành thắng lợi, tháng 03-1959, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên. Chỉ thị nêu rõ:

Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ lớn lao trong xây dựng căn cứ cách mạng Tây Nguyên phải nắm vững các nguyên tắc: có Đảng lãnh đạo (cố gắng có đảng viên người dân tộc lãnh đạo cách mạng vùng dân tộc); giải quyết tốt vấn đề dân tộc; chú trọng vấn đề dân sinh, mọi người nỗ lực sản xuất tự túc, có mặt trận công, nông, binh, Kinh, Thượng liên hiệp; phát huy truyền thống tự vệ của nhân dân, ra sức xây dựng và sử dụng lực lượng vũ trang để tạo thế mạnh cho đấu tranh chính trị, bảo đảm làm chủ căn cứ.

Do đó, xây dựng căn cứ phải gồm nhiều mặt, nắm vững mấy công tác chính: củng cố và phát triển Đảng, chú ý chi bộ và cán bộ người địa phương; Làm tốt công tác dân tộc; Xây dựng củng cố tổ chức nhân dân tự quản: mở rộng phạm vi của chính quyền 2 mặt; Phát triển kinh tế tự túc; Xúc tiến đặc biệt công tác binh vận; Phát triển tự vệ nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang. Sáu công tác chính ấy có quan hệ với nhau bảo đảm xây dựng căn cứ cách mạng thắng lợi. nhằm hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và chuẩn bị cho đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm trên toàn miền Nam... [160, tr.254-255].

Từ ngày 05 đến ngày 10-9-1960, Đại hội Đại biểu lần thứ III của Đảng tiến hành họp. Đại hội xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng ở miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam được xác định là kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm

tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng cũng đã đề ra nhiệm vụ “lấy việc xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng cách mạng của quần chúng làm cơ sở” [161, tr. 525]. Để cách mạng miền Nam phát triển thuận lợi, cần phải cô lập, phân hóa kẻ thù, đồng thời xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi lấy liên minh công - nông làm cơ sở. Công tác Mặt trận phải rất linh hoạt nhằm đoàn kết, tranh thủ, trung lập tất cả các lực lượng, các thế lực; thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân vào phong trào đấu tranh chung chống Mỹ - Diệm. Đại hội xác định miền Nam chiến đấu không lẻ loi, vì có miền Bắc là căn cứ địa chung của cách mạng cả nước; cách mạng miền Nam có tác dụng trực tiếp trong công cuộc giải phóng miền Nam và thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Đại hội đề ra chủ trương thực hiện ở miền Nam Việt Nam một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống Mỹ - Diệm, lấy liên minh công - nông làm cơ sở.

Trên cơ sở đó, ngày 24-01-1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là:

Ra sức xây dựng mau chóng lực lượng của ta về cả 2 mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, bảo tồn và phát triển lực lượng của ta, ra sức xây dựng cơ sở cách mạng, công tác binh vận, vấn đề căn cứ địa [162, tr. 159].

Chỉ thị nhấn mạnh vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang và vấn đề tiêu diệt sinh lực địch. Sự phát triển chủ trương, đường lối mang tính chủ động

tiến công địch phản ánh thực tiễn đặt ra trên chiến trường và vượt qua những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới.

Có thể thấy, từ năm 1954 đến năm 1961, Đảng đã có nhiều chủ trương, chỉ đạo sát sao đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V nói chung và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng. Những chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có sự phát triển; căn cứ vào chuyển biến của tình hình, song, nhìn chung đều hướng vào củng cố và phát triển phong trào, giữ gìn lực lượng, giữ vững tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, giữ vững những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ; lãnh đạo nhân dân đấu tranh, từ thế giữ gìn lực lượng, chống những hành động khủng bố, đàn áp của địch tiến tới nổi dậy, tiến công địch, phát huy vai trò căn cứ kháng chiến. Những chủ trương của Trung ương Đảng, là cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ Liên khu V vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện cụ thể của địa phương để lãnh đạo phong trào kháng chiến trên địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, góp phần thắng lợi trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ Liên khu V

Trước sự thay đổi của tình hình và những nhiệm vụ chính trị mới, từ ngày 27 đến ngày 28-7-1954, Đảng bộ Liên khu V họp Hội nghị mở rộng đến các Bí thư tỉnh ủy. Hội nghị nhấn mạnh “nhiệm vụ trước hết là phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đúng về tình hình, ổn định về tư tưởng bước vào cuộc đấu tranh mới và kẻ thù cũng khác” [42]. Hội nghị chỉ rõ vấn đề cơ bản nhất lúc này là phải nhanh chóng ổn định tư tưởng, xây dựng và củng cố niềm tin, bố trí, sắp xếp lực lượng cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Từ đó, Hội nghị xác định 3 công việc cấp bách: 1) Mở một đợt tuyên truyền và giáo dục sâu rộng cho tất cả cán bộ, đảng viên, quần chúng về tình hình nhiệm vụ mới; 2) Khẩn trương tổ chức lại bộ máy lãnh đạo của Đảng và các tổ chức

quần chúng từ Khu đến cơ sở, làm cho các tổ chức Đảng và quần chúng nhanh chóng bắt kịp với tình hình mới của phong trào cách mạng; 3) Biên chế lại và tổ chức cho các lực lượng vũ trang thành các sư đoàn, trung đoàn để biểu dương chiến thắng và chuyển quân theo đúng kế hoạch [42].

Ngày 30-9-1954, Thường vụ Liên khu ủy V họp để triển khai Nghị quyết của Liên khu ủy, trên cơ sở đánh giá về những khó khăn, thuận lợi của khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Hội nghị đã xác định nhiệm vụ trước mắt của khu vực là: Chuyển hướng công tác cho thích hợp với tình hình mới, giáo dục cho cán bộ, đảng viên thấu suốt nhiệm vụ phương châm của Đảng, sắp xếp cán bộ, tổ chức quần chúng phát triển cơ sở. Đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, lãnh đạo nhân dân ổn định và đấu tranh đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ.

Tháng 10-1954, Liên khu ủy V họp phân tích đặc điểm tình hình tại các khu vực trong toàn khu, quán triệt chủ trương của Trung ương về củng cố tổ chức đảng, xây dựng cơ sở cách mạng quần chúng; chủ trương làm dịu không khí căng thẳng giữa nông dân và địa chủ, gây tình đoàn kết lương - giáo, Kinh - Thượng ...; “chuẩn bị thành lập ủy ban Mặt trận ở Liên khu và các địa phương nếu ta tranh thủ được Mặt trận hoạt động hợp pháp” [43, tr.8-9]. Liên khu ủy chủ trương: trong lãnh đạo, phải nắm vững nguyên tắc củng cố Đảng, trước mắt là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục một cách sâu rộng, kịp thời phổ biến phương châm, chính sách mới trong cán bộ, đảng viên và quần chúng; chỉnh đốn chi bộ, có kế hoạch bảo vệ cán bộ, ổn định tổ chức và lề lối làm việc của cấp ủy; cải thiện sinh hoạt quần chúng; đấu tranh chống hành động vi phạm Hiệp định của đối phương, đảm bảo quyền tự do cho nhân dân ở vùng Pháp đã tập kết; xúc tiến công tác binh vận....

Cuối tháng 3-1955, Thường vụ Liên khu ủy V tổ chức Hội nghị gồm một số cán bộ lãnh đạo các tỉnh từ Phú Yên trở ra. Tại Hội nghị, Liên khu ủy đề nghị nên để lại một số vũ khí và đưa một số đơn vị bộ đội lên xây dựng một số căn cứ ở Tây Nguyên. Tiếp đó, trên cơ sở Nghị quyết Hội nghị Trung ương

tám (khóa II) của Đảng và tình hình thực tế tại chiến trường, ngày 26-11-1955, Đảng bộ Liên khu V đã họp và xác định 3 nhiệm vụ cụ thể:

- Tập trung mọi lực lượng quần chúng trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm;
- Lãnh đạo phong trào quần chúng thích hợp với tình hình. Cương quyết chống chiến dịch tố cộng;
- Giữ gìn và củng cố tổ chức cơ sở đảng và quần chúng: chi bộ, tích cực bảo vệ cán bộ. [49].

Đến năm 1956, Chính quyền Ngô Đình Diệm ngang nhiên công khai tuyên bố không thi hành Hiệp định Giơnevơ, không có hiệp thương tổng tuyển cử, điên cuồng khủng bố đẫm máu phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam nói chung, nhân dân Liên khu V nói riêng trong đòi hòa bình, đòi thi hành Hiệp định và hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

Trước tình hình diễn biến theo chiều hướng ngày càng khó khăn lớn cho cách mạng, tháng 02 năm 1956, Đảng bộ Liên khu V tổ chức Hội nghị và xác định nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn trước mắt:

Thực hiện chuyển hướng tổ chức của Đảng, dùng phương châm và nguyên tắc bí mật, giữ vững cơ sở, tích lũy lực lượng, trường kỳ tồn tại và liên hệ chặt chẽ với quần chúng trong mọi trường hợp khó khăn nhất và xấu nhất có thể xảy ra; Phổ biến sâu rộng cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, biến thành ý nguyện của nhân dân; Tận dụng hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp để tập hợp các tầng lớp nhân dân, ra sức củng cố tổ chức quần chúng; Khéo léo lãnh đạo quần chúng đấu tranh với những hình thức thích hợp... [50, tr.10-11].

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị (tháng 6-1956) về “phương hướng của cách mạng miền Nam là đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ, Đảng bộ Liên khu V đã chủ trương thành lập nhiều đội trừ gian” [244, tr.51]. Sau khi bản “Đề cương Cách mạng Việt Nam ở miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ soạn thảo chuyển xuống các đảng bộ nghiên cứu và góp ý kiến. Giữa năm 1958, tại làng Broninh,

Đảng bộ đã tổ chức hội nghị nghiên cứu Đề cương và những gợi ý của Lê Duẩn về phương hướng lãnh đạo phong trào kháng chiến ở 3 vùng chiến lược (đô thị, đồng bằng và miền núi). Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể để lãnh đạo phong trào kháng chiến là: “Xây dựng miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng; Bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi với nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ...”. Hội nghị xác định phương châm, phương pháp đấu tranh:

Hiện nay, địch đang đi sâu vào con đường phát - xít, ta không thể đơn thuần chính trị mà bắt buộc phải dùng vũ trang bộ phận để phối hợp với đấu tranh chính trị, nhằm tiêu diệt bọn Mỹ, để khơi dậy tinh thần dân tộc và phong trào chống Mỹ, diệt bọn phản động để tranh thủ bọn lưng chừng, diệt bọn đầu sỏ bên trên để lay chuyển bọn bên dưới. Diệt bọn biệt kích để mở rộng hoạt động của ta. Nói chung là nhằm hạn chế phát - xít, hạ uy thế của địch, nâng uy thế của phong trào, mở rộng cơ sở chính trị [52].

Trước tình hình Mỹ - Diệm tăng cường khủng bố, kìm kẹp quần chúng, đàn áp phong trào cách mạng và căn cứ vào tinh thần Hội nghị lần thứ 15 Ban của Đảng (họp lần thứ nhất, tháng 01-1959). Tháng 6 năm 1959, Võ Chí Công, Bí thư Liên khu ủy V đã truyền đạt tinh thần chỉ đạo mới của Trung ương đối với cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam đến cán bộ, đảng viên và quần chúng trong toàn Liên khu.

Tiếp đó, tháng 4-1960, Đảng bộ Liên khu họp hội nghị mở rộng để kiểm điểm việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Sau khi khẳng định những việc đã làm được, hội nghị đã nghiêm khắc vạch ra những khuyết điểm đang tồn tại, nhất là tư tưởng rụt rè hữu khuynh không dám đẩy mạnh tiến công địch của một số địa phương và quyết định phát động quần chúng ở căn cứ miền núi vũ trang chống địch càn quét, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang tập trung, phát triển phong trào ở đồng bằng, đô thị, “vừa tận dụng mọi khả năng đấu tranh chính trị, vừa tích cực chuẩn bị vũ trang

khởi nghĩa”. Đối với miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Hội nghị chủ trương:

- Củng cố và phát triển cơ sở cách mạng mạnh mẽ, đều khắp; chú ý xây dựng tổ chức cơ sở Đảng;
- Giữ vững, tăng cường khối đoàn kết và phát huy khí thế các dân tộc. Hết sức chăm lo đời sống nhân dân; kiên quyết lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch cướp bóc, dồn dân, chiếm đất, càn quét, khủng bố và bảo vệ tính mạng tài sản, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, bố phòng tích cực, kết hợp đấu tranh vũ trang càn quét;
- Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, tận dụng mọi khả năng tích cực phát triển kinh tế; Đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, khu;
- Xúc tiến mạnh mẽ công tác binh vận; tranh thủ nắm chắc chính quyền, nhất là ở thôn, xã;
- Khẩn trương xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ địa vững chắc để làm chỗ dựa cho đồng bằng... [56, tr.16-17].

Đến tháng 02 - 1961, Đảng bộ Liên khu họp đề ra nhiệm vụ làm chủ núi rừng, củng cố và xây dựng căn cứ địa cách mạng, giành lại đồng bằng, tiêu diệt sinh lực địch. Hội nghị chỉ rõ: Vùng căn cứ rừng núi đấu tranh vũ trang là chủ yếu, vùng đồng bằng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang có thể ngang nhau, vùng đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu. Về nhiệm vụ quân sự trong thời gian tới, Đảng bộ xác định: Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang để bảo đảm kịp thời hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, bảo vệ căn cứ địa cách mạng, bảo vệ lực lượng cách mạng, đồng thời cùng lực lượng chính trị của quần chúng, bảo đảm kịp thời tiến lên đánh đổ chính quyền địch, khi có điều kiện khởi nghĩa.

Từ thực tiễn tình hình chiến tranh ngày càng mở rộng và phát triển, nhiệm vụ chiến đấu, xây dựng mọi mặt, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ và kịp thời. Tháng 05 - 1961, Bộ Chính trị Ban chấp hành

Trung ương quyết định tổ chức chiến trường miền Nam thành hai khu. “Khu V, gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai. Khu VI, gồm các tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Tuyên Đức, Lâm Đồng [147, tr.96-97]. Đến đây, Đảng bộ Liên khu V hoàn thành sứ mệnh. Phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ đây đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ khu V và Đảng bộ khu VI.

Có thể thấy, từ năm 1954 đến khi kết thúc nhiệm vụ vào năm 1961, do tình hình khó khăn, Đảng bộ Liên khu V không tiến hành Đại hội Đảng bộ, do đó, Liên khu ủy, các cấp ủy trực thuộc, cán bộ, đảng viên đã quán triệt, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Trung ương, đề ra những chủ trương, nhiệm vụ lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên sát với tình hình thực tiễn.

Những chủ trương của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tập trung vào hai nội dung chủ yếu: giữ gìn, tăng cường thực lực kháng chiến tại chỗ thông qua giữ gìn, bảo toàn tổ chức đảng, tổ chức quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa kháng chiến; phát huy vai trò của địa bàn chiến lược này đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Những chủ trương của Đảng bộ Liên khu V là cơ sở để các cấp bộ đảng và nhân dân Liên khu nói chung, khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng đấu tranh giữ gìn lực lượng, bảo vệ cơ sở, từng bước phát huy vai trò căn cứ, khởi đầu phong trào nổi dậy, chuyển thế giữ gìn lực lượng lên thế chủ động, tiến công địch ở Liên khu V.

3.2. SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V ĐỐI VỚI PHONG TRÀO KHÁNG CHIẾN Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH VEN BIỂN NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1954-1961)

3.2.1. Chỉ đạo giữ gìn, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ.

3.2.1.1. Chỉ đạo giữ gìn và phát triển tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng bộ Liên khu V đã tiến hành củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trên toàn Liên khu cũng như ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, làm cơ sở thực hiện chủ trương đấu tranh đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Thực hiện những chủ trương đã đề ra tại các Hội nghị Liên khu ủy V (7-1954) và (10-1954), các cấp bộ Đảng đã mở một đợt tuyên truyền và giáo dục sâu rộng cho tất cả cán bộ, đảng viên, quần chúng trong khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên về tình hình nhiệm vụ; phổ biến phương châm, chính sách mới của Đảng, tiến hành chuyển hướng tổ chức và tác phong công tác trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, xây dựng, củng cố cơ sở cách mạng quần chúng, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất cho thích hợp với tình hình mới.

Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo chỉnh đốn chi bộ, xây dựng kế hoạch bảo vệ cán bộ, ổn định tổ chức và lề lối làm việc của cấp ủy; sắp xếp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, đảng viên. Những cán bộ, đảng viên không thể ở lại hợp pháp thì tổ chức cho đi tập kết ra Bắc; những cán bộ đảng viên có kinh nghiệm được ở lại phân công làm lực lượng nòng cốt cho phong trào kháng chiến; những đảng viên trung kiên, có kinh nghiệm đấu tranh, có sức khỏe tốt, chịu đựng được gian khổ, hoạt động bất hợp pháp vào các cấp ủy làm nhân tố cốt lõi của lực lượng cách mạng; một số đảng viên được bố trí dưới dạng giải ngũ, chuyển vùng, sống hợp pháp bằng nghề nghiệp của mình, tìm cách móc nối, xây dựng cơ sở chính trị trong dân. Đảng bộ Liên khu V cũng chỉ đạo các cấp ủy Đảng ở địa phương mở lớp huấn luyện cấp tốc cho cán bộ được bố trí ở lại học tập về phương pháp hoạt động trong vùng địch.

Trong giữ gìn và củng cố tổ chức của Đảng, tập trung vào củng cố chi bộ theo phương châm:

Tinh gọn, bí mật, chất hơn lượng. Về cán bộ phải nhằm vào đức và tài, lấy đức làm chính (...) Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng với quần chúng, làm cho cán bộ, đảng viên thấy phương châm xây dựng Đảng là từ phong trào của quần chúng mà ra, xác định nhiệm vụ của đảng viên là phải tuyên truyền, tổ chức giáo dục lãnh đạo quần chúng đấu tranh, giữ bí mật cho Đảng [147, tr.43-44].

Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, tranh thủ lúc chính quyền Sài Gòn chưa kịp củng cố hệ thống kìm kẹp ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên mà chủ yếu thông qua mật thám, chiêu hồi làm chỉ điểm lên tuyên truyền, vận động nhân dân xuống đồng bằng trình diện, lập tề,..., các cấp bộ Đảng địa phương đã khẩn trương, tích cực tổ chức quán triệt và triển khai nhiệm vụ mới cho đảng viên, cán bộ và nhân dân khu vực thấy rõ được thắng lợi to lớn trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tổ chức sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo, tổ chức quần chúng. Trong thời gian địch chưa tiếp quản, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo giúp nhân dân các huyện, xã miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ sửa chữa những công trình tưới tiêu, làm lại nhà cửa, trường học; quyết định phân phối muối, thuốc, vải từ các kho dự trữ cho nhân dân, nhất là ở các căn cứ. Các đảng viên tuyên truyền trong nhân dân về đường lối hòa bình, thống nhất, khuyên mọi người nhắc nhở nhau không làm tay sai cho địch, không phản bội bà con, quê hương.

Ngày 25-10-1954, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị bàn về công tác củng cố Đảng, ra nghị quyết về nhiệm vụ chuyển hướng tổ chức và phương thức hoạt động mới. Tỉnh ủy đã tập trung thảo luận hai nhiệm vụ chủ yếu là: lãnh đạo, tổ chức tốt việc chuyển quân tập kết đúng kế hoạch; chuẩn bị tư tưởng và tổ chức để chuyển sang đấu tranh chính trị nhằm giữ gìn lực lượng, đưa phong trào kháng chiến tiếp tục tiến lên. Hội nghị quyết định các huyện miền núi Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ của tỉnh Quảng Ngãi thuộc sự

chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V trước đó, nay trở về thuộc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy [61, tr.265-266]. Đảng bộ tỉnh Bình Định mở hai đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn để thống nhất tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh; tiến hành lập ra những hội biến tướng: văn đối công, hiếu hỉ, trụ tang, đi săn, đá bóng, ca nhạc, tuần sương... để tập hợp quần chúng đấu tranh. Tại Ninh Thuận, tháng 8-1954, Tỉnh ủy đã yêu cầu các cấp ủy, cán bộ trong tỉnh cũng như ở các huyện, xã khu vực miền núi phía Tây khẩn trương tổ chức sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo, các tổ chức đảng và đoàn thể.... Trước hết là chọn một số ít đảng viên có tư tưởng vững vàng, chưa bị lộ, tự nguyện hoạt động trong hoàn cảnh mới, nhỏ, gọn, bí mật và tổ chức các đảng viên đơn tuyến. Về tổ chức quần chúng, đình chỉ hoạt động các đoàn thể không hợp pháp, dần dần hình thành các tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp với các hình thức làm ăn tương trợ và các tổ chức văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao trong nhân dân... Bố trí cán bộ ở lại và chuyển hướng tổ chức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới. Đặc biệt, Tỉnh ủy chỉ đạo, tranh thủ lúc địch chưa kịp củng cố hệ thống kìm kẹp ở miền núi, phải “ra sức chinh đồn, củng cố thực lực đã có, khẩn trương phát triển mở rộng cơ sở lên miền Tây Bắc Ái” [70, tr.239-240].

Ở Tây Nguyên, các cấp bộ Đảng tổ chức cung cấp muối, nông cụ sản xuất, vải, nhiều nhu yếu phẩm khác cho nhân dân; nhiều đoàn cán bộ giáo dục, y tế đi sâu vào buôn, rẫy tổ chức chữa bệnh cho dân, vận động nhân dân cắt tóc, ăn, ở vệ sinh và tổ chức các lớp học văn hóa [119, tr.123-124]. Tại Gia Lai, cuối tháng 10-1954, Tỉnh ủy đã chỉ đạo gấp rút tổ chức, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở. Phương châm của Tỉnh ủy về tổ chức là: “Tinh giản, vững mạnh, nghiêm mật, trọng chất lượng” [62, tr.258].

Để đáp ứng yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo trong tình hình mới, tháng 4-1955, Bộ Chính trị quyết định giao tỉnh Quảng Trị (từ sông Bến Hải trở vào) và tỉnh Thừa Thiên trực thuộc Liên khu V. Đảng bộ Liên khu V đã

quyết định tổ chức Liên khu thành 4 Liên tỉnh* [147, tr.25-26], mỗi Liên tỉnh có Ban Cán sự lãnh đạo. Liên khu ủy chỉ đạo các Ban cán sự liên tỉnh, các tỉnh ủy đẩy mạnh việc bố trí cán bộ, đảng viên về các cơ sở hoạt động, tăng cường bám sát dân, xây dựng phong trào, làm cho nhân dân tin tưởng vào Đảng. Xây dựng chi bộ bí mật, cơ quan bí mật gắn với củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, đẩy mạnh công tác binh địch vận, tranh thủ lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá cách mạng của chúng [147, tr. 43, 45].

Từ tháng 02-1955, đế quốc Mỹ và chính quyền Diệm mở nhiều chiến dịch đánh phá các tỉnh ở Liên khu V, nhất là các vùng căn cứ cách mạng, bắt và thủ tiêu cán bộ, đảng viên. Chúng sử dụng bọn phản động ở Sơn Hà trước đây và mua chuộc một số cà rá (tù trưởng, già làng) để chống phá phong trào kháng chiến. Chúng áp dụng chính sách dùng người dân tộc trị người dân tộc để đánh phá phong trào kháng chiến.

Trước những âm mưu và hành động mới của địch, tại Quảng Nam (thuộc Liên tỉnh 1), Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy Đảng trong tỉnh và các huyện, xã miền Tây "Quyết tâm bám chặt cơ sở, giữ vững phong trào và động viên cán bộ, đảng viên phải bám cơ sở", thống nhất các tổ chức quần chúng để tiện hoạt động. Tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (thuộc Liên tỉnh 2), các Tỉnh ủy chỉ đạo lập ra những hội biến tướng: nhóm phòng gian, chống cướp, vắn đổi công, hội tương tế, hiếu hỉ, trụ tang, đi săn, đá bóng, ca nhạc, tuần sương,... để giữ gìn lực lượng quần chúng. Cuối tháng 10-1955, trước tình hình địch tập trung lực lượng đánh phá phong trào kháng chiến miền núi, Liên tỉnh ủy 4 (gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk) họp ở làng Đê-ban (Gia Lai) đã quyết định củng cố và phát triển cơ sở cách mạng: Quán triệt thêm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng việc vận dụng phương châm đấu tranh

* Liên tỉnh 1: Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam; Liên tỉnh 2: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; Liên tỉnh 3: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng; Liên tỉnh 4: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk. Sau khi **khí Liên khu V kết thúc nhiệm vụ, các Khu V, VI thành lập** (tháng 7 năm 1961) thì các liên tỉnh cũng kết thúc nhiệm vụ.

hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp đối với từng vùng; Tiếp tục củng cố nội bộ Đảng, giữ vững và nâng cao khí tiết cách mạng cho cán bộ và đảng viên, với phương châm trong xây dựng tổ chức: “Tinh giản, vững mạnh, nghiêm mật, trọng chất lượng”. Cán bộ, đảng viên phải bám cơ sở, bám phong trào, lãnh đạo đấu tranh chống địch khủng bố để bảo vệ cơ sở, bảo vệ phong trào kháng chiến [62, tr.258].

Để tiếp tục chỉ đạo công tác bảo vệ, giữ gìn lực lượng trước sức đánh phá ngày càng ác liệt của địch, ngày 26-11-1955, Đảng bộ Liên khu V ra Chỉ thị về nhiệm vụ sắp tới của Liên khu: “Tập hợp mọi lực lượng quần chúng trong Mặt trận là nhiệm vụ trọng tâm để phổ biến sâu rộng cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân...” [147, tr.43]. Phương châm thực hiện là: “Khéo công tác, khéo che giấu, giữ vững cơ sở, tích lũy lực lượng trường kỳ tồn tại và liên hệ chặt chẽ với quần chúng” [147, tr.43]. Sau đó, Liên khu ủy đã có nhiều chỉ đạo đối với các Ban cán sự liên tỉnh và các tỉnh ủy để tổ chức triển khai việc bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ, đảng viên.

Từ cuối năm 1956, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về việc xây dựng cơ sở quần chúng để làm cơ sở duy trì, phát triển lực lượng vũ trang, thực hiện vũ trang tự vệ, Đảng bộ Liên khu V đã đẩy mạnh củng cố tổ chức Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng và một số hình thức thực hiện chức năng của chính quyền. Tháng 4-1957, tại Bắc Ái, tỉnh ủy Ninh Thuận họp hội nghị mở rộng để bàn về công tác tư tưởng, công tác chuẩn bị chuyển cán bộ ra hợp pháp; sắp xếp tổ chức và phương thức hoạt động ở miền núi trước âm mưu mới của địch. Đồng thời, rà soát lại từng cán bộ, xét ai ra được, ai cần ở lại [70, tr. 258, 262]. Tháng 3-1958, Đảng bộ Liên khu V họp hội nghị (mở rộng) đề ra chủ trương: “Tăng cường đoàn kết dân tộc, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, giữ vững và phát triển đấu tranh chính trị, xây dựng tự vệ nhân dân” [52, tr.6]. Trên cơ sở chỉ đạo của Liên khu ủy, ngày 25-5-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức hội nghị bàn kế hoạch thực hiện, nhanh chóng phục hồi và xây dựng các đoàn thể thanh niên, phụ nữ nông thôn, thành lập

Ban quân sự. Tháng 6-1958, Tỉnh ủy Bình Định họp để xác định nhiệm vụ trước mắt ở miền núi: “phát triển các đoàn thể quần chúng”. Tỉnh ủy Phú Yên họp bàn chủ trương bảo vệ phong trào, xây dựng chính quyền cách mạng trong các vùng đã làm chủ. Tại các tỉnh Gia Lai, Kon Tum cũng chia ra các vùng: đã làm chủ; “có địch có ta” và vùng địch kiểm soát, chỉ đạo ở mỗi xã có 3 cán bộ phụ trách gọi là “Ban cán sự” hoặc “Ban tự quản” để điều hành công việc chỉ đạo phong trào kháng chiến. Đến cuối năm 1958, một số xã ở Gia Lai, Kon Tum, miền Tây Quảng Ngãi đã thành lập “Ban cán sự”, “Ban tự quản” - một hình thức chính quyền cách mạng.

Tổ chức Đảng đã vượt qua thời kỳ khó khăn nhất đã được củng cố. Hầu hết các huyện miền núi đều thành lập cấp ủy và các chi bộ đảng cơ sở. Nơi nào chưa có tổ chức đảng thì có ban cán sự, tiền thân của chi bộ đảng. Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh xuống cơ sở ở miền núi được thông suốt. Tháng 6-1959, Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) đã quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng* và chỉ đạo các Tỉnh ủy tiến hành kiểm điểm, đánh giá về sự lãnh đạo, chỉ đạo của từng Đảng bộ đối với phong trào kháng chiến từ năm 1954. Căn cứ vào tình hình xây dựng Đảng và nhiệm vụ quan trọng, nặng nề của Đảng bộ, Liên khu ủy V chỉ đạo các cấp ủy đảng “cần tập trung xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ, gắn chặt Đảng vào quần chúng”; Với “Phương châm là tinh, gọn, bí mật, trọng chất hơn lượng...” [53, tr.21]. Tháng 01-1960, Đảng bộ Liên khu V đề ra nhiệm vụ ở miền núi, trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ: Giữ vững, tăng cường khối đại đoàn kết và phát huy khí thế các dân tộc. Hết sức chăm lo đời sống nhân dân; Kiên quyết lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch cướp bóc, dồn dân, chiếm đất, càn quét, khủng bố và bảo vệ tính mạng, tài sản của dân; Củng cố và phát triển cơ sở cách mạng mạnh mẽ, đều khắp; Tranh thủ nắm chặt chính quyền nhất là ở xã, thôn. Hội nghị nhấn

* Mặc dù Nghị quyết 15 đến tháng 11-1959 mới được điện toàn văn vào Nam Bộ, Liên Khu V, nhưng từ giữa năm 1959, tinh thần của Nghị quyết 15 bằng nhiều con đường đã được truyền đạt đến Liên khu V.

mạnh nhiệm vụ chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, gắn chặt vào quần chúng, đủ sức lãnh đạo phong trào kháng chiến [56, tr.16-17].

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng được đẩy mạnh. Từ năm 1960, quán triệt chủ trương của Đảng “về thành lập một Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm thật rộng rãi lấy liên minh công - nông làm cơ sở, bao gồm tất cả lực lượng yêu nước ở miền Nam, tranh thủ mọi người có thể tranh thủ được” [160, tr.87] và tinh thần Đại hội III của Đảng (9-1960) về “ra sức xây dựng khối công - nông - binh liên hợp và thực hiện một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống Mỹ - Diệm, lấy liên minh công nông làm cơ sở” [161, tr.526], Liên khu ủy V đã chỉ đạo tăng cường đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng chính trị ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, từ đó, từng bước hình thành một Mặt trận rộng rãi, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình, đòi thực hiện tổng tuyển cử tự do [235, tr. 94]. Sự duy trì, củng cố lực lượng chính trị đóng vai trò nền tảng vững chắc cho phong trào kháng chiến của quân và dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Có thể thấy, việc chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V về giữ gìn, củng cố tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, cơ sở cách mạng ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra liên tục, có những bước phát triển gắn với sự chuyển biến chung của tình hình kháng chiến ở Liên khu V và toàn miền Nam. Đến năm 1961, ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, các cấp ủy trong toàn khu vực lần lượt kiện toàn và củng cố; các đoàn thể quần chúng được khôi phục và có sự phát triển, một số hình thức tổ chức thực hiện chức năng chính quyền cách mạng đã xuất hiện. Đây là cơ sở nền tảng quan trọng để giữ gìn phong trào kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng trong khu vực.

3.2.1.1. Chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và các căn cứ kháng chiến

Thực hiện những điều khoản Hiệp định Giơnevơ và các nghị quyết về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, trên cơ sở và đồng thời với giữ gìn, củng cố tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, thực hiện phương châm đề ra tại Hội nghị Liên khu ủy (7-1954): “xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang” [42].

Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang ở vùng căn cứ miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tại các Hội nghị Liên khu ủy mở rộng (7-1954) và Hội nghị Liên Khu ủy (10-1954) đã đề ra chủ trương: một mặt tiến hành chuyển cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang đi tập kết; mặt khác, khẩn trương tổ chức lại lực lượng vũ trang, ứng phó với khả năng kẻ thù không thực hiện hiệp thương, tổng tuyển cử mà tiến hành khủng bố phong trào kháng chiến. Thực hiện chủ trương đã đề ra, Đảng bộ Liên khu V đã phân công, tổ chức cho nhiều cán bộ quân sự ở lại miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ; bí mật đưa cán bộ, phần lớn là cán bộ quân đội và một số cán bộ người dân tộc thiểu số về củng cố lại căn cứ Tây Nguyên; chỉ đạo chôn giấu vũ khí tại các vùng căn cứ cũ ở Quảng Ngãi, Bình Định,... Trong thời gian từ 1955 - 1956, tuy chưa có sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, nhưng một số địa phương thuộc miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã hình thành những nhóm hành động tự vệ mang tính tự phát của quần chúng và cán bộ cơ sở.

Từ năm 1957, sau khi Bộ Chính trị cho phép vũ trang tự vệ để bảo vệ cán bộ, cơ sở quần chúng, Thường vụ Liên khu ủy đã chỉ đạo vận động xây dựng các tổ chức nòng cốt để chống địch. Ở các huyện miền núi Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long (Quảng Ngãi); Vĩnh Thạnh, An Lão (Bình Định); Thồ Lô (Phú Yên),... rất đông lực lượng thanh niên không chịu để chính quyền Ngô Đình Diệm bắt lính, đã tự động chạy vào rừng sống bất hợp pháp, hình thành nên những trại bí mật. Dần dần, lực lượng này tổ chức

những trận phục kích lẻ tẻ diệt bọn thám báo, ác ôn và quân đội địch để tiêu hao, gây hoang mang trong hàng ngũ địch. Đó chính là mầm mống của những tổ chức tự vệ nhân dân đầu tiên ra đời ở Liên khu V. Từ thực tiễn đấu tranh với địch, các tổ tự vệ nhân dân ra đời ngày càng nhiều và không ngừng lớn mạnh. Các thôn, xã đã xuất hiện lực lượng du kích bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở và giữ khí thế cho quần chúng đấu tranh. Cuối năm 1957, phần lớn các buôn, làng ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ đều có các trại “bí mật” của thanh niên. Cùng với các trại bí mật, nhân dân nhiều địa phương còn thành lập một số tổ chức vũ trang tự vệ dưới các hình thức nhóm “bảo vệ dân tộc”,... Ban Cán sự miền Tây và Huyện ủy Giăng (Quảng Nam) thành lập đội vũ trang tự vệ đầu tiên hoạt động dưới hình thức “gặt mùa”, mỗi đội được trang bị bằng một cây ná và khoảng 50 - 60 mũi tên.

Tháng 3-1958, Đảng bộ Liên khu V họp Hội nghị mở rộng để kiểm thảo về một số sai lầm trong việc không nắm vững quan điểm bạo lực, không kiên quyết dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của địch. Trên cơ sở đó, Hội nghị xác định: “xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi với nhiệm vụ là tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ; bảo vệ tổ chức và cơ quan lãnh đạo”. Giữa năm 1958, Đảng bộ Liên khu V đã họp kiểm điểm tình hình phong trào kháng chiến, Hội nghị nhấn mạnh công tác của cách mạng ở miền núi Liên khu V là: xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang để làm nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ.

Dưới sự chỉ đạo của các cấp bộ Đảng, phong trào kháng chiến của nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên chuyển sang một bước ngoặt mới. Lực lượng tự vệ, du kích ra đời và trưởng thành nhanh chóng ở nhiều nơi, cả vùng cao và vùng thấp. Những tổ tự vệ nhân dân đã phát triển lên và xuất hiện nhiều nhóm vũ trang tự vệ, “tự vệ mật”. Trong năm 1958, phần lớn các thôn, làng ở Trà Bồng và một số nơi vùng cao các huyện miền Tây của tỉnh Quảng Ngãi đều có đội vũ trang bí mật. Nổi bật là nhóm Phó Nia (Sơn Hà, Trà Bồng), nhóm Chánh Khanh (Bơ Tơ), nhóm Cả Trươn (Trà Bồng). Nhiều nơi xuất hiện tổ chức tự vệ như “nhóm bảo vệ dân

tộc”, “nhóm những người kháng chiến cũ”, tập trung dưới danh nghĩa dân tộc để bảo vệ buôn làng. Những nhóm vũ trang diệt ác ôn này hầu hết có sự chỉ đạo và được tổ chức chặt chẽ. Ở Lâm Viên, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập đội diệt ác ở Di Linh, sau này là đơn vị 2/9 của tỉnh Bình Thuận. Tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức ra lực lượng tự vệ (huyện có 1 tiểu đội, tỉnh có 1 trung đội). Triển khai thực hiện chủ trương của Liên khu ủy V, ngày 25-5-1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức Hội nghị bàn kế hoạch thực hiện, nhanh chóng phục hồi và xây dựng các đoàn thể thanh niên, phụ nữ nông thôn, thành lập Ban quân sự. Tháng 6-1958, Tỉnh ủy Bình Định họp để đề ra nhiệm vụ trước mắt ở miền núi: “phát triển các đoàn thể quần chúng”. Tỉnh ủy Phú Yên họp bàn việc bảo vệ phong trào, xây dựng chính quyền cách mạng trong các vùng ta đã làm chủ.

Năm 1959, thực hiện Nghị quyết Trung ương 15 (1959) của Đảng và thực tiễn cách mạng lúc bấy giờ, Đảng bộ Liên khu V đã ban hành Chỉ thị *“Về nhiệm vụ và công tác trước mắt”* tập trung việc xây dựng lực lượng vũ trang bảo đảm số lượng, chất lượng để hoàn thành nhiệm vụ trong các bước phát triển của phong trào kháng chiến. Tại miền Tây tỉnh Quảng Ngãi (xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng) ngày 13-8-1959, đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh đã ra đời, phiên hiệu là đại đội 339 gồm 43 người, chủ yếu là người dân tộc Cor. Ngày 19-8-1959, tại thôn Trà Ngôn, xã Sơn Lập, huyện Sơn Hà (Quảng Ngãi), đơn vị vũ trang thứ hai mang phiên hiệu 89 gồm 36 cán bộ được thành lập. Ngày 02-9-1959, tại huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi), đơn vị vũ trang thứ ba mang phiên hiệu 229 gồm 32 cán bộ được thành lập, chủ yếu là người dân tộc Hre [110, tr.160]. Ở miền Tây tỉnh Khánh Hòa, đơn vị vũ trang mang phiên hiệu 548, phần lớn là người Edê và Răk Lây được thành lập. Đến tháng 5-1960, Ban quân sự trực thuộc Đảng bộ Liên khu V được thành lập [110, tr.164]. Đây là lực lượng nòng cốt của chiến tranh nhân dân trên địa bàn các tỉnh, huyện, xã của miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Lực lượng tự vệ du kích các xã miền núi cũng phát triển mạnh mẽ

ở cơ sở, làm nhiệm vụ hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị, bảo vệ chính quyền cách mạng ở xã, ấp, phối hợp với bộ đội tập trung trong chiến đấu.

Có thể nói, lực lượng vũ trang cách mạng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong thời điểm chuyển giai đoạn từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công kẻ thù. Tuy ở mỗi thời điểm, mỗi lúc lực lượng vũ trang phát triển chưa đồng đều và quân số chưa nhiều, song, đã đóng vai trò quan trọng, làm nòng cốt cho phong trào nổi dậy của nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra sôi nổi, rầm rộ những năm 1959 - 1960.

Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang, Đảng bộ Liên khu V đã tập trung chỉ đạo củng cố, mở rộng vùng căn cứ địa ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các vùng căn cứ địa rộng lớn ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã hình thành, nối liền giữa vùng tự do với những vùng du kích và phát huy vai trò là một nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của phong trào kháng chiến ở địa bàn này. Tuy nhiên, sau khi đình chiến (1954), các căn cứ địa kháng chiến đều trở thành những vùng bị chính quyền tay sai Mỹ - Diệm kiểm soát. Để có địa bàn đứng chân hoạt động, lãnh đạo phong trào, từ cuối năm 1954, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về xây dựng căn cứ địa ở miền Nam, Đảng bộ Liên khu V đã tiến hành công tác xây dựng địa bàn đứng chân, đưa cán bộ, đảng viên trung kiên, bám dân, bám đất để móc nối, xây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Từ tháng 9-1954, Tỉnh ủy Kon Tum chuyển lên đứng chân ở khu căn cứ Kon-Boê; Tỉnh ủy và các cơ quan của tỉnh Đắk Lắk chia thành 2 bộ phận lên đứng chân ở khu căn cứ Chư Êr Layya và vùng căn cứ ở Cheo Reo, M'Drăk. Tỉnh ủy Gia Lai dời lên đứng chân ở khu vực Kon Hà Nừng, Sơ Lam, Sro (sau đó, Tỉnh ủy đã thành lập bộ phận xây dựng căn cứ ở bắc An Khê); nhiều địa phương trong tỉnh cũng tiến hành xây dựng căn cứ đứng chân, gọi là căn

cứ lồm, dân sống hợp pháp. Năm 1955, Ban Cán sự liên tỉnh 3 (gồm các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng) phát động nhân dân củng cố vùng căn cứ đã có trong vùng đồng bào các dân tộc Kho, Mạ, Rắc Lây, Chu Ro, v.v... ở các huyện Tánh Linh (Bình Thuận), Bắc Ái (Ninh Thuận), Khánh Sơn (Khánh Hòa); Di Linh (Lâm Viên). Cũng trong thời gian này, các Ban Cán sự, các Tỉnh ủy trong Liên tỉnh 1, Liên tỉnh 2 triển khai xây dựng căn cứ từng cấp dọc theo vùng giáp ranh giữa các huyện miền núi và các huyện đồng bằng” [116, tr.21-22]. Tại Quảng Ngãi, đầu năm 1955, Tỉnh ủy họp về xây dựng căn cứ địa ở miền núi, quyết định lấy phía Bắc huyện Sơn Hà, phía Nam huyện Trà Bồng (vùng núi Cà Đam) và vùng Ba Điền giữa huyện Ba Tơ với huyện Minh Long làm căn cứ [230, tr.152]; xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền Tây và các vùng giáp ranh; lấy các xã phía Nam huyện Trà Bồng làm trung tâm căn cứ của tỉnh. Các khu căn cứ vừa là nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo phong trào kháng chiến, giữ gìn, củng cố lực lượng, xây dựng các đoàn thể quần chúng, củng cố sự đoàn kết của đồng bào các dân tộc, vừa là nơi sản xuất lương thực, thực phẩm phục vụ dân sinh và phục vụ cách mạng,...

Trước sự phát triển của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, mùa Thu năm 1958, Trung ương ra chỉ thị nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên là “xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng của ta ở miền Nam, phá âm mưu xây dựng trung tâm căn cứ của Mỹ - Diệm, tạo điều kiện để nắm thời cơ, tranh thủ chủ động trong mọi tình thế” [147, tr.54]. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, cuối năm 1958, Đảng bộ Liên khu V đã họp Hội nghị mở rộng để kiểm điểm tình hình và thông qua chủ trương: "xây dựng miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, làm trở lực mạnh mẽ cho đồng bằng, tạo thế chung cho cách mạng ở miền Nam khi có điều kiện đứng lên giải phóng đất nước" [52, tr.16-17].

Triển khai chủ trương của Liên khu ủy V, các cấp bộ Đảng đã gấp rút thực hiện nhiệm vụ xây dựng miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và

Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng. Năm 1958, tại Bình Định, Tỉnh ủy họp bàn việc xây dựng căn cứ địa cách mạng: "Lấy vùng Cao Vĩnh Thạnh (Kông Ko Ring, Kon Lok, Tuk Ko Roong) và vùng Cao An Lão (từ An Toàn trở vào) làm căn cứ trung tâm của Tỉnh" [64, tr. 37]. Phát động phong trào "làm rẫy cách mạng", Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng khu căn cứ trung tâm của tỉnh, do Đặng Thành Chơn phụ trách" [64, tr. 38]. Tại Quảng Ngãi, Tỉnh ủy đã họp triển khai việc xây dựng căn cứ cách mạng. Khác với hội nghị trước đây, vấn đề xây dựng căn cứ địa được đề cập cụ thể về việc thành lập các chiến khu, xây dựng làng chiến đấu, việc bố trí lực lượng của nhân dân, thành lập các đội cảm tử diệt ác ôn, chuẩn bị điều kiện đưa phong trào của tỉnh tiến lên. Cuối năm 1958, chấp hành Nghị quyết của Đảng bộ Liên khu V, Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương "Tiến hành một số công tác nhằm chuẩn bị xây dựng căn cứ miền núi, xây dựng lực lượng vũ trang ở miền núi" [65, tr. 60]. Đồng thời, Đảng bộ còn chỉ đạo, củng cố và mở rộng các đường hành lang nối liền với Liên khu ủy và Trung ương.

Từ cuối năm 1958 đến năm 1959, các địa phương lần lượt phá tan hàng loạt khu tập trung dân lớn của địch ở miền Tây các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, v.v... Khôi phục lại hoặc xây dựng mới một loạt căn cứ trong khu vực rừng núi phía đông Trường Sơn như Hiên, Giăng (Quảng Nam); xã Đoàn, xã Hiếu, Tung Bung, Cô-xia (Kon Tum); Nam Bắc, An Khê (Gia Lai); Thồ Lò (Phú Yên); Cheo Reo (Đắk Lắk); Khánh Sơn (Khánh Hòa); Bác Ái (Ninh Thuận) và một vài căn cứ nằm sâu trong nội địa Tây Nguyên như De Lay Ya, Đắc Bri, Đắc Mang (Đắk Lắk). Khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ xuất hiện. Căn cứ địa ở miền núi các tỉnh tiếp tục được xây dựng. Khu căn cứ miền Tây của tỉnh Quảng Ngãi có trên 40 xã nối liền thành 2 mảng lớn: Vùng cao Sơn Hà và Trà Bồng (22 xã), Ba Tơ - Minh Long - Sơn Hà (20 xã) [116, tr.25-26].

Sau khi tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng được phổ biến đến các cấp, công tác xây dựng căn cứ địa ở miền núi được đặc biệt chú trọng và thúc đẩy mạnh hơn. Tháng 6-1959, Đảng bộ Liên khu V ban hành Chỉ thị

xây dựng căn cứ địa cách mạng vững chắc, chủ yếu là ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ; Xây dựng lực lượng ta trong hàng ngũ địch, chủ yếu trong binh lính; Tích cực khoét sâu nhược điểm, mâu thuẫn nội bộ của địch; hạn chế, phá hoại, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn của địch” [53, tr.8]. Tháng 11-1959, Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) đã họp, quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng [147, tr.55-56]. Đồng thời, để kịp thời lãnh đạo phong trào kháng chiến, từ cuối năm 1959 đầu năm 1960, Liên khu ủy V dời cơ quan tại huyện miền núi Bến Hiên và Bến Giằng vào đứng chân tại Nước Lả ở khu vực phía Tây huyện Trà My [44, tr. 185].

Tháng 4-1960, Đảng bộ Liên khu V tổ chức Hội nghị mở rộng để bàn về việc triển khai xây dựng căn cứ địa miền núi. Hội nghị đã đánh giá công tác xây dựng căn cứ địa bước đầu đạt được những kết quả lớn. Các trung tâm căn cứ đang dần dần được củng cố, mở rộng, đã bắt đầu làm chủ từng phần; thế hỗ trợ giữa các vùng trong khu vực, giữa miền núi và đồng bằng đang hình thành. Hội nghị cũng chỉ rõ nhiều khó khăn nhược điểm như: Địch bắt đầu bị động đối phó với phong trào kháng chiến ở miền núi, nhưng còn không chế được trung tâm Tây Nguyên, chúng đang ra sức đánh phá căn cứ của ta, nhất là phá hoại kinh tế, gây khó khăn cho đời sống nhân dân ở một số nơi bị càn quét ác liệt. Trong chỉ đạo, nhìn chung chưa phát huy hết khả năng của nhân dân và cán bộ, chưa phát huy hết khả năng về kinh tế và địa thế. Vì vậy, cần thấy cho hết khó khăn để mở rộng căn cứ địa miền núi hơn nữa. Căn cứ vào tình hình trên, Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) đã đề ra nhiệm vụ phát huy hết thuận lợi và khả năng “khẩn trương xây dựng Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, làm trở lực mạnh mẽ cho đồng bằng, tạo thế chung cho cách mạng ở miền Nam; đồng thời để đón thời cơ khi thuận lợi” [54, tr.2]. Các nhiệm vụ cụ thể là:

Củng cố, mở rộng và nối liền các trung tâm căn cứ, tiến lên thực sự làm chủ rừng núi; Kiên quyết lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch cướp bóc, dồn dân, chiếm đất, càn quét, khủng bố bằng cách đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, bố phòng tích cực, kết hợp đấu

tranh vũ trang cần thiết; Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, đẩy mạnh phát triển kinh tế, củng cố và phát triển cơ sở cách mạng mạnh mẽ, đều khắp, chú ý xây dựng cơ sở Đảng, tranh thủ nắm chắc chính quyền, nhất là ở xã, thôn [54, tr. 3].

Sau Hội nghị, công tác xây dựng căn cứ địa ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ được đẩy mạnh. Tại Ninh Thuận, khu căn cứ Bác Ái phát triển mạnh mẽ dẫn đến huyện Bác Ái trở thành huyện được giải phóng sớm nhất miền Nam (30-8-1960). Tháng 6 - 1960, tại Vĩnh Thạnh, Đảng bộ tỉnh Bình Định tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ V để phân tích, đánh giá toàn diện và sâu sắc phong trào trong tỉnh, nhất là 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng; các chủ trương của Liên khu ủy và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh đó là: "Ra sức xây dựng miền núi vững mạnh về mọi mặt, làm căn cứ địa cho phong trào của toàn tỉnh" [64, tr.49]. Đến cuối năm 1960, toàn huyện Vĩnh Thạnh, toàn bộ vùng cao huyện An Lão và 3 xã vùng cao huyện Vân Canh được giải phóng, tạo thành một hành lang, làm chỗ dựa cho phong trào kháng chiến của tỉnh. Cuối năm 1960, vùng căn cứ miền núi tỉnh Quảng Nam, với gần 40.000 dân, về cơ bản đã hết đồn bót địch. Các đội du kích xã, thôn ở miền núi ngày càng hoạt động có nền nếp là lực lượng nòng cốt bảo vệ căn cứ địa cách mạng. Quân chúng được phát động, các đoàn thể được tổ chức rộng rãi, chính quyền cách mạng không ngừng được củng cố ngày càng vững mạnh. Miền núi trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, tạo bàn đạp tấn công xuống đồng bằng, nó là chỗ dựa và là vùng căn cứ địa cách mạng vững chắc của phong trào kháng chiến trong tỉnh.

Bước sang năm 1961, mặc dù tình hình còn khó khăn, nhiều vấn đề chưa sáng tỏ, nhưng Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo xây dựng được những khu an toàn, làm nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo. Kết quả, tỉnh Kon Tum có các khu an toàn Trung Bung, Kêsia, Tâm Túc, Ta KMưng, Mô Gia... Tỉnh Gia Lai có các khu ở huyện Hai và huyện Bảy (Nam, Bắc An Khê). Tỉnh Phú Yên có các khu Thồ Lồ, bắc Ma Zú; tỉnh Quảng Ngãi có khu căn cứ gồm 22

xã thuộc vùng cao Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ; tỉnh Bình Định có khu căn cứ tây Vĩnh Thạnh; tỉnh Quảng Nam có khu huyện Hiên; tỉnh Đắk Lắk có Dlei-Ya; tỉnh Khánh Hòa có khu Vĩnh Sơn; tỉnh Ninh Thuận có huyện giải phóng Bác Ái, tỉnh Bình Thuận có khu Tánh Linh; tỉnh Lâm Đồng có khu Di Linh [147, tr.54].

Được sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ Liên khu V, từ những căn cứ, khu an toàn ở vùng miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã từng bước được xây dựng, phát triển thành các căn cứ du kích ngày càng vững chắc từ năm 1957 đến năm 1961. Những căn cứ địa được xây dựng, củng cố và mở rộng đã tạo ra những điều kiện mới thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào kháng chiến không chỉ trên địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên mà còn trong toàn Liên khu. Các căn cứ địa ra đời, vừa là kết quả vừa là nhân tố thúc đẩy phong trào quần chúng trong kết hợp tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Có thể thấy, trong những năm 1954 - 1961, quán triệt đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chủ trương và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng bộ Liên khu V, trực tiếp là Liên khu ủy, các Ban Cán sự Liên tỉnh 1, các Tỉnh ủy của 7 tỉnh ven biển Nam Trung Bộ từ Quảng Nam đến Bình Thuận, các Tỉnh ủy khu vực Tây Nguyên đã quan tâm chỉ đạo phong trào kháng chiến. Việc Đảng bộ Liên khu V tập trung chỉ đạo giữ gìn và phát triển tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các căn cứ địa kháng chiến tại chỗ có ý nghĩa rất quan trọng, tạo nên và không ngừng tăng cường thực lực cách mạng của miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, làm cơ sở để Đảng bộ phát huy vai trò chiến lược của địa bàn đối với phong trào kháng chiến của toàn Liên khu V trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3.2.2. Chỉ đạo chuyên hướng và phát huy vai trò của phong trào đấu tranh trên địa bàn đối với Liên khu V và cách mạng Miền Nam.

3.2.2.1. Chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ cán bộ cách mạng của Liên khu V.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (15-7-1954), từ ngày 27 đến ngày 28-7-1954, Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) đã xác định nhiệm vụ cấp bách “là phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng có nhận thức đúng đắn về tình hình, ổn định tư tưởng để bước vào cuộc đấu tranh mới”. Hội nghị chỉ đạo: “Mở đợt tuyên truyền, giáo dục về Hiệp định Giơnevơ và tình hình nhiệm vụ mới, về phương châm, phương pháp đấu tranh.” [42]. Tiếp đó, Hội nghị Liên khu ủy V (ngày 18 đến 21-10-1954) đã quán triệt chủ trương của Đảng về chuyển hướng đấu tranh, thay đổi cách tổ chức và phương pháp hoạt động của tổ chức Đảng và quần chúng để giữ gìn lực lượng; nhiệm vụ đấu tranh trước mắt là buộc đế quốc Mỹ và tay sai phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, thống nhất đất nước; đề ra nhiệm vụ trước mắt: “Thi hành triệt để hiệp định đình chiến,...; chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện hòa bình,...; Đoàn kết rộng rãi, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình” [43, tr.7-8]. Hội nghị đề ra phương châm đấu tranh là tranh thủ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp. Đối với các tổ chức quần chúng lấy hợp pháp và nửa hợp pháp làm chính, còn tổ chức đảng thì lấy tổ chức không hợp pháp làm chính. Hình thức đấu tranh kịch liệt (như khởi nghĩa và chiến tranh du kích) cần đình chỉ ngay, những hình thức như biểu tình, đình công, bãi công, bãi khoá, bãi thị, v.v... cũng cần sử dụng một cách thận trọng và phải tiến hành trên nguyên tắc có lý, có lợi, có mức, đừng để bọn phản động khiêu khích” [43, tr.7].

Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V và các cấp ủy Đảng, nhân dân miền Tây tỉnh Khánh Hòa đã dấy lên một phong trào đấu tranh sôi nổi chống khủng bố của những người kháng chiến, đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ. Thực hiện sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Nam chỉ đạo tiến hành công tác chính trị, tư tưởng, củng cố niềm tin cho quần chúng, thành lập các nhóm phòng gian, chống cướp, tổ đổi công, hội tương

tế,... ở nông thôn miền núi phía Tây để phát động đấu tranh. Tại Quảng Ngãi, Tỉnh ủy đã chỉ đạo sắp xếp lại tổ chức quần chúng thành các tổ chức hợp pháp để tập hợp và làm nòng cốt để nhanh chóng chuyển sang đấu tranh chính trị nhằm giữ gìn lực lượng, giữ gìn phong trào. Để phục vụ công tác tuyên truyền, ở miền núi phía Tây Quảng Ngãi ra tờ báo “Đoàn kết”, sau đổi tên “Thống nhất”, rồi “Cờ giải phóng” và sau này là “Báo giải phóng”. Tại Bình Định, Tỉnh ủy họp và xác định nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ là: Tích cực lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, củng cố hòa bình, thực hiện tự do, dân sinh, dân chủ, thực hiện thống nhất nước nhà. Tỉnh ủy nhấn mạnh: lấy công tác không hợp pháp là chính, hết sức tận dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp để tuyên truyền, giáo dục và tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh: “có lý, có lợi, có chừng” nhằm tạo thế hợp pháp cho quần chúng, giữ vững phong trào. Thực hiện đoàn kết, tranh thủ mọi tầng lớp nhân dân, kể cả một số người trước đây chống ta, nay tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ để mở rộng mặt trận đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Tại Gia Lai, Tỉnh ủy tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trước mắt, đó là: Tổ chức học tập phổ biến cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ nội dung Hiệp định, ý nghĩa thắng lợi to lớn của ta, nhiệm vụ đấu tranh buộc địch phải thực hiện hiệp định đã ký kết.

Từ tháng 02-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm công khai phát động chiến dịch “tố cộng”, mở nhiều chiến dịch đánh phá Nam Trung Bộ, nhất là miền Tây các tỉnh ven biển Trung Châu và Tây Nguyên. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, đồng thời căn cứ vào thực tiễn tình hình, Liên khu ủy V, các Ban cán sự Liên tỉnh, các Tỉnh ủy đã phát động phong trào đấu tranh chống địch mạnh mẽ, đều khắp, đòi địch thực hiện hiệp định; đòi quyền dân sinh, dân chủ; chống “tố cộng” và trả thù những người kháng chiến.

Cuối tháng 03-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy V tổ chức Hội nghị mở rộng, quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về chủ trương mới, xác định nhiệm vụ đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quyết định tăng cường thêm cho các tỉnh một số cán bộ (trong đó phần lớn là cán bộ các lực lượng vũ trang) và

chôn giấu thêm một số hầm vũ khí, thuốc nổ ở Quảng Ngãi và Bình Định, chuẩn bị chiến đấu với kẻ thù [147, tr.25].

Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) (tháng 4-1955) đề ra chủ trương và chỉ đạo các địa phương: “Nếu địch khủng bố mạnh thì cũng có thể để họ chống lại với khả năng của họ, nhưng không phải là phát động phong trào đấu tranh vũ trang rộng rãi, mà cuộc đấu tranh ấy chỉ có tính chất cần thiết để tự vệ theo tập quán của họ...” [49]. Ngày 28-5-1955, Đảng bộ Liên khu V tổ chức Hội nghị kiểm thảo việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào kháng chiến ở Liên khu và rút kinh nghiệm chỉ đạo khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, bàn việc tổng tuyển cử, đòi tự do dân chủ, đòi giải quyết đời sống nhân dân, chấm dứt "tổ cộng" [147, tr.39]. Tại Quảng Ngãi, Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh phát động toàn dân đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đòi cứu đói khẩn cấp cho đồng bào miền núi, củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, đẩy mạnh công tác binh địch vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá của địch.

Tháng 10- 1955, trước tình hình địch đánh phá ác liệt phong trào miền núi, Đảng bộ Liên khu V quyết định: Tiếp tục phát động quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương, đòi bỏ xấu, bỏ thuế, cải thiện dân sinh, chống khủng bố, chống bắt những người kháng chiến cũ; củng cố và phát triển cơ sở cách mạng, quán triệt thêm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng về phương châm đấu tranh hợp pháp đối với từng vùng; Tiếp tục củng cố nội bộ Đảng, giữ vững và nâng cao khí tiết cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Đảng bộ Liên khu chỉ đạo Ban cán sự Liên tỉnh 4 mở hội nghị triển khai việc phát động quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương; đòi dân sinh dân chủ; chống khủng bố, trả thù người kháng chiến cũ. Phương pháp đấu tranh phải phù hợp với từng vùng. Khí tiết cách mạng của cán bộ, đảng viên phải được giữ vững. Cán bộ, đảng viên phải bám cơ sở, bám phong trào, lãnh đạo đấu tranh chống địch khủng bố để bảo vệ cơ sở, bảo vệ phong trào kháng chiến” [70, tr.253]. Cũng trong tháng 10-1955, Ban cán sự tỉnh Kon Tum tổ chức Hội nghị quán triệt

Nghị quyết của Đảng bộ Liên khu và Nghị quyết Liên tỉnh 4, đề ra nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, phát động đợt học tập chính trị, đấu tranh chống tổ cộng.

Tháng 02-1956, Đảng bộ Liên khu V ra Nghị quyết về một số nhiệm vụ công tác trước mắt trong toàn Liên khu, qua đó, thúc đẩy hơn nữa phong trào đấu tranh của nhân dân. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, phong trào đấu tranh ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra mạnh mẽ. Ở Tây Nguyên, hàng ngàn đại biểu các dân tộc thiểu số kéo đến quận, tỉnh chất vấn chính quyền địch vì sao không chịu hiệp thương. Tại tỉnh Gia Lai, phong trào đấu tranh diễn ra mạnh mẽ, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử và chống bầu cử riêng lẻ ở miền Nam, phong trào đòi dân sinh, dân chủ, chống áp bức bóc lột, chống xâm thuế, chống bắt lính, lập tề; phong trào chống tổ cộng, chống địch cướp đất lập dinh điền diễn ra sôi nổi, rộng khắp, nhất là các vùng phía tây của tỉnh, tập trung ở huyện 4, huyện 5. Đồng bào các dân tộc ở Gia Lai kéo về tràn ngập thị xã Pleiku bao vây cơ quan nguy quyền tỉnh. Cùng với Tây Nguyên, nhân dân ở miền Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, dưới sự lãnh đạo của các Tỉnh ủy đã đấu tranh kiên quyết, sôi nổi, mạnh mẽ, đều khắp, với các hình thức rải truyền đơn, biểu ngữ, đồng loạt ký đơn kiến nghị đòi Mỹ - Diệm hiệp thương, đòi chấm dứt tổ cộng.

Từ tháng 7-1956, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh các chiến dịch tổ cộng trên khắp miền Nam. Cuối năm 1956 đầu năm 1957, địch tiến hành “tổ cộng” ở miền núi thông qua “chiến dịch thượng du vận”. Chúng dồn dân vào các khu tập trung ở vùng giáp ranh nhằm đánh bật cán bộ cách mạng ra khỏi nhân dân; đồng thời, tiến hành chiếm đất, lập dinh điền, khai thác kinh tế và xây dựng Tây Nguyên thành trung tâm căn cứ quân sự. Chúng tập trung đánh phá các vùng căn cứ cũ ở miền Tây các tỉnh từ Quảng Nam đến Bình Thuận và các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, sử dụng các toán bảo an, cảnh sát, lùng sục ngoài rừng, ven làng, bắt dân học “tổ cộng”, tuyên truyền chia rẽ Kinh - Thượng,... [185, tr.252].

Trước tình hình đó, quán triệt quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về cho phép sử dụng các hình thức đấu tranh vũ trang tự vệ ở một mức độ nhất định, Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo các cấp ủy Đảng trong khu vực xây dựng các tổ chức vũ trang tự vệ bí mật để tiến hành một số cuộc đấu tranh chính trị có tự vệ ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Cuối năm 1957, nhận được chủ trương của Bộ Chính trị về phương châm đấu tranh ở miền Nam Trung Bộ là: “Nắm vững chính sách dân tộc, dựa từng dân tộc mà hoạt động, đi từ chỗ bất hợp tác đến chỗ đòi tự trị, từ vũ trang tuyên truyền đến chiến tranh du kích lẻ tẻ, kết hợp với đặc công rất linh hoạt” [185, tr.259]. Từ đây, có thể thấy xu hướng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang tự vệ của quần chúng ngày càng thể hiện rõ ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong những năm 1954 - 1957, ngoài chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị, đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ, giữ gìn lực lượng, các cấp bộ Đảng còn chỉ đạo công tác binh vận, địch vận trên toàn địa bàn Liên khu cũng như ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Hội nghị Liên khu ủy lần thứ năm (tháng 10-1954) nhận định: Hiện nay, đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và bọn tay sai âm mưu củng cố và phát triển lực lượng nguy hiểm hòng làm hậu thuẫn để kéo dài tình trạng chia cắt đất nước và gây lại chiến tranh. Tuy vậy, nguyện vọng của binh lính đối phương là muốn được hòa bình, nên cần tranh thủ binh lính đối phương cùng nhân dân chống lại âm mưu trên. Đây là nhiệm vụ chẳng những có lợi cho củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất mà khi đã thống nhất nước nhà thì còn có lợi cho việc thống nhất quân đội. Nếu chiến tranh xảy ra, hàng ngũ binh lính đối phương sẽ bị dễ tan rã. Vì vậy, cần thay đổi khẩu hiệu hình thức và mức độ vận động cho thích hợp với tình hình mới. Từ đó, Hội nghị yêu cầu công tác binh vận nhằm tuyên truyền, giác ngộ binh lính đối phương đấu tranh cho quyền lợi thiết thực hàng ngày của họ, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của toàn dân.

Thực hiện chủ trương đề ra, Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo cần kết hợp chặt chẽ công tác binh vận với đấu tranh chính trị và vận động quần chúng. Nhiều cán bộ được phân công bám dân, bám địa bàn, đặc biệt tại các khu vực chiến lược ở Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và miền Tây các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Nội dung binh vận tập trung tuyên truyền đường lối hòa bình, thống nhất đất nước của Đảng; vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột của chính quyền Mỹ – Diệm; đồng thời khơi dậy tinh thần dân tộc, tình cảm gia đình và tâm lý bất mãn trong hàng ngũ binh sĩ địch. Đối tượng vận động không chỉ là binh lính trong quân đội Sài Gòn mà còn bao gồm lực lượng bảo an, dân vệ, tề điệp và gia đình của họ ở các địa phương miền núi, vùng căn cứ và khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Các cấp ủy chú trọng phát huy vai trò của quần chúng, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tác động đến binh lính và chính quyền cơ sở của địch. Thông qua quan hệ thân tộc, làng bản và cộng đồng, phong trào binh vận từng bước thâm nhập vào hàng ngũ đối phương. Nhờ đó, công tác binh vận từng bước góp phần hạn chế sự mở rộng kiểm soát của chính quyền Sài Gòn ở vùng miền núi và giữ vững cơ sở cách mạng.

Có thể thấy, trong những năm 1954 - 1957, Đảng bộ Liên khu V đã tuân thủ sự quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng, lãnh đạo nhân dân trong Liên khu nói chung và nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng tiến hành đấu tranh đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra mạnh mẽ, góp phần vào duy trì phong trào đấu tranh rộng khắp của nhân Liên khu V trong những năm tháng cách mạng miền Nam đối diện với những âm mưu và hành động xâm lược tàn bạo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Đồng thời, với chỉ đạo phong trào đấu tranh toàn Liên khu trong đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ, Đảng bộ Liên khu V và các cấp ủy Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây

Nguyên bảo vệ, giúp đỡ một số lượng đội ngũ cán bộ của các huyện đồng bằng duyên hải lên lánh địch.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, là vùng địch tiếp quản lớn nhất miền Nam. Hội nghị Liên khu ủy V (ngày 18 đến ngày 21-10-1954) nhận định: kẻ thù sẽ sớm đánh phá phong trào kháng chiến ở Liên khu V. Vì thế, nhiệm vụ trước mắt của Liên khu là tập trung củng cố tổ chức, giữ gìn lực lượng, chống lại hành động phá hoại của kẻ thù. Thực hiện chủ trương của Hội nghị Liên khu ủy, gần 25.000 đảng viên rút vào hoạt động bí mật, các tổ chức đảng được sắp xếp lại gọn nhẹ, phù hợp với tình hình mới. Đúng như dự đoán của Liên khu ủy, địch thi hành chính sách khủng bố, đặc biệt là chính sách tố cộng, diệt cộng rất tàn bạo. Lực lượng cách mạng ở Liên khu V chịu tổn thất rất to lớn. Từ năm 1954 đến năm 1958, trên 20 vạn người bị địch bắt, giết và tù đầy, trong đó có nhiều cán bộ nòng cốt, cơ sở quần chúng trung kiên của Đảng. Đến cuối năm 1958, các tỉnh đồng bằng Liên khu V có 3/4 cán bộ xã, 2/3 cán bộ huyện, 1/3 cán bộ tỉnh bị địch bắt, hoặc sát hại [182].

Trước tình hình đó, thực hiện quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ Liên khu V đã khẩn trương tiến hành bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều nơi đã chủ trương *điều* và *lẩn* cán bộ. Những cán bộ bị lộ tạm ngừng công tác hoặc được điều sang hoạt động ở địa phương khác để che giấu lực lượng trong bối cảnh sự khủng bố tàn bạo của địch nhằm thẳng vào người cán bộ, đảng viên để tiêu diệt. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chuyển địa bàn hoạt động từ các huyện đồng bằng Nam Trung Bộ lên Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đó có thể bám trụ và cùng cán bộ địa phương dựa vào tập quán tự vũ trang bảo vệ làng, bản, bảo vệ buôn rẫy của đồng bào các dân tộc ít người, xây dựng nên những căn cứ và những đơn vị vũ trang, nửa vũ trang cách mạng.

Sự gắn kết giữa đội ngũ cán bộ, đảng viên được điều chuyển với phong trào quần chúng tại chỗ được củng cố và ngày càng chặt chẽ. Nhân dân sẵn sàng đóng góp sức người, sức của, che chở cán bộ, nuôi giấu bộ đội và tham

gia hoạt động chống địch. Phong trào “diệt ác, trừ gian”, “3 không” (không theo giặc, không nuôi giặc, không chỉ giặc) được triển khai mạnh mẽ, thể hiện tinh tự giác và vai trò làm chủ của nhân dân trong kháng chiến. Với tinh thần chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn, cán bộ, đảng viên đến tận lãnh địch đã tiến hành công tác bám đất, bám dân, phát động quần chúng tổ chức rào làng, cắm chông, gài thỏ để bảo vệ buôn, rẫy, ... Sau một thời gian công tác, khi phong trào kháng chiến khu vực đồng bằng, đô thị hồi phục và phát triển, nhiều cán bộ, đảng viên đã được giao nhiệm vụ trở về địa bàn hoạt động cũ, tăng cường lực lượng lãnh đạo cho phong trào kháng chiến.

Có thể thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, sự chỉ đạo của các Tỉnh ủy, nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã có đóng góp rất quan trọng vào việc bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần để Đảng bộ Liên khu V trụ vững trước sức đánh phá ác liệt của kẻ thù, từng bước đưa phong trào kháng chiến ở Liên khu, nhất là vùng đồng bằng duyên hải phục hồi và đi lên. Xét trên toàn miền Nam, trong thời gian này, miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là nằm trong số ít địa bàn bảo toàn được số cán bộ thực hiện chủ trương “điều” và “lắng; trong khi đó, ở những nơi khác, do công tác chuẩn bị, tổ chức có nhiều hạn chế, do địch kiểm soát rất nghiêm ngặt nên cán bộ di chuyển đến hoạt động không thâm nhập và bám trụ được ở địa bàn mới, không liên hệ được với quần chúng nên phải sống bất hợp pháp, không thể công tác và dần bị tiêu hao do bị bắt, bị giết hoặc bỏ hoạt động. Miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên không chỉ là nơi tự bảo toàn lực lượng cách mạng của chính mình, mà còn là địa bàn bảo toàn năng lực lãnh đạo và năng lực kháng chiến của toàn Liên khu V.

Tuy nhiên, cũng như tình hình chung ở miền Nam, các hình thức đấu tranh theo phương pháp hòa bình ở Liên khu V nói chung và ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam trung Bộ và Tây Nguyên ngày càng cho thấy không phù hợp trong bối cảnh chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã phát xít hóa, thẳng

tay dùng bạo lực đánh phá phong trào cách mạng, gây nhiều tổn thất đối với lực lượng cách mạng tại chỗ cũng như đối với đội ngũ cán bộ từ nơi khác đến hoạt động. Thực tế trên đây, cùng với những chỉ đạo mới từ Trung ương đã thúc đẩy Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo nhân dân Liên khu cũng như nhân dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam trung Bộ và Tây Nguyên phải thay đổi phương thức đấu tranh, không thể chỉ thuần túy bằng phương pháp hòa bình để thực hiện mục tiêu đã đề ra.

3.2.2.2. Chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát động nhân dân nổi dậy, thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Liên khu V từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công.

Sau gần 3 năm lãnh đạo thực hiện chủ trương đấu tranh giữ gìn lực lượng, đòi địch thi hành hiệp định Giơnevơ, quán triệt những quan điểm chỉ đạo mới của Bộ Chính trị, nhận thấy những bất cập của phương pháp đấu tranh hòa bình, trước sự yêu cầu của quần chúng, Đảng bộ Liên khu V tiến hành chỉ đạo chuyển hướng nhiệm vụ và phương pháp đấu tranh ở Liên khu, mà trước hết là ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Đầu năm 1958, Đảng bộ Liên khu họp Hội nghị mở rộng và thông qua Nghị quyết về việc gấp rút xây dựng miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên “thành căn cứ địa cách mạng” [185, tr.45], bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang để bảo vệ căn cứ và cán bộ, “Kết hợp vũ trang bộ phận với đấu tranh chính trị để gây uy thế phong trào, mở rộng cơ sở và lực lượng chính trị” [185, tr.45]. Nghị quyết của Hội nghị Liên khu ủy đã chính thức mở ra giai đoạn kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, từ đó, phát triển ra toàn Liên khu.

Tiếp đó, Hội nghị Liên khu ủy V mở rộng (tháng 4 năm 1958) đã kiểm điểm tình hình phong trào, sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu từ sau Hiệp định Giơnevơ và đề ra nhiệm vụ và phương châm đấu tranh mới. Hội nghị đánh giá

cao tinh thần hy sinh, chịu đựng của cán bộ, đảng viên quyết tâm bám phong trào, lãnh đạo nhân dân đấu tranh, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, luôn luôn tin tưởng Đảng, tin tưởng thắng lợi; đồng thời, chỉ rõ sai lầm của Đảng bộ về quan điểm đã không dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của địch. Từ đó, Hội nghị xác định phương châm đấu tranh là: “Dùng vũ trang bộ phận để phối hợp với đấu tranh chính trị” tấn công địch, “khởi động tinh thần dân tộc chống Mỹ, diệt bọn phản động để tranh thủ bọn lưng chừng, diệt đầu sỏ bên trên để lay chuyển bọn bên dưới” [51].

Tháng 6-1958, sau hai tháng tổ chức Hội nghị mở rộng, Đảng bộ Liên khu V ra Nghị quyết về nhiệm vụ chuyển hướng phong trào kháng chiến lên theo hướng mới. Nghị quyết chỉ rõ: “... Bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi để làm nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ” [51]. Cuối năm 1958, Đảng bộ Liên khu chủ trương đẩy mạnh phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên theo phương châm hoạt động là: “Vùng núi hiểm trở thì kết hợp bất hợp pháp với hợp pháp cho linh hoạt, tiến dần lên bất hợp pháp là chính...; miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên triển khai xây dựng lực lượng tự vệ trong nhân dân, vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, mua và tích trữ muối, nông cụ, vải, chuẩn bị đánh Mỹ - Diệm” [53, tr.6].

Những chủ trương và chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V đã được các cấp bộ Đảng địa phương khẩn trương thực hiện, chỉ đạo thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tại Quảng Ngãi, ngày 07-7-1958, Tỉnh ủy tổ chức Đại hội nhân dân chống Mỹ của các dân tộc miền núi tại Gò Rô (Trà Bồng). Hội nghị đã nhất trí quyết tâm: “Phải đánh Mỹ - Diệm sớm chừng nào hay chừng đó, chúng nó như cây chùm gởi đề lâu, mọc nhiều rễ càng khó đốn”. “Đánh Mỹ - Diệm thì mới sống được. Dù có cực, có khổ mấy cũng quyết đánh”... “Bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, kêu gọi nhân dân xóa bỏ tập tục mê tín dị đoan... Kêu gọi những người trong chính quyền địch, binh lính các đồn bót trở về với nhân

dân” [61, tr.284-285]. Trước sự đánh phá các cơ sở cách mạng bằng chính sách "Thượng du vận" và chiến dịch "chống cộng", "tổ cộng" của Mỹ - Diệm; theo đề nghị của Quảng Ngãi, Đảng bộ Liên khu V cho phép “khôi phục lại bạo lực, khôi phục lực lượng vũ trang”, nhờ đó, duy trì và phát triển được phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm trong cả tỉnh. Riêng ở miền núi phía Tây, phong trào kháng chiến có xu hướng phát triển mạnh. Vì vậy, “Tỉnh ủy đã sắp xếp lại các đơn vị hành chính ở miền núi để tiện việc chỉ đạo phong trào kháng chiến [172, tr.45]. Sau Đại hội nhân dân chống Mỹ, cứu nước của các dân tộc miền núi tại Gò Rô (xã Trà Phong, huyện Trà Bồng). Phong trào diệt ác, phá tề diễn ra sôi nổi ở nhiều làng, xã. Bắt đầu từ thời gian này, phong trào diệt ác đã lan rộng khắp đồng bằng và miền núi, làm cho địch hoảng sợ, lúng túng đối phó.

Tại Bình Định, Tỉnh ủy đã quán triệt chủ trương của Đảng bộ Liên khu V, tiến hành chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang để bảo vệ căn cứ và cán bộ; kết hợp vũ trang bộ phận với đấu tranh chính trị để gây uy thế phong trào, mở rộng cơ sở và lực lượng chính trị [185, tr.45]. Tỉnh ủy xác định: Đối với các huyện miền núi, lấy vùng cao Vĩnh Thạnh và An Lão làm căn cứ trung tâm của tỉnh. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, phong trào đấu tranh chống kẻ hoạch "định canh, định cư đồng bào thượng" của địch, chống lập khu dồn đã nổ ra ở vùng Hà Riêu, Định Trị (huyện Vĩnh Thạnh), Đất Dài (huyện An Lão) và vùng thấp huyện Vân Canh. Các cuộc đấu tranh chính trị trực diện của quần chúng với nguy quyền địa phương có kết hợp với vũ trang tự vệ đã diễn ra trên diện rộng, điển hình là cuộc đấu tranh của nhân dân 2 xã Vĩnh Hảo và Vĩnh Hiệp (huyện Vĩnh Thạnh, tháng 5-1958), và 5 xã An Bình, An Phú, An Quý, An Bửu, An Trường (huyện An Lão, tháng 7-1958). Phong trào đấu tranh bất hợp tác với địch của quần chúng cũng diễn ra sôi nổi ở các huyện vùng cao, đồng bào tổ chức “rập chông, trâm đường”, “rào làng”, ngăn cản các cuộc càn quét của địch; tổ chức rập đường nhỏ, cài chông các lối đi chính vào làng.

Tại vùng miền núi Phú Yên, tháng 8-1958, trước tình hình địch vây làng, đồng bào Thồ Lồ, Đồng Xuân đã đốt làng, vào rừng sâu bố trí trận địa cắm chông, gài thỏ, dùng vũ khí thô sơ đánh địch tự vệ, giữ quyền làm chủ.

Cuối năm 1958, đầu năm 1959, cuộc đấu tranh của đồng bào Jarai (Gia Lai) chống địch cày ủi rẫy ruộng, cướp đất lập “Dinh điền” khu trù mật của huyện 4 và 5. Cũng trong thời gian này, nhân dân ở miền Tây các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi lập các trại bí mật cho số thanh niên chống địch chạy ra rừng. Phong trào sản xuất lương thực và dự trữ muối, vải của đồng bào thiếu số vùng căn cứ bước đầu đạt kết quả khá [147, tr.67-68].

Cùng với việc kết hợp đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ, công tác binh vận, địch vận được tăng cường. Ở nhiều nơi, quần chúng tiến hành công tác binh vận tại các đồn bốt địch, tận dụng những thắng lợi quân sự để tác động tinh thần binh lính địch, làm giảm ý chí chiến đấu của chúng; yêu cầu binh lính không bắt bớ, không cướp phá tài sản của dân. Một số cơ sở cách mạng còn tranh thủ vận động binh sĩ bỏ ngũ, cung cấp tin tức hoặc giữ thái độ trung lập khi lực lượng cách mạng hoạt động...

Có thể thấy, với chủ trương và sự chỉ đạo của các cấp bộ Đảng, chỉ trong một thời gian ngắn phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã diễn ra sôi nổi và có sự đổi thay lớn. Trong lúc địch đánh phá khốc liệt, cơ sở cách mạng ở đồng bằng bị tổn thất nặng, phong trào kháng chiến ở miền núi được giữ vững và phát triển..

Từ đầu năm 1959, phong trào đấu tranh của nhân dân ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã có bước phát triển mang tính đột biến. Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng địa phương, đồng bào Raglai ở huyện Bác Ái (tỉnh Ninh Thuận) đã nổi dậy vũ trang chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang – khởi nghĩa ở Nam Trung Bộ những năm 1959 - 1960.

Tại huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định), dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy V, trực tiếp là các cấp ủy địa phương, nhân dân từ đấu tranh bảo vệ buôn làng, nổi dậy chống đồn, tiến lên phát động phong trào du kích cục bộ kết hợp với

bạo lực chính trị, giành quyền làm chủ. Đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên ở Bình Định mở ra phong trào đấu tranh chống đồn dân ở các huyện miền núi tỉnh Bình Định năm 1959, mà ngọn cờ đầu là huyện Vĩnh Thạnh [172, tr.39-40].

Ngày 03-03-1959, tại tỉnh Quảng Ngãi, được sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V, trên cơ sở các đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh được thành lập, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo khẩn trương chuẩn bị các điều kiện tiến đến khởi nghĩa vũ trang. Ngày 28-8-1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ, giành thắng lợi, đại đa số các xã miền núi trở thành vùng giải phóng. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng lan nhanh đến các huyện Sơn Hà, gồm cả khu Bảy (Sơn Tây ngày nay), Ba Tơ, Minh Long. Nhân dân tổ chức bầu chính quyền tự quản, làm công tác bố phòng, phát triển sản xuất, đánh địch đi càn, bảo vệ vững chắc quê hương. Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, tiêu biểu cho tinh thần quật khởi của nhân dân miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào cuối năm 1959. Đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Liên khu uỷ V viết: "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15 của Đảng, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ..." [185, tr.286].

Tháng 8-1959, tại Khánh Hòa, Tỉnh uỷ đã khẩn trương họp và triển khai thực hiện những nhiệm vụ đấu tranh mới theo tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương. Tỉnh uỷ chỉ đạo: "Đẩy mạnh phong trào hoạt động cách mạng, các huyện miền núi lấy đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của quần chúng, phá các khu tập trung dân của địch".

Phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ phát triển đã tác động mạnh đến phong trào kháng chiến ở Tây Nguyên. Tháng 8 - 1959, thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, Ban cán sự tỉnh Kon Tum đã đề ra chương trình hành động theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 15 trong toàn Đảng bộ. "Phong trào kháng chiến ở Kon Tum phát triển lên một bước mới, phối hợp với Tây Nguyên và toàn miền nổi dậy, tiến công

địch, diệt ác, phá kềm, mở rộng quyền làm chủ, xây dựng căn cứ địa cách mạng vững chắc” [68, tr.247]. Cũng trong thời gian này, các cuộc biểu tình đã nổ ra với sự tham gia của hàng ngàn người ở huyện Lắc, thị xã Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) lan rộng đến Pleiku (Gia Lai), Kon Tum và Đà Lạt.

Từ đầu năm 1960, trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình có lợi cho phong trào kháng chiến, Đảng bộ Liên khu liên tiếp có nhiều chỉ đạo đối với miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tháng 01-1960, Đảng bộ Liên khu V họp, đánh giá tình hình và quyết định: “Mạnh dạn phát động quần chúng ở căn cứ miền núi và vũ trang chống địch càn quét; đấu tranh xây dựng lực lượng vũ trang tập trung; khẩn trương xây dựng căn cứ địa miền núi” [56]. Tiếp đến, tháng 4-1960, Đảng bộ Liên khu họp, kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng, chỉ đạo khắc phục tư tưởng rụt rè, đẩy mạnh tấn công địch. Tháng 9-1960, Thường vụ Liên khu ủy V chỉ thị đợt hoạt động, phát động quần chúng phá kìm, giành quyền làm chủ, mở rộng căn cứ cách mạng. Đồng thời, mở rộng đợt hoạt động vũ trang, nhằm phát động quần chúng phá kìm kẹp mở rộng căn cứ, mở rộng hành lang. Hướng hoạt động là cả miền núi và đồng bằng, nhưng miền núi được chú trọng hơn. Ngày 10-9-1960, Ban Thường vụ Liên khu ủy đã ban hành Chỉ thị về tích cực củng cố và mở rộng căn cứ địa miền núi... Những chỉ đạo sâu sát, khẩn trương, quyết liệt của Đảng bộ Liên khu V đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang diễn ra dồn dập và chuyển dần lên khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền.

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu, tháng 3 - 1960, Ban Cán sự Liên tỉnh 3 chỉ đạo thành lập khu Ái - Vĩnh - Sơn. Khu căn cứ này đã phát huy tác dụng làm chỗ dựa vững chắc cho sự chỉ đạo của Liên tỉnh. Tỉnh uỷ Ninh Thuận chủ trương phát động khởi nghĩa tiến tới làm chủ miền núi, xây dựng căn cứ địa cách mạng; đưa cán bộ xuống nhân dân, trực tiếp chỉ huy đấu tranh trực diện, chống càn quét, khủng bố, cướp phá mùa màng...; phát

động phong trào thanh niên làm vũ khí như chông, bẫy..., luyện tập quân sự, đào tạo cán bộ xã đội, thôn đội, mở lớp huấn luyện quần chúng nổi dậy...

Tại Khánh Hòa, từ đầu năm 1960, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Đảng bộ Liên khu V, khắp nơi trên địa bàn miền núi của tỉnh nổi dậy khởi nghĩa, tuyên bố xoá bỏ ngụy quyền, thiết lập chính quyền cách mạng; đồng thời chiến đấu bẻ gãy nhiều cuộc hành quân nhằm giành lại miền núi của địch. Đến cuối năm 1960, toàn bộ khu vực miền Tây tỉnh Khánh Hòa căn bản được giải phóng. Phong trào khởi nghĩa của nhân dân các dân tộc miền núi Khánh Hòa đã đưa phong trào kháng chiến tiến lên những bước mới. Căn cứ địa của tỉnh được giữ vững và phát triển trong suốt những năm dài chống Mỹ, cứu nước cho đến ngày giải phóng tỉnh, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Tại Gia Lai, tháng 10 - 1960, Tỉnh ủy phát động phong trào nổi dậy đồng khởi giành quyền làm chủ trong toàn tỉnh [62, tr.321]. Ở miền Tây Bình Định, Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức vũ trang tuyên truyền tại Vĩnh Phúc, Bình Quang (huyện Vĩnh Thạnh). Cuối tháng 12 - 1960, tại An Lão, đơn vị 2/9 phục kích diệt 1 tiểu đội lính H're đi càn quét ở Đất Dài, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá khu tập trung, bung về làng cũ... Đến cuối năm 1960, toàn bộ huyện Vĩnh Thạnh, vùng cao huyện An Lão và 3 xã vùng cao huyện Vân Canh được giải phóng. Đây là vùng giải phóng đầu tiên, là căn cứ địa của phong trào kháng chiến toàn tỉnh trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ cuối năm 1960, tại Quảng Ngãi, các căn cứ và vùng giải phóng ở khu vực miền Tây của tỉnh được mở rộng và củng cố [61, tr.307]. Tại Đăk Lăk, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo đấu tranh chống tổ cộng, chống đồn dân, nhiều buôn đã thoát khỏi vùng địch ra sống bất bợp pháp chống địch. Đến cuối năm 1960, vùng làm chủ ở Đăk Lăk đã được mở rộng bao gồm đại bộ phận nông thôn ở M'Đrăk, đông Cheo Reo, tây Cheo Reo và một số xã ở Buôn Hồ và Đăk Mil. Tại Kon Tum, chính quyền địch nhiều vùng đã bị xoá bỏ, lập nên chính quyền tự quản của nhân dân. Cùng thời gian đó, các đội công tác hỗ trợ cho nhân dân phá khu đồn, phá kìm kẹp nhất tề xoá bỏ bộ máy ngụy quyền (những nơi có), cắt đứt hoàn toàn quan hệ với địch, chuyển lên vũ trang bố

phòng đánh địch, lập Ủy ban tự quản [68, tr.250]. Cùng với khởi nghĩa vũ trang và sự nổi dậy của quần chúng, các lực lượng cách mạng vừa tiến công quân sự, vừa kết hợp kêu gọi binh lính hạ vũ khí, không chống lại nhân dân. Công tác binh vận ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên chuyển từ chủ yếu phục vụ yêu cầu giữ gìn lực lượng cách mạng, chống lại chính sách khủng bố của Mỹ – Diệm, hạn chế các cuộc càn quét của địch, bảo vệ cơ sở cách chuyển sang đấu tranh góp phần làm suy giảm tinh thần của binh lính địch và của bộ máy tay sai ở cơ sở; hỗ trợ phong trào nổi dậy, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng....

Đến giữa năm 1961, phong trào đấu tranh mạnh mẽ kết hợp giữa tấn công vũ trang và nổi dậy của quần chúng, địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và một phần Tây Nguyên đã được giải phóng hoặc trở thành những căn của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam. Vùng giải phóng kéo dài từ miền Tây tỉnh Quảng Nam đến miền Tây tỉnh Bình Thuận; từ tỉnh Kon Tum vào đến đường 21 (thuộc tỉnh Đắk Lắk). Vùng địch kiểm soát bị thu hẹp, chỉ còn ở một số quận lỵ, thị xã, dọc một số đường giao thông lớn, nhưng liên tục bị tấn công.

Có thể thấy, từ năm 1958, do sự vận dụng chủ trương của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15, Đảng bộ Liên khu V đã quan tâm, tập trung chỉ đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đẩy mạnh tấn công địch theo phương châm kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến tới kết hợp tấn công quân sự với phát động nhân dân nổi dậy, vũ trang khởi nghĩa, giành quyền làm chủ ở phần lớn địa bàn chiến lược này. Sự phát triển của phong trào đấu tranh ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vừa là một cơ sở, vừa là nhân tố thúc đẩy phong trào kháng chiến ở đồng bằng, đưa phong trào kháng chiến ở Liên Khu từ thế đối phó sang tấn công; đồng thời, cung cấp cơ sở

thực tiễn đề Trung ương Đảng hoạch định và ban hành Nghị quyết 15, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lên một giai đoạn mới.

Tháng 5-1961, do yêu cầu của thực tiễn, Trung ương Đảng quyết định tách Liên khu V thành hai khu là Khu V và Khu VI. Khu 5 gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Kon Tum, Gia Lai trực thuộc Trung ương Đảng; Khu 6 gồm các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng trực thuộc Trung ương Cục miền Nam. Phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy V và Khu ủy VI. Đây cũng là thời điểm, Đảng bộ Liên khu V hoàn thành sứ mệnh lịch sử.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm từ năm 1954 cho đến năm 1961, sự lãnh đạo của Đảng Bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu nói chung và ở khu vực ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đối diện với nhiều khó khăn, thách thức rất to lớn. Đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn tiến hành đánh phá ác liệt phong trào kháng chiến, chữa mũi nhọn vào tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, tàn bạo nhất là các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng” nhằm tiêu diệt phong trào kháng chiến của nhân dân Liên khu nói chung và khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng. Các lực lượng vũ trang chuyển ra Bắc tập kết, toàn bộ hệ thống tổ chức Đảng chuyển vào hoạt động bí mật....Trong tình hình mới, khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có một vị trí chiến lược rất quan trọng đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V cũng như đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, quán triệt chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, Đảng bộ Liên khu V đã đề ra chủ trương và chỉ đạo phong trào kháng chiến ở địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tập trung vào hai

phương diện: 1) chỉ đạo đấu tranh giữ gìn, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ (bao gồm giữ gìn tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, xây dựng củng cố lực lượng vũ trang, căn cứ cách mạng; 2) trên cơ sở xây dựng thực lực đó, phát huy vai trò của phong trào đấu tranh khu vực này đối với sự nghiệp kháng chiến ở Liên khu V và cách mạng miền Nam, thông qua việc chuyển hướng đấu tranh, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ cán bộ cách mạng của Liên khu, rồi tiến lên, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát động nhân dân nổi dậy, thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Liên khu V từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V, trực tiếp và liên tục là Liên khu ủy, các Ban Cán sự Liên tỉnh, các tỉnh ủy, nhất là các cấp ủy, cán bộ, đảng viên trong khu vực, quân và dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã tranh thủ những điều kiện có được, vượt qua những khó khăn, tổn thất, để giữ gìn lực lượng và phong trào cách mạng, tiến hành đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ cán bộ, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ, tiến lên đấu tranh chính trị kết với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền, tạo nên một vùng giải phóng rộng lớn, thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Liên khu V chuyển lên giai đoạn mới, cung cấp cơ sở thực tiễn để Trung ương Đảng hoàn thiện đường lối và chỉ đạo phong trào đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tuy vậy, trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1954 đến năm 1961, Đảng bộ Liên khu V mắc một số hạn chế, khuyết điểm trong nhận thức, chủ trương và chỉ đạo thực tế, như chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân; một số cán bộ, đảng viên chủ quan, đơn giản trong đánh giá âm mưu, hành động của địch; một số cấp ủy có tư tưởng hữu khuynh, dè dặt trong đẩy mạnh vũ trang khi tình hình cho phép... Những hạn chế, khuyết điểm đó vừa có nguyên nhân trọng hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ, vừa bắt nguồn từ những quan điểm chỉ

đạo của Trung ương trong việc chậm đề ra đường lối đấu tranh thích hợp ở miền Nam trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những hạn chế, khuyết điểm đó đã từng bước được khắc phục, gắn với chuyển hướng đấu tranh, đưa phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có chuyển biến theo hướng tích cực, thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Liên khu V chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công.

Dù có một số hạn chế, khuyết điểm, song, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, phong trào kháng chiến ở địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được giữ vững, từng bước vươn lên, có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V cũng như đối với cách mạng miền Nam trong những năm đầu Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm và thành quả

Một là, Đảng bộ Liên khu V đề ra chủ trương đúng đắn, sáng tạo đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Quán triệt và vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; căn cứ vào đặc điểm địa lý, tự nhiên, văn hóa, xã hội, kinh tế và truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân các dân tộc trong khu vực, sự chuyển biến của tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ kháng chiến, Đảng bộ Liên khu V đã đề ra những chủ trương lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên qua hai giai đoạn: giai đoạn cuối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là đúng đắn, giàu tính chủ động, sáng tạo, phù hợp, đáp ứng yêu cầu của phong trào kháng chiến ở khu vực, Liên Khu V và cả nước. Thể hiện trên những phương diện sau đây:

- Nhận thức đúng đắn và nhất quán về tầm quan trọng của việc duy trì, phát triển phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Đảng bộ Liên khu V nhận thức và nhất quán khẳng định tầm quan trọng và vai trò của việc duy trì và phát triển phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V và của cả nước trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bảo vệ nền độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Về mặt chính trị, giữ vững được phong trào kháng chiến trên địa bàn khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên sẽ củng cố khối đại đoàn kết nhân dân các dân tộc, chống lại âm mưu chia rẽ của kẻ thù; giữ vững niềm tin của đồng bào vào thắng lợi của cuộc kháng chiến;

phát huy được vai trò làm chủ của nhân dân. Về mặt quân sự, giữ vững được phong trào kháng chiến ở khu vực này là giữ được một địa bàn chiến lược rộng lớn để xây dựng tiềm lực kháng chiến; thực hiện đấu tranh giam chân, tiêu diệt sinh lực địch, giữ được một bàn đạp tấn công, một hành lang chiến lược để phát triển ra các hướng, kết nối phong trào kháng chiến giữa vùng đồng bằng ven biển và vùng miền núi phía Tây, giữa chiến trường Bắc Trung Bộ, Bắc Bộ với chiến trường Nam Bộ (thời kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược), giữa miền Bắc với chiến trường miền Nam (thời kháng chiến chống Mỹ, cứu nước); góp phần phát huy vai trò của liên minh chiến đấu 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia trong đấu tranh chống kẻ thù chung.

- Nhất quán, chủ động và sáng tạo trong chủ trương xây dựng thực lực kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ đã đề ra những chủ trương xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa, xây dựng những điều kiện để tấn công địch, thực hiện nhiệm vụ chiến trường phối hợp. Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần thứ I (3-1949) đã đề ra chủ trương "giành lại từng phần Tây Nguyên", chuyển chiến trường Tây Nguyên là chuyển chiến thuật du kích chiến lên du kích vận động, gắn với xây dựng, củng cố, mở rộng các căn cứ du kích, xây dựng các cơ sở kháng chiến ở Tây Nguyên. Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên Khu V lần thứ II (8-1951) quyết định: củng cố lại miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, xây dựng cơ sở bắc Tây Nguyên vững chắc để giữ vững lưng dựa của vùng tự do; mở rộng căn cứ địa Tây Nguyên gắn với tích cực phát triển phong trào dân quân; xây dựng, bồi dưỡng lực lượng, động viên toàn dân, giữ vững đoàn kết, giữ vững mặt trận thống nhất;... Những chủ trương của Đảng bộ được Liên khu ủy, các Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng các tỉnh cụ thể hóa thành các nghị quyết, chỉ thị cụ thể, có những nghị quyết cho riêng khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có những nghị quyết cho phong trào kháng chiến trên toàn Liên khu, trong đó, miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm thực hiện.

Trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước những chủ trương xây dựng thực lực kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tập trung vào giữ gìn lực lượng, củng cố tổ chức Đảng, cơ sở quần chúng, tiến tới xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ kháng chiến, làm cơ sở cho đấu tranh. Hội nghị Liên khu ủy V (tháng 7-1954) nhấn mạnh bố trí, sắp xếp lực lượng cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy V (tháng 9-1954) xác định nhiệm vụ trước mắt của khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là sắp xếp cán bộ, tổ chức quần chúng phát triển cơ sở. Đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, lãnh đạo nhân dân ổn định đời sống. Hội nghị Liên khu ủy V (tháng 10-1954) chủ trương chinh đồn chi bộ, bảo vệ cán bộ. Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy V (3-1955) chủ trương đưa một số đơn vị bộ đội lên xây dựng một số căn cứ ở Tây Nguyên. Hội nghị Liên khu ủy V (11-1955) xác định nhiệm vụ giữ gìn và củng cố tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng, tích cực bảo vệ cán bộ. Hội nghị Liên khu ủy V (02-1956) chủ trương giữ vững cơ sở, tích lũy lực lượng, trường kỳ tồn tại. Hội nghị Liên khu ủy V (giữa năm 1958) quyết định xây dựng miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên “thành căn cứ địa cách mạng; Bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi với nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ...” [52]. Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) (tháng 4-1960) quyết định ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phải tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang tập trung, khẩn trương xây dựng Tây Nguyên thành “căn cứ địa vững chắc để làm chỗ dựa cho đồng bằng” [56, tr.16-17]. Hội nghị Liên khu ủy V (tháng 02-1961) đề ra nhiệm vụ làm chủ núi rừng, củng cố và xây dựng căn cứ địa cách mạng, ra sức xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ căn cứ địa, bảo vệ lực lượng cách mạng, bảo đảm kịp thời tiến lên đánh đổ chính quyền địch, khi có điều kiện khởi nghĩa.

Có thể thấy, tuy nhiệm vụ cụ thể có những khác nhau, song, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển

Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ Liên khu V luôn quan tâm và tập trung xây dựng thực lực kháng chiến ở địa bàn này, mà những nội dung chủ yếu là xây dựng, bảo vệ tổ chức Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức quần chúng, củng cố cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa kháng chiến, củng cố khối đoàn kết nhân dân các dân tộc, giữ vững tinh thần đấu tranh, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cuộc kháng chiến trong các tầng lớp nhân dân.

- Nhất quán, chủ động và sáng tạo trong chủ trương đẩy mạnh và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ Liên khu đã chủ trương đẩy mạnh tấn công địch, phối hợp với chiến trường cả nước, huy động sức người, sức của một cách phù hợp với điều kiện cụ thể để phục vụ kháng chiến. Hội nghị Đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất chủ trương “biến hậu phương địch thành tiền phương ta”. Hội nghị Liên khu ủy V (7-1950) chủ trương phát động đấu tranh, tăng cường hoạt động tác chiến tại khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần II chủ trương phát triển du kích chiến tranh đến cao độ trong vùng sau lưng địch, tập trung binh lực mở những chiến dịch lớn và liên tục, tạo một chuyển biến trong tương quan lực lượng giữa địch và ta; đẩy mạnh lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Nghị quyết Đại hội ghi rõ: "Nhiệm vụ quan trọng số một là vấn đề mở rộng và xây dựng cơ sở địch hậu, phá chính sách "bình định", phá âm mưu củng cố Tây Nguyên của địch" [28]. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Đảng bộ quyết định: Tích cực phát triển du kích chiến tranh vùng địch kiểm soát, nhất là Tây Nguyên. Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy V (11-1952) chủ trương đẩy mạnh tác chiến phối hợp với chiến trường toàn quốc” với phương châm là “đánh điểm diệt viện”. Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy V (12-1953), chủ trương tập trung toàn bộ bộ đội chủ lực tiến công địch ở Tây

Nguyên, “tiến công lên Tây Nguyên tiêu diệt địch ở đây là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất” [146, tr.19].

Trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chủ trương của Đảng bộ Liên khu về phát huy vai trò của địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tập trung vào phát động phong trào đấu tranh chính trị, đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến tới kết hợp đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát động nhân dân vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị Liên khu ủy V (7-1954) chủ trương ổn định, thống nhất tư tưởng trong nhân dân, chuẩn bị bước vào cuộc đấu tranh mới. Hội nghị Ban Thường vụ Liên khu ủy V (9-1954) chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, lãnh đạo nhân dân ổn định đời sống và đấu tranh đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ. Hội nghị Liên khu ủy V (10-1954) chủ trương lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống hành động vi phạm Hiệp định của đối phương, đảm bảo quyền tự do cho nhân dân ở vùng Pháp đã tập kết; xúc tiến công tác binh vận. Hội nghị Liên khu ủy V (11-1955) đề ra nhiệm vụ lãnh đạo phong trào quần chúng thích hợp với tình hình: cương quyết chống chiến dịch tổ cộng của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Hội nghị Liên khu ủy V (2-1956) xác định khéo léo lãnh đạo quần chúng đấu tranh với những hình thức thích hợp. Hội nghị Liên khu ủy V (giữa năm 1958) chủ trương phải dùng vũ trang bộ phận để phối hợp với đấu tranh chính trị, nhằm khơi dậy tinh thần dân tộc và phong trào chống Mỹ, tiêu diệt biệt kích, các phần tử phản động, đầu sỏ, tranh thủ các đối tượng lừng chừng, nhằm hạn chế phát - xít, hạ uy thế của địch, nâng uy thế của phong trào. Hội nghị Liên khu ủy mở rộng (4-1960) chủ trương phát động quần chúng ở miền núi vũ trang chống địch cướp bóc, dồn dân, chiếm đất, càn quét, khủng bố và bảo vệ tính mạng, tài sản, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi kết hợp đấu tranh vũ trang...

Có thể thấy, những chủ trương, chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu ủy V về lãnh đạo phát huy vai trò của khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung

Bộ và Tây Nguyên trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ tuy có những khác nhau về mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, song, đều có nội dung xuyên suốt chủ động, tích cực, duy trì và tăng cường đấu tranh; kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh, địch vận với những mức độ và hình thức linh hoạt, trong đó, đấu tranh vũ trang có vai trò nổi trội; để thực hiện vai trò là một nhân tố bảo đảm, thúc đẩy cho phong trào kháng chiến ở Liên khu V; đồng thời, phối hợp và góp phần vào sự nghiệp kháng chiến của cả nước cũng như cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung của nhân dân 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Tóm lại, trong thời gian từ năm 1949 đến năm 1961, chủ trương của Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vừa là sự quán triệt, tuân thủ và vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương và những chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, vừa thể hiện tính tích cực, chủ động, sáng tạo trên cơ sở thực tiễn tình hình cụ thể của khu vực. Những chủ trương của Đảng bộ là cơ sở để các cấp bộ Đảng và nhân dân Liên khu nói chung, nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng đấu tranh xây dựng thực lực kháng chiến và phát huy vai trò của địa bàn chiến lược đối với Liên khu V và sự nghiệp đấu tranh giải phóng của dân tộc.

Hai là, Đảng bộ Liên khu V đã chủ động, linh hoạt chỉ đạo xây dựng thực lực và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong bối cảnh địa bàn rộng, hiểm trở, xa Trung ương, trên cơ sở quán triệt và chấp hành nghiêm những chủ trương, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và những chủ trương đề ra, Đảng bộ Liên khu V đã tiến hành chỉ đạo phong trào kháng chiến ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trên tinh thần chủ động, sáng tạo, linh hoạt. Do phần lớn diện tích địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là chiến trường (thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp),

vùng tạm bị chiếm, địch kiểm soát (thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước), chính quyền cách mạng hoặc một số hình thức tổ chức thực hiện chức năng của chính quyền, chỉ hoạt động trong các căn cứ, do đó, Đảng bộ chỉ đạo phong trào qua tổ chức Đảng các cấp, qua cán bộ, đảng viên, qua tổ chức quần chúng và qua lực lượng bộ đội,...; trong đó, chủ yếu là thông qua hoạt động trực tiếp của các cấp bộ Đảng và cán bộ, đảng viên.

Sự chủ động, tích cực, khẩn trương và linh hoạt trong chỉ đạo xây dựng và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thể hiện và thông qua các mặt công tác sau đây:

- Chủ động, tích cực và sáng tạo trong chỉ đạo xây dựng, củng cố, bảo vệ tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên làm hạt nhân lãnh đạo.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, việc chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu về xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng luôn được giữ vững. Các tổ chức, cơ sở đảng được thành lập và từng bước mở rộng tại hầu hết các vùng căn cứ ở miền Tây các tỉnh ven biển cũng như trên nhiều địa bàn ở Tây Nguyên và trong điều kiện hoạt động bí mật, phân tán, vẫn giữ vai trò nòng cốt, là hạt nhân lãnh đạo mọi mặt công tác.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ rất coi trọng xây dựng về mặt chính trị, tư tưởng. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, kiểm thảo và dựa vào quần chúng, Đảng bộ Liên khu và các cấp bộ Đảng đã đấu tranh chống lại những tư tưởng lạc hậu, định kiến; chủ quan, khinh địch, cũng như tư tưởng bi quan, dao động, cầu an, kém chịu đựng gian khổ, thoát ly cơ sở, thậm chí là tư tưởng đầu hàng giặc. Từ sau khi Đảng ra hoạt động công khai, nhất là khi Đảng tiến hành cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Liên khu đã tổ chức các lớp “Chỉnh huấn”, “Chỉnh Đảng”, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, nâng cao nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng viên [37]. Trong xây dựng hệ thống tổ chức, xây dựng củng cố chi bộ được đặc biệt coi trọng. Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo củng cố và tăng mạnh chi bộ tự động công tác, “làm cho tất cả các loại chi bộ đều được tiến lên tự động”. Thực hiện chủ

trương và chỉ đạo của Trung ương về đẩy mạnh phát triển đảng theo khẩu hiệu “Làm cho Đoàn thể thành một Đoàn thể của quần chúng”, Đảng bộ Liên khu đã chú trọng công tác phát triển đảng viên, làm cho đội ngũ đảng viên xuất thân từ nhiều tầng lớp, thành phần dân tộc, giai cấp khác nhau tăng lên. Sau khi tiếp nhận và thực hiện chủ trương tạm ngừng kết nạp Đảng, Đảng bộ Liên khu đã tiến hành củng cố, chỉnh huấn công tác phát triển đảng viên theo hướng chú trọng hơn về chất lượng. Đặc biệt là trong việc đưa đồng bào các dân tộc thiểu số như Êđê, Ba Na, Gia Rai, M’nông, Hre... tham gia vào tổ chức Đảng góp phần củng cố lòng tin và tạo sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trung kiên, kiên cường, có phẩm chất chính trị và am hiểu thực tiễn cũng được Đảng bộ Liên khu V và các cấp ủy địa phương luôn quan tâm chăm lo, xây dựng.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trước tình hình chính quyền Ngô Đình Diệm công khai phát động chiến dịch “tổ cộng”, Đảng bộ Liên khu đã tiến hành chuyển các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vào hoạt động bí mật, chủ trương củng cố là chính; trong đó coi củng cố chi bộ là quan trọng nhất, theo hướng tinh gọn, bí mật, trọng chất hơn lượng. Xây dựng chi bộ mới phải trên cơ sở lựa chọn kỹ số đảng viên trung kiên chưa bị lộ và số quần chúng cốt cán được thử thách trong phong trào; xây dựng chi bộ mới không dựa vào chi bộ cũ. Hoạt động phải triệt để thực hiện phương châm bí mật, nhanh chóng, khắc phục tình trạng tổ chức nặng nề, liên lạc ngang dọc bừa bãi, tránh việc một người biết nhiều người, nhiều mối, nhiều tổ chức. Về công tác tư tưởng, Liên khu ủy chỉ đạo đấu tranh chống cả tư tưởng chủ quan, khinh địch cũng như tư tưởng hoang mang, thủ tiêu đấu tranh. Phương châm là: hết sức giữ gìn lực lượng cơ sở đảng còn tồn tại, trên cơ sở đó mà dần dần khôi phục, phát triển. Từ giữa năm 1959, khi tình hình có những chuyển biến, tinh thần đấu tranh lên cao, Đảng bộ Liên khu chỉ đạo các cấp bộ Đảng “Ra sức xây dựng cơ sở Đảng, chủ yếu là chi bộ” [53]. Giữa các Khu ủy viên luôn có sự phối hợp hoạt động, giúp đỡ nhau trên cơ sở bám sát nhiệm vụ và yêu

cầu đặt ra với khu vực cụ thể. Đảng bộ Liên khu một mặt tăng cường chỉ đạo phát triển tổ chức, phát triển đảng viên, đồng thời chỉ đạo đẩy mạnh công tác tư tưởng, phê bình những tư tưởng hữu khuynh, rứt rề không dám đấu tranh. Những chỉ đạo trên đã làm giảm thiểu những tổn thất của hệ thống tổ chức Đảng trước sự đánh phá của địch, đồng thời, phát triển tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên khi tình hình có chuyển biến để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến.

- Tích cực, chủ động và sáng tạo trong chỉ đạo công tác vận động quần chúng, xây dựng củng cố lực lượng chính trị và khối đoàn kết trong nhân dân.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ Liên khu vừa chỉ đạo phát huy vai trò của tổ chức Đảng các cấp, tinh thần chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn của cán bộ, đảng viên, vừa thông qua các cơ cấu như Ban vận động quốc dân thiểu số miền Nam, Phân ban quốc dân thiểu số Nam Trung Bộ, Ủy ban chỉ huy Tây Nguyên,... để xây dựng tổ chức quần chúng, tập hợp nhân dân. Đồng thời, Đảng bộ Liên khu rất quan tâm đến tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc Kinh – Thượng, xây dựng niềm tin của nhân dân với Đảng. Công tác vận động các dân tộc thiểu số được quan tâm đặc biệt, bằng cách thông qua những cán bộ, đảng viên, chiến sĩ được phân công đã thực hiện bám dân, bám cơ sở để vận động, tổ chức nhân dân. Mặt trận Liên Việt được xây dựng và phát triển để tập hợp, tổ chức và huy động nhân dân các địa phương ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, từ già đến trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, tham gia kháng chiến. Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nắm bắt, quán triệt và tuyên truyền để người dân tin tưởng vào đường lối của Đảng, vào chủ trương của Đảng bộ Liên khu, nâng cao ý thức trách nhiệm và động lực để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc. Trong các huyện căn cứ miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, công tác tổ chức, vận động nhân dân được thực hiện đồng thời với chăm lo đời sống nhân dân. Các cấp bộ Đảng trong Liên khu đã chỉ đạo, tổ chức nhân dân tiến hành các phong trào tăng gia sản xuất, tự túc lương thực, thực phẩm bảo đảm hậu cần tại chỗ, nhiều mô hình sản xuất nông –

lâm– thủ công nghiệp nhỏ được hình thành tại các căn cứ như: lập rẫy tập thể, chăn nuôi, đan lát, rèn sắt, chế biến muối, thuốc men thô sơ..., góp phần phục vụ đời sống nhân dân và phong trào kháng chiến. Việc khuyến khích tự lực, tiết kiệm, tương trợ trong dân được thực hiện rộng khắp, tạo nên tinh thần đoàn kết, đùm bọc giữa các tầng lớp nhân dân, đặc biệt giữa đồng bào Kinh và các dân tộc thiểu số. Việc chăm lo đời sống văn hóa – xã hội, bồi dưỡng tinh thần kháng chiến cho nhân dân được chú trọng đẩy mạnh. Trong phong trào “diệt dốt”, mở lớp học chữ quốc ngữ, đào tạo cán bộ tại chỗ; nhiều lớp bình dân học vụ, lớp đào tạo cán bộ sơ cấp được tổ chức ngay trong vùng căn cứ. Công tác tuyên truyền, vận động được đẩy mạnh thông qua báo chí kháng chiến, đội văn nghệ, loa đài tuyên truyền lưu động, góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần yêu nước, ý chí kháng chiến và niềm tin vào thắng lợi. Khi Trung ương Đảng có chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất, Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo các cấp bộ Đảng đẩy mạnh vận động địa chủ hiến điền, thực hiện giảm tô mà không tiến hành cải cách ruộng đất như một số địa phương ở Liên khu Việt Bắc và Liên khu IV. Chính sách phù hợp đó đã đem lại quyền lợi thiết thực cho nông dân, làm cho họ phấn khởi sản xuất, cải thiện đời sống và tạo điều kiện cho họ tích cực tham gia đóng góp, ủng hộ kháng chiến.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác vận động, tổ chức quần chúng được Đảng bộ xác định là một nhiệm vụ “trọng tâm”, là cơ sở để bảo vệ, giữ gìn cán bộ, phát động đấu tranh. Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo các Tỉnh ủy Tây Nguyên và Nam Trung Bộ tăng cường nhiều cán bộ tỉnh, huyện về cơ sở, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, để tuyên truyền đường lối đấu tranh của Đảng, giữ vững niềm tin trong nhân dân, vạch rõ những âm mưu, thủ đoạn và những chính sách đàn áp tàn bạo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn; vận động đồng bào phát huy truyền thống cách mạng, xây dựng quyết tâm chống kẻ thù mới là Mỹ - Diệm. Các cán bộ, đảng viên đã cùng ăn, cùng ở, cùng làm, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất, chống đói, dùng thuốc nam chữa bệnh, dạy

thanh niên học chữ, vận động nhân dân bỏ thù hằn chém giết lẫn nhau giữa vùng này với vùng khác. Cán bộ Kinh học tiếng địa phương, để tóc dài, râu tai, đóng khố, đi chân đất như các dân tộc thiểu số để hòa mình trong quần chúng và che mắt địch. Cán bộ được quần chúng nuôi nấng, bảo vệ như con em trong nhà, được cả làng công nhận là người của làng. Địch càn quét đánh phá, cán bộ bám dân, lãnh đạo đấu tranh chống địch có kết quả, quần chúng càng tin cán bộ. Một số vùng trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân biết cán bộ, chưa hiểu Đảng đã tin yêu cán bộ, một lòng đi theo Đảng và Bác Hồ. Đảng bộ quan tâm vận động đồng bào tham gia các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; phát triển các đoàn thể quần chúng như: tổ chức thanh niên, hội phụ nữ nông thôn và các hình thức tổ chức phù hợp với tập quán khu vực. Trong hoàn cảnh bị địch tập trung đánh phá nhằm chia rẽ khối đoàn kết giữa các dân tộc Kinh – Thượng, ráo riết thực hiện chính sách “tự trị” của người dân tộc, việc chỉ đạo tăng cường đoàn kết nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất có ý nghĩa rất to lớn. Từ năm 1958, cùng với những chuyển biến trong hoạt động đấu tranh, công tác vận động, tổ chức quần chúng được đẩy mạnh lên một bước, tăng cường “phát triển các đoàn thể quần chúng”, thực hiện “tự vệ nhân dân”. Đặc biệt, cùng với phong trào vũ trang nổi dậy, ở những nơi nhân dân làm chủ, một số hình thức tổ chức thực hiện chức năng chính quyền như: “Ban cán sự”, “Ban tự quản”,... gồm những thành viên được tuyển chọn từ quần chúng trung kiên, đã phát huy vai trò trong tổ chức nhân dân lao động, sản xuất và đấu tranh. Có thể thấy, việc chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V về vận động, tổ chức quần chúng ở khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra liên tục, tạo nền tảng quan trọng để giữ gìn phong trào kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng trong khu vực.

- Tích cực, chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ kháng chiến.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ đã chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang theo những hình thức và qui mô phù hợp, gắn xây

dựng lực lượng chính trị với đấu tranh. Từ các đội tự vệ vũ trang, tiểu tổ du kích bí mật ở nhiều địa phương, từng bước tăng cường và phát triển thành tiểu đội, trung đội du kích từ cấp xã, huyện, một số nơi hình thành trung đội, bộ đội địa phương. Nhiều nơi còn tổ chức các đội “bach đầu quân”, “nông dân kháng địch”, “thanh niên kháng địch”. Việc rút kinh nghiệm xây dựng lực lượng vũ trang; dựa vào địa hình rừng núi hiểm trở và phát động lực lượng toàn dân tham gia..., được quan tâm thực hiện. Nét nổi bật là trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ kháng chiến chống Pháp là, Đảng bộ luôn quan tâm giáo dục, động viên nhân dân góp phần xây dựng bộ đội và du kích, do đó, phong trào nhân dân đỡ đầu dân quân, bộ đội địa phương theo hình thức đóng góp tiền của nuôi bộ đội.

Đối với xây dựng các căn cứ kháng chiến, Đảng bộ Liên khu V đã kiên trì chỉ đạo xây dựng, củng cố trước hết ở miền Tây các tỉnh vùng tự do Nam Trung Bộ và miền Tây các tỉnh Cực Nam Trung Bộ; trên cơ sở đó, phát triển lên Tây Nguyên. Trong các căn cứ kháng chiến, nhất là các huyện căn cứ, các xã căn cứ, Đảng bộ đã chỉ đạo xây dựng chính quyền, các đoàn thể quần chúng, chỉ đạo phát triển sản xuất, thực hiện chính sách ruộng đất trong những khu vực có điều kiện, phát triển văn hóa, thực hiện đời sống mới,... Công tác xây dựng các khu căn cứ đi liền với công tác bảo vệ, chống địch xâm nhập, phá hoại. Đặc biệt, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo đấu tranh dập tắt hoạt động của bọn phiến loạn ở các huyện căn cứ Sơn Hà, Ba Tơ và Minh Long (Quảng Ngãi). Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ đã xử lý kịp thời, kiên quyết khắc phục những tư tưởng lệch lạc trong nội bộ, góp phần xây dựng căn cứ địa vững chắc. Sự ra đời của các căn cứ kháng chiến, căn cứ du kích, các vùng du kích, các căn cứ địch hậu được củng cố, đã tạo nên thế liên hoàn vững chắc ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát huy vai trò trong xây dựng lực lượng, bàn đạp tấn công địch; biến hậu phương địch thành tiền phương của ta; thực hiện vai trò của một căn cứ địa, hậu phương kháng chiến tại chỗ, bảo đảm sức người, sức của cho chiến trường Nam Trung

Bộ và Tây Nguyên và làm tròn nghĩa vụ quốc tế với bạn Lào và Campuchia, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, nét độc đáo trong chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang là: từ những hoạt động tự phát của nhân dân, như các nhóm thanh niên không chịu để bắt lính, đã tự động chạy vào rừng sống bất hợp pháp, tự tổ chức những trận phục kích lẻ tẻ diệt bọn thám báo, ác ôn..., các cấp ủy đã chỉ đạo tổ chức thành những “tổ chức tự vệ nhân dân”, nhóm “bảo vệ dân tộc”, “gặt mùa”,...và nhân rộng ra toàn khu vực. Trên cơ sở đó, thực hiện những chỉ đạo của Trung ương Đảng, từ năm 1958, Liên khu ủy đã chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi để làm nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ và đến năm 1959, các đội vũ trang tập trung, nhiều tỉnh thành lập, biên chế thành các đại đội. Các đội vũ trang tập trung, cùng lực lượng quần chúng vũ trang rộng lớn ở cơ sở, làm nhiệm vụ hỗ trợ quần chúng đấu tranh, rồi làm nòng cốt cho phong trào nổi dậy của nhân dân miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra sôi nổi, rầm rộ trong những năm 1959 - 1960.

Trong bối cảnh Liên khu V thuộc vùng địch kiểm soát, phương châm, phương pháp đấu tranh thay đổi, Đảng bộ đã sớm có chủ trương và kiên trì lãnh đạo xây dựng căn cứ địa làm nơi đứng chân lãnh đạo, giữ gìn lực lượng ở khu vực rừng núi ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Một số căn cứ có từ thời kháng chiến chống Pháp được quan tâm củng cố, từng bước được xây dựng, hình thành, mở rộng, nhất là ở những nơi có địa hình hiểm trở, thuận lợi cho việc giữ gìn lực lượng. Những cán bộ, đảng viên có năng lực của Liên khu ủy, của các tỉnh ủy, huyện ủy được bố trí ở lại đã về bám địa phương, bám dân trực tiếp xây dựng căn cứ đứng chân cho các cấp. Việc xây dựng các tổ chức quần chúng, củng cố khối đoàn kết nhân dân các dân tộc được quan tâm hàng đầu. Trong những năm 1954 - 1957, các căn cứ đã đóng vai trò quan trọng trong đấu tranh, đặc biệt trong giữ gìn lực lượng khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách bao vây, càn quét, đánh phá ác liệt phong trào kháng chiến. Từ năm 1958, cùng

với sự chuyển biến đi lên của phong trào cách mạng, Đảng bộ đã tăng cường chỉ đạo xây dựng, mở rộng các căn cứ kháng chiến. Việc xây dựng và hình thành các căn cứ gắn liền với các cuộc vũ trang nổi dậy, một số nơi mở rộng đến cấp huyện, trên cơ sở đó chỉ đạo thiết lập vùng giải phóng liên hoàn trên toàn bộ địa bàn các huyện, xã ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Tích cực, chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo kết hợp các hình thức đấu tranh và thực hiện nhiệm vụ của vùng căn cứ.

Với tư tưởng chủ động, tấn công, thực hiện chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, trong từng giai đoạn và điều kiện cụ thể của sự nghiệp kháng chiến; trên cơ sở những chủ trương đề ra, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận và đấu tranh hợp pháp – nửa hợp pháp phù hợp với từng từng địa bàn.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, phương châm đánh địch được xác định và thực hiện nhất quán: địch đánh đến địa phương nào, địa phương đó tự đối phó, tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận địch, kim chân không cho chúng nhanh chóng mở rộng phạm vi kiểm soát, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra; địa phương nào địch chưa đánh đến, phải tích cực động viên nhân dân phục vụ tiền tuyến; đẩy mạnh công tác binh vận, phá kế hoạch xây dựng ngụy quân của địch. Ở các huyện, xã khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ thì đấu tranh vũ trang chủ yếu chống càn, chống địch xâm nhập để bảo vệ căn cứ; trong khi đó, ở Tây Nguyên thì chủ yếu là đấu tranh vũ trang, kết hợp giữa chiến tranh du kích tác chiến của bộ đội, đồng thời thực hiện công tác binh vận, địch vận để giữ chân, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng căn cứ, phối hợp với chiến trường toàn quốc. Lực lượng vũ trang tấn công địch vừa là lực lượng dân quân, du kích tại chỗ vừa là lực lượng bộ đội của Liên khu.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, do toàn bộ khu vực là vùng địch kiểm soát, do yêu cầu của tình hình cụ thể, Đảng bộ đã chỉ đạo tiến hành đấu tranh chính trị, rồi đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ, tiến tới kết

hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, binh vận, địch vận, tiến lên phát động quần chúng vũ trang tự vệ. Khác với những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đấu tranh vũ trang trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ là từ bảo vệ cán bộ, bảo vệ lực lượng cách mạng tiến lên đóng vai trò xung kích trong phong trào nổi dậy, giành quyền làm chủ của nhân dân, tạo lập vùng giải phóng.

Việc chỉ đạo duy trì và phát triển phong trào, kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh đã tạo điều kiện phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân. Ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc có truyền thống đoàn kết, yêu nước nhưng trình độ phát triển và điều kiện sinh hoạt khác nhau. Đảng bộ Liên khu đã vận dụng linh hoạt các phương thức vận động phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, kết hợp đấu tranh chính trị với công tác dân vận, binh vận và xây dựng căn cứ. Điều này giúp phong trào kháng chiến không bị cô lập mà ngày càng lan rộng trong nhân dân, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc.

Việc chỉ đạo kết hợp các hình thức đấu tranh giúp thích ứng, linh hoạt với sự biến động của tình hình chiến trường và âm mưu thủ đoạn của địch. Trong từng thời điểm, khi địch tăng cường khủng bố, phong trào chuyển sang hoạt động bí mật, phân tán lực lượng để bảo toàn cơ sở; khi có điều kiện thuận lợi thì đẩy mạnh đấu tranh chính trị hoặc kết hợp đấu tranh vũ trang nhằm mở rộng ảnh hưởng cách mạng. Chính sự linh hoạt này đã giúp phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên duy trì được tính liên tục, tránh rơi vào thế bị động trước các chiến dịch càn quét và bình định của đối phương.

Việc chỉ đạo kết hợp linh hoạt các hình thức đấu tranh giúp bảo toàn và duy trì lực lượng cách mạng trong điều kiện so sánh lực lượng bất lợi. Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, lực lượng vũ trang ở nhiều nơi phải tập kết hoặc rút vào hoạt động bí mật, cơ sở cách mạng bị địch khủng bố gắt gao. Nếu chỉ tuyệt đối hóa đấu tranh vũ trang sẽ dễ dẫn đến tổn thất lớn, phong trào có nguy cơ tan rã. Đảng bộ Liên khu V đã chuyển hướng kịp thời sang

đấu tranh chính trị, giữ gìn cơ sở bí mật, xây dựng lực lượng quần chúng, kết hợp tuyên truyền, vận động nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống bắt lính, chống đồn dân lập ấp. Nhờ đó, lực lượng cách mạng từng bước được củng cố, tạo nền tảng để phát triển phong trào về sau. Cùng với đó, việc chỉ đạo kết hợp giữa đấu tranh quân sự với công tác binh vận đã góp phần làm suy yếu hàng ngũ địch từ bên trong. Đảng bộ Liên khu V chú trọng vận động binh lính, tranh thủ những người bị ép buộc đi lính, kết hợp tuyên truyền với tác động thực tiễn từ phong trào đấu tranh của nhân dân, không chỉ hạn chế khả năng đàn áp của chính quyền Sài Gòn ở cơ sở mà còn tạo điều kiện cho cách mạng mở rộng ảnh hưởng trong vùng tạm chiếm.

Thực tiễn cho thấy, sự kết hợp này giúp phong trào kháng chiến không rơi vào trạng thái đơn điệu, bị động, mà luôn duy trì được thế tồn tại và khả năng thích ứng trước các biện pháp đàn áp, càn quét của địch. Việc xác định trọng tâm đấu tranh phù hợp trong từng thời kỳ đã tạo điều kiện để lực lượng cách mạng vừa được bảo toàn, vừa từng bước mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng, nhất là ở những địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sự phối hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận đã tạo nên thế hỗ trợ lẫn nhau, vừa giữ được phong trào, vừa từng bước tạo thế và lực cho cách mạng phát triển.

Ngoài chỉ đạo thực hiện đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai (1949 - 1954); chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn (1954 - 1961), Đảng bộ Liên khu V còn tích cực chỉ đạo nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thực hiện nhiệm vụ của vùng căn cứ. Đó là thực hiện trọng trách bảo đảm và giúp đỡ nhiều cơ quan lãnh đạo, chỉ huy của Liên khu, của các tỉnh ủy, ủy ban kháng chiến - hành chính các tỉnh đứng chân an toàn và duy trì hoạt động liên tục; cung cấp nhân lực, vật lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; bảo đảm an toàn cho một bộ phận cán bộ của Liên khu V, góp phần để Đảng bộ Liên khu giảm thiểu tổn thất, giữ gìn lực lượng trong bối cảnh địch tiến hành chính sách khủng bố tàn bạo những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Có thể thấy, sự chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V trong xây dựng tiềm lực và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 là toàn diện, đồng thời, xác định đúng nhiệm vụ trung tâm, cấp bách để thực hiện đáp ứng với yêu cầu của từng giai đoạn. Trong xây dựng thực lực kháng chiến, nếu như kháng chiến chống Pháp, xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa được chú trọng trước để đáp ứng yêu cầu cấp bách là đẩy mạnh tấn công địch trên chiến trường Tây Nguyên, phối hợp với chiến trường toàn quốc, thì ở thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng và quần chúng được chú trọng trước tiên để đáp ứng yêu cầu giữ gìn lực lượng, đấu tranh hòa bình đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ. Trong phát huy vai trò của phong trào kháng chiến, nếu như trong kháng chiến chống Pháp, đấu tranh vũ trang, tác chiến tấn công địch là trọng tâm, đồng thời với huy động sức người, sức của theo khả năng để phục vụ sự nghiệp kháng chiến, thì ở thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phát động đấu tranh hòa bình và giữ gìn lực lượng cách mạng, bảo vệ cán bộ, đảng viên lại đi trước, tiếp đến mới kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, vận động quần chúng vũ trang nổi dậy giành quyền làm chủ...

Ba là, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được củng cố và phát triển, đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp kháng chiến ở Liên khu V và cả nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, phong trào kháng chiến ở địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, được liên tục củng cố và phát triển.

Những chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo chủ động, linh hoạt của Đảng bộ Liên khu V, Liên khu ủy, các cấp ủy địa phương đã duy trì và phát triển liên tục các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, khối đoàn kết nhân dân các

dân tộc trên địa bàn; mặc dù bị thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai liên tục đánh phá bằng những âm mưu và hành động thâm độc, qui mô, tàn bạo và kéo dài. Các chi bộ Đảng được thành lập và từng bước mở rộng, củng cố tại hầu hết các địa phương, hoặc hoạt động công khai hay hoạt động bí mật và phân tán, đều luôn giữ vai trò nòng cốt, và là hạt nhân lãnh đạo mọi mặt. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng, đặc biệt là trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Tháng 03-1949, thời điểm Đảng bộ thành lập, toàn Liên khu có 16.000 đảng viên, trong đó có 50 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Đến giữa năm 1961, toàn Đảng bộ Liên khu có 5.806 đảng viên, trong đó, khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có 5.100 người [164, tr. 56]. Những con số trên cho thấy tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng ở khu vực đối với Đảng bộ Liên khu.

Với những chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo chủ động, linh hoạt đó đã đưa đến sự ra đời và phát triển của các đoàn thể quần chúng thu hút đông đảo nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số đã trụ vững trước những đợt càn quét của địch. Các hình thức tổ chức của Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng hoạt động đến tận thôn, bản, làng cùng các đoàn thể phát huy vai trò là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, là lực lượng tổ chức, động viên nhân dân tham gia sản xuất, kháng chiến, bảo vệ làng xóm và giữ vững vùng căn cứ. Nét nổi bật là, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu, càng khó khăn, khối đoàn kết các dân tộc càng vững mạnh, các tổ chức quần chúng càng nảy nở. Đầu năm 1957, ở Tây Nguyên, lực lượng nòng cốt trong quần chúng vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển nhanh; trong 600 làng của người dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum, có 520 làng xây dựng được cốt cán trong quần chúng; trong tổng số 1.001 làng của tỉnh Gia Lai, có 911 làng xây tổ chức được cơ sở cách mạng; trong tổng số 600 làng của tỉnh Đắk Lắk, cơ sở kháng chiến xuất hiện ở 400 làng. Có nơi nhân dân nắm được một số binh lính, sĩ quan, đồn trưởng, quận trưởng người thiểu số. Đó là sự ra đời và phát triển của các đoàn thể quần chúng, tạo nên một nền tảng chính trị vững chắc cho sự nghiệp kháng chiến.

Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ đã dẫn đến sự ra đời và phát triển không ngừng của lực lượng vũ trang và các căn cứ địa kháng chiến. Thực tiễn cho thấy, lực lượng vũ trang và nửa vũ trang được xây dựng ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong những năm 1949 - 1961, tuy nhịp độ, hình thức và qui mô tổ chức chịu sự chi phối của nhiều nhân tố, điều kiện khác nhau, nhưng nhìn chung là liên tục lớn mạnh. Đến năm 1959, ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ đã có các đội vũ trang tập trung cấp tỉnh, biên chế thành các đơn vị, mỗi đơn vị có từ 30 đến 50 chiến sĩ; đến năm 1960, lực lượng vũ trang quần chúng ở miền núi có khoảng 3.000 người. Lực lượng vũ trang tại chỗ không chỉ làm nòng cốt cho nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, hỗ trợ quần chúng đấu tranh, mà còn tham gia tấn công địch, góp phần làm nên những chiến thắng trên chiến trường Tây Nguyên trong Đông Xuân 1953 - 1954 và là lực lượng xung kích cho phong trào nổi dậy của nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên diễn ra sôi nổi, rầm rộ những năm 1959 - 1961.

Thực tiễn cũng cho thấy, thông qua việc xây dựng và giữ vững các căn cứ ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ Liên khu V đã tạo được điều kiện bảo vệ và phát triển cho phong trào kháng chiến trên địa bàn. Căn cứ địa không chỉ là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang, mà còn là trung tâm tổ chức đời sống kinh tế - xã hội, công tác vận động quần chúng và xây dựng tổ chức Đảng; qua đó, tạo nên thế trận kháng chiến tương đối ổn định và bền vững, tạo nền tảng quan trọng, giúp phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đứng vững qua nhiều giai đoạn khó khăn và phát triển.

Dưới sự lãnh đạo Đảng bộ Liên khu V, trực tiếp là các cấp ủy địa phương, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ không chỉ thúc đẩy phong trào đấu tranh ở các huyện đồng bằng ven biển của Liên khu V, mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam. Sự nổi dậy của nhân dân ở Bác Ái (Ninh Thuận) đầu năm 1959, của nhân dân Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8-

1959,..., là cơ sở thực tiễn quan trọng để Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết 15 cũng như quyết định ban hành toàn văn Nghị quyết đến các Đảng bộ miền Nam. Trong cao trào nổi dậy của nhân dân miền Nam, tính đến cuối năm 1960, ở Tây Nguyên và vùng rừng núi miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ, chính quyền cơ sở của địch bị quét sạch, góp phần quan trọng để cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công. “Tính đến cuối năm 1960 (...) Thế trận của địch ở miền Nam bị đảo lộn, từ chỗ tập trung lực lượng ở các tỉnh phía Bắc hô hào “Bắc tiến”, chúng phải dồn về chống đỡ cho cơ sở ở phía Nam và Tây Nguyên” [244, tr.110]. Sự hình thành các vùng giải phóng mang tính liên hoàn ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ, các vùng giải phóng ở Tây Nguyên còn là cơ sở quan trọng để sau đó, hệ thống tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn thông qua mạng lưới các tuyến hành lang và đường nhánh từ Tây Nguyên xuống chiến trường Khu V được vận hành liên thông, bảo đảm cho việc cơ động lực lượng, vận chuyển vũ khí, trang bị và hậu cần, góp phần hình thành và giữ vững thế trận chiến tranh liên hoàn giữa Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ.

Không chỉ có vai trò đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V và cả nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu V và các tỉnh ủy, quân và dân khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn góp phần thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Nhận rõ vai trò và điều kiện thuận lợi của địa bàn trong xây dựng hành lang liên lạc và phối hợp chiến trường Đông Dương, Đảng bộ Liên khu V chỉ đạo củng cố các tuyến giao liên, vận chuyển cán bộ, tài liệu, lương thực và vũ khí qua khu vực Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk nhằm hỗ trợ lực lượng cách mạng ở Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Các lực lượng vũ trang và cán bộ địa phương không chỉ bảo vệ căn cứ trong nước mà còn phối hợp giúp đỡ lực lượng cách mạng Lào và Campuchia xây dựng cơ sở chính trị, huấn luyện cán bộ và giữ vững vùng căn cứ giáp biên. Công tác tuyên truyền tinh thần đoàn kết quốc tế được đẩy mạnh trong cán bộ, đảng viên và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, qua đó củng cố mối quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông

Dương.

Thực tiễn giai đoạn 1954 - 1961 phong trào kháng chiến và địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đóng có vai trò quan trọng trong tạo thế liên hoàn chiến lược giữa các chiến trường Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, có đường lối, chủ trương kháng chiến đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương kháng chiến đúng đắn và sáng tạo, định hướng, chỉ rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp đấu tranh để quân và dân cả nước phấn đấu thực hiện sự nghiệp kháng chiến và gặt hái những thắng lợi to lớn. Đường lối, chủ trương của Đảng là căn cứ quan trọng nhất để Đảng bộ Liên khu V vận dụng vào thực tiễn địa phương, đề ra những chủ trương và biện pháp chỉ đạo phù hợp với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Quá trình hoạt động và lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Liên khu V nói chung và ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng, Đảng bộ Liên khu V còn nhận được những chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên cạnh những chỉ đạo, giúp đỡ, động viên, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn kịp thời phát hiện, chỉ đạo Đảng bộ Liên khu V khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, thậm chí là sai lầm trong nhận thức, xây dựng chủ trương cũng như trong chỉ đạo thực tiễn phong trào kháng chiến. Đường lối, chủ trương kháng chiến đúng đắn và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng là nhân tố rất quan trọng để Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có nhiều ưu điểm và đạt nhiều thành tựu.

Thứ hai, nhân dân các dân tộc khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có tinh thần yêu nước, đoàn kết và quyết tâm theo Đảng, chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Nhân dân các dân tộc sinh sống tại đây từ lâu đời, có truyền thống yêu nước, đoàn kết gắn bó, cần cù trong lao động, dũng cảm trong đấu tranh. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai, nhân dân Nam Trung Bộ, đặc biệt là đồng bào các dân tộc khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã biểu thị rõ tinh thần “quyết không trở lại đời nô lệ”, đã anh dũng chiến đấu chống quân Pháp xâm lược. Tinh thần đoàn kết gắn bó của nhân dân các dân tộc đã in đậm dấu vết ở các làng xã, các cơ quan, đoàn thể và các đơn vị chiến đấu. Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ - Diệm, khi đối diện với chính sách tàn bạo của chính quyền Sài Gòn, nhân dân khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ngày càng nhận rõ bộ mặt phát xít của chính quyền Sài Gòn, nên lòng căm thù địch ngày càng dâng cao. Nhân dân thấu hiểu giá trị của độc lập, tự do, khao khát hoà bình, thống nhất đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đứng lên đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương hoà bình, thống nhất đất nước; không cam chịu để địch thẳng tay đàn áp, khủng bố. Sự ủng hộ của nhân dân là điều kiện cơ bản để các cấp bộ Đảng, đảng viên thực hiện tốt vai trò lãnh đạo đối với phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Thứ ba, Đảng bộ Liên khu V đã xác định việc lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là một nhiệm vụ trọng tâm và tập trung chỉ đạo toàn Liên khu thực hiện.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ lãnh đạo một địa bàn Liên khu V rộng lớn, có tổng diện tích đất liền bằng 1/3 diện tích cả nước, bao gồm nhiều khu vực không gian địa lý có những đặc điểm kinh tế, xã hội và vị trí địa chiến lược khác nhau, gồm vùng đồng bằng ven biển, vùng bán sơn địa, vùng núi phía Tây, vùng Tây Nguyên,... sau khi thành lập và trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Liên khu V đã chủ trương xây dựng và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến ở khu vực một cách đúng đắn, phù hợp, có hiệu quả cao. Trong đó, miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên,

được xác định là một địa bàn có tầm quan trọng chiến lược về nhiều mặt: chính trị, quân sự...; việc xây dựng và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến nơi đây có tác động trực tiếp đến phong trào kháng chiến ở Liên khu V, đối với chiến trường toàn quốc cũng như sự nghiệp đấu tranh của cách mạng ba nước trên bán đảo Đông Dương.

Thư tư, Đảng bộ đã kế thừa kinh nghiệm, phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo của Đảng bộ Liên khu, các cấp ủy địa phương, và của toàn thể cán bộ, đảng viên.

Đảng bộ Liên khu V đã thể hiện khả năng thích ứng với từng tình huống cụ thể của chiến trường, linh hoạt điều chỉnh các biện pháp và phương pháp lãnh đạo, hướng đến việc tối ưu hóa hiệu quả lãnh đạo cuộc kháng chiến. Đặc biệt, chú trọng bảo vệ tổ chức, cơ sở đảng, bảo vệ cán bộ, giữ vững sự đoàn kết nhất trí, sự tin tưởng và quyết tâm cao độ, tinh thần kiên cường, bất khuất, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của cán bộ đảng viên, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong hoàn cảnh địch khủng bố và có nhiều khó khăn, thử thách to lớn.

Các cấp ủy, cán bộ, đảng viên tại các tỉnh đã kế thừa được kinh nghiệm từ thực tiễn đấu tranh trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc và giai đoạn đầu kháng chiến chống thực dân Pháp; tập trung lãnh đạo những nhiệm vụ quan trọng, phù hợp với miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đồng thời, kiên trì khôi phục và gây dựng những cơ sở chính trị từ các tỉnh, huyện và cơ sở của khu vực, biến nhiều vùng rộng lớn sau lưng địch thành tiền phương hoạt động của ta. Trên cơ sở phong trào đấu tranh chính trị ngày một mở rộng và phát triển, phong trào chiến tranh du kích ngày một trưởng thành [73, tr.150]. Đi đôi với lãnh đạo công tác gây dựng cơ sở, Đảng bộ Liên khu V đã quan tâm đến nhiệm vụ xây dựng các mặt chính trị, kinh tế và văn hóa - xã hội nhằm bồi dưỡng sức dân, giảm bớt khó khăn trong đời sống nhân dân, nhằm xây dựng một hậu phương trực tiếp vững chắc cho phong trào kháng chiến. Đồng thời, luôn quan tâm đến việc huy động quần chúng tham gia vào kháng chiến, đề cao vai trò của quần chúng trong sự

nghiệp cách mạng là một trong những nhân tố tạo nên thành công trong lãnh đạo phong trào kháng chiến. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Liên khu V, các cấp ủy địa phương đã nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, khắc phục việc giáo điều, rập khuôn, đồng thời tạo ra khả năng thích ứng trước những biến động phức tạp của tình hình chiến tranh.

4.1.2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

4.1.2.1. Những hạn chế, khuyết điểm

Bên cạnh những ưu điểm và thành quả đạt được, sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 cũng bộc lộ nhiều hạn chế, khuyết điểm.

Thứ nhất, việc quán triệt và vận dụng chủ trương của Trung ương có thời điểm còn thiếu linh hoạt.

Việc vận dụng đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng trong lãnh đạo phong trào kháng chiến của Đảng bộ Liên khu V nói chung, ở khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng có những thời điểm còn thiếu linh hoạt, chưa thật sát với tình hình thực tiễn; một số nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Liên khu ủy và các cấp ủy địa phương đề ra có thời điểm chưa thực sự sát đúng với phong trào; có lúc còn thiếu sự thông suốt trong nhận thức nhiệm vụ.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù Đại hội Đảng bộ Liên khu (tháng 3-1949) đã chủ trương chú trọng địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nhưng sự chuyển biến trong nhận thức và chủ trương của một bộ phận cấp ủy chưa thật sự khẩn trương, chưa đi sâu nghiên cứu tình hình cụ thể, dẫn đến những khuyết điểm trong vận động xây dựng đời sống mới, trong giải quyết những vấn đề về lợi ích nảy sinh trong quan hệ giữa người từ địa phương khác đến với đồng bào tại chỗ.... Tình hình trên đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hệ lụy, như cuộc nổi loạn diễn ra ở Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long (Quảng Ngãi) năm 1950. Việc vận dụng chủ trương của Đảng trong “*tổng động viên về nhân tài, vật lực*” còn

nhận thức chưa sát, cho rằng, cuối năm 1950, sẽ chuyển sang tổng phản công nên đã chủ trương động viên cao độ nhân tài, vật lực, coi nhẹ bồi dưỡng sức dân, trái với quan điểm kháng chiến lâu dài. Việc huy động “quỹ chuyển mạnh sang tổng phản công” đã gây thiệt hại lớn về nhiều mặt: do mức huy động quá cao, nhiều người phải nộp cả tư liệu sản xuất (ruộng đất, trâu, bò cày), nhưng ruộng đất giao nộp lại bỏ hoang; đồ dùng dễ hư hỏng; một số nông dân lao động mất một phần cơ sở sản xuất. Dẫn đến tình hình các mặt của cán bộ, người dân gặp nhiều khó khăn: sản xuất sụt, giá cả tăng vọt, quần chúng kém phấn khởi, một số tiêu cực nảy sinh [185, tr.150].

Trong những năm sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, khi đối phương đã sử dụng vũ lực, thực hiện các chính sách đàn áp khốc liệt, tàn bạo, song, trong thời gian đầu, Đảng bộ Liên khu V, các cấp ủy địa phương chưa nhận thức hết âm mưu, thủ đoạn và sức mạnh, tiềm lực của địch; còn luận giải một chiều đường lối, chủ trương của Đảng là hòa bình, là tổng tuyển cử, nên không giải tỏa được những thắc mắc trong Đảng và ngoài nhân dân về đường lối đấu tranh cách mạng, làm ảnh hưởng đến tư tưởng quyết tâm cách mạng, ảnh hưởng đến các mặt công tác. Đảng bộ cũng lúng túng trong xác định phương thức đấu tranh phù hợp; việc giữ gìn lực lượng có khuynh hướng co thủ một chiều, dẫn đến phong trào có lúc bị tổn thất, gián đoạn hoặc phát triển chưa đồng đều giữa các địa bàn. Khi nhận định về công tác lãnh đạo phong trào kháng chiến từ năm 1954 đến năm 1958, Đảng bộ Liên khu V nhìn nhận:

Từ năm 1956 về trước, phát động đấu tranh chính trị đòi hiệp thương là đúng nhưng lại nôn nóng dốc lực lượng ra đấu tranh dễ buộc địch nhượng bộ, coi nhẹ bảo tồn lực lượng, coi nhẹ đấu tranh dân sinh dân chủ, khi địch trắng trợn phá hoại thì thiếu tin khả năng đấu tranh của quần chúng. Lúc đầu chủ quan đơn giản, chậm khắc phục những nhược điểm của phong trào, sau gặp khó khăn, thì sao xuyên giao động (...) Do có phần xem nhẹ công tác Thượng du lại áp dụng phương châm hoạt động khuôn rập theo Trung Châu nên có phần hạn chế khả năng phát triển của phong trào” [51, tr.6-7].

Những hạn chế trong chủ trương đã được Đảng bộ nhận thức và khắc phục, đề ra những phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ đúng đắn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đưa phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đi đến thắng lợi.

Thứ hai, việc chỉ đạo xây dựng thực lực kháng chiến cũng có những hạn chế, khuyết điểm.

Chỉ đạo của các cấp ủy trong xây dựng, củng cố cơ sở và lực lượng chính trị, có lúc, có nơi xu hướng chủ yếu là tập trung cho việc hoạt động từng đợt; một số cấp ủy thiếu tinh thần chủ động, xem nhẹ vấn đề vận động quần chúng đấu tranh và tổ chức lực lượng chính trị. Công tác xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tuy đạt nhiều kết quả nhưng vẫn còn hạn chế về chiều sâu. Một số nơi chưa thực sự phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín; việc tuyên truyền, vận động quần chúng đôi khi còn mang tính hành chính, chưa thật sự phù hợp với phong tục, tập quán và đặc điểm văn hóa của từng dân tộc, làm cho hiệu quả tập hợp lực lượng chưa đồng đều.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đội ngũ cán bộ, đảng viên chuyên trách công tác vận động quần chúng còn thiếu về số lượng nên có thời điểm chưa đoàn kết, tập hợp được rộng rãi quần chúng. Một số cán bộ còn quan liêu, mệnh lệnh, áp đặt, nên không nhận được sự đồng tình của nhân dân, điển hình như vụ miền núi Sơn Hà (Quảng Ngãi), dẫn đến một số ít “già làng” bị ảnh hưởng đến quyền lợi, đã tuyên truyền lôi kéo quần chúng chống chính quyền. Khi cuộc bạo loạn xảy ra, việc xử lý thời gian đầu không căn cứ vào tình hình cụ thể để nhận diện rõ những ai bị lầm lạc, ai là phản động, ngoan cố, do đó “không có chính sách đối phó rành mạch, sát hợp với từng đối tượng” [48, tr.9], dẫn đến vụ việc bị kéo dài.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trước các hoạt động gián điệp, chỉ điểm, chiến tranh tâm lý và các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt

cộng” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, một bộ phận cấp ủy, cán bộ, đảng viên không nắm chắc tình hình thực tiễn tại địa phương, xa dân, chậm tiếp thu những ý kiến từ cơ sở; công tác bảo vệ cơ sở, giữ gìn bí mật cách mạng ở một số nơi chưa chặt chẽ, dẫn đến tổn thất nặng, ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng cũng như phong trào kháng chiến của miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Việc xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng các căn cứ kháng chiến cũng có hạn chế, như trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ chưa thật sự chủ động, chưa đáp ứng yêu cầu bức bách của thực tiễn.

Thứ ba, việc chỉ đạo kết hợp các hình thức đấu tranh có thời điểm chưa phù hợp; xác định trọng tâm đấu tranh có lúc chưa theo kịp diễn biến thực tiễn.

Trong quá trình chỉ đạo phong trào kháng chiến ở cả hai giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mặc dù đã nhận thức rõ mối quan hệ giữa xây dựng thực lực kháng chiến với phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, thông qua việc kết hợp giữa xây dựng và bồi dưỡng lực lượng cách mạng, gây cơ sở chính trị, và phát động đấu tranh vũ trang, tác chiến đánh địch, nhưng việc gắn kết nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu liên quan mật thiết còn bị hạn chế.

Việc chỉ đạo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận ở một số thời điểm, tại một số địa phương chưa thật sự chặt chẽ, thiếu kết hợp giữa tác chiến của lực lượng vũ trang với gây dựng, củng cố cơ sở kháng chiến. Có nơi, do hoạt động tác chiến của bộ đội, cơ sở cách mạng phát triển nhanh nhưng thiếu vững chắc, lực lượng vũ trang tại chỗ không tăng cường, củng cố để đủ khả năng chặn địch, nên sau khi kết thúc chiến dịch, lực lượng chủ lực của Liên khu rút đi, địch tấn công để chiếm lại địa bàn, phong trào kháng chiến gặp nhiều khó khăn và tổn thất. Những năm 1954 - 1957, trong chỉ đạo còn biểu hiện thiếu nhất quán trong chỉ đạo, thiếu sự thống nhất trong

đấu tranh giữa một số địa phương; hoặc quá nhấn mạnh đấu tranh chính trị trong khi điều kiện thực tiễn đòi hỏi phải kết hợp mạnh mẽ hơn với đấu tranh vũ trang; ngược lại, có nơi nóng vội trong sử dụng lực lượng vũ trang khi cơ sở chính trị chưa đủ vững chắc, làm ảnh hưởng đến việc bảo toàn lực lượng và duy trì phong trào lâu dài.

Việc xác định đúng trọng tâm đấu tranh trong một số giai đoạn có lúc chưa theo kịp diễn biến thực tiễn. Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ và chính quyền tay sai, khi địch tăng cường càn quét, cướp bóc nặng nề, quần chúng khắp nơi đều phản ứng mạnh, tạo ra khả năng đưa đến phong trào đấu tranh lan rộng, nhưng trong chỉ đạo của Đảng bộ Liên khu lại theo hướng “co lại”, hạn chế phong trào đấu tranh của quần chúng.

Trong chỉ đạo thực tiễn, có lúc còn biểu hiện chủ quan, nóng vội hoặc thiếu kịp thời trong đánh giá tình hình. Một số chủ trương chưa sát với tương quan lực lượng thực tế, dẫn đến tổn thất lực lượng hoặc chưa phát huy hết tiềm năng của phong trào quần chúng. Việc tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm ở một số thời điểm còn chậm, làm hạn chế khả năng điều chỉnh phương thức đấu tranh phù hợp với diễn biến chiến trường.

Việc đảm bảo hậu cần, liên lạc và phối hợp giữa các địa bàn miền núi, trung du và đồng bằng có lúc chỉ đạo chưa kịp thời, khả năng chi viện giữa các khu vực còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chủ trương của Đảng bộ Liên khu V.

Thứ tư, công tác xây dựng Đảng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng bộ cũng bộc lộ những hạn chế.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến, Đảng bộ Liên khu V đã không ngừng xây dựng các tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên ngang tầm với sự phát triển của cuộc kháng chiến, kịp thời lãnh đạo chiến tranh du kích, đáp ứng tình hình trên địa bàn. Tuy nhiên, do điều kiện chiến tranh, nhiều cán bộ còn thiếu kinh nghiệm lãnh đạo, nhất là ở vùng sâu, vùng căn cứ, vùng dân tộc thiểu số trình độ lý luận và năng lực tổ chức thực tiễn còn

hạn chế, công tác phối hợp giữa các địa phương có nhiều lúc chưa chặt chẽ, còn nóng vội trong chỉ đạo xây dựng tổ chức Đảng. Công tác củng cố đảng về chính trị, tư tưởng còn một số hạn chế, khuyết điểm. Trong khi cơ sở đảng khá rộng, số đảng viên đông, song một số tổ chức Đảng không mạnh, có những thời điểm địch càn quét, khủng bố, một số đảng viên đã bỏ quần chúng hoặc nằm im không dám hoạt động.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp ở khu vực, hạn chế lớn nhất là thực hiện chủ trương “thi đua phát triển Đảng”, dẫn đến tình trạng “phát triển đảng ồ ạt”, khiến tình hình tư tưởng đảng viên trong Đảng bộ Liên khu thêm phức tạp; công tác “Chỉnh Đảng”, “Chỉnh huấn” còn có biểu hiện nôn nóng, không phù hợp; nhận thức còn cứng nhắc trước những “khuyết điểm” trong công tác phát triển đảng viên. Việc củng cố, bảo vệ tổ chức đảng còn hạn chế, khuyết điểm, nhất là không kết hợp phát động phong trào đấu tranh phù hợp với công tác xây dựng, củng cố, bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ, đảng viên; thiếu tính chủ động, nặng về đối phó. Tình trạng thiếu cán bộ người dân tộc thiểu số, thiếu cán bộ có kinh nghiệm hoạt động bí mật diễn ra khá phổ biến, ảnh hưởng đến khả năng lãnh đạo và bám dân, bám địa bàn của tổ chức đảng. Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, việc thực hiện chủ trương của Đảng về chuyển hướng tổ chức, chuyển hướng hoạt động mắc khuyết điểm “không kịp thời sắp xếp, ổn định tổ chức cho nên đến ngày tập kết cuối cùng, tổ chức chỉ đạo ở khu, tỉnh, huyện nhiều nơi vẫn còn chấp vá, tạm bợ, nặng bám tổ chức cũ, cơ sở cũ, không phát hiện xây dựng cơ sở mới” [53, tr.7]. Do đó, khi đối diện với sự khủng bố tàn bạo của địch, hệ thống tổ chức đảng, nhất là ở cấp cơ sở bị đánh phá nặng nề, số lượng đảng viên tổn thất nhiều.

Do ảnh hưởng của tư tưởng hữu khuynh, tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, nên một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức đường lối chung chưa thấu đáo, có tình trạng dao động, thiếu kiên định, ngại hy sinh gian khổ, trông chờ, ỷ lại; thậm chí đầu thú. Việc vận dụng kết hợp phương châm bí mật và công khai,

bán công khai chưa tốt, do đó, có hạn chế khả năng tập hợp lực lượng, mở rộng phong trào. Công tác tổ chức và lãnh đạo của các cấp ủy địa phương và cán bộ nhiều nơi còn non, ảnh hưởng đến đoàn kết nhất trí nội bộ [56, tr.7].

4.1.2.2. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm

Những hạn chế, khuyết điểm của Đảng bộ Liên khu V trong lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên do những nguyên nhân chính sau đây:

Một là, âm mưu và thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tay sai đối với Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ.

Cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng tay sai của chúng đều coi Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ là một địa bàn chiến lược quan trọng về quân sự, về chính trị, do đó, đã tập trung lực lượng để chiếm đóng, bình định, kiểm soát, dồn dân, lập ấp với nhiều thủ đoạn thâm độc và tàn bạo. Đặc biệt, sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đẩy mạnh các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”, dồn dân lập ấp, sử dụng lực lượng quân sự, cảnh sát, gián điệp để truy quét cơ sở cách mạng. Điều này khiến nhiều cơ sở đảng bị phá vỡ, cán bộ, đảng viên bị bắt, hy sinh hoặc phải hoạt động bí mật trong điều kiện hết sức khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực lãnh đạo và tổ chức phong trào kháng chiến. Âm mưu và thủ đoạn xâm lược của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và tay sai đã gây ra những khó khăn, thách thức to lớn đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961.

Hai là, miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là địa bàn rộng lớn, địa hình phức tạp; dân cư phân tán; điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; đa dạng ngôn ngữ, một số tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số lạc hậu.

Đặc điểm địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên rộng lớn, điều kiện địa hình hiểm trở, chia cắt giao thông cách trở

vừa là một thuận lợi cho chiến tranh du kích, giữ gìn lực lượng, song cũng là nguyên nhân gây nên những khó khăn trong việc Đảng bộ Liên khu và các cấp ủy lãnh đạo đảm bảo hậu cần, liên lạc cũng như phối hợp giữa các địa bàn miền núi, trung du và đồng bằng... Tình hình trên, cùng với sự bao vây, phong tỏa của địch khiến cho việc chỉ đạo thống nhất có lúc chưa kịp thời, khả năng chi viện giữa các khu vực còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chủ trương của Đảng bộ Liên khu V.

Địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên rộng lớn là vùng đa dân tộc, nhiều tôn giáo. Tuyệt đại đa số đồng bào các dân tộc nơi đây có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin và theo Đảng làm cách mạng, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến. Tuy nhiên, đời sống kinh tế - xã hội còn nghèo nàn, lạc hậu; còn nhiều tập tục truyền thống không phù hợp. Trong khi đó, thực dân Pháp và sau là đế quốc Mỹ đã triệt để thực hiện việc chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây ra những vụ xung đột giữa các cộng đồng dân cư, gây nhiều khó khăn cho các cấp ủy trong lãnh đạo phong trào kháng chiến.

Ba là, Chủ trương và sự chi viện từ Trung ương cho chiến trường Liên khu V còn hạn chế

Đường lối, chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác tổ chức và hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V. Tuy nhiên, trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chủ trương của Đảng cũng có những bất cập trong phương thức đấu tranh. Kết luận của Bộ Chính trị (khóa VII), ngày 25-5-1994, về tổng kết Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước viết: Đảng “có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân” [245, tr.154]. Là một cấp bộ Đảng đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Trung ương,

Đảng bộ Liên Khu V đã chấp hành những chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, dẫn đến những hạn chế trong xác định chủ trương và chỉ đạo phong trào đấu tranh những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Mặt khác, do hoàn cảnh chiến tranh, sự chi viện về cán bộ, lực lượng, các nguồn lực kháng chiến từ Trung ương đến Liên khu V cũng còn khó khăn.

Bốn là, công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống cơ sở cách mạng ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế; việc phát huy vai trò lãnh đạo có lúc chưa đáp ứng yêu cầu.

Do những nỗ lực của Đảng bộ, cơ sở Đảng và đoàn thể ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được xây dựng và có phát triển, nhưng còn thấp so với yêu cầu lãnh đạo. Một bộ phận cán bộ từ các huyện đồng bằng lên không nắm được phong tục tập quán của đồng bào nên khó khăn và thậm chí có người mắc khuyết điểm trong hoạt động. Năng lực lãnh đạo và trình độ cán bộ tại chỗ không đồng đều, nhất là ở cơ sở. Đội ngũ cán bộ ở vùng sâu, vùng xa phần lớn hoạt động trong điều kiện bí mật, thiếu điều kiện học tập, bồi dưỡng nên trình độ lý luận và năng lực tổ chức thực tiễn chưa đồng đều. Việc thiếu cán bộ người dân tộc thiểu số am hiểu phong tục, ngôn ngữ địa phương làm giảm hiệu quả công tác dân vận và xây dựng cơ sở chính trị ở một số địa bàn. Công tác kiểm tra, đôn đốc và tổng kết thực tiễn có lúc chưa được tiến hành thường xuyên, làm cho một số thiếu sót chậm được phát hiện và khắc phục.

Công tác xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, việc giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức đường lối, chủ trương không chặt chẽ và triệt để, chưa quan tâm đúng mức xây dựng tổ chức quần chúng, nên đấu tranh chưa đạt hiệu quả cao nhất. Số chi bộ được củng cố còn ít, nhiều chi bộ sinh hoạt còn lỏng lẻo, tư tưởng và tổ chức chưa chặt chẽ, dẫn đến xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực và trì trệ trong các đảng viên. Công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số tuy đạt nhiều kết quả nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định về phương thức tuyên truyền, xây dựng lực lượng nòng cốt và đào tạo cán bộ

người địa phương. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo phong trào ở một số địa bàn chiến lược.

Sự chỉ đạo đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có lúc còn bị động, chưa kịp thời; “năng lực của một số cán bộ còn hạn chế, nhất là trong vùng bị chiếm, không quan niệm hết trách nhiệm lãnh đạo nhân dân chiến tranh, không xây dựng căn cứ trong nhân dân; công tác phối hợp tác chiến với gây dựng cơ sở nhân dân, việc nâng đỡ dân quân, bộ đội địa phương còn kém” [18]. Việc chuyển hướng từ đấu tranh quân sự sang chủ yếu đấu tranh chính trị sau năm 1954, Đảng bộ Liên khu V và các cấp bộ Đảng không xuất phát từ tình hình cụ thể để kịp thời có chủ trương đưa phong trào kháng chiến tiến lên, mà lại e ngại, sợ làm trái với chủ trương, phương châm đã vạch ra từ trước. Do hạn chế trong nhận thức và vận dụng chủ trương của Trung ương vào điều kiện cụ thể của chiến trường miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nên một số cấp ủy và cán bộ địa phương lúng túng hoặc thiếu linh hoạt trong lựa chọn hình thức đấu tranh phù hợp. “Trong khi kẻ thù liên tục tăng cường các hoạt động đàn áp, khủng bố và bình định nhằm tiêu diệt phong trào kháng chiến, cấp ủy Đảng không kiên quyết phát động quần chúng dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của địch” [119, tr.79-80]. Sai lầm đó dẫn đến những tổn thất về cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng trung kiên.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.2.1. Nắm vững và vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối của Đảng vào thực tiễn phong trào kháng chiến và phù hợp đặc điểm của địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Không gian địa chiến lược của miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có ý nghĩa rất quan trọng về quân sự, chính trị trong chiến tranh giữ nước, nhưng lợi thế chiến lược của địa bàn chỉ được tăng cường và phát huy khi phong trào kháng chiến được tổ chức và được đặt dưới sự lãnh

đạo của Đảng mà trực tiếp là Đảng bộ Liên khu V. Những thành quả của phong trào kháng chiến của nhân dân miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong giai đoạn từ 1949 đến năm 1961, trước hết, bắt nguồn từ việc Đảng bộ Liên khu V chấp hành và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng.

Nắm vững đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, là cơ sở bảo đảm cho mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy địa phương ở Liên khu V đi đúng định hướng chiến lược. Việc quán triệt sâu sắc những quan điểm, chủ trương của Đảng giúp các cấp ủy địa phương xác định đúng mục tiêu, phương châm, phương thức xây dựng thực lực và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến; phòng tránh những tư tưởng chủ quan, nóng vội hoặc giáo điều, máy móc, tư tưởng cục bộ, địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Đường lối kháng chiến, kiến quốc, toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính của Đảng và những chỉ đạo của Trung ương Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp; những chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ,... đã được các cấp bộ Đảng ở Liên khu V quán triệt, lĩnh hội và triển khai, thực hiện trong lãnh đạo phong trào kháng chiến đi đến thành công.

Tuy nhiên, hiện thực lịch sử cho thấy, sự đúng đắn của đường lối chiến lược của Đảng chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được Đảng bộ Liên khu V chủ động vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện cụ thể của từng địa bàn. Nói cách khác, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng; nhưng hiệu quả của việc vận dụng và tổ chức thực hiện đường lối đó trong điều kiện cụ thể của từng địa bàn cũng giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là địa bàn có tầm quan trọng chiến lược, có nhiều tiềm năng và thuận lợi để tổ chức phong trào kháng chiến; tuy nhiên, đây cũng khu vực địa hình rừng núi rộng lớn, dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, trình độ kinh tế- xã hội còn nhiều

khó khăn, còn nhiều hủ tục; là địa bàn mà kẻ thù tập trung đánh phá quyết liệt nhằm thực hiện âm mưu giành dân, chiếm đất. Năm vững đặc điểm và tình hình khu vực, để tổ chức và phát huy phong trào kháng chiến trên địa bàn này, trong quá trình lãnh đạo, Liên khu ủy V, các cấp ủy trực thuộc luôn bám sát thực tiễn để đề ra các chủ trương và quyết sách phù hợp. Trong xây dựng chủ trương, cũng như chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, các cấp bộ Đảng ở Liên khu V đã không áp dụng một cách cứng nhắc các chủ trương chung mà chủ động lựa chọn hình thức, phương pháp lãnh đạo xây dựng lực lượng kháng chiến, tiến hành các hình thức và qui mô đấu tranh phù hợp, qua đó, phát huy vai trò, sự tác động và sức ảnh hưởng của phong trào kháng chiến trên địa bàn. Việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa được thực hiện trước hết trên cơ sở xây dựng, bảo vệ và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết trong nhân dân các dân tộc, nhất là sự đoàn kết giữa người Kinh và người Thượng, giữa cán bộ người địa phương tại chỗ với lực lượng được hỗ trợ, tăng cường, đấu tranh chống các âm mưu và hành động chia rẽ của địch; kiên trì công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục quần chúng gắn với xây dựng các đoàn thể, chính quyền các cấp; chăm lo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, kịp thời giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ nhân dân... Việc phát động và tổ chức phong trào đấu tranh tiến hành trên cơ sở nhiệm vụ, phương châm chỉ đạo của Đảng, đồng thời, căn cứ vào đặc điểm địa lý, địa hình và tình hình cụ thể để sử dụng các hình thức, mức độ và phương pháp đấu tranh phù hợp sự phát về mặt lực lượng tại chỗ, phát huy được kinh nghiệm và tập quán tự vệ vũ trang của đồng bào. Phong trào đấu tranh ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được tổ chức theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, có lúc, có nơi đấu tranh chính trị đóng vai trò chủ yếu, nhưng xu thế vận động chung là đấu tranh vũ trang giữ vị trí chủ yếu. Đây là đặc điểm nổi bật, khác với hình thức tổ chức lực lượng và phong trào đấu tranh ở vùng ven biển các tỉnh Liên khu V. Việc xây dựng đời sống mới, huy động sức dân phục vụ kháng chiến căn cứ vào tình hình kinh tế

- xã hội và tập quán của đồng bào; không tiến hành nhất loạt và máy móc các chính sách chung; kiên quyết sửa chữa những sai lầm mắc phải trong thực hiện chính sách sát với tình hình kinh tế - xã hội và tập quán của đồng bào.

Sự vận dụng linh hoạt còn được thể hiện ở việc kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ chung của cả nước, của Liên khu với yêu cầu thực tiễn của chiến trường địa phương. Trong mỗi giai đoạn, Đảng bộ Liên khu V luôn xuất phát từ đặc điểm dân cư, địa hình, tương quan lực lượng và âm mưu, thủ đoạn của đối phương để đề ra những chủ trương cụ thể, phù hợp. Nhờ đó, các chủ trương chiến lược của Trung ương được triển khai hiệu quả, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và quần chúng nhân dân ở cơ sở. Điều này phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa chỉ đạo chiến lược và thực tiễn địa phương. Nếu chỉ chú trọng thực hiện mệnh lệnh từ cấp trên mà không tính đến điều kiện cụ thể của địa phương sẽ dẫn đến giáo điều, xa rời thực tiễn. Ngược lại, nếu chỉ quan tâm đến lợi ích, yêu cầu trước mắt của địa phương mà không bám sát định hướng chiến lược chung sẽ dễ dẫn đến cục bộ, thiếu thống nhất trong lãnh đạo. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải vừa kiên định những nguyên tắc cơ bản của đường lối cách mạng, vừa phát huy tính năng động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu chiến lược và giải pháp thực tiễn.

Thực tiễn lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên giai đoạn 1949 - 1961, cho thấy: việc nắm vững đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa bàn là một nhân tố quyết định giúp phong trào kháng chiến nơi đây vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, giữ vững và phát triển thực lực, đạt được nhiều thắng lợi và góp phần vào sự nghiệp kháng chiến nói chung ở Liên khu V và cả nước. Đồng thời, việc Đảng bộ Liên khu V quán triệt, vận dụng, triển khai, thực hiện sáng tạo đường lối của Đảng ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã góp phần chuyển hóa đường lối chiến lược của Đảng thành sức mạnh của phong trào kháng chiến tại một địa bàn chiến

lược. Những kết quả đạt được từ sự vận dụng sáng tạo đường lối kháng chiến của Đảng còn cung cấp những cơ sở thực tiễn, góp phần hoàn thiện đường lối kháng chiến, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. Trên lĩnh vực xây dựng Đảng, việc kết hợp chặt chẽ giữa sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương với tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện ở địa phương đã tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng ở Liên khu V, ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trưởng thành trong nhận thức và khả năng lãnh đạo, kịp thời giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra, đặc biệt trong quá trình chỉ đạo và tổ chức xây dựng thực lực, phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược.

4.2.2. Chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và công tác vận động quần chúng nhân dân, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Thấm nhuần sâu sắc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, dưới ánh sáng đường lối kháng chiến của Đảng, sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Liên khu V đã động viên, tổ chức, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đoàn kết, tham gia kháng chiến, biến toàn khu vực thành một mặt trận, mỗi làng xóm là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ, tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. Nhờ đó, quân và dân nơi đây đã vượt qua những khó khăn thử thách, những nhược điểm ban đầu tưởng chừng không vượt qua được; phong trào kháng chiến đứng vững và phát triển trong những điều kiện vô cùng thiếu thốn, khó khăn trên tất cả các mặt; các đội du kích nhỏ bé trong những ngày đầu đã nhanh chóng phát triển thành ba thứ quân hoàn chỉnh, đủ sức làm nòng cốt cho phong trào kháng chiến toàn dân ngày càng phát triển.

Để thực hiện được toàn dân đoàn kết đánh giặc, Đảng bộ Liên khu V luôn quán triệt tư tưởng, bài học “lấy dân làm gốc”, thường xuyên chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết Kinh - Thượng, mà trước hết là

làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân, coi trọng công tác giáo dục quan điểm quần chúng, chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ, để phục vụ kháng chiến lâu dài. Đảng bộ Liên khu quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm, tâm lý, tập quán của từng dân tộc, từng vùng, có hình thức tổ chức, phương thức vận động phong phú, thích hợp, nhiều tổ chức đoàn thể, các giới thanh niên, phụ nữ, phụ lão; tranh thủ những người thuộc tầng lớp trên, các già làng, các chức sắc tôn giáo, đề cao nhân sĩ yêu nước tiêu biểu có uy tín trong dân tộc với vận động quần chúng lao động. Luôn nhận thức vấn đề đoàn kết dân tộc là yêu cầu tự thân của sự nghiệp cách mạng, là cốt lõi trong chính sách dân tộc của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể xã hội.

Đảng bộ Liên khu V đã không ngừng giáo dục, giác ngộ dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù sâu sắc quân xâm lược, cùng với hàng loạt biện pháp tổ chức về kinh tế, văn hóa, xã hội, trên cơ sở đó, gắn bó mọi thành viên trong Mặt trận dân tộc thống nhất cùng một mục tiêu chung: đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc cũng là đấu tranh vì hòa bình, hạnh phúc của nhân dân. Sự nhất trí về chính trị và tư tưởng, là cơ sở vững chắc của khối đoàn kết toàn dân, là sức mạnh tinh thần của nhân dân đánh giặc.

Một trong những đặc điểm nổi bật của miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là địa bàn cư trú đan xen giữa đồng bào các dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số, với trình độ phát triển kinh tế – xã hội, phong tục, tập quán và đời sống văn hóa có nhiều khác biệt. Vì vậy, vấn đề quan trọng bậc nhất để củng cố khối đoàn kết toàn dân, để thực hiện toàn dân kháng chiến là phải không ngừng mở rộng và củng cố khối đoàn kết các dân tộc. Điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng hơn là, trước âm mưu chia để trị của quân thù, việc củng cố khối đoàn kết các dân tộc không chỉ nhằm củng cố sức mạnh toàn dân chiến đấu, mà còn nhằm đánh bại âm mưu thâm độc của kẻ thù. Với việc thực hiện chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, thực hiện phương châm “kiên trì vận động cách mạng, kết hợp chặt chẽ phát động tư tưởng và giải quyết cụ thể từng bước vấn đề đời sống xã hội”, đồng bào các dân tộc Sê-đăng, Ba-Na, Ja-rai, Ê-đê, M'nông, Ko-ho, Mạ, Chăm, Rắc-lay cùng đồng bào

dân tộc Kinh..., đã đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất, “ngọn lửa chống ngoại xâm bùng lên mãnh liệt khắp núi rừng, buôn rẫy” [119, tr. 268,270].

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ đã biết chú ý phát huy những truyền thống đấu tranh hợp pháp thông qua đấu lý, đấu lẽ mà quần chúng đã quen dùng để chống lại sự bắt xâu, bắt thuế, bắt lính của địch, cũng như những kinh nghiệm cắm chông, cài mang cung, gương bẫy đá... để bảo vệ buôn làng, nương rẫy chống các cuộc càn quét, lùng sục của địch nhằm bảo vệ mình, đồng thời diệt địch. Đảng bộ đã vận dụng những kinh nghiệm đấu tranh chính trị, kinh tế, quân sự, hợp pháp, bất hợp pháp của các phong trào Y Jut, Y Út, N’Trang Long và các phong trào đấu tranh khác phù hợp với trình độ của quần chúng. Trong công tác tổ chức, tuy lúc đầu đã phạm sai lầm là rập khuôn, máy móc như miền xuôi, nhưng sau đó, Đảng bộ Liên khu V đã rút kinh nghiệm dùng những hình thức tổ chức gọn nhẹ, đơn giản, phù hợp với trình độ nhận thức của quần chúng và theo nguyên tắc bí mật của một vùng địch hậu như gắn tổ chức thanh niên với tổ chức dân quân, phụ nữ với hội mẹ chiến sĩ, mặt trận với hội đồng nhân dân v.v..

Xuất phát từ đặc điểm, trình độ sản xuất còn thấp, nền kinh tế còn mang nhiều tính chất tự nhiên, giai cấp xã hội chưa phân hóa rõ, Liên khu ủy đã chú ý tranh thủ những người thuộc lớp trên nên để mở rộng được mặt trận đoàn kết kháng chiến. Tập trung sức giải quyết những nhu cầu cấp bách về đời sống, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân (muối, nông cụ, vải...), trên cơ sở phát huy những khả năng của dân về các lâm thổ sản địa phương và thông qua con đường hợp tác xã mua bán. Thực tiễn đó cho thấy rằng: nắm vững vị trí chiến lược, chăm lo xây dựng, phát triển về mọi mặt đời sống các dân tộc đang sinh sống ở nơi đây, xây dựng thành công khối đoàn kết các dân tộc vững chắc là một nhiệm vụ chính trị hàng đầu, là một nhân tố quan trọng trong việc tổ chức và phát động phong trào toàn dân đánh giặc ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong quá trình lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng bộ Liên khu V đã sớm nhận thức rằng phong trào kháng chiến ở miền núi chỉ có thể đứng vững và phát triển khi dựa chắc vào đồng bào các dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó, Đảng bộ Liên khu đã lãnh đạo triển khai nhiều chủ trương phù hợp với đặc điểm vùng dân tộc, chú trọng tuyên truyền, vận động quần chúng, tôn trọng phong tục tập quán, đồng thời từng bước đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ là người địa phương. Nhờ vậy, nhiều vùng căn cứ miền núi đã hình thành được cơ sở chính trị vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng lực lượng và duy trì phong trào kháng chiến lâu dài.

Sau năm 1954, khi địch đẩy mạnh khủng bố, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, Đảng bộ Liên khu đã chỉ đạo cán bộ, đảng viên kiên trì vận động quần chúng không mắc mưu địch, vận động đồng bào bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, dạy đồng bào học chữ, xây dựng buôn làng, tổ chức đời sống mới..., dần dần, cán bộ đảng viên đã gây được lòng tin đối với đồng bào các dân tộc. Lòng kiên trì và gương mẫu của cán bộ, đảng viên là vấn đề hàng đầu đã khích lệ cả buôn làng hết lòng curu mang, che chở cho cán bộ. Đó là bức tường sắt mà Mỹ - Diệm dùng mọi thủ đoạn vẫn không tách nhân dân khỏi cách mạng, không lập được nguy quyền ổn định. Trong những năm 1959 - 1961, Đảng bộ Liên khu luôn chú trọng tăng cường vận động quần chúng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhân dân với Đảng, phát huy sức mạnh của khối đoàn kết các dân tộc miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thực sự có ý nghĩa sống còn đối với phong trào kháng chiến, đem đến thắng lợi của phong trào khởi nghĩa kết hợp đấu tranh vũ trang.

Thực tiễn quá trình lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V cho thấy, sự tin tưởng vào nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, dựa vào sức mạnh của nhân dân, chú trọng công tác xây dựng Mặt trận là cội nguồn tạo nên sức mạnh, tạo nên mọi thắng lợi. Để công tác vận động quần chúng nhân dân đạt kết quả tốt, mỗi tổ chức Đảng đã phát huy vai trò “một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở” như chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lấy dân làm gốc, tăng cường đoàn kết các dân tộc anh em, khối đoàn kết toàn dân đã tạo

được sức mạnh to lớn để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược và lấy dân làm gốc trong lãnh đạo phong trào kháng chiến vùng đồng bào dân tộc thiểu số không chỉ là yêu cầu về phương pháp vận động quần chúng, mà còn là kinh nghiệm lãnh đạo có ý nghĩa chiến lược, góp phần bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

4.2.3. Không ngừng xây dựng và củng cố tiềm lực quân sự, lực lượng vũ trang, căn cứ địa làm nền tảng để thực hiện chiến tranh nhân dân.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1949 - 1961), Đảng bộ Liên khu V luôn đặt vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên lên hàng quan trọng để làm cơ sở phát triển chiến tranh nhân dân, tạo dựng địa bàn đứng chân an toàn cho các cơ quan lãnh đạo, giữ vững bàn đạp để lực lượng vũ trang đánh địch, phát triển các mũi tấn công, không chỉ trong địa bàn Liên khu V mà cả ở Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia.

Việc tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương thực hiện theo những chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng, đồng thời, căn cứ vào đặc điểm và tình hình ở mỗi giai đoạn, mỗi địa bàn cụ thể. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1949 - 1954), việc xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang là trên cơ sở những hình thức tổ chức đã được xây dựng trước những năm 1949. Những đơn vị dân quân trong làng, xã được bổ sung, lực lượng đơn vị bộ đội tập trung được tăng cường, củng cố để bám trụ địa bàn, bảo vệ căn cứ, hỗ trợ quần chúng đấu tranh; vừa xây dựng, vừa chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt địch. Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, việc xây dựng lực lượng vũ trang diễn ra trong điều kiện trên địa bàn không còn tổ chức vũ trang hoạt động, nên tiến hành trên cơ sở những tổ chức mang tính tự vệ, được hình thành có tính chất tự phát ban đầu. Từ những tổ chức đó, hình thành các đội tự vệ, du kích các địa phương để bảo vệ, hỗ trợ phong trào quần chúng đấu tranh tiến lên hình thành các đội vũ trang tập trung, biên chế cấp đại đội để tiến hành tiến công địch, vũ trang khởi nghĩa. Thực tiễn cho thấy,

dù trong hoàn cảnh nào, lực lượng vũ trang ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng được bao gồm nhiều hình thức và trình độ tổ chức với sự tham gia của đông đảo nhân dân các dân tộc trên địa bàn, được xây dựng từ nhỏ đến lớn, từ phân tán đến tập trung; luôn xuất phát từ phong trào quần chúng, gắn bó với quần chúng, dựa vào quần chúng để xây dựng và chiến đấu.

Trong suốt quá trình lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược từ năm 1949 đến năm 1961, tuy chưa có sự chỉ đạo cụ thể của Trung ương về vấn đề củng cố, phát triển căn cứ địa trong khu vực, nhưng Đảng bộ Liên khu V rất coi trọng việc xây dựng và củng cố căn cứ địa nơi đây để tạo ra chỗ đứng chân an toàn của các cơ quan chỉ đạo từ Liên khu đến cơ sở. Liên khu ủy V cùng các Đảng bộ địa phương đã khai thác thế mạnh từng vùng, xây dựng hệ thống căn cứ địa ở miền núi, hình thành hậu phương tại chỗ và thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững chắc. Miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là căn cứ địa cách mạng, từ xây dựng cốt cán quần chúng tiến lên khởi nghĩa từng phần và du kích cục bộ, tích cực chống càn và biệt kích, bảo vệ hành lang bàn đạp cho chủ lực đánh lớn.

Trong xây dựng căn cứ địa miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ Liên khu V đã gắn xây dựng cơ sở chính trị trong nhân dân, tích cực phát triển cốt cán trong các tầng lớp nhân dân lao động, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi với phát triển lực lượng vũ trang và tổ chức chăm lo đời sống kinh tế – xã hội cho nhân dân trong vùng căn cứ. Liên khu ủy đã chỉ đạo các cấp ủy thực hiện nhất quán phương châm lãnh đạo linh hoạt, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng căn cứ địa với bảo toàn lực lượng; tránh cả hai khuynh hướng chủ quan nóng vội trong mở rộng căn cứ khi chưa bảo đảm đầy đủ các điều kiện về bảo vệ lực lượng và giữ bí mật hoặc trì trệ, hữu khuynh, không xây dựng căn cứ khi yêu cầu đặt ra và điều kiện cho phép.

Nhờ có căn cứ địa làm chỗ đứng chân, phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên không những đứng vững trước các cuộc càn quét, đánh phá của địch mà còn từng bước phát triển vào vùng

tạm bị chiếm ở Tây Nguyên, biến “hậu phương của địch thành tiền phương của ta”, góp phần quan trọng vào việc giữ vững thế trận kháng chiến của Liên khu V. Đặc biệt, trong bối cảnh địch đẩy mạnh khủng bố, đàn áp, nhiều cơ sở cách mạng ở đồng bằng và đô thị bị phá vỡ, việc giữ được các căn cứ địa miền núi đã tạo điều kiện để bảo toàn lực lượng, duy trì phong trào. Thực tiễn cho thấy, kiên trì xây dựng và giữ vững căn cứ địa miền núi không chỉ là một chủ trương đúng đắn về quân sự, mà còn là một kinh nghiệm lãnh đạo có ý nghĩa chiến lược, góp phần quyết định sự tồn tại và phát triển của phong trào kháng chiến. Đây chính là yếu tố quyết định để phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong giai đoạn 1949 - 1961 phát triển bền vững và đạt được những thành quả quan trọng. Trong điều kiện chiến tranh cách mạng diễn ra lâu dài, ác liệt, việc xây dựng căn cứ địa không làm hậu phương tại chỗ cũng là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược, góp phần quan trọng vào thắng lợi đối với cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

4.2.4. Phát huy sức mạnh tổng hợp, tiến hành kết hợp linh hoạt nhiều phương thức đấu tranh, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng thực lực và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược.

Miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có diện tích chiếm hơn 2/3 diện tích Liên khu V, có trí chiến lược, địa hình hiểm trở, chia cắt, vừa có điều kiện tấn công, mở rộng ra các hướng, vừa có thể phòng thủ, bảo vệ các căn cứ; nhân dân địa phương có truyền thống yêu nước, có tập quán tự vũ trang để bảo vệ cuộc sống,...; tuy nhiên, địa bàn xa Trung ương, dân cư phân tán, nhiều thành phần dân tộc, đa số là đồng bào dân tộc thiểu số, phong tục, tập quán còn lạc hậu; đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn. Nhận thức rõ đặc điểm, tình hình đó, Đảng bộ Liên khu đã lãnh đạo phát huy mọi nguồn lực, sự chỉ đạo của Trung ương, sự phối hợp, hỗ trợ của toàn Liên khu, đặc biệt là phát huy các nguồn lực tại chỗ để phát triển phong trào kháng chiến.

Trong huy động các nguồn lực tại chỗ, vận dụng linh hoạt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, tận dụng các yếu tố “Thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của khu vực. Đảng bộ đã kết hợp biện pháp, nhiều hình thức để khai thác những lợi thế, đồng thời khắc phục những bất lợi về vị trí địa lý, địa hình; phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh, kinh nghiệm bảo vệ bản làng của đồng bào; khả năng tự cung tự cấp về kinh tế trong khu vực; tác động từ sự phát triển của phong trào kháng chiến ở Liên khu V và trên cả nước; đặc biệt là nguồn lực con người. Trên cơ sở đó, Đảng bộ lãnh đạo xây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, đấu tranh binh vận, tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp phong trào kháng chiến duy trì và phát triển, kể cả trong những thời điểm khó khăn nhất. Việc xây dựng, phát huy sức mạnh tổng hợp được tiến hành một cách linh hoạt trong xác định vai trò của mỗi nguồn lực được gắn với lựa chọn phương pháp đấu tranh phù hợp với nhiệm vụ trọng tâm trong những bối cảnh cụ thể.

Trong giai đoạn 1949 - 1954, đấu tranh vũ trang giữ vai trò quan trọng nhằm tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng và hỗ trợ quần chúng nổi dậy. Tuy nhiên, Đảng bộ Liên khu V không chỉ tập trung vào hoạt động vũ trang mà còn chú trọng công tác vận động quần chúng, xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển tổ chức đảng và đoàn thể ở cơ sở. Nhờ đó, phong trào kháng chiến được xây dựng trên nền tảng chính trị – xã hội vững chắc, tạo điều kiện để lực lượng vũ trang hoạt động hiệu quả. Trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ Liên khu V đã chuyển hướng đấu tranh, lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu, kết hợp với đấu tranh binh vận và bảo vệ lực lượng cách mạng. Sau khi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (1959) được ban hành, Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo đẩy mạnh kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, tạo bước phát triển mới cho phong trào kháng chiến trên địa bàn. Đặc biệt là khi giành quyền làm chủ, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các buôn làng đều tổ chức bố phòng, và khi địch lùng sục, cần quét thì dùng vũ trang đánh địch theo phương thức thích hợp

với từng nơi. Đây là một nét riêng, và là thế mạnh của đấu tranh vũ trang mà ở khu vực đồng bằng không thể thực hiện được.

Thực tiễn lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961 cho thấy: việc xác định đúng trọng tâm đấu tranh trong từng thời kỳ, từ đó xác định các nguồn lực để huy động thành sức mạnh tổng hợp, không tuyệt đối hóa vai trò của một nguồn lực, một lực lượng cũng như không sử dụng duy nhất một hình thức đấu tranh có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của phong trào kháng chiến. Nếu chỉ chú trọng đấu tranh quân sự mà xem nhẹ công tác chính trị, binh vận và xây dựng cơ sở quần chúng thì phong trào sẽ thiếu nền tảng vững chắc. Ngược lại, nếu chỉ dựa vào đấu tranh chính trị trong điều kiện địch sử dụng bạo lực phản cách mạng thì khó bảo vệ được lực lượng và thành quả cách mạng. Trong một số thời điểm, việc Đảng bộ Liên khu tuyệt đối hóa đấu tranh chính trị hoặc chậm điều chỉnh hình thức đấu tranh đã khiến phong trào gặp tổn thất trước sự đàn áp khốc liệt của địch.

Thực tiễn vận động của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng cho thấy, trong kết hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau một cách linh hoạt, nhịp nhàng các hình thức đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang trong mỗi thời kỳ, đấu tranh vũ trang giữ vị trí chủ yếu trong chiến tranh nhân dân địa phương ở địa bàn rừng núi. Việc phát huy vai trò của đấu tranh vũ trang không chỉ dựa vào hoạt động của lực lượng tại chỗ mà còn phải kết hợp chặt chẽ với hoạt động tác chiến của bộ đội chủ lực. Đây chính là một đặc điểm thắng lợi của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Việc phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn này không chỉ là thực hiện chức năng của các căn cứ được xây dựng, không chỉ là cung cấp sức người sức của, mà là thực hiện nhiệm vụ của một chiến trường, giữ vững địa bàn hành lang chiến lược Bắc - Nam, Đông - Tây trong thế trận chiến tranh nhân dân trên toàn quốc; không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt mà

tạo tiền đề cho sự phát triển tiếp theo của sự nghiệp kháng chiến. Đồng thời, duy trì và phát triển phong trào đấu tranh dưới nhiều hình thức và nhiều nội dung, trên cơ sở xây dựng thực lực kháng chiến, mà quan trọng nhất là xây dựng lực lượng chính trị, cơ sở chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. Đó là kinh nghiệm thành công rút ra từ thực tiễn lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1949 - 1961.

4.2.5. Luôn giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tại chỗ.

Để bảo đảm sự lãnh đạo đối với phong trào kháng chiến của một địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đảng bộ Liên khu V đã luôn quan tâm, đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng Đảng, đặc biệt là xây dựng, củng cố tổ chức Đảng trong khu vực cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và xây dựng phương thức hoạt động phù hợp với địa bàn miền núi và cơ sở bị địch tạm chiếm đóng, kiểm soát.

Trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, Đảng bộ chú trọng rèn luyện tinh thần cách mạng triệt để; yêu cầu, động viên cán bộ, đảng viên phải dám nghĩ, dám làm, dám gánh vác mọi nhiệm vụ, giữ vững quyết tâm chiến lược, không sợ hy sinh, tin tưởng tuyệt đối vào Đảng và quần chúng, đề cao tinh thần “bám dân”, “bám đất”, giữ vững phong trào kháng chiến. Trong hoàn cảnh bị khủng bố ác liệt, việc giữ vững lập trường, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên là yếu tố sống còn. Tổ chức Đảng đã chú trọng giáo dục tư tưởng, củng cố niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc, chống lại mọi biểu hiện dao động, hoang mang. Qua các buổi sinh hoạt thường kỳ, các hội nghị, qua các lớp học tập, bồi dưỡng, nhất là qua thực tiễn phong trào kháng chiến, cán bộ, đảng viên và chiến sĩ quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh, xây dựng ý chí quyết chiến, quyết thắng để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đảng bộ quan tâm chỉ đạo khắc phục những hạn chế, khuyết điểm về tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên xem miền Tây các tỉnh Nam ven

biển Trung Bộ và Tây Nguyên là “khu đệm”, tư tưởng chưa coi trọng và đánh giá đúng thái độ và năng lực cách mạng của đồng bào khu vực miền núi; chưa nhìn đúng đắn tầm quan trọng của sự đoàn kết trong mọi tầng lớp nhân dân Kinh - Thượng ở khu vực đối với cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc. Nhờ làm tốt công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ, nhất là thông qua sinh hoạt kiểm điểm phê bình, tự phê bình, học tập chính sách dân tộc..., cán bộ, đảng viên, nhất là những đồng chí công tác tại khu vực miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã khắc phục được những tư tưởng lệch lạc, hòa mình trong đồng bào các dân tộc để rèn luyện tư tưởng, nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kháng chiến.

Đối với xây dựng Đảng về tổ chức, Đảng bộ đã thường xuyên quan tâm, có nhiều biện pháp tiến hành xây dựng, củng cố và bảo vệ hệ thống tổ chức Đảng trên địa bàn; đồng thời, giữ vững và bảo đảm mối quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo từ Liên khu ủy, Liên tỉnh ủy (Ban cán sự), tỉnh ủy, huyện ủy, chi ủy ở địa phương. Các chi bộ, cơ sở Đảng được xây dựng sâu rộng ở thôn, làng, buôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng bộ tập trung xây dựng chi bộ cơ sở đủ khả năng lãnh đạo toàn diện, vững vàng, thực hiện “chi bộ tự động công tác”, đảng viên “bám dân, bám đất, bám cơ sở”, nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của tổ chức cơ sở Đảng trong giải quyết những vấn đề cấp bách, kịp thời ứng phó với điều kiện kháng chiến, giao thông liên lạc khó khăn. Hiện thực lịch sử cho thấy, hệ thống tổ chức Đảng được xây dựng điều khắp trên địa bàn, được củng cố và bảo vệ là một nhân tố đảm vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, cũng như sự thắng lợi của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong xây dựng Đảng về tổ chức, Đảng bộ luôn quan tâm bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những năm tháng Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” tàn bạo. Để bảo vệ cán bộ, đảng viên, Đảng bộ không chỉ cần chú trọng củng cố, phát triển cơ sở Đảng, cũng không chỉ phân tán lực lượng, hoạt động bí mật, mà còn phát huy vai trò của đoàn

thể quần chúng cách mạng, dựa vào nhân dân, vận động nhân dân tham gia bảo vệ Đảng. Vì miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là địa bàn có một cơ cấu đảng viên rất đa dạng, vừa có đảng viên là người Kinh đến từ nhiều địa phương, nhiều miền, vừa có đảng viên xuất thân từ các dân tộc thiểu số,... nên trong công tác cán bộ, phát triển đảng viên, Đảng bộ Liên khu V vừa chấp hành chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, vừa dựa trên cơ sở thực tiễn địa phương; Việc xây dựng, phát triển đội ngũ đảng viên được tiến hành trên cơ sở giác ngộ, rèn luyện, thử thách những quần chúng có thành phần xuất thân tốt, tích cực tham gia kháng chiến, nhưng đặc biệt chú trọng các quần chúng xuất thân từ các dân tộc thiểu số. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên người đồng bào dân tộc tại chỗ cũng được chú trọng thông qua tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị ngắn ngày, đưa đi dự các lớp học chính trị, văn hóa dài ngày. ...Nhờ đó, đội ngũ đảng viên không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng, đa dạng về có cấu, am hiểu thực tế, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, gắn bó với quần chúng, góp phần tạo nên thắng lợi của phong trào kháng chiến trên địa bàn.

Trong xây dựng Đảng, Đảng bộ giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tập trung thống nhất, đồng thời linh hoạt trong phương thức hoạt động. Mặc dù điều kiện bị chia cắt và đánh phá liên tục, tổ chức Đảng vẫn duy trì nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất; nhất là thống nhất giữa Liên khu ủy và các Đảng bộ, các tổ chức Đảng hoạt động trên địa bàn miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đồng thời, phương thức hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, cơ động, phù hợp với từng địa bàn, chú trọng chất lượng, giữ vững kỷ luật, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên trong phong trào cách mạng và gắn bó chặt chẽ với quần chúng. Sự kết hợp giữa nguyên tắc và linh hoạt đã giúp phong trào tránh bị tê liệt hoặc rơi vào tự phát.

Từ thực tiễn đấu tranh trong điều kiện chiến tranh ác liệt và bị chia cắt những năm từ 1949 đến 1961, bài học về xây dựng và giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Đó không chỉ là

nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào kháng chiến ở Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, mà còn là cơ sở quan trọng để vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Việc tiếp tục củng cố tổ chức Đảng vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và gắn bó mật thiết với nhân dân vẫn luôn là yêu cầu mang tính sống còn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Tiểu kết chương 4

Trong quá trình hoạt động, lãnh đạo từ khi thành lập đến khi hoàn thành nhiệm vụ (từ năm 1949 đến năm 1961), Đảng bộ Liên khu V đã phát huy vai trò lãnh đạo và đưa phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đi đến thắng lợi. Quá trình đó, Đảng bộ đã có nhiều ưu điểm nổi bật, luôn tin tưởng, quán triệt nghiêm túc đường lối kháng chiến của Đảng, luôn chấp hành sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đồng thời, luôn nêu cao tính độc lập, tự chủ trong việc đề ra các chủ trương và những chỉ đạo cụ thể, sát hợp với tình hình địa phương miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Đảng bộ đã luôn nhất quán trong nhận thức chủ trương về tầm quan trọng của việc lãnh đạo xây dựng, giữ vững và phát huy vai trò của địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đối với sự nghiệp kháng chiến ở Liên khu V và cả nước, cũng như làm nghĩa vụ quốc tế. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đề ra những chủ trương lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo về xây dựng thực lực và đồng thời phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn này. Thực hiện những chủ trương đề ra, tuân thủ những chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ đã chỉ đạo phong trào kháng chiến nơi đây trên phương diện xây dựng thực lực kháng chiến, cụ thể là xây dựng lực lượng chính trị, tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng, lực lượng vũ trang, căn cứ kháng chiến; trên cơ sở đó, phát huy vai trò của khu vực thông qua phát động đấu tranh vũ trang, chỉ đạo phong trào nổi dậy làm chủ địa bàn; cung cấp

nhân, vật lực cho kháng chiến. Sự chỉ đạo của Đảng bộ thể hiện rõ tinh thần chủ động, linh hoạt.

Trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ, với những ưu điểm nổi bật là nhân tố quyết định sự phát triển và vai trò của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cả về thực lực và sự đóng góp; cung cấp cơ sở thực tiễn để Trung ương Đảng xây dựng và ban hành quyết sách về đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bên cạnh những ưu điểm và thành quả to lớn, sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V đối với phong trào kháng chiến ở miền Tây Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng có những hạn chế, khuyết điểm, cả trong nhận thức, chủ trương và trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Qua thực tiễn phong phú và đa dạng Đảng bộ lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961, có thể rút ra những kinh nghiệm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa lâu dài: Nắm vững và vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối của Đảng vào thực tiễn phong trào kháng chiến và phù hợp đặc điểm của địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; Chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và công tác vận động quần chúng nhân dân, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; Không ngừng xây dựng và củng cố tiềm lực quân sự, lực lượng vũ trang, căn cứ địa làm nền tảng để thực hiện chiến tranh nhân dân; Phát huy sức mạnh tổng hợp, tiến hành kết hợp linh hoạt nhiều phương thức đấu tranh, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng thực lực và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược; Luôn giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tại chỗ.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài “*Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1949 - 1961)*” có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn nhằm góp phần làm sáng rõ về sự lãnh đạo của Đảng đối với một địa bàn chiến lược trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đúc kết những kinh nghiệm, cung cấp những luận cứ khoa học có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trên cơ sở vận dụng phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử Đảng, luận án đã phân tích một cách hệ thống quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên từ năm 1949 đến năm 1961, làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm có giá trị tham khảo hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu, luận án đưa ra những kết luận sau đây:

1. Trong lãnh đạo phong trào kháng chiến trên địa bàn trọng yếu miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, từ khi thành lập (năm 1949) đến khi kết thúc nhiệm vụ (năm 1961), Đảng bộ Liên khu V luôn quán triệt nghiêm túc đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đường lối chiến tranh nhân dân, đường lối quân sự, đường lối chính trị của Đảng, sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Đảng bộ Liên khu cũng luôn nêu cao tính độc lập, tự chủ và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng trong việc đề ra các chủ trương lãnh đạo phong trào kháng chiến phù hợp với tình hình địa bàn chiến lược. Chủ trương của Đảng bộ luôn nhất quán và đề ra chủ trương xây dựng, phát triển thực lực kháng chiến, đồng thời, phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn này đối với sự nghiệp kháng chiến ở Liên Khu V, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do, thống nhất đất nước của dân tộc.

2. Trên cơ sở những chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, những chủ trương đã đề ra, Đảng bộ Liên khu V đã chỉ đạo phong trào kháng

chiến miền ở Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên qua 2 giai đoạn từ 1949 đến 1954 (giai đoạn lãnh đạo phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp); từ 1954 đến 1961 (giai đoạn lãnh đạo phong trào kháng chiến những năm đầu chống Mỹ, cứu nước). Nội dung tập trung vào 2 nhiệm vụ chính là xây dựng thực lực kháng chiến (bao gồm các nhiệm vụ cụ thể: xây dựng nền tảng chính trị, tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, giữ vững tinh thần đấu tranh, xây dựng tiềm lực quân sự, xây dựng căn cứ địa kháng chiến...) và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến, khai thác lợi thế vị trí chiến lược của địa bàn miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đối với phong trào kháng chiến ở Liên khu V và sự nghiệp chiến tranh cách mạng của cả nước (thông qua tổ chức các hoạt động vũ trang, tìm chân địch, chỉ đạo tấn công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phối hợp với chiến trường cả nước, cung cấp nhân lực, vật lực, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; chỉ đạo đấu tranh chính trị đòi đối phương thi hành Hiệp định Giơnevơ; giữ gìn lực lượng, bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát động chiến tranh du kích, tổ chức nhân dân vũ trang nổi dậy,...). Sự chỉ đạo của Đảng bộ là toàn diện, sâu sát và có hiệu quả cao.

3. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách to lớn, không ngừng vững mạnh, góp phần vào những thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến của nhân dân Liên khu V và cả nước, cũng như góp phần vào phát triển liên minh chiến đấu 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Quá trình lớn mạnh và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn thể hiện rõ ở việc xây dựng khối đoàn kết các dân tộc, củng cố cơ sở chính trị, phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận; kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đấu tranh binh vận.... Qua đó, góp phần đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên địa bàn Liên khu V; đóng vai trò quan trọng đấu tranh giữ gìn lực lượng, trong mở ra và thúc đẩy phong trào kháng chiến ở Liên khu từ thế giữ gìn lực lượng chuyển lên thế tấn công những năm 1954 -

1961.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, trực tiếp là các cấp ủy địa phương, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn góp phần quan trọng đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ của nhân dân cả nước; cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để Trung ương Đảng xây dựng và hoàn thiện đường lối cách mạng giải phóng miền Nam; là nhân tố làm đảo lộn thế trận của địch ở miền Nam từ năm 1960; tạo những tiền đề quan trọng để hình thành mạng lưới các tuyến hành lang và đường nhánh của tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn, góp phần hình thành và giữ vững thế trận chiến tranh liên hoàn giữa Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ ở giai đoạn sau.

Phong trào kháng chiến khu vực miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn góp phần thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia, nhất là tạo điều kiện để tiến hành liên lạc và phối hợp giữa các chiến trường ở Đông Dương; phối hợp giúp đỡ lực lượng cách mạng Lào và Campuchia xây dựng lực lượng kháng chiến, qua đó, góp phần thế liên hoàn chiến lược giữa các chiến trường Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung.

Có thể thấy, miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược quan trọng về nhiều mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng; nhưng, những tiềm năng và thế mạnh của khu vực chỉ được phát huy khi đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là Đảng bộ Liên khu V trong những năm từ 1949 đến 1961.

4. Bên cạnh những ưu điểm, thành công, quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng bộc lộ một số hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có lúc còn chủ quan, nóng vội, thiếu linh hoạt và chưa bám sát tình hình khu vực. Có thời điểm chưa kịp thời nắm bắt sự chuyển biến của tình hình; việc kết hợp các hình thức đấu tranh ở một số nơi còn thiếu linh hoạt; công tác xây dựng tổ

chức cơ sở đảng và phát triển lực lượng ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Việc xác định và điều chỉnh trọng tâm đấu tranh trong từng giai đoạn có lúc chưa theo kịp diễn biến thực tiễn, khiến hiệu quả lãnh đạo phong trào chưa đạt được như mong muốn. Năng lực cán bộ và công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng trong điều kiện chiến tranh ác liệt còn có một số hạn chế, khuyết điểm. Việc xây dựng, mở rộng căn cứ địa cách mạng và củng cố cơ sở chính trị tại chỗ còn yếu, chưa thật sự sát thực tiễn địa phương.

5. Hiện thực quá trình Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để lại nhiều kinh nghiệm quý: 1) Nắm vững và vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối của Đảng vào thực tiễn phong trào kháng chiến và phù hợp đặc điểm của địa bàn chiến lược miền Tây các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; 2) Chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và công tác vận động quần chúng nhân dân, nhất là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số; 3) Không ngừng xây dựng và củng cố tiềm lực quân sự, lực lượng vũ trang, căn cứ địa làm nền tảng để thực hiện chiến tranh nhân dân; 4) Phát huy sức mạnh tổng hợp, tiến hành kết hợp linh hoạt nhiều phương thức đấu tranh, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng thực lực và phát huy vai trò của phong trào kháng chiến trên địa bàn chiến lược; 5) Luôn giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức Đảng, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên tại chỗ.

Những kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Liên khu V trong giai đoạn 1949 - 1961 vẫn còn mang giá trị thực tiễn, có thể vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Trần Văn Dư (2023), “Xây dựng, bảo vệ Vùng tự do Nam Trung bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 3-2023;
2. Trần Văn Dư (2024), “Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo phong trào kháng chiến ở miền Tây Quảng Ngãi giai đoạn (1954-1960)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 9-2024;
3. Trần Văn Dư (2025), “Đảng bộ Liên khu V lãnh đạo xây dựng căn cứ địa - hậu phương ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1954-1961)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 8-2025.
4. Trần Văn Dư (2025), *Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Vùng tự do Nam Trung Bộ (1945-1954)*, NXB Thuận Hóa, Huế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Ngọc Anh: *Sơ lược vụ Sơn Hà- Quảng Ngãi*, (Hồi ký), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu H - A4
2. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1948), *Báo cáo tổng quát của tình hình Hội ở Nam Trung Bộ*, ngày 1-9-1948, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/2.1
3. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Báo cáo tình hình cực Nam Trung Bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần thứ I*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/3.1
4. Ban Chấp hành Đảng Bộ Liên khu V, *Quyết nghị về xây dựng chính quyền tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu lần thứ I (3-1949)*, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 21
5. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949) *Báo cáo tình hình chung các mặt Liên khu V quý 3 năm 1949 của Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/3.2
6. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Báo cáo Tây Nguyên quý 3 năm 1949*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/3.3
7. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Báo cáo tổng kết năm 1949*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/3.6
8. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Báo cáo tình hình chung Liên khu V từ 1945 - 1950*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/4.3
9. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Điện của Liên khu ủy V gửi Trung ương*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phong số 51, ML 01, ĐVBQ 243.

10. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ nội bộ của Đảng bộ Liên khu V*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 21
11. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Công điện từ số 71 đến 74 của Liên khu ủy V gửi Trung ương báo cáo công tác xây dựng Đảng ở Hạ Lào*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 145.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1949), *Điện của Liên khu ủy V gửi Trung ương báo cáo tình hình xây dựng Đảng năm 1949*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ
13. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Báo cáo và Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Đảng bộ Liên khu V lần thứ 2, từ 18 đến 24-1-1950*, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng, phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 82
14. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Báo cáo 2 năm cầm cự, 1 năm chuẩn bị tổng phản công ở miền Nam Trung Bộ*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/3.8
15. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Chỉ thị về việc xây dựng căn cứ địa vùng tự do của Liên khu ủy V*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/4.6
16. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V, *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy mở rộng, 25-5-1950*, tài liệu Lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Ký hiệu Lưu trữ: II3/6/1/1
17. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Chỉ thị về tăng cường vận động tôn giáo vận ở Liên khu V*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/4.7
18. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Nghị quyết về xây dựng Đảng tại Hội nghị Liên khu ủy V từ ngày 08 đến ngày 16-7-1950*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng số 51, mục lục 01, đơn vị bảo quản số 33.

19. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Kiểm thảo tóm tắt 2 năm lãnh đạo của Liên khu ủy V về sự phát triển cục diện chiến tranh 2 năm vừa qua và sự chỉ đạo của Đảng ngày 11-11-1950*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/4.9
20. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1950), *Báo cáo cuối năm 1950*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 174
21. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Báo cáo của Đoàn đại biểu Liên khu V sau khi dự Đại hội II Đảng bộ Liên khu V (7-1951)*, về các văn kiện của Đại hội II của Đảng, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.1
22. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Báo cáo về công việc của Đảng tại Đại hội lần thứ II, (7-1951)*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.4
23. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Báo cáo tổng quát về tình hình Liên khu V từ năm 1949-1951*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 175
24. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Tổng kết tình hình gây cơ sở địch hậu ở Tây Nguyên năm 1951*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 176
25. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ I từ 16 đến 19-8-1951* (phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 36)
26. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Dự thảo báo cáo tự kiểm thảo của Liên khu ủy V*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.21
27. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy mở rộng lần thứ 2, từ ngày 29-12-1950 đến ngày 2-1-1951* tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 34

28. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu lần thứ II, từ ngày 16-7-1951 đến ngày 2-8-1951*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.23
29. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1951), *Về kỷ luật vụ Sơn Hà ngày 02-5-1951*. Tài liệu lưu tại phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.
30. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Nghị quyết về nhiệm vụ công tác dân vận và Mặt trận tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II từ ngày 15 đến 24-2-1952*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.5
31. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Biên bản Hội nghị thường vụ Liên khu ủy V từ ngày 27 đến 29 tháng 12-1952*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.6
32. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Nghị quyết về củng cố nội bộ tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II từ ngày 15 đến 24-2-1952*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.10
33. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Báo cáo công tác xây dựng Đảng từ tháng 1-1952 đến tháng 6-1952*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 300
34. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Nghị quyết, về tình hình chung và nhiệm vụ chung của Liên khu (tại Hội nghị Hội nghị Liên khu ủy lần thứ 2, từ ngày 15 đến 24-2-1952)*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 37
35. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Nghị quyết, về công tác vùng bị tạm chiếm và vùng du kích (tại Hội nghị Hội nghị Liên khu ủy lần thứ 2, từ ngày 15 đến 24-2-1952)* tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 37
36. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1952), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ III từ ngày 3 đến 6-10-1952*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/5.13

37. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1953), *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy ngày 8-3-1953*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/6.4
38. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1953), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ IV (từ 12 đến 19-5-1953)*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/6.7
39. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1953), *Nghị quyết về công tác địch, nguy vận* (được Thường vụ Liên khu ủy thông qua ngày 20-8-1953. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/6.8
40. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1953), *Chỉ thị chấn chỉnh công tác phụ vận của Liên khu ủy V ngày 10-2-1953*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/6.10
41. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1953), *Chỉ thị của Liên khu ủy V về phòng đói, cứu đói ở vùng thượng du ngày 15-8-1953*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/6.14
42. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1954), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) tháng 7-1954*. Tài liệu lưu tại kho lưu trữ, Bộ tư lệnh Quân khu 5, ký hiệu c16/T18
43. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1954), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V, 18 – 21-10-1954*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/7.2
44. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam „Căn cứ Liên khu V tại các huyện Bến Hiên, Bến Giằng (1955-1959)”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học tỉnh Quảng Nam tháng 7-2012.
45. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1954), *Báo cáo tình hình Liên khu V từ sau đình chiến đến tháng 12-1954*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 183
46. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1954), *Báo cáo tình hình địch từ năm 1954 đến năm 1961*. Tài liệu lưu tại Lưu trữ Quân khu 5

47. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1954), *Hệ thống tình hình các tỉnh Thượng du Liên khu V năm 1954*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 183
48. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1955), *Báo cáo tổng kết vụ Sơn Hà của Văn phòng Liên khu ủy V*. Tài liệu lưu tại phòng Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.
49. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1955), Báo cáo tổng kết Hội nghị kiểm thảo của Khu ủy V về sự chỉ đạo phong trào ở Liên khu V. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/8.3
50. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1956), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V tháng 2-1956*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/9.1
51. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1958), Báo cáo đánh giá một số nét lớn về ưu và khuyết điểm của Đảng bộ Liên khu V trong việc lãnh đạo phong trào 5 năm qua từ 1954-1958. Tài liệu lưu trữ tại phòng lưu trữ, Bộ Tư lệnh Quân khu 5, tr.6
52. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1958), *Chỉ thị về nhiệm vụ trước mắt ở Tây Nguyên*. Tài liệu lưu tại Lưu trữ Quân khu 5.
53. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1959), *Chỉ thị về nhiệm vụ và công tác trước mắt của Liên khu V*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/12.6
54. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1960), *Chỉ thị về tích cực củng cố và mở rộng căn cứ địa miền núi*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 144
55. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1960), *Chỉ thị “Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, tổ chức, gắn chặt vào quần chúng, đủ sức lãnh đạo phong trào*. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/13.3

56. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1960), *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng)*. Tài liệu lưu tại phòng lưu trữ Quân khu 5.
57. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1960), *Chỉ thị về phương hướng trước mắt* (gửi các liên tỉnh và tỉnh ủy). Tài liệu lưu tại Lưu trữ Quân khu 5
58. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1961), *Báo cáo tình hình và công tác Đảng của Đảng bộ Liên khu V từ hòa bình lập lại đến nay*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 188
59. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1961), *Báo cáo bổ sung về tình hình miền núi Liên khu V từ hòa bình lập lại đến nay*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 190
60. Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V (1962), *Báo cáo tổng kết đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng năm 1961*. Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Bộ Tư lệnh Quân khu 5
61. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2019), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (2009), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai, (1945-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2017), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2015), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam – Thành ủy Đà Nẵng (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên (1996), *Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
67. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên (1996), *Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

68. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum (1996), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum, tập 1 (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2018), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa, tập 1 (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (2011), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận, tập 1 (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
71. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (2000), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập 2 (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (2008), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, tập 1 (1930-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (2021), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930-2020)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (2018), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (1930-2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1960), *Tình hình và nhiệm vụ xây dựng Đảng ở miền Nam* (Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng). Tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
76. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - Trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - Trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Ban Liên lạc Ban tổ chức Liên Khu ủy V (2008), “*Quá trình xây dựng và truyền thống của Ban Tổ chức Liên Khu ủy V (1945-1975)*”. Ban liên lạc Ban tổ chức Liên Khu ủy V xuất bản.

80. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (1982), *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Sự thật, Hà Nội
81. Ban Thống nhất Trung ương (8-1956), *Báo cáo đặc biệt về tình hình Đảng ở miền Nam từ sau hòa bình tới nay*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
82. Ban Thống nhất Trung ương (12-1956), *Tình hình Đảng ở miền Nam*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
83. Ban Thống nhất Trung ương (1957), *Tình hình miền Nam trong năm 1957*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
84. Ban Thống nhất Trung ương (1958), *Tình hình miền Nam 6 tháng cuối năm 1958*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
85. Ban Thống nhất Trung ương (1959), *Báo cáo tình hình Liên khu V*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
86. Ban Thống nhất Trung ương (11-1959), *Báo cáo tình hình Liên khu V về cơ sở Đảng và quần chúng*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
87. Ban Thống nhất Trung ương, *Báo cáo tình hình Liên khu V (1958-1960)*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
88. Ban Thống nhất Trung ương, *Tình hình miền Nam năm 1961*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
89. Ban Thống nhất Trung ương (5-1961), *Báo cáo về vấn đề đổi tên cho Đảng bộ miền Nam*. Tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
90. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (2000), *Đội du kích Ba Tơ nhớ lại và suy nghĩ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
91. Phạm Thanh Biền và Nguyễn Hữu Nghĩa (2004), *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*, Nxb Quân đội Nhân dân.
92. Nguyễn Bình (2008), *Về công tác xây dựng Đảng và đấu tranh giữ gìn lực lượng tại Liên khu V (1954-1960)* đăng trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 4-2008

93. Bộ Chỉ huy Quân sự Nghĩa Bình (1988), *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình.
94. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Ninh Thuận (1997), *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng*”, tập 1, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) xuất bản năm 1997; tập 2 kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), xuất bản năm 2000.
95. Bộ Chỉ huy Quân sự Bình Định (1992), *Bình Định lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình.
96. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk (1991), “*Đắk Lắk - 30 năm chiến tranh giải phóng*”, tập I, kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Nxb Quân đội Nhân dân.
97. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk (1991), “*Đắk Lắk - 30 năm chiến tranh giải phóng*”, tập II, kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), Nxb Quân đội Nhân dân.
98. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi (1991), *Chiến tranh du kích trên chiến trường Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình.
99. Bộ Chỉ huy Quân sự Quảng Nam - Đà Nẵng (1994), *Quảng nam - Đà Nẵng Lịch sử chiến tranh nhân dân, (1945-1954)* tập 1, Nxb Đà Nẵng.
100. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum (2021), *Phong trào chiến tranh du kích trên địa bàn tỉnh Kon Tum (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
101. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Đà Nẵng (1999), *Lực lượng vũ trang Đà Nẵng xây dựng, chiến đấu, trưởng thành kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, tập 1, Xuất bản lần thứ nhất.
102. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định (1991), *Chiến tranh du kích trên chiến trường Bình Định (1945 - 1975)*, Nxb Tổng hợp Bình Định.
103. Bộ Quốc phòng - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (2020), *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 5 - tập 1, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội

104. Bộ Quốc phòng và Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2007), “*60 năm toàn quốc kháng chiến - kỷ ức lịch sử và bài học kinh nghiệm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc*”, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
105. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2009), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập III, triển khai kháng chiến toàn diện, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
106. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2011), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập IV, bước ngoặt của cuộc kháng chiến, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
107. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2014), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập V, phát triển thế tiến công chiến lược, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
108. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2016), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập VI, cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953-1954 kháng chiến kết thúc thắng lợi, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
109. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2017), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập VII, tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học lịch sử, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
110. Bộ Quốc phòng (1995), *50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
111. Bộ Quốc phòng (1997), “*Chiến tranh nhân dân địa phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975*”, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
112. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, tập I, Nguyên nhân chiến tranh, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
113. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, tập II, Chuyển chiến lược, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

114. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, tập IV, Cuộc đọing đầu lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
115. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, tập IX, Tính chất, đặc điểm, tầm vóc và bài học lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
116. Bộ Tổng tham mưu (2001), *Tổng kết chiến tranh nhân dân địa phương, chuyên đề “xây dựng và bảo vệ hệ thống căn cứ địa phương trên chiến trường khu V trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975)”*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
117. Bộ Tổng tham mưu (2001), *Tổng kết chiến tranh nhân dân địa phương, chuyên đề: “kết hợp đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược tại chiến trường khu V trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975)”*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
118. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 – Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2002), *“Vành đai diệt Mỹ trên chiến trường Khu 5 - Một sáng tạo của chiến tranh nhân dân Việt Nam”*, Nxb Quân đội nhân dân, HN.
119. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1985), *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 1, Kháng chiến chống thực dân Pháp*. Quân khu 5 xuất bản.
120. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1986), *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 2, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (thời kỳ 1954-1968)*. Quân khu 5 xuất bản.
121. Bộ Tư lệnh Quân Khu V - Cục Kỹ thuật (1995), *Lịch sử quân giới Khu V (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
122. C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin - I.V.Xtalin (1977), *Bàn về mối liên hệ giữa kinh tế, hậu phương, chiến tranh, quân đội và quốc phòng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
123. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
124. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 16, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

125. Đào Trọng Cảnh (1993), “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo công cuộc xây dựng các vùng tự do lớn trong thời kỳ kháng chiến (1946 – 1954)*”, Luận án Phó Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội
126. Trần Quý Cát – Nguyễn Như Cảnh – Trần Như Tiếp (1994), “*Hậu cần Quân khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)*”, Cục Hậu cần Quân khu 5 xuất bản.
127. Nguyễn Chánh (1951), *Thư của đồng chí Nguyễn Chánh gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng báo cáo tình hình Liên khu*. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng.
128. Trường Chinh (1987), *Tuyển tập (1937-1954)*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
129. Trường Chinh (1974), *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam* (tác phẩm chọn lọc), tập I, Nxb Sự thật, Hà Nội.
130. “Chung một bóng cờ” (1993) (*về Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Gabrien Cômô (1989), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh - Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
132. George C. Herring (2004), *Cuộc chiến dài ngày giữa nước Mỹ và Việt Nam (1950 – 1975)*. Nxb Công an Nhân dân.
133. Ga-Bri-En Côn-Cô (1991), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, tập I, II Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
134. Võ Chí Công (2001), *Trên những chặng đường cách mạng*, (Hồi ký), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
135. *Võ Chí Công - Tiểu sử*” (2019), Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội
136. Cục Hậu cần Quân khu V (1994), *Hậu cần Quân khu V- 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
137. Đinh Thị Thu Cúc (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập 10 (1945-1950)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
138. Trần Đức Cường (2017), *Lịch sử Việt Nam, tập 12 (1954-1965)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

139. Lê Duẩn (1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*” (in lần thứ IV), Nxb Sự thật, Hà Nội (Nxb Tổng Hợp TP HCM tái bản năm 2013).
140. Lê Duẩn (1987) tuyển tập, *Đề cương cách mạng miền Nam*, tập I (1950-1975), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
141. Lê Duẩn (1993), *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
142. Nguyễn Tiên Duẩn (2004), *Đảng lãnh đạo kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trong cách mạng miền Nam*”. Tạp chí Lịch sử Đảng số tháng 11-2004
143. Văn Tiến Dũng (2005), *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
144. Lê Văn Đạt (2002), *Vùng tự do Liên khu V trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Hà Nội
145. Lê Quang Đạo, Phạm Thế Duyệt, Trần Văn Đăng (2006), *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam*, Quyển I (1930-1954), Quyển II (1954-1975) Nxb CTQG, Hà Nội.
146. Đảng bộ Quân khu 5 (2010), *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5 (1946-2010), tập 1, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân.
147. Đảng bộ Quân khu 5 (2010), *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5 (1946-2010), tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân.
148. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, (1947), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
149. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 9, (1948), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
150. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 10, (1949), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

151. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 11, (1950), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
152. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 12, (1951), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
153. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 13, (1952), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
154. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2001) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 14, (1953), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
155. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 15, (1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
156. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 16, (1955)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
157. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 17, (1956)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
158. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 18, (1957)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
159. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 19, (1958)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
160. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 20, (1959)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
161. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 21 (1960)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
162. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 22, (1961)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
163. Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu V (2007), *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị LLVT Quân khu V (1945-2000), tập 1, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân.
164. Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu V (2007), *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị LLVT Quân khu V (1945-2000), tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân.

165. Đảng ủy – Bộ Tư lệnh Quân khu V (1982), *Quân khu V – Thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ, tập 2*, Nxb Quân đội nhân dân.
166. Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định (1992), *Bình Định – Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định.
167. Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai (1993), *Gia Lai – 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)*, Nxb Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai.
168. Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum (1993), *Kon Tum - 30 năm chiến đấu kiên cường bất khuất (1945-1975)*, Nxb Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum.
169. Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận (2000), *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 1, thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
170. Đảng ủy – Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận (2000), *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
171. Nguyễn Mạnh Hà (2022), *Quá trình hoạch định đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng và một số bài học kinh nghiệm lãnh đạo chủ yếu (1930-1975)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
172. Bùi Thị Thu Hà (Chủ biên), *Phong trào Đồng khởi (1959-1960) trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb Công an Nhân dân.
173. Trần Quý Hai (1976), *Bàn về nghệ thuật chiến dịch quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội
174. Lê Mậu Hãn (chủ biên) (2014), *Lịch sử Việt Nam*, tập IV, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
175. Trịnh Thị Hồng Hạnh (2010), *“Đấu tranh chính trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)”*. Tạp chí Lịch sử Đảng số tháng 6-2010
176. Trần Hậu (2010), *Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam-Quá khứ và hiện tại* Nxb CTQG, Hà Nội

177. Phan Minh Hiền (2001), “*Đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở miền Nam Trung bộ những năm 1946 - 1948*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, (12).
178. Trần Thúy Hiền (2015), “*Căn cứ địa cách mạng ở Trung Trung Bộ trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*”. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Huế.
179. Nguyễn Quang Hòa (2015), “*Đảng bộ Liên khu V những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1956)*”. Tạp chí Lịch sử Đảng số 8/2015.
180. Nguyễn Quang Hòa (2017), *Vài nét về tình hình Đảng bộ Liên khu V (1956-1958)*. Tạp chí Lịch sử Đảng số 9/2017
181. Nguyễn Quang Hòa, (2023), “*Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Liên khu V từ năm 1949 đến năm 1961*”. Luận án Tiến sĩ khoa học lịch sử, HN.
182. Nguyễn Quang Hòa (2023), “*Khôi phục và phát triển tổ chức Đảng ở Liên khu V (1959-1961)*”, Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử, tại địa chỉ: <https://tapchilichsudang.vn/khoi-phuc-va-phat-trien-to-chuc-dang-o-lien-khu-v-1959-1961.html>. Phát hành 10:39 AM, ngày 21/04/2023.
183. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng (2005), *30 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
184. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I, Quyển 2 (1945-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2014.
185. Viện Lịch sử Đảng, Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến (1992), “*Nam Trung Bộ kháng chiến (1945-1975)*”, xuất bản.
186. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1999), *Phụ nữ Nam Trung Bộ trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước (1930-1975)*, Nxb Đà Nẵng.
187. Hồ Hải Hưng (2017), “*Đấu tranh quân sự ở Khánh Hòa trong kháng*

- chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)*”. Luận án Tiến sĩ lịch sử
188. Đoàn Thị Hương (2019), *Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương cục miền Nam (1945-1954)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
 189. Trần Thị Thu Hương và các tác giả (2006), *Đảng Cộng sản Việt Nam - Chặng đường qua hai thế kỷ (1930-2006)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 190. Vũ Thị Hương (2016), “*Đấu tranh chính trị của phụ nữ Liên khu V những năm 1954- 1960*”. Tạp chí Lịch sử Đảng số tháng 12-2016.
 191. Chu Đình Lộc (2011), *Căn cứ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở cực Nam Trung Bộ (1954 -1975)*, Luận án Tiến sĩ Sử học Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.
 192. Trần Quốc Long (1994), *Đảng lãnh đạo khởi nghĩa ở miền Tây các tỉnh đồng bằng Khu V (1959-1960)*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học lịch sử.
 193. Trần Quốc Long (1994), “*Mấy suy nghĩ về sự chỉ đạo của Đảng bộ Khu V, thời kỳ 1954-1960*”. Tạp chí Lịch sử Đảng, (2), tr. 34-38.
 194. Nguyễn Duy Luân (chủ biên) – Nguyễn Văn Thường, Lê Xuân Đồng, Nguyễn Văn Viễn (2013), *Lịch sử căn cứ địa cách mạng tỉnh Phú Yên trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
 195. Lucien Bodard (2004), *Cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 196. Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư (1981), “*Tìm hiểu phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam*”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
 197. Cao Văn Lượng (Chủ biên) (1995), “*Lịch sử Việt Nam 1954 – 1965*”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
 198. Henri Navarre (2004), *Đông Dương hấp hối*, (Phan Thanh Toàn dịch), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
 199. Robert Strange McNamara (1995), “*Nhìn lại quá khứ - tấn thảm kịch và những bài học kinh nghiệm về Việt Nam*”, Nxb Random House
 200. Michael Maclear (1990), “*Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*”, Nxb Sự thật, Hà Nội.

201. Nguyễn Văn Minh (1988), “*Về khởi nghĩa từng phần ở miền núi Khu V năm 1959*”, Tạp chí Lịch sử Đảng tháng 1-1988, tr. 36-42
202. Hồ Chí Minh *biên niên tiểu sử (1991), tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
203. Hồ Chí Minh (1970), *Vì độc lập, tự do - vì Chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật Hà Nội.
204. Hồ Chí Minh (1970b), *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
205. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5 (1947-1948)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
206. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 6 (1949-1950)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
207. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 7 (1951-1952)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
208. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 8 (1953-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
209. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 9 (1954-1955)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
210. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 10 (1955-1957)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
211. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 11 (1957-1958)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
212. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 12 (1959-1960)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
213. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 13 (1961-1962)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
214. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 14 (1963-1965)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
215. Đỗ Mười (2015), *Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, phấn đấu mãi xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân, đưa đất nước bước vào*

- thời kỳ phát triển mới. Tạp chí Cộn sản, số 2-1995.*
216. Nguyễn Văn Nhật (2004), *Tinh sáng tạo và tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi – Từ khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi tháng 3-1975*”, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 8 (339) 2004.
 217. Stanley Karnow (1997), *“Việt Nam - một thiên lịch sử”*, Nxb Penguin Books.
 218. Gi.A. Amtơ (1985), *Lời phán quyết về Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 219. Trần Văn Giáp (2011), *“Căn cứ Nước là – Mật khu Đổ Xứ”*, Tạp chí Lịch sử quân sự, tháng 8-2011, tr. 34-36.
 220. Võ Nguyên Giáp (1974), *Bài giảng về đường lối quân sự của Đảng*, Viện khoa học Quân sự, Hà Nội.
 221. Võ Nguyên Giáp, *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, tập 1 (1974), tập 2 (1975), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội
 222. Võ Nguyên Giáp (1995), *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb Quân đội nhân dân – Nxb Thanh niên, Hà Nội.
 223. Võ Nguyên Giáp (2006), *Tổng tập luận văn*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội
 224. Võ Nguyên Giáp (1977), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội.
 225. Võ Nguyên Giáp (1998), *Điện Biên Phủ*, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
 226. Pierre Quatreponit (2008), *Sự mù quáng của tướng Đờ Gôn đối với cuộc chiến ở Đông Dương*” (Đặng Văn Việt dịch), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 227. Pierre Journoud (2019), *De Gaulle và Việt Nam (1945-1969)*, hồi ký (Lê Hồng Phấn, Hoàng Thị Hằng dịch), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
 228. Đặng Phong (2005), *“Lịch sử kinh tế Việt Nam (1945-2000)”*, tập I (1945- 1954), tập II (1955- 1975), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
 229. Nguyễn Trọng Phúc (2012), *Lịch sử công tác xây dựng Đảng (1930 - 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

230. *Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh 30 năm (1954-1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình, 1988
231. *Quân khu 5 - Thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ*, tập I, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1981
232. *Quân khu 5 - Thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ*, tập II, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1982.
233. Phạm Xuân Sinh (2015), *Căn cứ địa ở Nam Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Đại học Huế.
234. Hoàng Minh Thảo (2007), *Bàn về nghệ thuật quân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
235. Võ Thị Thanh Thảo (1999), *Đảng lãnh đạo xây dựng lực lượng cách mạng tại miền Nam Việt Nam(1954-1960)*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Hà Nội.
236. Thái Văn Thơ (2020), *Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi ở Nam Bộ (1954 – 1960)*”. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh.
237. Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1995), *Lịch sử Khu 6 (cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên) kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
238. Trần Văn Trà (2005), *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội
239. Nguyễn Hữu Tri (2005), *Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2000)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
240. Ngô Đăng Tri (2001), *80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
241. Nguyễn Duy Trinh (1954), *Báo cáo của đồng chí Nguyễn Duy Trinh gửi Trung ương về một số việc khi vào Liên khu V*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ - Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 248.
242. *Nguyễn Duy Trinh - Tiểu sử*”(2019), Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội
243. Nguyễn Duy Trinh (2020), *Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và*

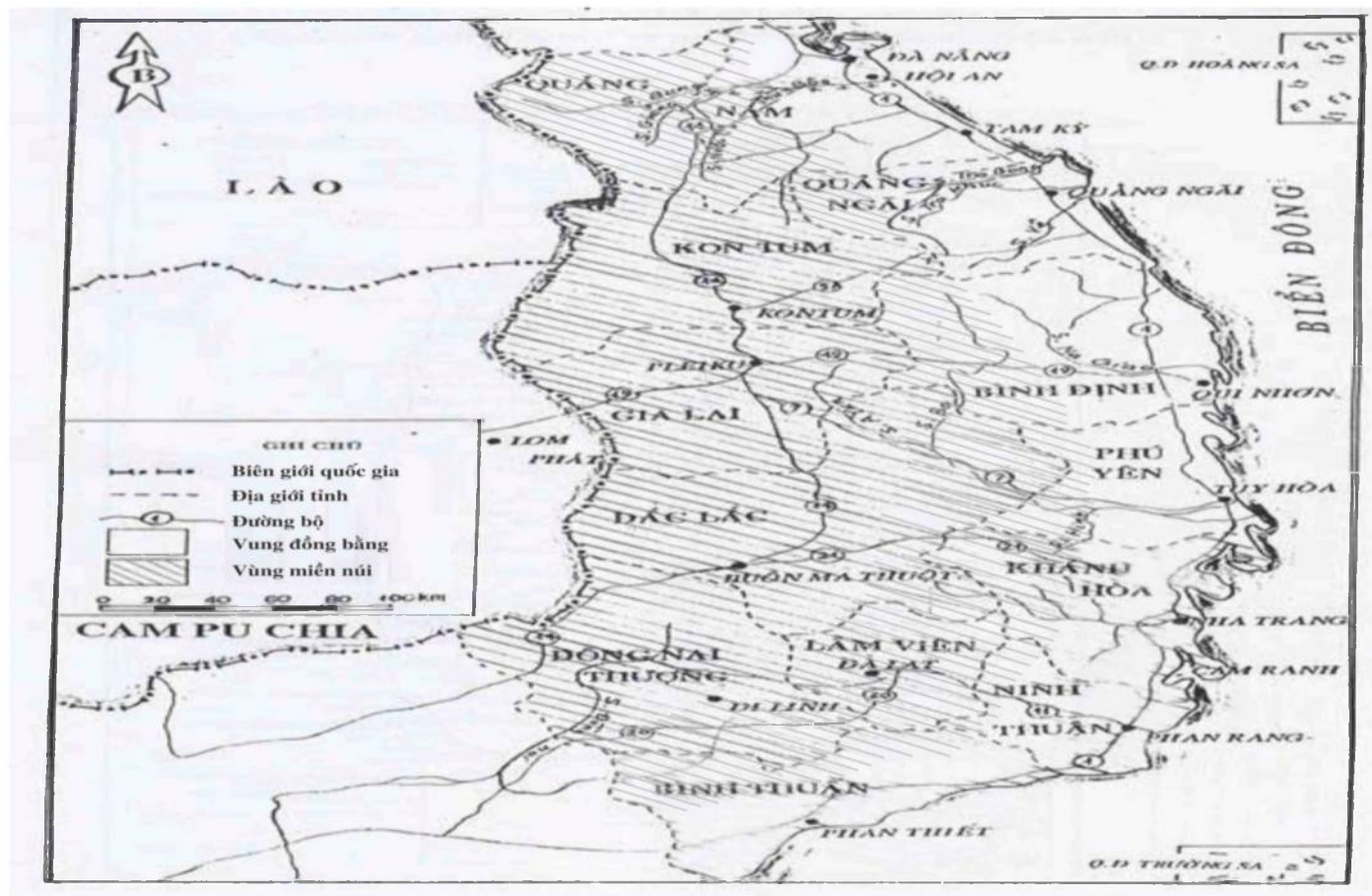
- cách mạng Việt Nam*” (2020), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
244. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 2 (1954 -1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 245. Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Lịch sử xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 246. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1997), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945- 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 247. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1997), *Lịch sử chiến thuật phục kích (1945-1975)*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 248. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập I, Nguyên nhân chiến tranh, Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
 249. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1999), *Một số kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh nhân dân địa phương ở Khu 5 trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 250. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 251. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 252. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ 1945-1975*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội
 253. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1999), *Mấy vấn đề chỉ đạo chiến lược trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 254. V.I. Lênin *Toàn tập* (2005), Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 255. V.I. Lênin *Toàn tập* (2005), Tập 17, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- 256. V.I. Lênin *Toàn tập* (2005), Tập 34, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 257. V.I. Lênin *Toàn tập* (2005), Tập 35, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội..
- 258. V.I.Lênin *Toàn tập* (2005). Tập 38, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 259. V.I.Lênin *Toàn tập* (2005). Tập 41, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

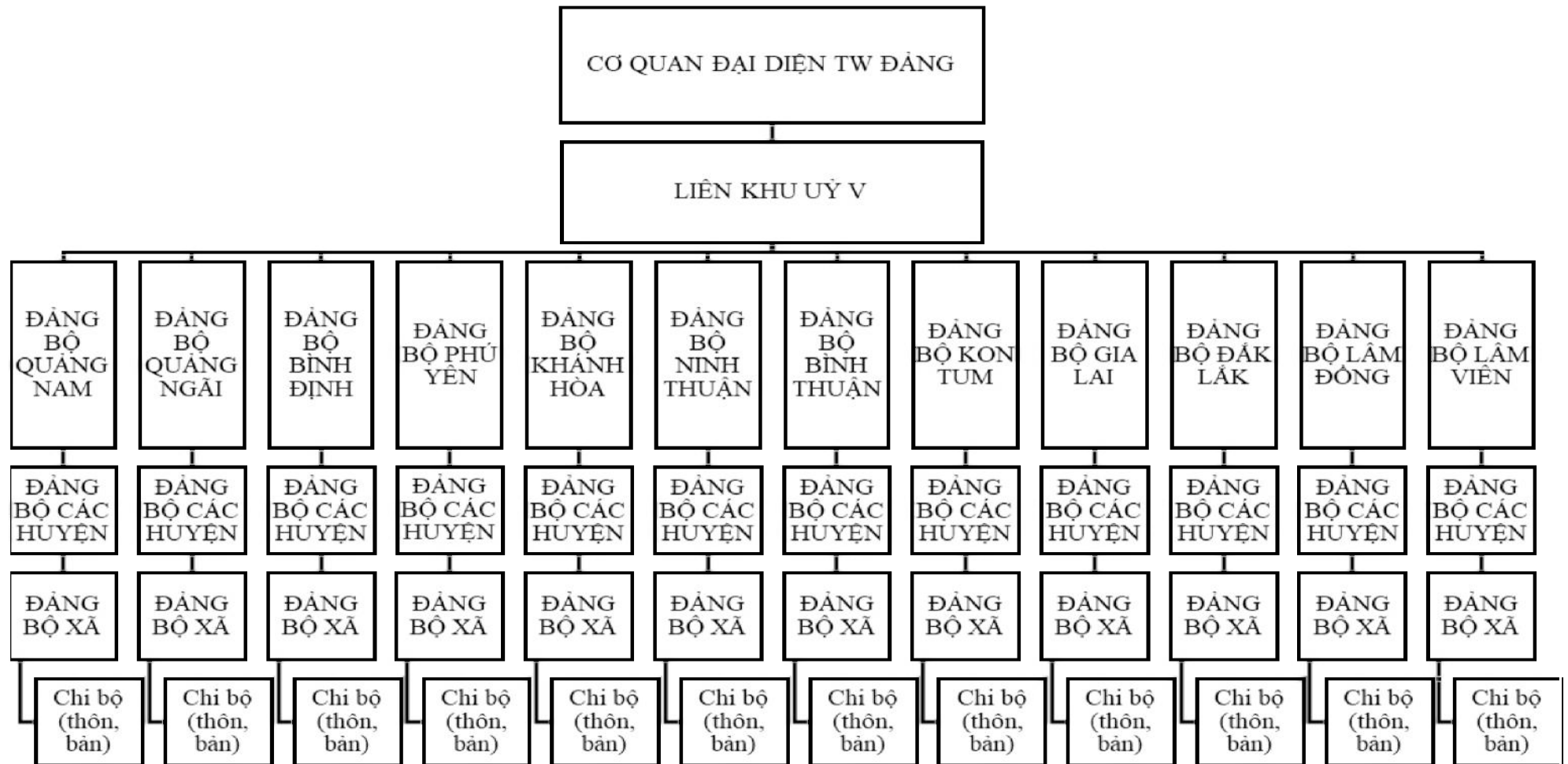
PHỤ LỤC

Phụ lục 1

SƠ ĐỒ VÙNG MIỀN NÚI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1949-1961)



Phụ lục 2
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC TỈNH NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN
 (1949-1961)



Phụ lục 3

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ, LIÊN KHU UỶ V GIAI ĐOẠN 1949 – 1961

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ

1	Đồng chí Nguyễn Duy Trinh	3/1949 – 8/1951
2	Đồng chí Nguyễn Chánh	8/1951 – 9/1954
3	Đồng Chí Trương Quang Giao	9/1954 – 3/1955
4	Đồng chí Trần Lương (Trần Nam Trung)	3/1955 – 5/1958
5	Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn)	5/1958 – 6/1961

CÁC ĐỒNG CHÍ LIÊN KHU UỶ V GIAI ĐOẠN 1949 - 1951

1	Đồng chí Nguyễn Duy Trinh
2	Đồng chí Bùi San
3	Đồng Chí Trương Quang Giao
4	Đồng chí Trần Lê
5	Đồng chí Huỳnh Ngọc Huệ
6	Đồng chí Nguyễn Côn
7	Đồng chí Ngô Đức Đệ
8	Đồng chí Nguyễn Văn Minh
9	Đồng chí Trần Lương
10	Đồng chí Nguyễn Chánh
11	Đồng chí Nguyễn Đức Dương
12	Đồng chí Trần Quỳnh

1 3	Đồng chí Trịnh Huy Quang
1 4	Đồng chí Nguyễn Văn Chi
1 5	Đồng chí Trần Tổng
1 6	Đồng chí Nguyễn Quyết

CÁC ĐỒNG CHÍ LIÊN KHU ỦY V GIAI ĐOẠN 1951 - 1954

* Ủy viên chính thức

1	Đồng chí Nguyễn Chánh
2	Đồng chí Bùi San
3	Đồng chí Nguyễn Văn Minh
4	Đồng chí Ngô Đức Đệ
5	Đồng chí Nguyễn Côn
6	Đồng chí Nguyễn Đức Dương
7	Đồng Chí Trương Quang Giao
8	Đồng chí Trần Lương
9	Đồng chí Trần Tổng
10	Đồng chí Trần Quỳnh
11	Đồng chí Nguyễn Đôn
12	Đồng chí Trương Quang Tuân
13	Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu
14	Đồng chí Võ Toàn
15	Đồng chí Trịnh Quang Huy

16	Đồng chí Nguyễn Chánh Giao
17	Đồng chí Trần Lê
18	Đồng chí Trần Lung
19	Đồng chí Nguyễn Công Phương
20	Đồng chí Trương Chí Cương
21	Đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ
22	Đồng chí Nguyễn Quyết

** Ủy viên dự khuyết:*

1	Đồng chí Huỳnh Lắm
2	Đồng chí Trần Đình Tri
3	Đồng chí Nguyễn Nền
4	Đồng chí Trần Minh Vỹ

CÁC ĐỒNG CHÍ LIÊN KHU ỦY GIAI ĐOẠN 1954 - 1961

1	Đồng Chí Trương Quang Giao
2	Đồng chí Trần Lung
3	Đồng chí Ngô Đức Đệ
4	Đồng chí Võ Toàn
5	Đồng Chí Trần Lê
6	Đồng chí Trương Chí Cương
7	Đồng chí Huỳnh Lắm
8	Đồng chí Trương Quang Tuân

9	Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu
---	--------------------------

* Tháng 4 năm 1955, tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế trực thuộc Liên khu, Liên khu ủy V chỉ định bổ sung đồng chí Nguyễn Hùng và Lê Minh vào Liên khu ủy V



Đồng chí Phạm Văn Đồng

**Đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại
Nam Trung Bộ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1947 – 1949)**



Đồng chí Nguyễn Duy Trinh
Bí thư Liên Khu ủy V (1949-1951)



**Đồng chí Nguyễn Chánh - Ủy viên Trung ương Đảng,
Bí thư Liên khu ủy, Chính ủy Bộ Tư lệnh Liên khu V (1951 – 1954)**



**Đồng chí Trương Quang Giao – Bí thư Liên khu ủy V
(9/1954 – 3/1955)**



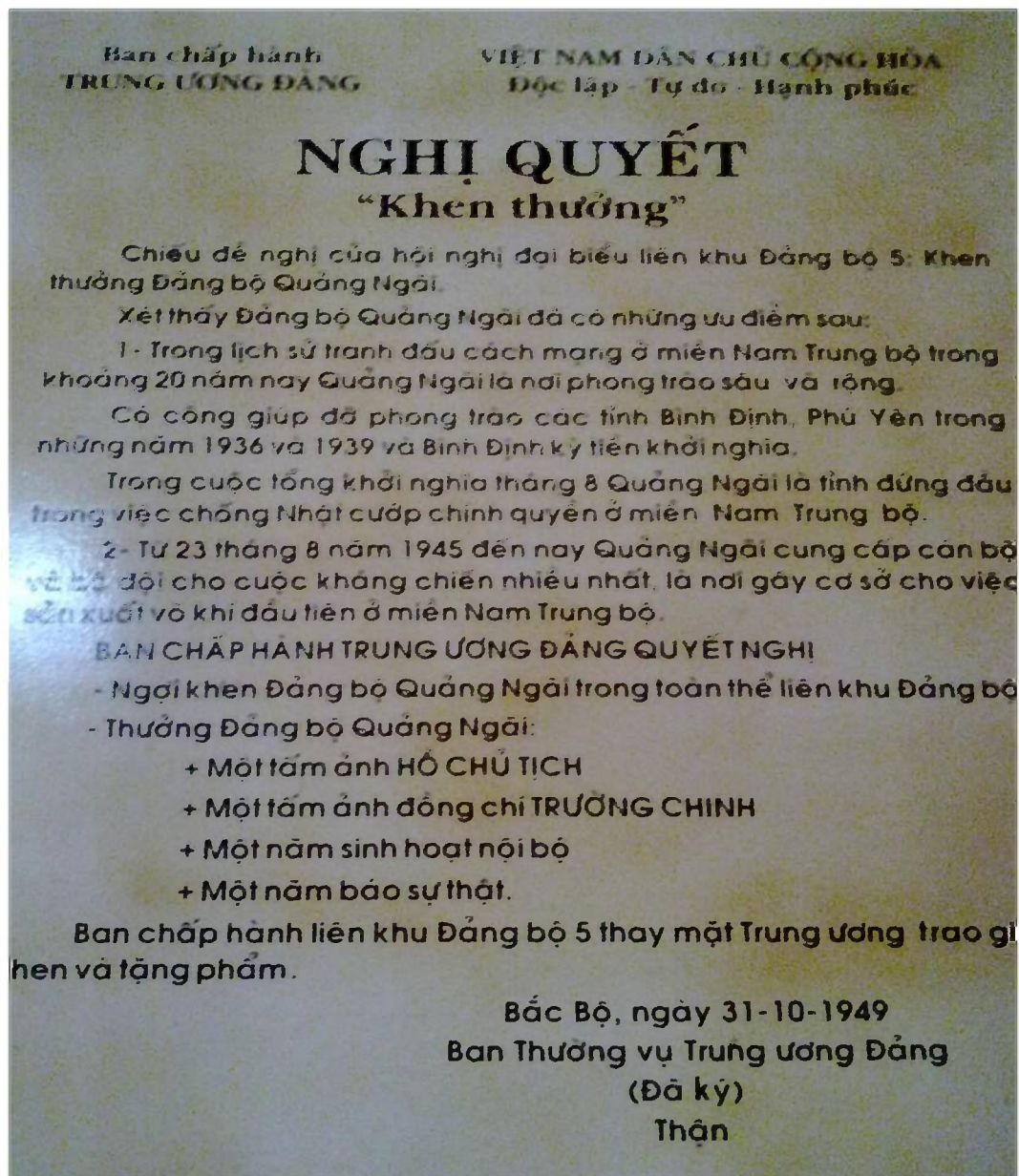
**Đồng chí Trần Lương (Trần Nam Trung - Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng,
Bí thư Liên khu ủy V (tháng 3-1955 – 5/1958)**



**Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) - Bí thư Liên khu ủy V
(5/1958 – 6/1961)**

Phụ lục 4

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN Ở VÙNG MIỀN TÂY NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1949-1961)



Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khen thưởng
Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, năm 1949

Thân ái gửi lớp chính đảng L.k. 5

niên

月

日星期

晴陰雨

溫度

Cửa khố chôn cất ta bắt đầu thay lời,
sông phù trường kỷ và gần Khố

Mục tiêu chính đảng là để quần chúng
cần lợi, mới là để viên thành nghị chiến
đi triết đã từng thấy trong lòng đảng là
ng. đây là của nhân dân. Vay

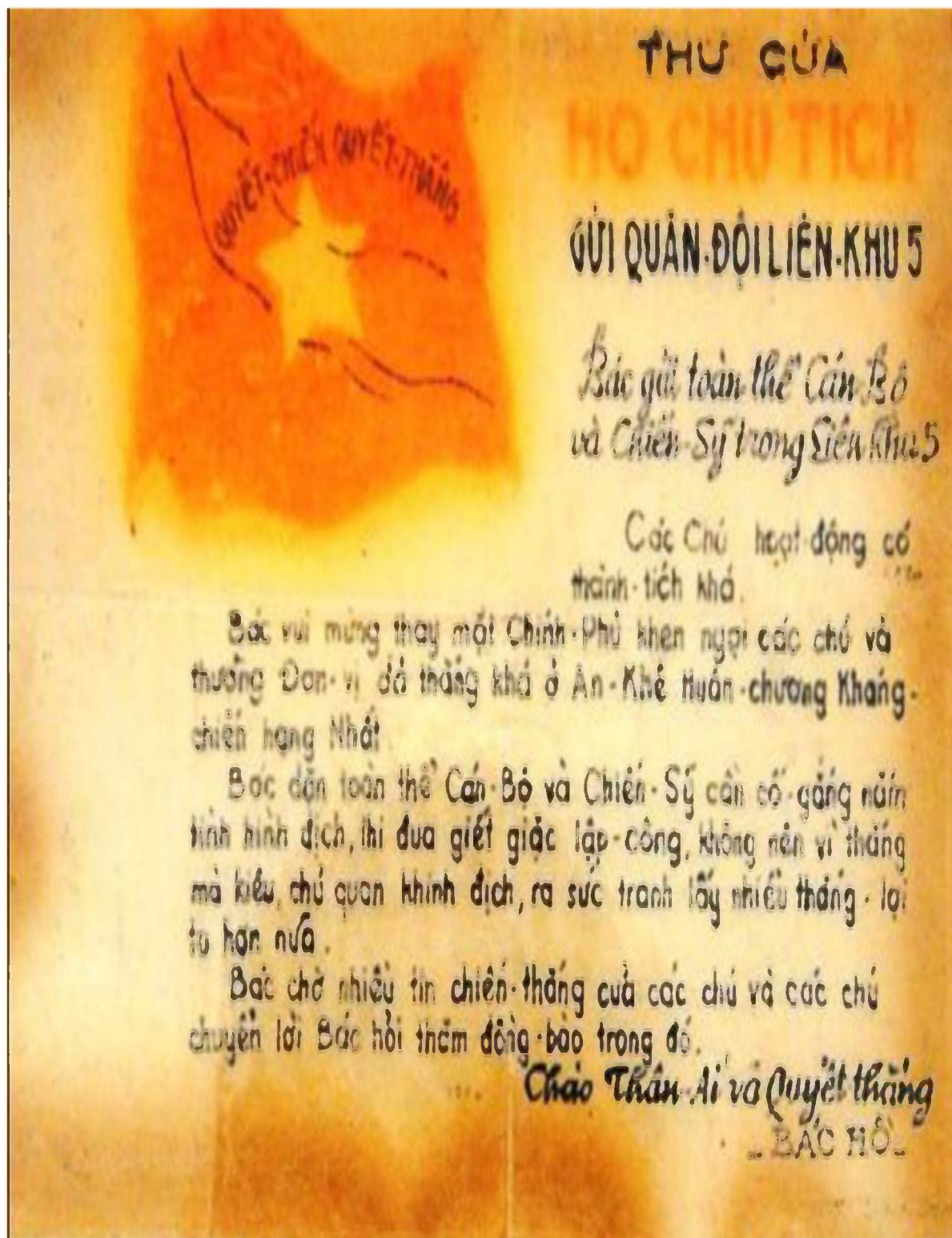
= Lợi trường tại cấp độ cao là xây dựng
= ~~Thước~~ Thước kẻ để chỉ lối đi của
đảng và cuối cùng, bỏ theo đường
lối quân chủ trị mọi việc.

= Thước kẻ để chỉ bệnh quan liêu, hình
thức thối nát, long đản

= Phải thật sự thi hành chủ trương
về ngoại và tự quân chủ.

= Phải thật sự thi hành chủ trương
học tập chủ nghĩa Mac-Lenin và
thực hành chủ nghĩa xã hội của đảng.
Đến lúc nào thì bắt đầu.

Bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh
Thư gửi lớp chính Đảng Liên khu (1953)



Thư khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Liên khu V sau chiến thắng ĐắkPơ
được ví như “Điện Biên Phủ” của Liên khu 5) năm 1954.



Bức ảnh Bác Hồ gửi tặng Đảng bộ và Nhân dân miền Tây và
Tây Nguyên sau chiến thắng Đắk Pơ



Các đoàn đại biểu, các tổ chức Đảng về dự Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ Liên khu V
(tháng 4 năm 1949) tại huyện Sơn Tịnh (nay Phường Trương Quang Trọng),
tỉnh Quảng Ngãi



Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần thứ hai (năm 1951) tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định (nay xã An Lão, tỉnh Gia Lai)



Trụ sở UBKCHC miền Nam Trung Bộ, tại huyện Nghĩa Hành (nay xã Nghĩa Hành), Tỉnh Quảng Ngãi



Khu Di tích lưu niệm Ban Tài mậu Khu V được xây dựng tại huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. Ảnh tư liệu.



Đồng chí Võ Chí Công (phải) trong thời gian làm việc tại Khu ủy Khu V.

Ảnh tư liệu. TTXVN



**Đồng chí Võ Chí Công (phải) trong thời gian ở chiến trường khu V.
Ảnh tư liệu**



**Đồng chí Võ Chí Công đề xuất và góp ý với Trung ương
tại Hội nghị Trung ương 15 (1959)**



Nữ vệ quốc đoàn Quảng Ngãi



Xưởng quân giới của các chiến sĩ rèn đúc vũ khí ở xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành, (nay xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi)



Căn cứ địa trong kháng chiến chống Pháp của người Cor (Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi)



**Bia di tích Quân tình nguyện Việt – Lào
tại Nghĩa Hành, Quảng Ngãi (3/2010)**



**Các cựu chiến binh về thăm lại cơ quan Tỉnh ủy Phú Yên
(xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa)**



Đoàn cán bộ Phụ nữ Cứu quốc Bình Định dự khóa huấn luyện cán bộ Phụ nữ.



Đội nữ cung cấp vật liệu làm chông hầm chiến đấu



Khu di tích Nước Là – căn cứ Liên khu V và Ban quân sự Khu V



Đoàn xe thuộc Binh đoàn cơ động số 100 (GM100) của thực dân Pháp bị Liên khu V tiêu diệt trong trận Đắk Pơ - Chiến dịch Bắc Tây Nguyên (năm 1954).



Bị tấn công dữ dội, quân Pháp ở căn cứ An Khê (Gia Lai), trên Đường 19, ra đầu hàng.

Phụ Lục 5
BÁO CÁO
TÌNH HÌNH LIÊN KHU V NĂM 1958
(trích)

E. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VÀ KHÓ KHĂN THUẬN LỢI
CỦA LIÊN KHU

1. *Đặc điểm: Liên khu V có nhiều vùng có tính chất khác nhau. Tây Nguyên chiếm 2/3 đất đai, địa thế hiểm trở. Đồng bằng hẹp và dài, trước đây phần lớn là vùng tự do và vùng du kích. Thành phố nhỏ hẹp.*

1. *Tính chất từng vùng khác nhau:*

a) *Tây Nguyên kể cả các vùng thiểu số miền Tây các tỉnh có nhiều khả năng nhân vật lực, địa thế tốt là một vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất ở miền Nam. Mỹ Diệm đang xúc tiến mạnh việc xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ quân sự để phòng thủ, đàn áp cách mạng ở miền Nam và để chuẩn bị tấn công ra Bắc.*

Đối với ta, trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, xây dựng được Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng vững chắc là có chỗ dựa chính để phát triển phong trào cách mạng ở miền Nam, phá hậu phương và âm mưu tấn công ra Bắc của địch, đồng thời là nơi dự trữ lực lượng của ta để đánh Mỹ Diệm sau này.

b) *Khu vực giáp giới tuyến, nhất là Trị, Thiên, Nam, địch cố biến thành khu trắng để củng cố tiền tuyến, phòng thủ và tấn công, trước mắt là phá ảnh hưởng của ta ở Bắc vào, phá cách mạng ở đây, tạo thế phá hoại miền Bắc nhất là bằng hành động gián điệp. Do đó, địch tập trung lực lượng cao hơn, đánh phá, khủng bố ác liệt để tiêu diệt lực lượng cách mạng.*

Đối với ta, khu vực này trở thành quan trọng vì ảnh hưởng ở Bắc vào gây thêm tin tưởng, phấn khởi trong Đảng và quần chúng là đầu mối quan hệ Bắc – Nam nhiều mặt; sự chỉ đạo và giúp đỡ trực tiếp của Trung ương đối với Liên khu V và cả Nam bộ là vấn đề quan trọng.

c) *vùng đồng bằng hẹp và dài, địch dễ kiểm soát, bưng bít việc đi lại của ta khó khăn, chỉ đạo chậm chạp và dè dút.*

Thành phố nhỏ có tính chất quân sự, không có tính chất chính trị lớn như Sài Gòn, công nhân không tập trung, tiểu tư sản là chủ yếu. Do đó, thành phố không dẫn đầu phong trào ở nông thôn được.

Trong kháng chiến phần lớn lại là vùng tự do và du kích, lực lượng cách mạng được xây dựng dưới ưu thế chính quyền của ta và qua quá trình đấu tranh chống đế quốc và đấu tranh giai cấp cho nên lực lượng cách mạng đã công khai hóa, hầu hết đều bộc lộ, địch thấy sẵn mục tiêu để đánh phá.

2. Phong trào cách mạng có truyền thống

Trước cách mạng tháng Tám, tuy phong trào không đều nhưng từ Bình Thuận đến Quảng Trị tỉnh nào cũng có phong trào, mạnh nhất là từ Quảng Ngãi trở ra. Khắp các vùng thiểu số đều có truyền thống chống Pháp lâu đời trong kháng chiến cũng như trong đấu tranh chính trị, quần chúng được giác ngộ cao, thử thách nhiều và đã qua đấu tranh giành quyền lợi ruộng đất nên có ý thức giác ngộ giai cấp rõ ràng.

Một lực lượng cách mạng đáng chú ý là: đảng viên cũ (250.000 trong kháng chiến), trung kiên cũ, gia đình tập kết rất đông, đại đa số giác ngộ khá, trung thành với cách mạng. Nhân dân thượng du hầu hết ta nắm. Thành phố có bổ sung một lực lượng mới là đảng viên, cơ sở ở nông thôn bị khủng bố chạy đến.

3. Địch khủng bố, đàn áp ác liệt, triền miên

Lực lượng phản động tập trung ở Liên khu nhiều, nhất là từ Quảng Ngãi trở ra. Việc cai trị của địch ở đây còn giữ tính chất phong kiến của bọn quan lại và cường hào cũ, cộng với chính sách phát xít mới. Cho nên khủng bố và đàn áp ở Liên khu V có tính chất ác liệt, triền miên, bất chấp luật lệ và dư luận.

4. Sự chỉ đạo của ta từ đầu đến nay bị nhiều sai lầm, hữu khuynh, bị động. Do đó, tuy địch yếu nhưng lại lấn thế, quần chúng giác ngộ cao nhưng bị bó tay thất thế, lực lượng Đảng tuy mạnh nhưng bị tổn thất, nhất là tan rã về tổ chức.

Mặt khác, Liên khu V gần miền Bắc, có chỗ dựa ở Tây Nguyên, phong trào cách mạng căn bản còn vững, nếu sửa được những sai lầm cũ và chỉ đạo

sắp đến đúng thì sẽ gây cho địch nhiều khó khăn, ta sẽ giành được chủ động và phát triển phong trào có nhiều thuận lợi.

II. KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI

1. Khó khăn:

Khó khăn chính là tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân chưa thông đường lối đấu tranh chính trị, bi quan, thiếu tin tưởng, ngại lâu dài, đã nhiều lần giải quyết vẫn không được. Phương châm và phương thức công tác của cán bộ, đảng viên vẫn lúng túng mãi. Mặt khác, tình hình thực tế khách quan có những khó khăn lớn như đã nói ở phần đặc điểm.

Do đó, đề ra nhiều khó khăn cụ thể khác: Phong trào liên tiếp bị địch tấn công mạnh, chỉ đạo bị động suốt từ trước đến nay, không sát, không cụ thể, chậm chạp, quan hệ giữa Đảng kể cả chi bộ với quần chúng rất ít cán bộ sống hợp pháp, đào tạo rất khó, cán bộ thoát ly bất hợp pháp ngày càng tăng thêm, mòn mỏi dần về thể xác và tinh thần, tổ chức chi bộ và quần chúng dè dặt, quyền lợi của quần chúng mất nhiều, nâng dần phong trào đấu tranh lên khó khăn.

2. Nhưng có nhiều thuận lợi căn bản

- Ảnh hưởng của Đảng ăn sâu trong quần chúng bao gồm nhiều mặt: ảnh hưởng của cả quá trình hoạt động cách mạng từ trước, nhất là trong kháng chiến, tinh thần hy sinh phấn đấu, chịu đựng gian khổ của cán bộ, đảng viên miền Nam với sự nghiệp thống nhất nước nhà; ảnh hưởng to lớn của miền Bắc và phe ta. Do đó, quần chúng một lòng tin tưởng theo Đảng, nhận rõ vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh hiện nay, nhất định Đảng sẽ đem lại quyền lợi cho họ, nên quần chúng luôn có ý thức bảo vệ Đảng.

- Trình độ giác ngộ của quần chúng Kinh cũng như Thượng khá cao, khối đoàn kết của quần chúng cơ bản và của các dân tộc thiểu số vững chắc, được giáo dục, rèn luyện nhiều. Do đó, khả năng dễ tranh thủ tầng lớp trên cũng có nhiều.

- Cán bộ mặc dầu có nhược điểm về tư tưởng, đường lối, phương châm, kinh nghiệm công tác nhưng tinh thần nói chung quyết tâm phấn đấu, tin tưởng thắng lợi cuối cùng, thấy được vinh dự của mình. Đảng viên và trung

kiên còn nhiều, trung thành và tích cực, đã được thử thách trong thực tế chiến đấu.

- Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh, hiện nay đại bộ phận còn do ta làm chủ, có điều kiện xây dựng thành căn cứ cách mạng.

- Có sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương, được Trung ương giúp đỡ nhiều về phương tiện hoạt động, khác hẳn với hồi hoạt động bí mật trước kia.

- Có miền Bắc làm chỗ dựa, phe ta mạnh, tình hình thế giới, nhất là tình hình Miên, Lào, Đông – Nam Á đang phát triển có lợi cho ta.

- Địch tuy hung bạo nhưng không phải mạnh và có nhiều mâu thuẫn phức tạp, sâu sắc cho nên ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn nêu sự chỉ đạo ta đúng, đặc biệt dùng mâu thuẫn của địch để củng cố và phát triển phong trào.

MÁY Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ CỦA LIÊN KHU ỦY

1. Về áp dụng đường lối

Áp dụng vào Liên khu V, căn bản là phải nắm vững đường lối đấu tranh chính trị bằng phương pháp hòa bình. Nhưng với tình hình của địch hiện nay, trình độ giác ngộ và nguyện vọng của quần chúng, dựa vào địa thế của Liên khu và khả năng chỉ đạo của ta, có thể dùng một bộ phận vũ trang và trên một chừng mực nào đó để gây khó khăn cho địch, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho đấu tranh chính trị.

a) Tây Nguyên và các vùng thiểu số các tỉnh

Tích cực xây dựng căn cứ cách mạng, có nhiều khu an toàn do ta làm chủ (như khu căn cứ du kích). Có thành phần đấu tranh vũ trang trên một chừng mực nhất định để bảo vệ cơ sở chính trị, giữ vững căn cứ.

b) Đồng bằng; Chỉ cần thiết mới dùng lực lượng vũ trang nhỏ như vũ trang tuyên truyền. Diệt những tên đại gian ác. Tổ chức tự vệ bí mật có tính chất quân sự, ở những nơi có điều kiện và cần thiết để bảo vệ cơ sở, cán bộ. Cán bộ thoát ly được vũ trang tự vệ.

Qua quá trình thực hiện, rút kinh nghiệm và xét thấy có điều kiện thì có thể phát triển nhưng hình thức mạnh hơn mà không gây ra một cuộc chiến tranh toàn diện và tổn thất cho nhân dân.

2. Về tổ chức

Trung ương có hỏi nên lập 2 Đảng hay để một Đảng thống nhất (lý do đã có báo cáo), Khu ủy có báo cáo là để một Đảng thống nhất.

- Đảng bộ miền Nam cần công bố danh nghĩa để hiệu triệu đảng viên và quần chúng đấu tranh. Như thế Đảng ta sẽ tăng thêm uy tín, có tác dụng động viên quần chúng, đảng viên thêm tin tưởng, phấn khởi.

- Xúc tiến việc tổ chức Trung ương Cục ở miền Nam để thống nhất chỉ đạo phong trào miền Nam. Có 1 tổ chức ở phía Bắc đủ khả năng nghiên cứu và thiết thực giúp đỡ cho miền Nam, do một đồng chí Trung ương Cục chủ trì.

- Nên tách Tây Nguyên ra khỏi chỉ đạo của Liên khu ủy V, lập khu riêng do Trung ương Cục triệu tập chỉ đạo vì Tây Nguyên là một vị trí quan trọng và tính chất vận động cách mạng ở đây có khác đồng bằng (còn nghiên cứu thêm).

- Khu ủy V hiện đang thiếu cán bộ chỉ đạo; cần tăng cường. Xin Trung ương cho vào một số Khu ủy viên cũ như Giao, Cầu, Côn, Mô.

- Xin một số tiền miền Nam và súng đủ dùng.

2. Có một số đồng chí khu ủy đề nghị Trung ương cho biết hiện nay ở miền Nam, nếu có một cuộc võ trang cướp chính quyền của ta thì Mỹ có thể đưa quân đội của Mỹ hoặc của khối Đông Nam Á vào can thiệp hay không? chúng tôi thấy nhận định này có quan hệ đến đường lối đấu tranh. Đây chỉ nêu vấn đề, khi được gặp Trung ương chúng tôi xin trình bày cụ thể.

Nguồn: Cục Lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng - Phòng số 51, Mục lục 01, ĐVBQ 187

BÁO CÁO

TỔNG QUÁT VỀ TÌNH HÌNH LIÊN KHU V TỪ 1949 ĐẾN 1951

(Trích)

Nhìn chung sự phát triển và cố gắng cùng cố cũng đã làm cho Đảng có cơ sở ở hầu hết các ngành, các cấp, các địa phương. Phong trào phê bình và tự phê bình đã làm cho cán bộ được cải tạo một phần tư tưởng, bổ túc được một phần lý luận và công tác. Nhờ cuộc vận động này và tinh thần tích cực chiến đấu của toàn Đảng, Liên khu đã thi hành được một phần chính sách Đảng, thu được kết quả khá trong việc đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Nhưng còn phạm một số khuyết điểm về:

Tổ chức và lề lối làm việc chưa thích hợp

- Trải qua một thời gian củng cố vừa qua, thiếu kế hoạch chính trị hóa quy mô, hình thức quan liêu, người nhiều, đảm phụ nặng, công việc lại chậm chạp và kém năng suất.

- Cấp xã lại không được kiện toàn, ở xã vùng tạm bị chiếm cũng rập khuôn như xã vùng tự do và không chú trọng xây dựng các tiểu tổ quần chúng. Có hình thức mà kém chất lượng, không phù hợp với nhiệm vụ. Phạm vi xã lại quá rộng nên cán bộ xã lại thoát ly sinh sản khá nhiều và không sát dân, không sát đảng viên.

- Việc đơn giản huyện hấp tấp không sát thực tế nên cấp huyện yếu nhanh chóng. Tỉnh không sát được xã để xây dựng theo kịp làm cho công việc có phần trở ngại.

- Lề lối làm việc, tuy có tiến bộ về lãnh đạo tập thể đã đi đến có chương trình kế hoạch chung, nhưng phạm bệnh quan liêu nặng, không sát dân, chủ trương không thông suốt, hội nghị nhiều, giấy tờ nhiều việc làm được ít, cố gắng nhiều thành tích ít, khuyết điểm này đã làm trở ngại nhiều cho cán bộ công nông và cho việc cải tạo tư tưởng cho cán bộ tiểu tư sản và đào tạo cán bộ thượng du.

Nói chung, có chú ý nhiều về cải tiến lề lối làm việc nhưng tình hình tổ chức văn phòng chưa tiến hay chỉ có tiến về hình thức, nội dung còn nhiều khuyết điểm.

Một khó khăn nữa là hiện tình tổ chức ở cơ sở chưa được chỉnh đốn cho thích hợp với hoàn cảnh, trình độ của nhân dân và cán bộ (xã rộng, chi bộ quá đông, chưa có chế độ cấp phí mới, làm việc quan liêu chưa sát dân. Hiện đang nghiên cứu việc chia lại xã và chi bộ ở một số xã điển hình, thi hành chế độ Đảng ủy trong quân đội, giao chi bộ xí nghiệp cho các địa phương phụ trách.

Đảng lớn nhưng chưa mạnh, đông nhưng chưa gắn chặt với quần chúng

- *Đảng phát triển rộng, đảng viên có mặt ở các địa phương, ngành nhưng chất lượng đảng viên kém. Do chưa nhận định đúng chủ trương “Xây dựng Đảng thành một đảng quần chúng mạnh mẽ” nên đã hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, định mức thi đua phát triển cho nhiều, cho mau nên không theo đúng lề lối xét người trên lời nói, không xét việc làm, một phần kết nạp vì cảm tình, đối phó, v.v... Do lối kết nạp này mà số đông đảng viên chưa giác ngộ nhiệm vụ, chưa hiểu tôn chỉ, mục đích, của Đảng, thường kém kỷ luật, không hơn hội viên các đoàn thể ngoài Đảng, nhiều đảng viên không biết làm công tác dân vận trong tiểu tổ quần chúng, có một số đảng viên tích cực nhưng không có năng lực lãnh đạo, chỉ biết làm không biết giải thích, động viên, thúc đẩy đồng bào cùng làm và có một số vào Đảng vì danh lợi thì nay hóa tiêu cực, lơ là công việc và có ý muốn xin ra Đảng.*

- *Đảng không giáo dục kịp, cán bộ xa rời quần chúng, và không đi sát đảng viên, nên phần đông ít tiến bộ.*

Vấn đề đấu tranh tư tưởng giữa các ngành chính quyền và quân sự, giữa các tỉnh và các ngành, liên khu kém nên tư tưởng không thông suốt, nhiều khi có trở ngại cho sự phối hợp công tác.

- *Ở các cấp Đảng bộ hiện tượng khuyết điểm về quan điểm quần chúng, quan điểm giai cấp, quan điểm kháng chiến trường kỳ và ý thức tổ chức kém,*

nhẹ việc đấu tranh tư tưởng, thiếu kế hoạch và hướng dẫn chặt chẽ nên tư tưởng các ngành, các cấp không thông suốt. Cho nên chủ trương của Trung ương, chính sách của Đảng thì thấm nhuần tư tưởng, quan điểm quần chúng, quan điểm giai cấp luôn luôn tha thiết, đi sát vì quyền lợi của quần chúng mà số cán bộ ở giữa thì vì tư tưởng lệch lạc nên truyền đạt sai lầm, hướng dẫn không đúng, làm cho việc chỉ đạo của Trung ương không thông suốt đến quần chúng, làm cho quần chúng chịu thiệt thòi (vấn đề giảm tô, tổng động viên, Sơn Hà).

- Cuộc vận động phê bình và tự phê bình, các Hội nghị học tập kiểm thảo Thư Hồ Chủ tịch soi sáng các công tác trọng tâm đã tiến hành từ khu xuống tỉnh, xã, nhưng ở nhiều chi bộ, cán bộ kém liêm chính, thành khẩn tự phê bình và phê bình. Có nơi biết đưa ra phê bình kiểm thảo trước dân nên thu được kết quả khá.

Nói chung cuộc vận động phê bình và tự phê bình này là một cuộc vận động xây dựng Đảng có kết quả nhất từ trước đến nay. Đi đôi với việc phê bình và tự phê bình ta đã kịp thời trừng trị một vài vụ tham ô, hủ hóa, gián điệp điển hình để giáo dục chủ trương chính sách nhưng việc phát huy kết quả còn kém.

Chỉnh huấn

Cuối năm 1951, Liên khu và các ngành quân sự đã mở nhưng lớp học tập cải tạo tư tưởng theo phương pháp mới cho cán bộ (từ Tỉnh ủy viên đến Bí thư chi bộ và cán bộ cấp trung đội đến cấp đoàn) để giáo dục, học tập chính sách, quan điểm quần chúng, lập trường giai cấp, quan điểm kháng chiến trường kỳ, tự lực cánh sinh. Trong các lớp học tập này, cán bộ đã thành khẩn bộc lộ các bệnh trạng đã phát giác ra bằng hành động hoặc trong ý nghĩ: tinh thần cầu an, tiêu cực, kém gương mẫu, bất liêm bất chính, phổ biến nhất ở vùng tự do và các bệnh chủ quan khinh địch, thoát ly cơ sở, xa rời quần chúng, kém chịu

đựng gian khổ, có tư tưởng đầu hàng giặc phổ biến ở cán bộ hoạt động trong vùng tạm bị chiếm và du kích.

Nói chung, được khá nhiều kết quả nhưng chưa thật tương xứng với công của đã bỏ ra.

- Việc lãnh đạo tư tưởng trong công tác trước kia có chú ý giáo dục động viên nhận thức trước khi làm và có theo dõi tư tưởng trong các công việc lớn như: tổng động viên, giảm tô để giáo dục nhưng làm không đúng mức quan trọng, phương pháp, kinh nghiệm còn nghèo nàn.

Việc bảo vệ Đảng

Đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng chưa có kế hoạch cụ thể. Cán bộ vùng tạm bị chiếm tiêu hao không phải lúc đi công tác trong quần chúng mà thường bị giặc tiêu hao, bị úp, bị phục kích trong lúc đi đường, trong các cuộc hội nghị hoặc lúc làm việc ở cơ quan.

Ở vùng tự do, máy bay địch khủng bố, oanh tạc trúng đích và hiện tượng để tài liệu bí mật mất mát vẫn còn nhiều.

Ngoài ra mấy vụ tay sai địch chui vào nội bộ Đảng (chi ủy xã Kamack – Bình Định) và một vụ ở Phú Yên vẫn chưa được giải quyết đầy đủ.

Vấn đề cán bộ

- Cán bộ địa phương chưa đóng vai trò chủ trì trong các cơ quan lãnh đạo Đảng. Các cấp ủy từ Nam, Ngãi, Bình Phú, các nơi khác đều do cán bộ ngoài đến chủ trì. Các vùng địch hậu, Tây Nguyên, Hạ Lào, Đông Miên do cán bộ Việt Nam chủ chốt, cán bộ địa phương trưởng thành chậm, tuy có đặt vấn đề đào tạo cán bộ địa phương nhưng các nơi chưa thật chú ý.

- Nhu cầu cán bộ địa phương nhiều nhưng nguồn bổ sung chỉ trông phần lớn vào cán bộ vùng tự do, nên nạn thiếu cán bộ là một khủng hoảng thường xuyên của Đảng bộ, ngoài ra còn khó khăn nữa là cán bộ đưa đi công tác thì chưa quen tiếng tăm, phong tục.

- Thành phần cán bộ đa số là tiểu tư sản (76%) trong chuyên môn, chính quyền; nhất là quân sự thì thành phần này càng đông, tư tưởng đảng

lại chưa vững. Trình độ cán bộ tiến chậm nên cũng ảnh hưởng nhiều đến việc thi hành chủ trương chính sách của Đảng.

Trong Đảng bộ Liên khu có ưu điểm là đã:

- a) *Đào tạo được một số cán bộ để cung ứng cho phong trào và các vùng chiến lược*
- b) *Việc sử dụng, điều động đã dần dần có nề nếp, đã điều chỉnh được cán bộ chủ trì các tỉnh, các ngành và vấn đề trợ cấp cho cán bộ cũng đã có quy củ hơn.*

Đồng thời chính sách cán bộ cũng phạm những khuyết điểm:

- a) *Chưa đứng trên lập trường giai cấp để chọn lựa, đề bạt, đào tạo cán bộ mà thiên lệch về trình độ văn hóa, lanh lợi, hoạt bát (nặng nhất là năm 1950). Nhẹ về rèn luyện tư tưởng cán bộ lớp trên mà nặng về đảng viên.*
- b) *Việc đào tạo không nhịp nhàng với bồi dưỡng những cán bộ đã có*
Nhược điểm là cán bộ đa số là tiểu tư sản nhưng chưa có kế hoạch giáo dục đúng lắm.

Tóm lại: Việc rèn luyện tư tưởng, chỉnh đốn tổ chức và phương pháp lãnh đạo đã bắt đầu nhưng chỉ mới ở cấp trên, chưa thấm và tác động đến cơ sở.

Một nhược điểm lớn của Liên khu đang ra sức khắc phục và cán bộ tin tưởng sẽ khắc phục được là nhờ sự chủ ý moi của Trung ương và kinh nghiệm về việc củng cố Đảng nhưng cũng phải qua một thời kỳ lâu dài.

Nguồn: Cục Lưu trữ, Văn Phòng Trung ương Đảng Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 175